BỘ 2 • SỐ 20 • THÁNG MƯỜI HAI. 1990

THẾ KỶ 21

CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

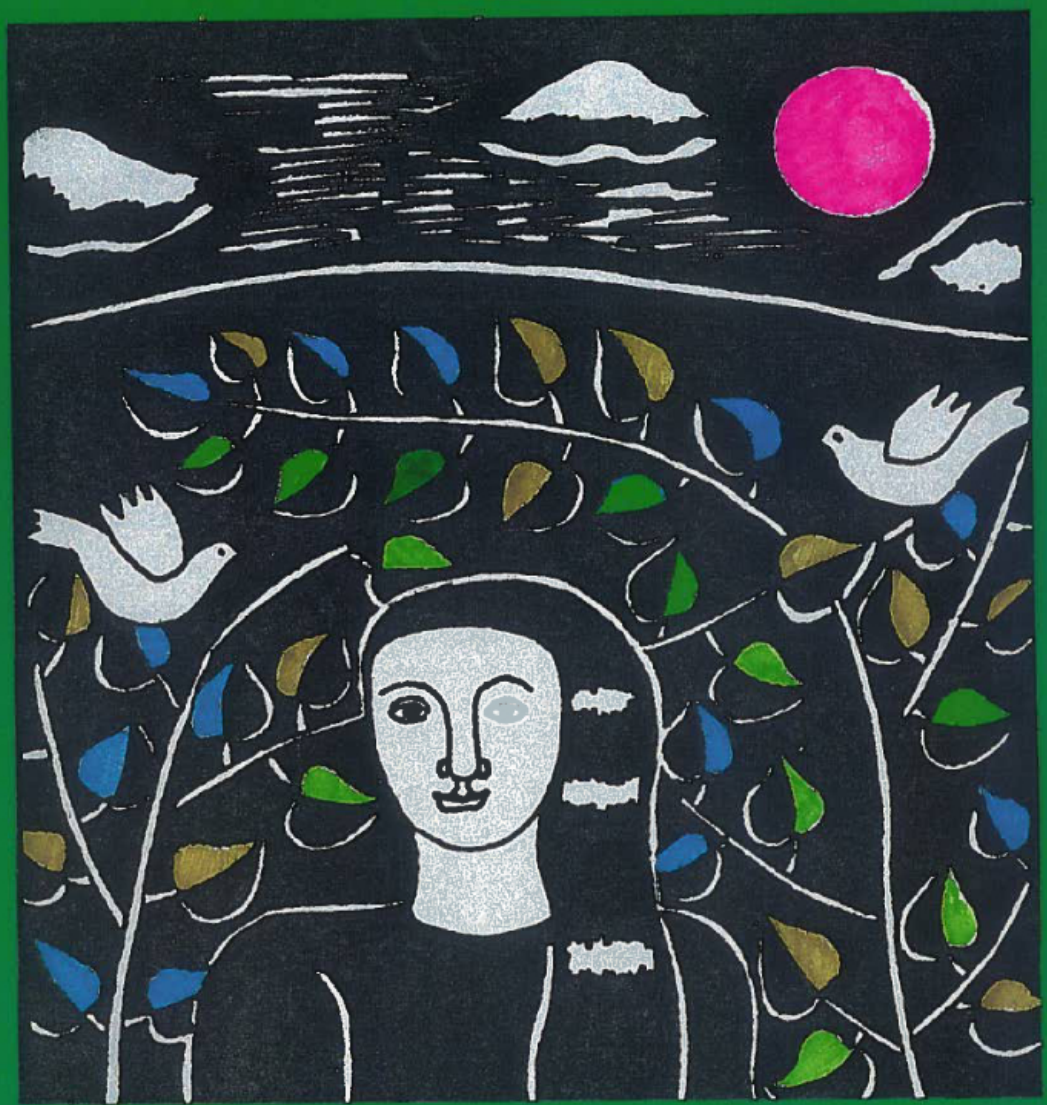

Thử đề nghị một phương pháp giảng dạy Việt ngữ trong các học đường

BỬU KHẢI

Truyện của các nhà văn trẻ

LITTLE SAIGON

SUPERMARKET

小西貢超級市場

ĐANG ĐƯỢC ĐỒNG HƯƠNG ỦNG HỘ MẠNH NHẤT!

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT!

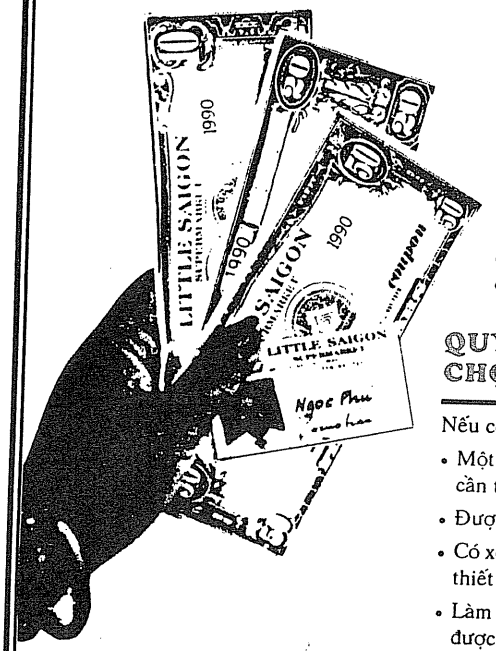

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt cá rau tươi NHẤT
- Đầy đủ các hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người thích NHẤT

QUÝ VỊ ĐÃ CÓ THẺ MEMBERSHIP CỦA CHỢ LITTLE SAIGON CHƯA?

Nếu có, thì quý vị được hưởng những quyền lợi sau đây:

- Một khi Cash/Check hay trả tiền bằng Ngân phiếu, quý vị khỏi cần trình bằng lái xe hay thẻ Tín dụng.
- Được hưởng Coupons các loại hàng giá hạ, gởi tận nhà.
- Có xổ số mỗi tuần dành cho các Hội viên, với các tặng phẩm thiết dụng và đáng giá.
- Làm thẻ hội viên miễn phí. Có thẻ hội viên, quý vị sẽ tiết kiệm được một số tiền không nhỏ cho việc chi tiêu, và được nhiều thích thú bất ngờ.

Open: 9:00 AM to 9:00 PM.
7 Days A Week

Mua tận gốc, bán tận ngọn • Quý vị được mua hàng với giá hạ nhất, chỉ có tại Chợ Little Saigon

100 NGƯỜI NÓI, 1.000 NGƯỜI TIN, 10.000 NGƯỜI ĐẾN

MỘT SIÊU THỊ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT TẠI HẢI NGOẠI

9822 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 ★ Tel: (714) 531-7272

design by Ngoc Phu

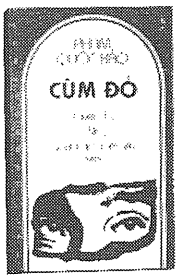

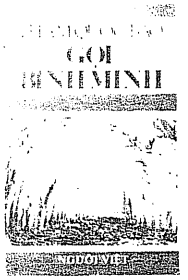

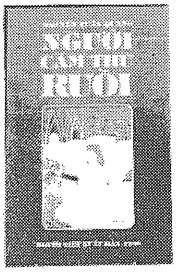

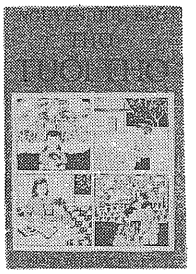

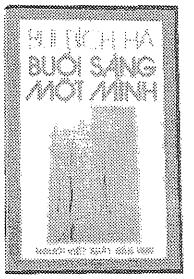

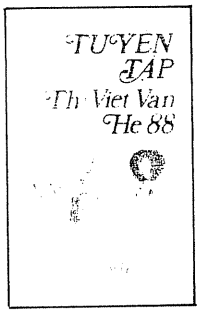

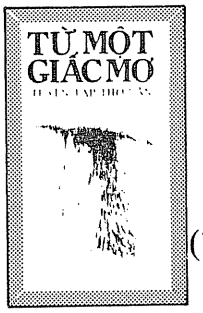

Nhà Xuất Bản
NGƯỜI VIỆT
14891 Moran Street
Westminster, CA 92683
(714) 892-9414 & 892-9316
Fax: (714) 894-1381

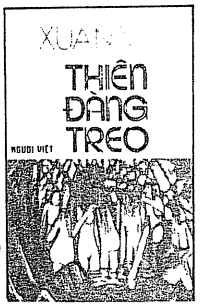

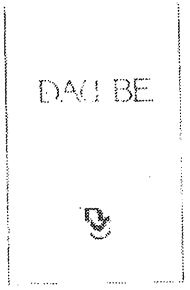

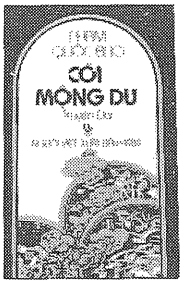

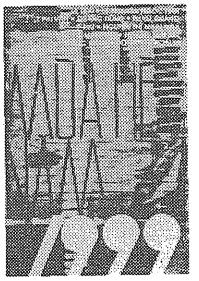

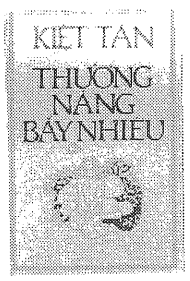

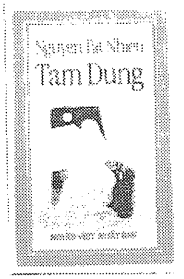

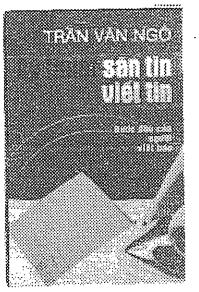

QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ KHẮP THẾ GIỚI CÓ THỂ MUA TẠP CHÍ THẾ KỶ 21 TẠI CÁC TIỆM SÁCH DƯỚI ĐÂY:

Tại **PHÁP:**
* 95400 Villiers-Le-Bel
Paris-France

* Nam Á
44, Ave. D'Ivry
Paris
75013 France

Tại **TÂY ĐỨC:**
* Lê Vũ
Flattichstr. 55
7140 Ludwigsburg
Hoheneck W. Germany

Tại **BỈ**
* Đông Sơn Center
1360 Chée De Wavre
RCB 523245
1160 Bruxelles
TVA 559-633-085

Tại **CANADA:**
* Nhà sách Trung Việt
6520 Darlington - Montreal
Qué H3S2J3
Canada
Tel. (514) 341-1740

* Vietnam Bookstore
415 Spadina Ave.
Toronto - Ont - M5T2G6
Canada
Tel. (416) 595-5199

* Âu Cơ
10767 Street
Edmonton - T5H2M2
Canada
Tel. (403) 428-7154

* Kim Sơn
265 E. Hasting
Vancouver B.C.
V6R1P2 Canada
Tel. (604) 689-5188

* Quê Hương Publishing
15 Rochdale Ave.
Toronto
M6E1W9 Canada

Tại **ÚC:**
* Tòa soạn báo Việt Luận
P.O. Box 415
Villawood, NSW 2163
Australia

* Văn Lang Publishing
1st Floor. 34 Old Town
Plaza Bankstown
NSW 2200 Australia

* Vietnam Lang & Cul. Pub.
PO Box 133 Pascoe Vale
South Vic. 3044 - Australia

* Saigon
Shop 17, Penny Arcade
Cabramatta góc Arthur St.
và Railway trong khu siêu thị
Franklin
Tel. 727-2609

* Mỹ Hóa
3710 Springvale Rd.
Vic. 3171
Tel. (03) 548-2216

Tại **NHẬT BẢN:**
* Mekong Center
F140 Tokyo - To,
Shinagawaku
Yashio, 5-12-69-115
Japan

* Thằng Bờm
1 Shinowada 262
Ichodanchi 72-918
Yamatoshi Kanagawaken
Japan

Tại **HOA KỲ:**
Minnesota:
* Saigon Bookstore
2950 4th Ave. S.
Minneapolis MN 55408
Tel. (612) 722-4360

Washington State:
* Nam Phương
1032 S. Jackson St. #B
Seattle, WA 98104
Tel. (206) 324-6364

Pennsylvania
* Kim Sơn
900 South 8th St.
Phila., PA 19147

Virginia:
* Nhà sách Alpha
6771 Wilson Blvd.
Falls Church, VA 22044
Tel. (703) 536-4008

* Nhà sách Thế Hệ
6763 Wilson Blvd. #9
Falls Church, VA 22044
Tel. (703) 532-7890

Florida:
* Tiến Hưng
1108-1112 E. Colonial Dr.
Orlando, FL 32803
Tel. (305) 841-5677

* Đông Phương
3638 Hendenson Blvd.
Tampa, FL 33609
Tel. (813) 874-0526

New York:
* Tú Quỳnh
128 Hester St.
New York, NY 10002

Massachusetts:
* Thăng Long
201 Adams St.
Dorchester, MA 02122

Louisiana:
* Về Nguồn
1717 Caal St. Suite 12
New Orleans, LA 70112

* Tiểu Nha Trang
3709 G. West Bank
Expressharvey, LA 70058
Tel. (504) 340-4626

Missouri:
* Saigon Center
424 Locus
Kansas, MO 64106
Tel. (816) 421-6838

Texas:
* Mỹ Linh
3512 Walnut
Garland, TX 75042
Tel. (214) 276-9852

* Liên Hương
8610 Lamar Blvd.
Austin, TX 78753

* Pacific Oriental Market
6617 Aiport Blvd.
Austin, TX 78753

* Ngày Nay
8200 Wilcrest #5
Houston, TX 77072
Tel. (713) 568-6400

* Tinh Hoa Bookstore
2800 Travis #5
Houston, TX 77006
* Duyên Hải
2200 Jefferson St. #5
Houston, TX 77003
Tel. (713) 224-6615

* Tân Sơn Nhất Express
301 A S.Capitol Ave. #8
San Jose, CA 95127

* Thiên Nga
2929 A Milan St.
Houston, TX 77006
Tel. (713) 650-1770

* Văn Hóa
2117 K Chenevert
Houston, TX 77003
Tel. (713) 650-1770

California:
* Thư Quán
Asian Pacific Plaza
6511 N. Inglewood Ave. #7
Stockton, CA 95207

* Mây Hồng
115 N. Fourth St. #105
San Jose, CA 95112
Tel. (408) 971-9808

* Văn Uyển
496 S. 2nd St.
San Jose, CA 95113

* Nhà sách Toàn Thư
79 S. 3rd #12
San Jose, CA 95133

* Hồng Bàng
1692 Tully Rd #16
San Jose, CA 95129
Tel. (408) 270-0865

* Tự Do
818 Tully Rd. #158 A
San Jose, CA 95112

* Thanh Thúy Bookstore
535 Eddy St.
San Francisco, CA 94109
Tel. (415) 775-6568

* Cửu Long
528 W. Alpine
Los Angeles, CA 90012
Tel. (213) 620-9650

Little Saigon:
* Tự Lực
14138 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92543
Tel. (714) 531-5290

* Tú Quỳnh
9581 Bolsa Ave.
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 531-4284

* Quê Mẹ
2339 W. First St.
Santa Ana, CA 92703
Tel. (714) 543-3069

* Văn Khoa
9200 Bolsa Ave., Ste 123
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 892-0801

Các nhà sách muốn nhận bán Tạp chí Thế Kỷ 21, hoa hồng cao, xin vui lòng liên lạc với Nhà Xuất Bản NGƯỜI VIỆT 14891 Moran St. Westminster, CA 92683 Điện thoại (714) 892-9414

SÁU TÁC PHẨM MỚI NHẤT
DO
NHÀ XUẤT BẢN **NGƯỜI VIỆT**
ẤN HÀNH

14891 MORAN ST., WESTMINSTER
CA 92683
(714) 892-9414 / 892-9316
FAX: (714) 894-1381

• GỌI BÌNH MINH
Truyện dài của PHẠM QUỐC BẢO
Sách dày 232 trang, giá 12.00 MK

• BUỔI SÁNG MỘT MÌNH
Tập truyện đầu tay của BÙI BÍCH HÀ
Sách dày 195 trang, giá 12.00 MK

• ĐỔI MỚI KINH TẾ
Biên khảo của VƯƠNG HỮU BỘT
Sách dày 318 trang, giá 14.00 MK

• TUYỂN TẬP THI VIẾT VĂN HÈ 88
NHIỀU TÁC GIẢ
Sách dày 135 trang, giá 8.00 MK

• THIÊN ĐÀNG TREO
Tập truyện XHCN của XUÂN VŨ
Sách dày 286 trang, giá 14.00 MK

• TỪ MỘT GIẤC MƠ
NHIỀU TÁC GIẢ
Sách dày 259 trang, giá 12.00 MK

NHỮNG CUỐN SÁCH KHÔNG THỂ THIẾU TRONG TỦ SÁCH CỦA GIA ĐÌNH VIỆT NAM HẢI NGOẠI

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

THƯ TÒA SOẠN

14891 Moran St.
Westminster, CA 92683
USA
ĐT: (714) 892-9414
Fax: (714) 894-1381

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến
Chủ bút:
Vương Hữu Bột
Chủ biên văn học:
Nguyễn Xuân Hoàng
Chủ biên biên khảo:
Lê Đình Điểu
Giám đốc mỹ thuật:
Nguyễn Đồng
Giám đốc trị sự:
Tâm Quyên

• *Giá báo dài hạn:* Bulk Rate trong nước Mỹ: 6 số US$15; 12 số US$28; 24 số $US54. First class trong nước Mỹ 6 số US$22; 12 số US$42; 24 số US$82. Canada: 6 số US$23; 12 số US$44; 24 số US$86. Các nơi khác: *Âu Châu:* 6 số US$32; 12 số US$62; 24 số US$122; *Á Úc, Phi:* 6 số US$37; 12 số US$72; 24 số US$142. Gửi phiếu hoặc thư đặt mua báo về 14891 Moran St., Westminster, CA 92683. ĐT: (714) 892-9414 FAX (714) 894-1381. *Quảng cáo:* Liên lạc địa chỉ nêu trên. THẾ KỶ 21 xuất bản và phát hành bởi Công Ty Người Việt (Nguoi Viet Inc.) 14891 Moran St., Westminster CA 92683. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng Los Angeles, California. *Bài vở:* Gửi cho THẾ KỶ 21 xin viết trên một mặt giấy; các nhân danh/địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tòa soạn dành quyền cắt bỏ hay thay đổi một số chữ, nếu cần. *Tiền nhuận bút:* Tùy theo thỏa thuận giữa tòa báo và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên THẾ KỶ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của tờ báo. Trích đăng bài của THẾ KỶ 21 phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

Bạn đọc thân mến,

Người ta không gọi nhà văn trẻ (vì họ nhỏ tuổi) hay nhà văn già (lớn tuổi), người ta cũng không gọi nhà văn mới (sáng tác) hay nhà văn cũ (đã từng có tác phẩm và đã thành danh), người ta cũng không thích phân biệt nhà văn nữ nhà văn nam. Một người cầm bút viết nên tác phẩm và tác phẩm ấy được người đọc chấp nhận, người ấy là một nhà văn. Chấm hết. Không thể gọi là nhà văn nếu người viết không có tác phẩm, càng không thể gọi là nhà văn khi những chữ viết ấy thuộc lĩnh vực khoa học kỹ thuật hoặc chỉ là những bài tham luận chính trị.

Tuy vậy có điểm giống nhau trong cuộc sống nói chung là văn chương cũng như mọi thứ trên đời đều có những bước đi tiếp nối của nó. Như người thợ mộc với cái bào, người thợ nề với cái bay, người đi làm ruộng với cái cày... người cầm bút với cây viết... họ làm ra sản phẩm (vật chất, tinh thần) cho đời sống. Những người đi sau tiếp tay những người đi trước, văn chương "làm ra" là để phục vụ con người, làm cho cuộc đời đẹp đẽ hơn. Và vì lẽ đó người viết sau càng thấy có một nỗ lực vượt qua người viết trước trong ý nghĩa nhìn thấy kiếp nhân sinh trong một cái nhìn khác người viết trước. Hoặc nói cách khác, những tác phẩm ra đời sau của một tác giả vượt qua được những giới hạn, những bến bờ, mà tác phẩm trước của ông (bà/cô) đã không đạt tới.

Chúng tôi hiểu chữ **trẻ** *trong ý nghĩa đó. Nguyễn Hoàng Nam, Đỗ Kh., Trần Vũ, Hoàng Mai Đạt, Vũ Quí Hạo-Nhiên, Tạ Thái... là những nhà văn trẻ ở chỗ không phải vì họ trẻ tuổi [dù họ trẻ tuổi thật], cũng không phải chỉ vì họ mới viết [dù họ mới sáng tác từ sau 1975 và trên một vùng đất không-phải-là-quê-hương]. Họ trẻ trong chữ nghĩa của họ. Và họ trẻ trong suy nghĩ của họ. Tôi luôn luôn thấy Cao Bá Quát là* **trẻ** *mặc dù ông sống cách xa chúng ta hằng thế kỷ. Chúng tôi vẫn thấy Hồ Xuân Hương* **trẻ** *vì bà đã dám nói những điều mà cho đến nay trong văn chương vẫn bị coi là cấm kỵ. Chúng tôi vẫn thấy Nguyên Sa trẻ qua ngôn ngữ và qua suy nghĩ trong thi ca của ông. Và ở quê nhà, Nguyễn Huy Thiệp là một nhà văn trẻ dù ông có nhiều tác phẩm đã được ấn hành. Ai cấm ta không được gọi Milan Kundera, Gabriel Garcia Marquez, Antoine de Saint-Exupéry... không phải là những nhà văn trẻ? Chính tác phẩm của họ cho phép ta gọi như vậy.*

Thế Kỷ 21 kỳ này mong được giới thiệu các tác giả trẻ trong ý nghĩa trên. ☼

THẾ KỶ 21

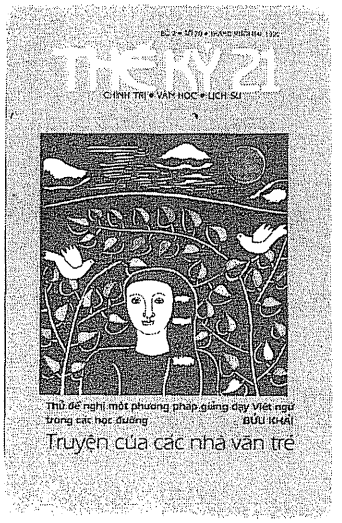

Tranh bìa
NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG
Trình bày
NGUYỄN THỊ HỢP

MỤC LỤC

CHÍNH TRỊ / BÌNH LUẬN

NGUYỄN QUANG
Một khía cạnh mới của báo chí Việt Nam Hải Ngoại / 10
TÔN THẤT THIỆN
Vấn đề Quốc/Cộng trong cuộc tranh đấu loại trừ chế độ cộng sản Việt Nam / 12
VƯƠNG HỮU BỘT
Góp ý kiến về vấn đề Quốc-Cộng / 16
NGUYỄN HỮU CHUNG
Thành thật nhưng không mất trí nhớ / 18
PHƯƠNG LỆ CHI / ĐẶNG HOÀNG dịch
Vũ trụ không có trung tâm / 20

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

HOÀNG MAI ĐẠT
Cánh đồng cho em / 22
TRẦN VŨ
Tâm ảnh / 30
TẠ THÁI
Sân sau / 40
VŨ QUÍ HẠO-NHIÊN
Người đàn bà bị tai nạn / 44
ĐỖ QUÝ TOÀN
Phượng à! Phượng à!
Về quê hương ta / 50
OCTAVIO PAZ
Bốn trang thơ
Thơ của KHOA HỮU, NHƯ CHI, NGUYỄN MẠNH TRINH
Hí họa của GÚC và VẸT

CÁC MỤC THƯỜNG XUYÊN

Thời sự Tháng qua, LÊ THỤY / 77 ● Chữ và Nghĩa, ĐỖ TỈNH / 80 ● Đấu Cờ Tướng, Truyện dài phóng tác, ĐỖ QUÁN ANH / 82 ● Sách báo Trong tháng / 85

TRONG SỐ NÀY

VẤN ĐỀ QUỐC CỘNG TRONG CUỘC ĐẤU TRANH LOẠI TRỪ CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN VIỆT NAM / Tôn Thất Thiện / 12

Một vấn đề đang gây sôi nổi trong sinh hoạt chính trị hiện nay, và nói chung là một vấn đề "dễ gây hiểu lầm". Theo giáo sư Tôn Thất Thiện, lực lượng chính để lật đổ chế độ độc tài CSVN là đồng bào trong nước, trong đó có cả những đảng viên cộng sản. Do đó nên bỏ qua "nhãn hiệu cộng sản" của những người đảng viên đã từng theo chủ nghĩa Mác - Lênin mà nay họ muốn từ bỏ lý thuyết này, để chống lại bạo quyền cộng sản.

Giáo sư Tôn Thất Thiện trong bài viết trên, khi báo đã lên khuôn, có viết thêm mấy dòng tái bút, đáng lẽ đi vào cuối bài nhưng do bài viết đã *lay-out* xong, xin được phép ghi lại ở đây.

TÁI BÚT: Đứng về "bên này" tất nhiên khi đặt vấn đề chúng ta dùng ngôn ngữ của "bên này". Do đó, vấn đề là "quốc/cộng". Nhưng nếu đứng về "bên kia" thì ngôn ngữ sẽ khác. Vấn đề thành "cách mạng/ngụy" hay "ta và ngụy", hay "ta và những phần tử phản cách mạng". Nhưng dù dùng ngôn ngữ nào nội dung vấn đề cũng không thay đổi, và phân tách kỹ tình hình quốc tế và quốc nội, kết luận cũng không khác nhau nếu ta đặt phúc lợi của dân tộc lên trên ý kiến và tình cảm cá nhân.

SÁNG TÁC CỦA NHỮNG NGƯỜI VIẾT TRẺ / Hoàng Mai Đạt, Vũ Quí Hạo-Nhiên, Nguyễn Hoàng Nam, Tạ Thái, Trần Vũ. . . / 22

Chữ nghĩa chưa bị xơ cứng. Suy nghĩ mới mẻ. Những cấm kỵ không phải là thành trì kiên cố bất khả. Không bị cận thị trí thức. *Thế Kỷ 21* giới thiệu với lòng trân trọng những sáng tác còn nóng hổi nhưng tươi mát của những cây bút lớn lên ở hải ngoại.

THỬ ĐỀ NGHỊ MỘT PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VIỆT NGỮ TRONG CÁC HỌC ĐƯỜNG ÚC / Biên khảo / 58

Một điều hơi nghịch lý là ở hải ngoại, các bài viết về ngữ học lại được chú ý. Không những vì các tác giả tận tụy, tâm huyết viết về đề tài cần nhiều tiếng nói ấy, không vì nội dung phong phú của từng đề tài một ấy, mà vì những giòng chữ họ viết ra có thể coi là khuôn mẫu cho cách diễn đạt trong sáng nhất. Điều làm cho những độc giả yêu Việt ngữ mừng rỡ đón nhận các bài về ngữ học Việt, chứng tỏ Việt ngữ tăng trưởng với một sức mạnh kỳ thú.

Thư độc giả

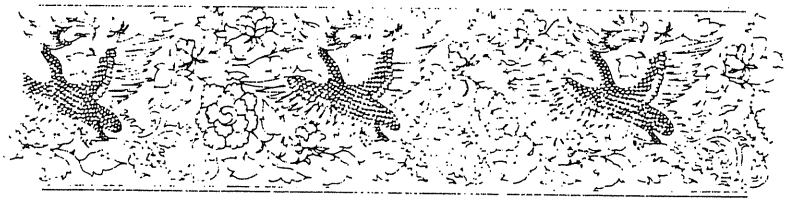

Chậm tiến về tư duy

Đọc bài "Vài mặc cảm và ảo tưởng" của Vương Hữu Bột (*Thế Kỷ 21* số 18, tháng Mười 1990) tôi rất lấy làm thất vọng. Tác giả có thiện chí bàn những vấn đề để xây dựng nước Việt Nam mai sau. Nhưng các vấn đề ông đã bàn tới lại là những vấn đề quá cũ. Tôi đã đọc bài của Lữ Phương cũng như của Phan Đình Diệu, hai bài đó đã đăng lại trong báo *Đoàn Kết* ở Paris. Chắc ông Vương Hữu Bột cũng đồng ý với tôi rằng tất cả các vấn đề mà Lữ Phương đã thảo luận một cách trịnh trọng, mất nhiều công phu, chỉ là những vấn đề của nước Nga, năm 1918 đến 1920. Những "tiền đề" cũng như những lý luận của Lữ Phương là những điều mà lịch sử loài người đã giải quyết từ lâu rồi. Mang các chuyện đó ra bàn, càng long trọng và công phu bao nhiêu càng chứng tỏ tác giả Lữ Phương sống thụt lùi 70 năm, sống trong mơ, không biết gì về cuộc tiến hóa của lịch sử nhân loại. Còn về bài của ông Phan Đình Diệu, các vấn đề ông này bàn tới cũng là những vấn đề của thế kỷ 19. Nên dân chủ đa nguyên hay không, tại sao dân chủ phải là đa nguyên, quý vị có thấy đó là các vấn đề của thế kỷ 19 hay chăng? Các cuộc thảo luận đó đã được giải quyết từ lâu rồi, câu trả lời đã được chứng nghiệm bằng lịch sử một trăm năm. Tại sao quý báo còn mang các vấn đề đó ra bàn? Nước Việt Nam không có vấn đề nào cấp thiết hơn sao?

TRẦN VÔ TÍCH
(Paris)

Tòa soạn xin thưa: Nước ta không phải chỉ chậm tiến về mặt kinh tế. Dân chúng trong nước bị chính sách bế quan tỏa cảng làm cho chậm tiến cả về mặt tư duy nữa. Những người bị sống trong tù không thể bị kết án nếu họ không theo dõi kịp các biến chuyển ở ngoài nhà tù. Các tác giả LP và PĐD có thể biết họ đang thảo luận các vấn đề cũ kỹ, nhưng họ cũng nên mang các vấn đề đó ra thảo luận, vì còn 60 triệu người Việt Nam khác chưa bao giờ được nghe nói đến các vấn đề trên. Bao giờ các học sinh trung học, các sinh viên đại học ở Việt Nam còn chưa biết thế nào là chế độ tự do, dân chủ thật sự, thế nào là kinh tế thị trường, thì người trí thức ở trong nước vẫn cần nói đến các chuyện đó, dù đối với quý vị ở Paris đó là các chuyện cũ.

Trong bài "Mặc cảm, Ảo tưởng", Vương Hữu Bột không bàn về các đề tài của Lữ Phương và Phan Đình Diệu, mà chỉ bàn về các thái độ, mặc cảm, và ảo tưởng ẩn tàng trong những bài của các tác giả đó, để cùng nhau giải tỏa, hướng tới một cách nhìn chung, cách nhìn của thế kỷ 20, của người Việt Nam thế kỷ 21.

Thiếu sót

Trong tin tức của quý báo loan tin về biến cố Iraq - Kuwait, quý vị đã quên không nhắc đến số phận của 16 ngàn công nhân Việt Nam kẹt ở Iraq, mà chính quyền Hànội đem con bỏ chợ. Có 4,000 người đã "vượt biên" trốn sang Thổ Nhĩ Kỳ. Xin quý báo chú ý nhiều hơn đến tin tức liên quan đến cộng đồng người Việt, dù họ chống Cộng, hay họ chỉ là món hàng lao động mà cộng sản mang đi bán rẻ khắp thế giới để trả nợ chiến tranh.

PHẠM VĂN TÙNG
(Sydney, Úc)

Một tờ Thế Kỷ 21 trên đảo

Tôi viết thư này nhưng không biết có đến tay các ông hay không? Tôi là một cựu cải tạo (bảy năm). Đến Mã trễ

tràng chờ thanh lọc đã 16 tháng nay, ở đảo cách biệt thiếu mọi nguồn thông tin liên lạc, tình cờ mới đây tôi được đọc một số *Thế Kỷ 21* (có lẽ là số độc nhất ở đảo), số báo đã rất cũ từ mười tháng trước (số 9, 89) vì vậy mà tôi không biết có gì thay đổi (địa chỉ - sinh hoạt) của tờ báo hay không? Hy vọng thư này đến tay các ông.

Lâu lắm rồi, từ 15 năm nay mới lại được đọc một tờ báo ra báo, xin cảm ơn và xin gởi lời cầu chúc sức khỏe và may lành đến các ông. Kính chúc quý báo mạnh tiến vào thế kỷ mới.

Chúng tôi ở đảo hiện có khoảng 13,000 người đến sau ngày 14 tháng Ba 89 phải chờ thanh lọc. Thời gian chờ đợi của mỗi người khoảng hai năm và tỷ lệ được công nhận rất bi đát (khoảng 25%). Số người bị từ chối chưa biết số phận sẽ ra sao. Đời sống lâu dài ở đảo rất đau lòng. Chúng tôi thiếu mọi thứ kể cả sách báo để thông tin, giải trí và học tập. Vì vậy nếu có thể được mong các ông có ý kiến nâng đỡ về tình trạng chúng tôi cũng như tình trạng chung của đồng bào ở Hồng Kông và ở các nước Đông Nam Á khác, cũng như mong các ông gởi cho chúng tôi một số sách báo. Đảo không nhận được bưu phẩm, bưu kiện, chỉ có thể nhận dưới hình thức thư. Nếu gởi cước hạng nhất (máy bay) đi một tháng đến đảo và nếu gởi thường hai tháng đến. Chúng tôi rất cảm ơn.

NGUYỄN MẠNH DAN
Pulau Bidong, Malaysia

Tôi sung sướng khi đọc truyện Dưới Ánh Mặt Trời của Vi Khuê

Tôi không phải là "độc giả trung thành" của *Thế Kỷ 21*. Tôi muốn nói thỉnh thoảng gặp ở đâu đó nhà bạn bè chẳng hạn thấy có cuốn nào tiện tay thì "mượn đỡ" về coi. Tờ *Thế Kỷ 21* số 19 tháng Mười Một có được là do tình cờ thấy trong xe bạn tôi. Trong khi chờ bạn ra xe tôi liếc đọc mục *Bạn Đọc Viết* và "tình cờ" thấy có *bà X ở Pomona* nào đó mắng mỏ báo *Thế Kỷ 21* về cái truyện *Dưới Ánh Mặt Trời* của nhà văn Vi Khuê. Đọc xong không hiểu gì cả. Vì vậy phải "xùy" ra mấy tít mua tờ *Thế Kỷ 21* số 18. Để đọc truyện của Vi Khuê. Đọc xong rồi lại "chẳng đặng đừng" biên thư này cho *Thế Kỷ 21* yêu cầu được đăng ở mục *Bạn Đọc Viết*, ở cái chỗ mà *bà X ở Pomona* đã đăng.

Tôi xin nói ngay tôi sung sướng khi đọc truyện *Dưới Ánh Mặt Trời*. Tôi không biết *bà X. ở Pomona* là ai, nhưng khi *bà X.* nói rằng truyện này châm chọc bà vì giống hoàn cảnh bà quá, tôi nghĩ đó là một lời khen tế nhị. Tôi còn nhớ lâu lắm—hồi còn ở Việt Nam—có lần tôi được đọc cũng ở đâu đó câu chuyện tương tự về nhà văn E. Caldwell. Đại khái một hôm ông Caldwell nhận được thư của một bạn đọc viết cho ông nói rằng một nhân vật trong truyện của ông đã mô tả y như ông chú ruột của mình. Vì vậy ông độc giả này yêu cầu ông Caldwell không nên đem đời tư của ông chú của ông ta ra viết. Như vậy là bêu xấu đời tư của chú ông ta. Nhà văn Caldwell đã trả lời rằng ông không biết ông chú của ông độc giả là ai, nhưng nếu chẳng may mà có sự trùng hợp đến như thế thì xin ông độc giả kia nên khen người viết truyện mới đúng. Chớ lẽ đâu mà mắng mỏ kỳ như thế.

Tôi tên Trần Văn Trí, hiện ở đường Acacia, Garden Grove, quận Cam, California.

Xin cám ơn nhà văn Vi Khuê đã viết một truyện hay như thế.

Khả năng báo chí người Việt ở hải ngoại rất lớn

Tôi xin đóng góp với các anh một vài suy nghĩ trong hiện tại về khả năng của chúng ta, trong ý hướng "thảo luận việc xây dựng lại đất nước".

Khả năng của báo chí người Việt hải ngoại rất lớn. Theo suy nghĩ hạn hẹp của tôi, nếu chúng ta cố gắng khai thác đúng hướng, khả năng đó có thể đáp ứng được phần nào nhu cầu "xây dựng đất nước" trong tương lai.

Những suy nghĩ của tôi có thể không phù hợp với tình cảm báo chí hải ngoại vì phải đối phó với những thực tế khác để cho tờ báo sống còn, nhưng là một ước muốn cho việc đóng góp của ngành báo chí với đại sự; nhằm tránh được sự phí phạm vừa cả về công lao bỏ ra lẫn thời gian. . .

Mong các anh chia sẻ và cầu chúc *Thế Kỷ 21* thực hiện được sứ mệnh của mình đối với đất nước. Chúc tòa soạn và trị sự gặp nhiều may mắn.

N.Q.
San Jose

Sự thực nào?

Là một người Việt Nam từ đảo mới qua được ba tháng nay, tôi có dịp đọc tạp chí *Thế Kỷ 21* số tháng Mười Một 1990 vừa rồi. Qua bài phỏng vấn nhà văn Nhật Tiến tôi đồng ý một vài điều và không đồng ý một vài điều. Đồng ý đất nước bây giờ loạn xà ngầu như "một nồi cám heo", tham nhũng, thối nát, lừa đảo, trụy lạc vô đạo đức, và đảng cộng sản Việt Nam đang là "một thứ Mafia quyền lực". Nhưng không đồng ý ông Nhật Tiến ở chỗ phải về Việt Nam thì tác phẩm mới phong phú. Tôi nghĩ văn chương khác với thời sự. Cái *actualité* của thời sự gần với báo chí, còn cái gọi là *réalité* của đời sống gần với văn học. Ông Nhật Tiến chọn báo chí hay văn chương? Tôi không nghĩ ông là nhà báo. Tôi vẫn đinh ninh ông là một nhà văn. Dù sao vẫn mong đọc tác phẩm mới nhất của ông.

NGUYỄN HƯƠNG TRÂN
Toronto, Canada

Một khía cạnh mới của báo chí hải ngoại

NGUYỄN QUANG

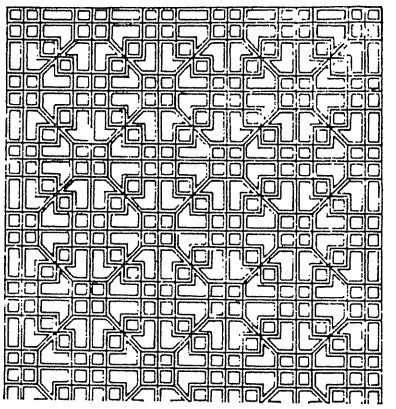

Nhu cầu thảo luận về "Một vài nguyên tắc căn bản để xây dựng một nước Việt Nam mới" mà *Thế Kỷ 21* đưa ra là cần thiết. Nhưng, quan trọng hơn, vẫn là những việc làm cụ thể, như thế nào, để chúng ta, những người đang sống ở nước ngoài có cơ hội thật sự tham dự vào công cuộc xây dựng một nước Việt Nam mới trong một tương lai gần.

Theo chiều hướng lịch sử, cộng sản Việt Nam (CSVN) rồi cũng sẽ tan rã. Nhưng, nếu chúng ta cứ ngồi chờ cho CSVN tan rã rồi mới tính chuyện xây dựng lại đất nước, liệu có quá trễ hay không? Mặt khác, nếu CSVN vẫn còn đó, mà *biến dạng* đi, liệu chúng ta có cách nào để đóng góp phần mình cho việc "xây dựng lại đất nước" hay không? Và trong chiều hướng (tiêu cực) đó, chúng ta có những chuẩn bị (tích cực) sẵn sàng đóng góp cho công cuộc vận động nhằm thay đổi được bộ mặt đen tối của Việt Nam do CSVN phủ lên trong mấy chục năm nay hay không?

Một tiền đề mà chúng ta thường hay đề cập đến là "Tự do Dân chủ cho Việt Nam", trước khi nói đến chuyện "xây dựng lại đất nước Việt Nam". Nhưng làm cách nào để Việt Nam sớm có Tự do Dân chủ? Quan trọng hơn hết là phải loại bỏ ảnh hưởng cai trị của Đảng Cộng sản trên đất nước Việt Nam, trước khi dẫn đến một hệ thống điều hành đất nước Dân chủ Tự do. Có hai cách để có thể loại bỏ được ảnh hưởng của chế độ độc tài Đảng trị. Thứ nhất là dùng bạo lực để lật đổ chế độ đó. Thứ hai là làm tan rã chế độ với các biện pháp khác nhau, kể cả một cuộc vận động sâu rộng trong và ngoài nước, nhằm giác ngộ quần chúng, chia sẻ với quần chúng, gây cho họ ý thức, bất hợp tác với chế độ, làm ung thối hệ thống lãnh đạo đối phương.

Trong giai đoạn hiện nay, người Việt hải ngoại có nhiều khả năng làm được công việc thứ hai, tiêu biểu nhất là ngành báo chí, một loại hình truyền thông, tương đối có ảnh hưởng lớn đối với người Việt hải ngoại và cũng còn là một nhu cầu trao đổi (tin tức) liên quan nhiều lãnh vực khác nhau giữa người trong nước và người ở ngoài nước.

Báo chí hải ngoại, trước hết, phải tạo được niềm tin trong quần chúng với những tin tức vừa đầy đủ vừa chính xác. Những bài nhận định với những sự kiện có thật giúp cho người đọc có cái nhìn rõ rệt hơn thực chất hoàn cảnh con người và cuộc sống Việt Nam hiện tại.

Nhu cầu người đọc hải ngoại hiện nay rất cao. Không những họ chỉ muốn biết những tin tức liên quan đến người Việt ở trong nước, mà còn muốn hiểu biết một cách tường tận những gì liên quan đến tin tức đó. Báo chí hải ngoại nếu thiếu bộ phận tin tức liên quan đến tình hình chính trị, tình hình kinh tế, xã hội, trong nước là một thiếu sót rất lớn.

*
* *

Sự khủng hoảng lãnh đạo ở Việt Nam trong nhiều thập niên qua đã giúp cho CSVN cơ hội lợi

dụng (khoảng trống lãnh đạo đó) đưa đất nước chúng ta đi vào "ngõ cụt, không thể hay chưa có thể phát triển được. Cho đến nay sự khủng hoảng lãnh đạo đó dường như vẫn còn, không những ở trong nước mà còn cả ở ngoài nước.

Có người cho rằng, người Việt chúng ta ở hải ngoại, chẳng khác "rắn mất đầu". Mỗi người, mỗi nhóm người, kể cả mỗi đoàn thể, tôn giáo nhìn về Việt Nam với những cái nhìn khác nhau.

Chúng ta thường nói. Thế nào rồi cũng có một vị cứu tinh ra đời (xuất hiện). Suy nghĩ đó được coi như một sự tin tưởng vào vận mệnh đổi thay của đất nước, mà chưa tạo ra được cái thế chủ động trong việc thay đổi bộ mặt của đất nước. Điều này còn nói lên ý nghĩa của sự tiêu cực, mà đáng lẽ ra chúng ta phải tạo ra những điều kiện hay hình thành được một sách lược rõ ràng nhằm "động viên" quần chúng tích cực tham gia với một thời gian nhất định nào đó, với các phương tiện sẵn có, với những vai trò lãnh đạo tài ba, hầu đem đến cho đất nước những thành tựu xây dựng trong tương lai.

Tất cả những đường lối, chính sách, những lời kêu gọi. . . mà chúng ta đã từng. . . trải qua đều có tính cách tản mạn, chưa hội tụ được, để tạo nên một sức nóng, nung nấu tấm lòng yêu nước, yêu tổ quốc của người Việt hải ngoại.

Lúc này hơn lúc nào hết, báo chí Việt ở hải ngoại phải tự mình đóng góp tích cực trong công cuộc vận động to lớn này, một mặt quy tụ được ý chí của toàn dân, mặt khác là nơi phát hiện hay khác đi là diễn đàn của vai trò lãnh đạo.

Báo chí hải ngoại là tiếng nói chung, là địa bàn để mọi khuynh hướng chính trị Dân chủ Tự do trao đổi, tìm hiểu, để cùng đi đến một quyết định và một hành động chung là "xây dựng một đất nước Việt Nam mới" trong tương lai.

Đường lối xây dựng đó liên quan đến mọi mặt — chính trị - kinh tế - văn hóa - xã hội dựa trên nền tảng *nhân bản* vững chắc, hấp dẫn được quần chúng trong và ngoài nước, mời gọi họ tham gia, từ đó thay đổi toàn bộ bộ mặt đen tối của Việt Nam (một gia tài tồi tệ do chế độ cộng sản để lại).

Báo chí Việt Nam hải ngoại còn cần phải có một hành động chung tạo ra được một truyền thống độc lập nhằm phục vụ quyền lực tối thượng của Đất nước - mà không để bị chi phối bởi quyền lợi nhất thời. Báo chí Việt Nam hải ngoại có nhiệm vụ mời gọi là diễn đàn đề ra con đường tất yếu để cho mọi người thấy được không còn con đường nào khác, phải sử dụng nó như một lợi khí cuối cùng nhằm đem đến lợi ích thiết thực cho công cuộc vận động "xây dựng lại đất nước".

Chắc chắn không người Việt hải ngoại nào lại không có những "trăn trở" với vận mệnh của đất nước. Ai cũng mong có cơ hội trở về để xây dựng đất nước. "Sống và chết với đất nước". Nhưng là sống với ai và chết như thế nào?

Nỗi băn khoăn của người Việt hải ngoại là "trở về như thế nào?" "trở về dưới hình thức nào?" Ai cũng mong muốn Việt Nam có những thay đổi để trở về. Sự thay đổi đó xảy ra như thế nào, có phù hợp với đòi hỏi của chúng ta hay không. Phải làm cách nào để Việt Nam có những thay đổi phù hợp với đòi hỏi của chúng ta. Báo chí hải ngoại phải là bộ phận tiên phong hoàn thành nhiệm vụ thực hiện những đòi hỏi đó.

*
* *

Những gì đã và đang diễn ra, dường như ai cũng đang ở trong vị trí "chờ xem"; hoặc bằng cách này cách khác, len lỏi trở về Việt Nam, như một hình thức thử nghiệm, nhằm thực hiện ý hướng riêng của chính mình, mà chưa thấy thể hiện được cái gì chung để chúng ta, người Việt hải ngoại, cũng như người Việt trong nước có thể chấp nhận, như một "giải pháp" nhằm tạo cơ hội cho cả đôi bên có thể đến gần với nhau hơn, kết hợp với nhau, trong chiều hướng đem lại lợi ích thiết thực cho đất nước.

Khi nói rằng, mục tiêu cuối cùng của công cuộc vận động "xây dựng lại đất nước Việt Nam" là tại quốc gia này phải có một chế độ Dân chủ Tự do thật sự. Muốn làm được điều đó ý thức Dân chủ tự do của dân chúng là một yếu tố quan trọng phụ thuộc vào việc giáo dục và hướng dẫn quần chúng để họ có thể tự đảm trách được công việc của mình là loại trừ ảnh hưởng Đảng trị của CSVN. Cho đến khi tại việt Nam có những chiều hướng cho thấy những yếu tố thuận lợi. . . người Việt hải ngoại có là một *thực tế cần thiết* đảm nhận vai trò xây dựng lại đất nước?

Người Việt hải ngoại dựa vào cái *thế* như thế nào và cái *lực* ra sao, buộc giới lãnh đạo (trong tương lai) cần đến chúng ta, sẵn sàng mời gọi chúng ta?

Muốn hoàn thành được trọng trách đó, thiết nghĩ, ngành báo chí hải ngoại phải có hướng đi mới. Báo chí khác nào như một người đầu bếp giỏi. Ở vào thời điểm này, người đọc là những thực khách, mong muốn những người đầu bếp tài giỏi chế biến đem đến cho họ những thực đơn mới.

Mặt khác, báo chí hải ngoại, liệu có làm nổi vai trò như một "mai mối" giữa người Việt trong nước và người Việt hải ngoại, để cho hai khối người Việt đó hiểu biết nhau biết được nhu cầu của nhau hơn, để có thể kết hợp với nhau thực hiện được ý nguyện chung. Khác nào như một cặp vợ chồng. . . đã phải ly thân, nay muốn có cơ hội sống chung.

"Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình". K

NGUYỄN QUANG

Tháng Mười 1990

Vấn đề Quốc Cộng trong cuộc tranh đấu loại trừ chế độ cộng sản Việt Nam

TÔN THẤT THIỆN

Ngoại trừ một số rất nhỏ gồm phe phản động trong Bộ Chính trị và Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN), và đàn em chia quyền lực và lợi lộc với chúng, thì mọi người Việt, trong cũng như ngoài nước, đều muốn loại trừ chế độ cộng sản ở Việt Nam. Những người này thuộc nhiều giới, nhiều thành phần khác nhau, và có thể nói là chống nhau: 1) giới chống Cộng, gồm những thành phần chống Cộng đến cùng và những thành phần chống Cộng giới hạn; 2) giới trung lập, gồm nhiều thành phần lẻ tẻ, trong đó thành phần cầu an và thành phần "áp phe" chiếm đa số; 3) giới cộng sản, gồm những thành phần đã bỏ đảng và những thành phần đang muốn bỏ đảng.

Nhưng đồng thời với sự công nhận cần thiết loại trừ chế độ cộng sản Việt Nam, hiện tại có vấn đề cần giải đáp rõ ràng và dứt khoát một số câu hỏi căn bản trước khi bắt tay vào cuộc tranh đấu thực sự ở độ cao.

Lý do của vấn đề tiên quyết này là tuy rằng cuộc tranh đấu loại trừ chế độ cộng sản Việt Nam có tính cách chung, nhưng những động lực thúc đẩy các cá nhân và các đoàn thể tranh đấu không đồng nhất.

Câu hỏi đầu tiên là: tại sao những giới và thành phần nói trên muốn loại trừ cộng sản Việt Nam?

Tùy theo cá nhân và đoàn thể, ta có thể phân biệt những lý do sau đây:

1) vì hận thù cộng sản đã sát hại thân nhân họ, nhục mạ, tù đày, hành hạ, đày đọa họ;

2) vì muốn lấy lại địa vị họ trước 1975 (tổng thống, thủ tướng, tổng trưởng, giám đốc, tướng, tá v.v.);

3) vì muốn lấy lại của cải, tài sản bị cộng sản tịch thu;

4) vì chán cảnh lưu vong tại Tây phương và muốn về xứ sống một cuộc đời thoải mái, nhưng dưới một chế độ không cộng sản;

5) vì muốn thiết lập ở Việt Nam một chế độ chống Cộng triệt để;

6) vì muốn thay thế chế độ cộng sản hiện tại bằng một chế độ cộng sản khác, cải thiện, vẫn cộng sản nhưng hữu hiệu hơn;

7) vì muốn Việt Nam có một chế độ dân chủ thực sự, hữu hiệu và tiến bộ hơn, thay thế cho chế độ chuyên chế giai cấp, phong kiến, thối nát, thoái hóa hiện tại, để mở đường tiến cho xứ sở và dân tộc.

Vì động lực thúc đẩy các cá nhân và đoàn thể trên đây khác nhau nên mục tiêu của họ cũng khác nhau. Nhưng cuộc tranh đấu loại trừ chế độ cộng sản hiện tại chỉ có thể thành công nếu nó là *một cuộc tranh đấu chung*. Nếu hành động lẻ tẻ, không một cá nhân hay một đoàn thể nào có thể lật đổ chế độ cộng sản hiện tại. Đó là sự thực quá hiển nhiên. Đó là lý do chính của sự thất bại của

"phe quốc gia" trong những thập niên trước 1975, của sự sụp đổ quy mô của phe này năm 1975, và của sự bất lực không kém quy mô của những tổ chức kháng chiến, giải phóng của người Việt lưu vong từ 1975 đến nay. Mà đó cũng là lý do lãnh tụ cộng sản thường huênh hoang tuyên bố: "chúng ta vững như đồng".

Những sự kiện nêu trên đưa đến kết luận đương nhiên là trong công cuộc tranh đấu loại trừ cộng sản Việt Nam muốn thành công phải thỏa mãn hai điều kiện căn bản tiên quyết: 1) phải có một mục tiêu chiến lược *chung*; 2) phải có chiến thuật *thực tiễn*.

Nói đến chiến lược chiến thuật tưởng nên nhắc lại lý thuyết cách mạng của Lê-nin mà cộng sản đã vận dụng để đánh bại kẻ địch của họ. Ngày nay, những người muốn loại trừ chế độ cộng sản cũng phải vận dụng lý thuyết này để đánh bại cộng sản, vì nó không phải là độc quyền của cộng sản, mà chỉ là chiến lược, chiến thuật *cách mạng* rất hữu hiệu, có thể dùng để *lật đổ* bất cứ một chế độ nào thô bạo, thối nát, và thất nhân tâm. Cộng sản Việt Nam hiện tại là điển hình cho loại chế độ này.

Lý thuyết Lê-nin về cách mạng chứa đựng những bài học rất sâu sắc về chiến lược và chiến thuật. Sau đây là tóm tắt những điểm quan trọng nhất có liên can mật thiết với tình hình Việt Nam.

Về phương diện chiến lược, những cá nhân và đoàn thể cách mạng phải có mục tiêu rất rõ ràng. Mục tiêu chiến lược là mục tiêu *chung* cho *tất cả các thành phần;* nó là mục tiêu tối hậu, phải theo đuổi *cho đến khi toàn thắng*.

Nhưng, trái với khái niệm thông thường, khi Lê-nin đề cập đến chiến lược, vấn đề ông ta nêu lên không phải là vấn đề dàn trận và dụng binh, mà là vấn đề phân tách các lực lượng đối đầu nhau và ấn định dứt khoát và đúng ai là bạn, ai là thù, và đặc biệt *ai là kẻ thù chính*, kẻ thù mà ta cần tập trung toàn lực lượng để đánh và cần phải đánh bại hoàn toàn để đưa cách mạng đến thành công thực sự.

Đánh bại kẻ thù chính là mục tiêu chiến lược của cách mạng. Một khi kẻ thù chính đã bị tiêu diệt thì các kẻ thù phụ đương nhiên cũng sẽ tự tiêu.

Trong tình trạng hiện tại của Việt Nam phe cách mạng là phe muốn loại trừ chế độ cộng sản; kẻ thù chính của cách mạng là chế độ cộng sản Việt Nam hiện tại.

Nhưng theo lý thuyết Lê-nin, ấn định kẻ thù chính là chỉ mới giải quyết có một nửa vấn đề căn bản. Còn phải giải quyết luôn vấn đề thứ hai, là vấn đề bạn (đồng minh). Ấn định đúng ai là bạn (đồng minh) vững chắc sẽ tránh được những bất ngờ đau đớn vì bị bạn (đồng minh) bỏ rơi, nhứt là lúc cuộc tranh đấu vào đoạn gay go nhất.

Ngoài ra, còn những phần tử mà Lê-nin gọi là "phần tử lừng khừng", có thể ngã về bên này hoặc bên kia, một phần vì cuộc diện biến chuyển, một phần vì sự khéo léo hay vụng về của phe này hoặc phe kia. Lê-nin nhấn mạnh rằng trong một tình hình quân bình lực lượng, những phần tử này có thể quyết định kết quả của cuộc chiến. Cộng sản rất ghét những phần tử này vì họ rất khó "nắm", thay đổi rất bất ngờ, có thể vì quyền lợi, có thể vì tình cảm. Nhưng cộng sản cũng hết sức ve vãn họ.

Những cá nhân và đoàn thể tranh đấu để loại trừ cộng sản Việt Nam phải căn cứ trên những nguyên tắc trên đây để ấn định mục tiêu chiến lược. Mục tiêu này phải là một mục tiêu *chung*, có sức lôi cuốn mạnh, và thực tiễn.

Chung, vì không có một cá nhân hay một đoàn thể nào hành động riêng rẽ mà có thể lay động cộng sản chớ đừng nói đến lật đổ và loại trừ. Kinh nghiệm 15 năm qua của tất cả các đoàn thể, phong trào kháng chiến, giải phóng, đã chứng minh rõ ràng điểm này. Phần khác, kinh nghiệm 15 năm qua cũng cho thấy rõ rằng những "lực lượng" *ở ngoài Việt Nam*, dù có đi nữa, không có khả năng nào làm tan rã cộng sản Việt Nam được vì những lý do thực tiễn về quân sự, tài chánh, và kỹ thuật.

Về phương diện chính trị, chỉ căn cứ trên lẽ thường ta cũng thấy rằng dân chúng trong nước chỉ có thể ủng hộ một cá nhân hay một đoàn thể *xuất phát từ trong xứ*, đã có thành tích chống đối chính quyền cộng sản và bị đàn áp tù đày; dân chúng sẽ không chấp nhận những người nhảy dù từ ngoài, đặc biệt là những bộ mặt lem luốc quen thuộc thời tiền 1975, về đòi "lãnh đạo" họ.

Cuối cùng, ngoại trừ một cuộc tấn công quân sự mãnh liệt và đại quy mô của một đại cường quốc, với sự đồng thuận và trung lập của các cường quốc khác—một sự kiện khó xảy ra—Đảng Cộng sản Việt Nam có tan rã thì nó chỉ tan rã *từ trong*, nghĩa là nếu đồng thời với áp lực từ ngoài có sự vùng lên từ trong của những phần tử đã từ bỏ đảng hay đang bỏ đảng và nay tích cực hoạt động để loại trừ chế độ cộng sản. Những phần tử này sẽ là lực lượng đồng minh chính của chúng ta. Nhưng sự liên kết này chỉ có thể xảy ra nếu mục tiêu chiến lược của ta là một mục tiêu mà các phần tử này chấp nhận được.

Đặt vấn đề như vậy là đặt câu hỏi: trong điều kiện nào những phần tử quyết định trên đây sẽ chấp nhận *cùng tranh đấu chung* với chúng ta? Điều kiện này chỉ có thể là mục tiêu của chúng ta là loại trừ cộng sản để thiết lập một chế độ chính trị xã hội có chỗ đứng cho tất cả mọi người, trong đó có họ và con cái của họ. Trong chế độ đó, họ sẽ giữ toàn vẹn

"NỰC CƯỜI CHÂU CHÂU... KÉO XE"

được danh dự, được hưởng quyền sống an toàn, được quyền tham gia vào công cuộc xây dựng một nước Việt Nam mới thực sự độc lập, dân chủ, công bằng, sung túc và tiến bộ như tất cả mọi người Việt Nam khác, không phân biệt quốc/cộng, không phân biệt cũ mới, không moi móc chuyện quá khứ để kết tội, thanh trừng, sát phạt lẫn nhau.

Lý luận như trên đưa đến kết luận đương nhiên là không thể dựa trên những lý do 1-6 nêu ra ở đầu bài này để ấn định mục tiêu chiến lược cho cuộc tranh đấu nhằm loại trừ cộng sản được, vì đó là những lý do có tính cách cá biệt hẹp hòi, hoặc đưa đến hiện trạng người Việt tiếp tục giết người Việt vì những bất đồng chính kiến trong quá khứ, và vì sự tình cờ của lịch sử và mù quáng của giới lãnh đạo thời đó họ đã bị lôi cuốn vào cuộc tranh hùng tranh bá giữa Nga và Mỹ, và thù nghịch đâm chém nhau trong suốt mấy chục năm trời.

Chúng ta, và nhất là con cháu chúng ta, thế hệ mới đang đến tuổi quân dịch, không thể tranh đấu để một số người hả dạ trả thù cá nhân, chiếm lại địa vị, của cải, hưởng thụ, hay được quyền giết người Việt Nam khác chỉ vì bất đồng ý kiến trong quá khứ trong một bối cảnh lịch sử nay đã qua.

Chúng ta cũng không thể tranh đấu để cho một thiểu số tiếp tục cộng sản chủ nghĩa dưới một danh hiệu khác và một nhóm lãnh tụ tự xưng là đổi mới, dù là cộng sản chủ nghĩa này có phần khác với thứ cộng sản chủ nghĩa theo mô thức Xít-ta-lin và Mao Trạch Đông mà Hồ Chí Minh đã đem úp vào đầu dân Việt Nam và gây bao nhiêu tai hại và tang tóc trong mấy chục năm qua và bế tắc hiện nay. Chúng ta chỉ tranh đấu cho *một nước Việt Nam mới*, để xây dựng lại xứ sở và xã hội Việt Nam trên những *nền tảng mới*, với *những mục tiêu mới*. Những mục tiêu này phải là mục tiêu *của toàn dân tộc*, không thuộc riêng và không phục vụ riêng một giai cấp, một đảng phái, một đoàn thể, một tổ chức, một cá nhân nào.

Chúng ta chỉ sẵn sàng dốc toàn lực tranh đấu để chỉnh đốn hiện tại và xây dựng tương lai, không để làm sống lại quá khứ, *dù là quốc hay cộng*, vì nó là một quá khứ xây trên những sai lầm chiến lược có tính cách tự diệt chủng.

Muốn loại trừ chế độ cộng sản Việt Nam hiện nay, "một bầy đỉa xúm xít hút cạn sinh lực một dân tộc vốn đã nghèo khó và kiệt quệ", như nhà văn Nhật Tiến đã tả rất hay (*Thế Kỷ 21*, tháng Mười Một, 1990) cần phải có một lực lượng hùng

hậu. Lực lượng này gồm hai thành phần: trong và ngoài xứ.

A- Thành phần thứ nhất là thành phần trong xứ. Nó là thành phần chính. Chỉ có thành phần này mới thực sự có khả năng làm tan rã hàng ngũ ĐCSVN. Lực lượng quốc nội này gồm dân chúng Việt Nam và những lãnh tụ ở trong xứ, có uy tín, nghĩa là có tư cách, có khả năng lôi cuốn quần chúng, có thành tích chống đối chính quyền cộng sản hiện nay, có khả năng lãnh đạo quần chúng, hiểu biết nội bộ cộng sản và nội tình đất nước cũng như trào lưu của thế giới và nhân loại.

Chỉ có những lực lượng tranh đấu trong xứ và hội đủ những điều kiện nói trên mới có khả năng thực sự làm tan rã hàng ngũ ĐCSVN và bộ máy kềm kẹp của chúng, và đưa đến sự sụp đổ của chế độ cộng sản. Đây là một sự kiện thực tiễn mà chúng ta phải công nhận nếu ta thành thực muốn thực hiện được mục tiêu chiến lược nói trên.

Chấp nhận những điều nêu trên đây là chấp nhận liên kết với 1) những thành phần trong xứ không cộng sản chống cộng sản; 2) những thành phần trong xứ đã theo cộng sản nhưng nay đã từ bỏ cộng sản và đang chống đối cộng sản; 3) những thành phần đang muốn từ bỏ cộng sản nhưng đang do dự vì sợ bị thanh trừng hay bị gạt bỏ ra ngoài chế độ mới.

B- Thành phần thứ hai của lực lượng tranh đấu loại trừ cộng sản gồm những cá nhân, đoàn thể Việt Nam ở ngoài xứ. Lực lượng này là một lực lượng có tính cách xây cất nhiều hơn là chiến đấu. Nó không chiến đấu được vì nó ở xa chiến trường. Nhưng một khi chế độ cộng sản đã bị đánh đổ, vai trò của nó trở nên rất quan trọng vì nó là nguồn nhân tài và tư bản rất cần thiết cho việc tái thiết và phát triển xứ sở. Nhóm này gồm hai thành phần chính: 1) những người có kiến thức, có khả năng chuyên môn, lại được cái may mắn bị, hay được, đuổi ra nước ngoài tu nghiệp, thâu tập thêm kinh nghiệm và mở rộng tầm kiến thức; 2) những người nhờ làm ăn ở ngoại quốc dễ dãi nên dồn được vốn, và vì công việc phải giao dịch nhiều nên có nhãn quan và tầm vóc quốc tế.

Họ là một lực lượng đáng kể, không phải vì có súng đạn gươm dáo, nhưng với sự chấp thuận hay từ chối hợp tác với chính phủ đương quyền họ tạo được một áp lực rất lớn vì không có sự hợp tác của họ thì không giải quyết được những vấn đề quốc gia lớn cũng như nhỏ liên hệ đến đời sống hàng ngày của dân chúng, và chính quyền sẽ bị coi là bất lực cần phải thay thế.

Những người trong xứ có nhiều khả năng hơn về việc tranh đấu, nhưng họ không có khả năng bằng những người Việt hải ngoại trong việc tái thiết và phát triển đất nước sau khi loại trừ được cộng sản. Muốn thành công trong công cuộc thay thế chế độ cộng sản bằng một chế độ tốt hơn họ phải có sự hợp tác của những người Việt ngoài xứ. Muốn vậy họ phải chấp nhận mục tiêu chung, mà mục tiêu này chỉ có thể là một chế độ không cộng sản, một nền dân chủ đa nguyên, một thể chế kinh tế cũng dân chủ, chấp nhận tự do tư sản và tự do kinh doanh.

Sự liên kết bắt buộc và hợp lý giữa hai lực lượng nói trên đòi hỏi *phải dẹp bỏ quan niệm quốc/cộng*. Quan niệm này xuất phát từ chiến tranh lạnh giữa những năm 1947-1989. Nay chiến tranh lạnh đã tàn rụi. Nga Mỹ đã thỏa hiệp chấm dứt đối đầu tranh hùng tranh bá hoàn cầu và đồng tình bắt tay nhau xây dựng một thế giới mới minh mẫn hơn, chung sống trong hòa bình, an lạc, phát đạt, tự do, dân chủ.

Trong thế giới mới này không còn tranh chấp Nga-Mỹ, tư bản cộng sản, thì tất nhiên sự phân chia quốc-cộng Việt Nam cũng thành vô nghĩa, vì không có Nga Sô thúc đẩy và yểm trợ, cộng thành bất lực, cũng như không có Hoa Kỳ thúc đẩy và yểm trợ, quốc cũng thành bất lực. Một khi cuộc tranh chấp Nga-Mỹ thuộc về quá khứ thì đương nhiên cuộc tranh chấp quốc-cộng Việt Nam cũng thuộc về quá khứ. Nghĩ cho kỹ, đây là một phúc lớn cho dân Việt: từ nay ta khỏi bị làm ruồi muỗi trong một cuộc đấu chọi giữa trâu bò. Vậy chúng ta không nên moi móc tranh chấp quốc cộng ra nữa để chém giết lẫn nhau trong khi xứ sở có bao nhiêu việc cấp bách phải làm để thoát khỏi tình trạng bi đát khủng khiếp mà nhóm lãnh tụ cộng sản hiện tại đã chụp vào đầu dân tộc.

Đối với người cộng sản cũng như người quốc gia, tiếp tục có bám vào quan niệm quốc-cộng là một điều không những lỗi thời, phi lý, lố bịch mà còn tội lỗi, vì nó làm mất của dân tộc một cơ hội rất tốt và rất hiếm, mà chỉ nhờ sự xuất hiện Gorbachev ta mới có. Cơ hội đó là cơ hội áp dụng chiến thuật liên minh, chiến thuật thực tiễn nhất, có nhiều khả năng nhất, trong sự tạo một lực lượng hùng hậu để loại trừ chế độ cộng sản và mở đường cho dân tộc thoát khỏi tình trạng bi thảm hiện nay và tiến về một tương lai tốt đẹp hơn.

Tất cả những người yêu nước đã lỡ theo "phe" cộng sản hay theo "phe" quốc gia cần thức tỉnh, thú nhận sự sai lầm của mình, cương quyết thoát ly khỏi tâm trạng quốc-cộng, để cùng nhau mở một con đường sống cho xứ sở và dân tộc, xây dựng một nước Việt Nam mới, trong một thế giới mới, trong thanh bình, thịnh vượng và dân chủ. Đó là cử chỉ cụ thể, đẹp đẽ, và đáng phục nhất của những ai tự nhận là yêu nước.

K

Montreal,

Tháng Mười Một, 1990

Góp ý kiến về "Vấn Đề Quốc Cộng"

VƯƠNG HỮU BỘT

Trong *Thế Kỷ 21* số 18 (tháng Mười 1990) Nguyễn Hữu Chung viết bài "Hãy ngưng... chống Cộng". Trong số 20 (tháng Mười Hai 1990) bài của Tôn Thất Thiện đề nghị "phải dẹp bỏ quan niệm quốc-cộng". Hai mệnh đề trên, nếu tách riêng ra khỏi nội dung bài viết của hai tác giả, có thể gây hiểu lầm. Vì vậy, chúng tôi sẽ minh xác ý kiến của hai tác giả trong phạm vi các vấn đề mà hai vị nêu lên. Một độc giả coi báo vội vàng có thể bỏ sót, và những người không đọc cả bài báo, chỉ nghe đến các mệnh đề trên, lại càng dễ hiểu lầm. Chúng tôi xin nêu lên các điểm sau đây:

1. Nguyễn Hữu Chung và Tôn Thất Thiện đều là những nhà chánh trị chống lại chế độ cộng sản độc tài tại Việt Nam, và bác bỏ lý thuyết cộng sản Mác - Lênin. Cuộc đời chánh trị và các bài viết của hai ông chứng tỏ rõ ràng điều đó. Họ đều xác nhận mục tiêu đấu tranh của toàn dân hiện nay là dẹp bỏ chế độ độc tài CSVN để thiết lập một chế độ dân chủ đa nguyên. (Xin đọc *Thế Kỷ 21* số 18, 19 và 20).

Bài "Hãy ngưng... chống Cộng" của Nguyễn Hữu Chung đặt vấn đề trong phạm vi lý thuyết. Rất nhiều nỗ lực của chúng ta hiện nay nhắm vào việc bác bỏ lý thuyết Mác - Lênin của đảng cộng sản Việt Nam, chúng ta chống chủ nghĩa cộng sản. Nhưng Nguyễn Hữu Chung nhận xét, nhóm thống trị trong đảng CSVN sẽ không còn theo và nói đến lý thuyết đó nữa. Họ sẽ chỉ lo duy trì bộ máy công an để bảo vệ chế độ độc tài hủ lậu mà thôi. Do đó, nếu những nỗ lực chỉ phản bác lý thuyết Mác - Lênin và đả đảo cộng sản không thôi thì sẽ tấn công vào chỗ trống, không đúng chỗ cần tấn công. Mục tiêu của cuộc vận động cách mạng dân tộc Việt Nam đang theo đuổi là lật đổ chế độ độc tài, dù chế độ đó lột da, thay áo, bỏ cả chủ nghĩa Mác - Lênin. Cuộc chiến đấu không còn chỉ là giữa người chống Cộng với chủ nghĩa cộng sản, mà chính là giữa toàn dân Việt Nam với một chế độ độc tài, bất lực, hư nát, dù mang nhãn hiệu nào.

Cũng đặt ra vấn đề danh nghĩa như trên, bài "Vấn đề Quốc-Cộng. . ." của giáo sư Tôn Thất Thiện đề nghị "dẹp bỏ quan niệm quốc-cộng", khi bàn về chiến lược, chiến thuật của cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ. Theo Tôn Thất Thiện, lực lượng chính để lật đổ chế độ độc tài CSVN là đồng bào trong nước, trong đó có cả những đảng viên cộng sản. Do đó, nên bỏ qua "nhãn hiệu cộng sản" của những người đảng viên đã từng theo Mác - Lênin mà nay muốn từ bỏ lý thuyết Mác - Lênin, chống lại bạo quyền cộng sản. Khi liên kết với họ để theo đuổi mục đích chung là lật đổ bạo quyền, các nhãn hiệu "Quốc" và "Cộng" đều không còn ý nghĩa nữa. Để dẹp bỏ các nhãn hiệu đó trong việc liên kết chống bạo quyền, giáo sư Tôn Thất Thiện đề nghị ". . . thoát ly khỏi tâm trạng quốc-cộng", nghĩa là xóa bỏ lằn ranh tâm lý gây ra kỳ thị và thù nghịch, giữa các người chống Cộng và những đảng viên cộng sản, khi họ cũng từ bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin và chống chế độ độc tài. Theo giáo sư Tôn Thất Thiện điều này cần thiết vì lực lượng chính để thực hiện cuộc cách mạng ngày nay là người Việt ở trong nước.

2. Chúng tôi đồng ý với hai tác giả về thái độ căn bản. Cuộc vận động dân chủ, tự do của dân tộc Việt Nam hiện nay không phải chỉ là sự nối dài của cuộc chiến giữa hai miền Nam (chống Cộng) với Bắc (cộng sản) và cuộc chiến tranh giữa hai thế giới Tự do - Cộng sản. Đó cũng không phải là sự nối dài của cuộc tranh chấp Quốc, Cộng từ trước năm 1945 qua thời chế độ Bảo Đại. Các chính quyền quốc gia (1949-1955) và chế độ Cộng

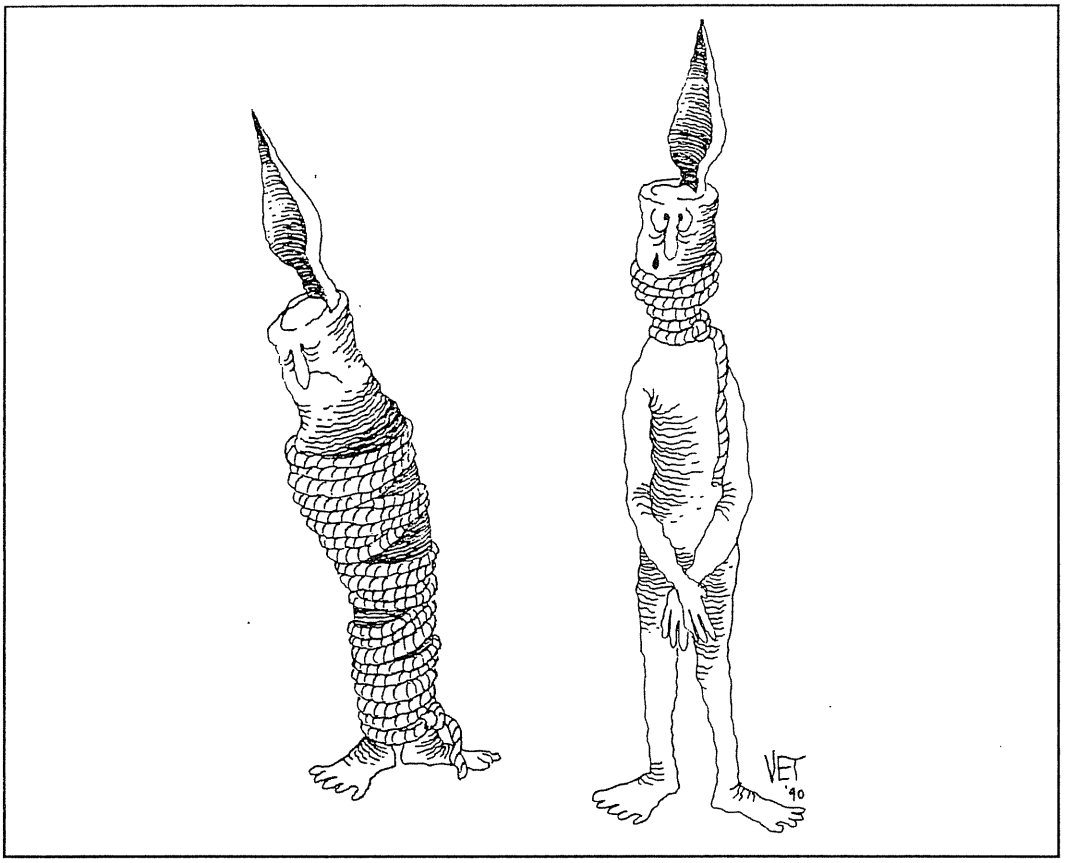

hòa (1955-1975) giữ vai trò chống Cộng trong các giai đoạn lịch sử đã qua. Cuộc vận động tự do dân chủ hiện nay là cuộc chiến đấu của toàn thể dân tộc Việt Nam ở trong và ngoài nước, để lật đổ một chế độ độc tài, bất lực và thối nát đang tàn phá dân tộc. Trong cuộc vận động đó, kết hợp toàn thể dân tộc không phân biệt quá khứ, người chống Cộng cần liên kết với các đảng viên cộng sản đang lựa chọn chống ách độc tài kiểu Stalin hay Đặng Tiểu Bình. Những người này có thể đã dứt khoát từ bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin. Cũng có những người chối bỏ chế độ chuyên chính vô sản, đảng trị và kinh tế chỉ huy, nhưng còn tin ở một thứ "Chủ nghĩa Xã hội" rất mơ màng, lý tưởng. Nhưng nếu cả hai loại đảng viên trên cũng đồng ý tương lai dân tộc Việt Nam chỉ có lối thoát trong một chế độ dân chủ đa nguyên, kinh tế thị trường, thì mục tiêu và đường lối của họ không khác các người chống Cộng bao nhiêu. Những lực lượng dân tộc, dân chủ ở trong nước sẽ lôi kéo họ về với toàn dân. Chúng ta không quên rằng ở các nước như Ba Lan, Tiệp Khắc, Đông Đức. . . khi các lực lượng dân tộc và dân chủ bùng lên, số đảng viên cộng sản từ hàng triệu đã trụt xuống hàng ngàn. . . cho nên khi chính các đảng viên cộng sản quay lại chống nhóm Trung ương Thống trị Quả đầu, thì đường đi của họ gặp đường đi của các lực lượng dân tộc, kể cả những người chống Cộng. Điều này tương tự như lập trường "hòa giải, hòa hợp, giữa thành phần nạn nhân, thành phần bị thua và thành phần bị lừa" của nhóm *Thông Luận*, một lập trường hay bị chỉ trích vì hiểu lầm.

3. Chúng tôi xin nêu các điểm dè dặt đối với hai bài của Nguyễn Hữu Chung và Tôn Thất Thiện.

Có nhiều đảng viên cộng sản Việt Nam vẫn còn tin ở khả năng đổi mới đảng, đổi mới chế độ. Do đó sự đối nghịch vẫn còn, và người Việt chống Cộng còn phải tiếp tục nói rõ với họ về những sai lầm, tai hại, và tính chất hão huyền của chủ nghĩa cộng sản. Ngay cả khi đảng cộng sản đổi tên và chỉ nêu lên một "lý tưởng" chủ nghĩa xã hội, đổi mới, dù khập khiễng một chân, thì sự đối nghịch giữa những đảng viên cộng sản còn tin ở chế độ một chân và những người chống lại chế độ cà thọt đó vẫn còn. Sự đối nghịch này sẽ diễn ra như thế nào, nên diễn ra như thế nào, chúng tôi sẽ bàn tới trong một bài sau.

Nguyễn Hữu Chung đã dự đoán Trung ương Đảng CSVN có thể thỏa hiệp, gọi là "hòa giải" với một nhóm chống Cộng nào đó để chiếm lá cờ "hòa giải, hòa hợp". Nếu chuyện đó xảy ra thì các lực lượng dân tộc và dân chủ phải làm gì. Đó cũng là một vấn đề chúng ta nên bàn trên *Thế Kỷ 21*.

K

VƯƠNG HỮU BỘT

Thành thật nhưng không mất trí nhớ

NGUYỄN HỮU CHUNG

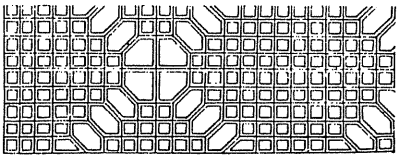

Nhà bác học, người tranh đấu cho nhân quyền và dân chủ của Trung Hoa, ông Phương Lệ Chi, đã viết một bài rất hay mà *Thế Kỷ 21* có dịch đăng trong số vừa qua. Bài tựa đề "Bệnh mất trí nhớ Trung Hoa". Ông cho thấy, qua những biến cố, là đảng cộng sản Trung Hoa (CSTH) có tài làm cho người ta quên mất những tội ác của họ, bằng cách tiêu hủy tất cả tài liệu, cấm mọi người bàn thảo về những biến cố tội lỗi để khoảng 10 năm sau, lớp người mới lớn lên không hề biết đến.

Năm 1957, khi vừa tốt nghiệp đại học, ông bị thanh trừng trong cuộc "phản hữu vận động" (chống hữu phái), và ông đã ngạc nhiên không hiểu tại sao đảng CSTH lại có thể tàn nhẫn như thế đối với giới trí thức. Ông bị những người lớn tuổi hơn chế nhạo là không biết gì về lịch sử, về cuộc khủng bố đẫm máu trong chiến dịch "chỉnh đảng" hồi năm 1942 tại Diên An, khi đảng CSTH chưa nắm chánh quyền.

Năm 1970, ông và các giáo sư đại học Bắc Kinh cùng với sinh viên bị đưa đi cải tạo ở một mỏ than. Trước đó, các sinh viên đã nhiệt thành ủng hộ Mao Trạch Đông trong cuộc "cách mạng văn hóa" nhằm hạ bệ các đối thủ của Mao. Nhiều sinh viên đã tự sát. Phương Lệ Chi nói rằng hầu hết các sinh viên cũng ngây thơ như ông hồi năm 1957, "chưa bao giờ tưởng tượng rằng chánh phủ lại có thể đối xử tàn bạo như thế đối với sinh viên, những người đã từng theo họ một cách trung thành". Những sinh viên đã không biết gì về cuộc "phản hữu vận động" hồi năm 1957 cả.

Tới vụ Thiên An Môn năm 1989 thì sự việc cũng như trước. Hơn một nửa sinh viên tham gia phong trào dân chủ không hề biết gì về những đàn áp năm 1979, khi có chiến dịch viết báo tường ở Bắc Kinh. Phương Lệ Chi viết rằng, nhiều lần như thế, chỉ sau chừng 10 năm thì "bộ mặt đích thực của lịch sử đã hoàn toàn bị xóa nhòa khỏi ký ức Trung Hoa".

Những điều ông Phương Lệ Chi viết nhắc người ta nhớ đến đảng cộng sản Việt Nam (CSVN).

Năm 1945, đảng CSVN đã thủ tiêu không biết bao nhiêu người thuộc các đảng khác và những người không dứt khoát theo họ, tuy cùng kháng Pháp. Lúc ấy tôi sáu tuổi và tôi còn nhớ rõ, mỗi ngày đều có những thây ma trôi trên con sông ngang nhà tôi.

Năm 1954, cộng sản đã giết và bỏ tù không biết bao nhiêu người trong chiến dịch cải cách ruộng đất ngoài Bắc.

Năm 1968, đảng CSVN tàn sát mấy ngàn người ở Huế, trong tết Mậu Thân.

Năm 1975, đảng CSVN bắt giam mấy trăm ngàn người dân miền Nam, gây khổ đau và chết chóc cho không biết bao nhiêu người.

Nói về trí nhớ thì người ta thấy Việt Nam còn kém hơn Trung Hoa. Không phải chỉ có lớp trẻ mới lớn lên không biết lịch sử. Không phải chỉ có xã hội mất trí nhớ. Chính nhiều người đã sống và đau khổ trong các biến cố cũng mất trí nhớ. Bằng chứng là có rất nhiều người, khi còn ở Việt Nam thì nguyền rủa, thề thốt, rồi đi vượt biển trong những điều kiện thập tử nhất sanh, bây giờ đã quên tất cả, đã trở về Việt Nam làm áp phe, vui chơi trong vòng tay lớn của đảng CSVN. Bịnh mất trí nhớ (alzeimer) là một bịnh rất tàn nhẫn. Ở Bắc Mỹ, nhiều người đã chọn tự sát thay vì sống với nó.

Nhưng nếu người dân thường có thể sớm quên, người làm chánh trị phải có trí nhớ. Có trí nhớ không phải để báo thù, báo oán. Có trí nhớ để giữ mình, giữ nước. Không phải chỉ có trí nhớ đối với đảng CSVN, mà còn phải có trí nhớ đối với PHE TA và LỊCH SỬ. Tôi nhấn mạnh phe ta và lịch sử, vì như chúng ta sẽ thấy, thay vì tìm cách "bình thường hóa bang giao" với người Việt Nam, đi với dân tộc Việt Nam, đảng CSVN đang tìm cách hợp tác với các thế lực ngoại bang, để tiếp tục ngồi đó bắt dân làm nô lệ. Chính vì vậy mà khi tôi (và rất nhiều người nữa) cổ võ cho một chế độ dân chủ đa nguyên ở Việt Nam, tôi đã hành động

một cách thành thật nhưng với một trí nhớ tốt về lịch sử, về những gì đã xảy ra trên nước Việt Nam trong 50 năm qua. Trong bài tham luận tôi vừa đọc ở cuộc hội luận mới đây về dân chủ đa nguyên, tôi đã nhấn mạnh nhiều tới vấn đề bầu cử, bầu cử nhiều lần, bầu cử tận làng xã. Có hai lý do chánh:

1- Tôi chống lại những chuyện sắp xếp chia quyền lợi. Đã sắp xếp thì không có dân chủ. Lịch sử 50 năm qua ở Việt Nam là những sự sắp xếp, từ việc ông Bảo Đại thoái vị rồi hồi loan, hội nghị Genève, việc ông Ngô Đình Diệm về nước vụ đảo chánh năm 1963, việc làm Hiến pháp 1965, việc đắc cử của các ông Thiệu, ông Kỳ, hiệp định Paris, và cuộc tháo chạy năm 1975. Năm mươi năm dàn xếp là 50 năm thảm hại cho dân tộc Việt Nam.

2- Một người Việt thân Cộng ở Paris, khi nói chuyện với tôi, có nói rằng chủ trương dân chủ đa nguyên, hòa giải dân tộc là một chủ trương chiến thuật, cốt chia rẽ hàng ngũ cộng sản, làm người cộng sản đổi mới chánh trị, nhưng khi phe chống Cộng đạt được chánh quyền rồi thì sẽ diệt người cộng sản. Tôi đã trả lời: không. Bây giờ tôi lập lại: không, không phải là một chiến thuật. Tôi thú thật rằng hồi trước năm 1975, chủ trương hòa giải hòa hợp dân tộc, chấm dứt chiến tranh của các thành phần dân tộc ở miền Nam là một chiến lược. Lý do là vì sự tham chiến trực tiếp của Hoa Kỳ và sự bỏ đi sau đó đã hủy hoại sức đề kháng của miền Nam. Vì chánh phủ Nguyễn Văn Thiệu không có sự hậu thuẫn của dân chúng. Vì miền Nam không thể đứng mãi đó để chịu đánh trong lúc miền Bắc được an toàn và có đầy đủ viện trợ. Miền Nam đang ở thế yếu và cần phải có thay đổi cơ bản về tư tưởng chánh trị và lãnh đạo chiến tranh của cả ĐỒNG MINH lẫn VNCH để có thể thủ hòa. Vả lại, đứng trên quan điểm dân tộc mà nói, hòa giải là một điều phải đạt tới vì dân tộc làm sao ấm no hạnh phúc khi các thành phần của nó cứ hận thù nhau, áp chế nhau.

Rất tiếc đã không có một biện pháp hay một thay đổi nào nhằm cứu vãn miền Nam. Cũng rất tiếc khi đảng CSVN không thấy con đường của dân tộc Việt Nam, chỉ thấy con đường của quốc tế vô sản. Hiệp định Paris năm 1972 và biến cố năm 1975 là sự "xóa bỏ" VNCH. Đảng CSVN tưởng đó là chiến thắng của chính họ nên đã vội vênh váo. Năm 1975 là khởi đầu của sự suy sụp của đảng CSVN. Đảng CSVN đã mục rữa. Ngày hôm nay, đảng CSVN rất yếu thế trước đại thể dân tộc, vì vậy chủ trương dân chủ đa nguyên, hòa giải dân tộc là thành thật mở một con đường êm ái cho những người muốn trở về với dân tộc và rút ngắn thời gian đói khát, khổ đau của hơn 60 triệu đồng bào. Tôi tin tưởng thật sự ở một chế độ dân chủ đa nguyên. Không có sự dối gạt vì dân chủ không phải của một nhóm người mà là của dân Việt Nam, và do dân Việt Nam. Sự hòa giải cũng vậy. Không phải là hòa giải giữa một nhóm chống Cộng và CSVN, mà là của tất cả các thành phần dân tộc. (CSVN đang vận động hòa giải với MỘT nhóm chống Cộng!)

Hòa giải là một thái độ tinh thần. Một cách thực tế, điều cần có là sự "bình thường hóa bang giao" giữa những người Việt Nam. Điều này chỉ có thể thực hiện trong một chế độ dân chủ. Tôi không chủ trương tiêu diệt những người cộng sản. Nhưng tôi không muốn người cộng sản có cơ hội trở lại dùng bạo lực tiêu diệt kẻ khác. Vì vậy, tôi chủ trương phải có tự do dân chủ trước bầu cử để tổ chức quần chúng, phải có những điều kiện để có bầu cử trong sạch, phải có bầu cử gấp ở cấp Tỉnh và cấp Xã để các địa phương tự thiết lập guồng máy an ninh của mình. Với sự phối hợp của cơ quan an ninh quốc gia, guồng máy này sẽ hữu hiệu gấp trăm lần guồng máy từ trung ương đưa xuống. Tôi tin chắc một trăm phần trăm rằng người Việt Nam, từ ải Nam Quan tới mũi Cà Mau, đều chán ghét độc tài khát máu và guồng máy an ninh nhân dân sẽ bẻ gãy những âm mưu của những người cộng sản hay của bất cứ ai còn muốn dùng bạo lực để lũng đoạn quốc gia. Mọi người Việt Nam đều sẽ có chỗ đứng của mình, có an ninh, có quyền lợi đồng đều trong một nước Việt Nam dân chủ. Ai tin vào Mác-xít cứ giương khẩu hiệu, hô hào để xin phiếu dân chúng. Nhưng cái "bạo lực cách mạng" thì xin miễn. Tương lai của đảng CSVN hay của BẤT CỨ AI, nằm trong tay dân chúng. Nếu dân chúng không có trí nhớ hay không có kỹ thuật, người làm chánh trị phải dùng kỹ thuật giúp dân chúng tránh những lỗi lầm lịch sử, làm chủ vận mạng của mình. Không thể mãi mãi cúi đầu làm nạn nhân của bạo lực. Tôi không thể đồng ý với những học giả hay hữu chính trị gia nói rằng dân chúng Việt Nam chưa đủ trưởng thành để hành xử các quyền dân chủ. Vì vô tình hay vì quyền lợi quý vị đó đã cổ võ cho một sự áp đặt, sự sắp xếp của các thế lực phi dân tộc.

Tôi biết rõ rằng không thể có ở Việt Nam, trong thời gian một vài năm, một nền dân chủ như ở Mỹ, ở Anh, ở Pháp, ở Canada. Nhưng với tất cả thiện chí, chúng ta có thể giúp dân chúng thiết lập được một nền dân chủ có sức sống (viable).

Tôi nghĩ rằng tất cả các bạn trong hay ngoài nước, đang cùng chủ trương dân chủ đa nguyên, coi đó như một hướng đi tất yếu của dân tộc, các bạn đó đã chủ trương với một ý thức sáng tỏ, với sự thành thật, và với một trí nhớ tốt về lịch sử.

NGUYỄN HỮU CHUNG

Montreal
15 tháng Mười Một 1990

Vũ trụ không có trung tâm

PHƯƠNG LỆ CHI

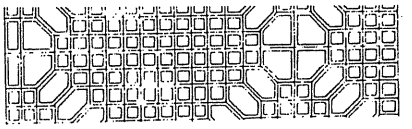

Những giá trị căn bản của nhân phẩm thì chung cho hết mọi dân tộc. Chúng gồm có những tiêu chuẩn về nhân quyền, có thể áp dụng phổ biến, mà không lý gì tới chủng tộc, ngôn ngữ, tôn giáo, hay tín ngưỡng nào khác. Những tiêu chuẩn phổ cập này, được tượng trưng bởi bản Tuyên ngôn Nhân quyền của Liên Hiệp Quốc, càng ngày càng được thế giới nói chung chấp nhận và tôn trọng. Khi một buổi lễ kỷ niệm được tổ chức tại Bắc Kinh hồi tháng Một năm ngoái để tôn vinh năm thứ bốn mươi của bản Tuyên ngôn, nhiều người chúng tôi đã vui mừng, bởi lẽ lúc ấy chúng tôi tưởng là nguyên tắc nhân quyền đã thật sự bén rễ trong cái khoảng đất xưa cũ này của chúng tôi rồi.

Thế nhưng, hết lần này đến lần khác, những giấc mơ yêu dấu này đã bị thực tế phũ phàng làm tan vỡ. Đối diện với tấn thảm kịch đẫm máu hồi tháng Sáu vừa qua (1989), thì chúng tôi phải thú nhận là chúng tôi đã quá lạc quan. Một số người có trách nhiệm về vụ đàn áp đó mới đây đã toan bênh vực hành vi của họ bằng lời tuyên bố là "Trung Quốc có những tiêu chuẩn riêng về nhân quyền". Họ đã hoàn toàn bác bỏ sự lên án của thế giới bằng cách từ chối không chịu thừa nhận cái bản chất phổ biến của nhân quyền. Dường như họ nghĩ rằng chừng nào họ có thể gọi cái gì là "việc trong nhà", để giải quyết nội bộ, là họ có thể bỏ qua được những quy luật về nhân phẩm và làm bất cứ những gì họ muốn. Nhưng đây là cái lối lý luận phong kiến tồi tệ nhất. Trong thời kỳ lâu dài Trung Quốc cô lập với thế giới, cái hệ ý thức có ngụ ý cho mình là "chúa tể thiên hạ" có thể đã là một biện pháp trị quốc hữu hiệu. Nhưng trong phần sau này của thế kỷ hai mươi, những lời tuyên bố về "việc trong nhà" chỉ để phơi trần những người nói như thế là những kẻ độc tài phong kiến mà thôi. Những lời nhận định như vậy đã mất cái khả năng dọa nạt hay đánh lừa của chúng.

Ngày nay, một số người Trung Hoa mỗi lúc một đông đảo tin rằng nếu muốn Trung Quốc bắt kịp thế giới hiện đại, chúng tôi phải thay đổi chính xã hội của chúng tôi bằng cách thu hút những khía cạnh nào của nền văn minh hiện đại hơn, đã chứng tỏ là tiến bộ và phổ biến, nhất là khoa học và dân chủ. Từ vận động ủng hộ khoa học và dân chủ năm 1919 cho tới ngọn triều đòi hỏi tự do trí thức năm 1957, và từ những cuộc diễn hành phản đối năm 1926 bị va chạm với gươm súng cho tới những cuộc biểu tình năm 1989 bị đương đầu với xe tăng, chúng ta có thể thấy được nhân dân Trung Hoa mong muốn thiết tha chừng nào một xã hội công bằng, thuần lý, và thịnh vượng. Dù Trung Quốc có một số vấn đề sâu xa khiến nó thụt lại đằng sau những xứ đã phát triển, nhưng lịch sử của chúng tôi rõ ràng chứng tỏ rằng dân tộc Trung Hoa đã cũng đi tìm kiếm cùng một thứ tiến bộ và phát triển như dân tộc khắp mọi nơi, bất kể chủng tộc hay quốc tịch. Khi nói về những khát vọng chung như thế, thì nhân dân Trung Hoa không khác bất cứ nhân dân nào khác. Như hết thảy mọi thành viên của giống người, người Trung Hoa sinh ra với một thể xác và một bộ óc, có những nhiệt tình và có một linh hồn. Bởi vậy họ có thể, và phải được, hưởng cùng những quyền lợi, phẩm cách, và tự do bất khả nhượng giống như những con người khác.

Cho phép tôi làm một loại suy lịch sử. Sự tuyên truyền mới đây cho rằng "Trung Quốc có những tiêu chuẩn riêng về nhân quyền" mang một sự tương đồng kỳ lạ với những lời phát ngôn của những nhà cai trị chúng tôi hồi thế kỷ thứ mười tám khi họ tuyên bố rằng "Trung Quốc có khoa thiên văn riêng". Tầng lớp quý tộc phong kiến 200 năm trước đây đã chống đối môn thiên văn dựa trên khoa học. Họ không chịu thừa nhận tính khả ứng dụng phổ biến của khoa thiên văn hiện đại, và cũng không chịu thừa nhận ngay cả rằng nó có thể có đôi chút hữu ích trong việc phát biểu có hệ thống lịch sử Trung Hoa nữa. Lý do họ chống đối thiên văn học hiện đại là, những quy luật của thiên văn, thích ứng cho mọi nơi, đã

cho thấy rõ câu "thiên mệnh trị quốc" mà những người ấy tự cho là mình có, là một điều hư cấu. Cũng vậy, những nguyên tắc nhân quyền, cũng thích ứng cho mọi nơi, cho thấy rõ câu "quyền thống trị" mà một số người hiện nay tự cho là mình có, là không có căn cứ. Vì thế mà những tầng lớp thống trị ở mọi thời đại, với những đặc quyền của họ, đã chống đối bình đẳng vốn có trong những ý niệm phổ cập ấy.

Bước tiến tới của văn minh phần lớn đã theo sau sự khám phá và phát triển của những quan niệm và quy luật có thể ứng dụng phổ cập, những ai bác bỏ ý tưởng cho rằng khoa học ứng dụng khắp mọi nơi thực ra chứng tỏ nỗi sợ hãi của họ trước văn minh hiện đại. Tầng lớp quý tộc phong kiến hai thế kỷ trước đây đã nhìn thiên văn học như một tác nhân mang lại văn hóa tân thời, cho nên đã khủng bố tàn bạo những người nghiên cứu và thực hành môn học ấy. Thực thế, trong một thí dụ đàn áp hồi đầu nhà Thanh, nămnhà thiên văn học tại Đài Thiên văn Bắc Kinh đã bị xử tử. Sự tàn bạo ấy chẳng những không chứng minh được cái dõng của bọn thủ phạm, mà chỉ chứng minh cái hãi của chúng mà thôi. Cũng vì kinh hãi không kém những hàm ý của nhân quyền phổ cập, mà bọn độc tài hiện nay cũng dùng đến tội giết người. Nhưng, cũng chẳng hơn trường hợp những kẻ tiền bối của chúng, điều đó cũng chớ nên coi là chỉ dấu sức mạnh của chúng.

Có một số người nói rằng sự khủng bố đầy khắp Bắc Kinh từ tháng Sáu (1989) tới nay đã khiến ta không thể nào không bi quan. Và tôi phải thú thực là chính tôi cũng có những cảm giác bi quan đó. Nhưng tôi cũng muốn xin được cống hiến một chút xíu khích lệ. Hãy nhớ rằng trong cái khí hậu khủng bố hiện nay, rất có thể rằng những kẻ bị khủng bố nhiều nhất lại là những kẻ vừa mới giết người đồng loại của chúng. Chúng ta có thể bị cưỡng bách sống trong sự khủng bố hôm nay, nhưng chúng ta không sợ ngày mai. Kẻ phạm tội sát nhân, trái lại, chẳng những sợ ngày hôm nay, mà họ còn kinh hãi ngày mai hơn nữa. Cho nên, ta không có lý do nào để đánh mất niềm tin. Sự ngu dốt có thể thống trị ngắn hạn bằng cách dùng bạo lực, nhưng cuối cùng nó sẽ không thể cưỡng nổi bước tiến tới của những quy luật phổ biến. Và sự việc này sẽ xảy tới chắc chắn như trái đất xoay tròn.

Tất nhiên, cần có thời giờ cho trái đất xoay, và đối với Trung Quốc có thể còn cần nhiều thời giờ hơn nữa. Với ý nghĩ này tôixin có vài điều nói với những thanh niên Trung Quốc trong khán giả. Tôi biết rằng trong số các em có nhiều người đã hiến dâng đời mình cho công cuộc xây dựng lại quê hương ta. Bởi con đường đưa tới phục sinh là một con đường dài lâu, tôi thiết tha hy vọng rằng các em sẽ không gián đoạn công việc giáo dục, mà còn phải làm việc nhiều hơn nữa để đào sâu và làm phong phú kiến thức của mình. Chúng ta tất cả là môn đồ của bất bạo động. Sức mạnh nào mà sự bất bạo động có thể gọi đến làm phương tiện kháng cự lại cái bạo động vũ trang bằng súng ống tại toàn khắp thế giới hiện nay? Có nhiều chiến lược bất bạo động, nhưng cái căn bản nhất là sức mạnh của kiến thức. Không có kiến thức, bất bạo động có thể biến thành sự ăn xin, và lịch sử thì không hề bị lay chuyển bởi vì sự đi ăn xin bao giờ. (Nhái lại lời Einstein) Chỉ chừng nào ta cưỡi lên vai người khổng lồ kiến thức thì ta mới thật sự có thể thay đổi được hướng đi của lịch sử. Chỉ với kiến thức ta mới có thể vượt qua nổi cái bạo động của sự ngu dốt tại chính gốc rễ của nó. Chỉ với kiến thức ta mới có được lòng thương cảm cần thiết đặng giải thoát những người có lòng mê tín dị đoan vào cái quyền lực tuyệt đối của bạo động khỏi sự điên rồ của họ. Như Ibsen đã nói, "Nếu anh muốn có giá trị cho xã hội, thì không còn cách nào hơn là tự rèn cho anh thành một con thuyền lớn để (người ta) dùng nó". Tôi hy vọng rằng tất cả chúng ta sẽ cố gắng tự rèn chúng ta thành những con thuyền như thế.

Nhiều bằng hữu đã biểu tỏ mối quan tâm sâu xa về tình trạng hiện nay của tôi, và từ đáy tim chúng tôi, vợ tôi và tôi nhân dịp này xin cảm tạ cả những người chúng tôi đã quen biết lẫn những người chúng tôi chưa hề được gặp mặt. Vì những hoàn cảnh khác thường của đời sống chúng tôi hiện nay, tôi không thể kể cho quý bạn nghe những chi tiết cuộc sống chúng tôi. Nhưng có lẽ có một mẩu tin có thể làm quý bạn an tâm được phần nào. Hiện nay tôi đang hết sức cố gắng sử dụng tới cùng cực những quyền còn lại của tôi, đó là quyền suy nghĩ và quyền tra hỏi. Tôi đang tiếp tục việc nghiên cứu trong ngành vật lý học thiên thể, và từ tháng Sáu năm nay (1989) tôi đã viết được hai bài nghiên cứu và hiện giờ đang viết bài thứ ba.

Trong ngành vũ trụ học hiện đại, nguyên lý thứ nhất được gọi là "Nguyên lý Vũ trụ học". Nó nói rằng vũ trụ không có trung tâm, rằng nó có cùng những đặc tính toàn khắp. Trong nghĩa đó, bất cứ chỗ nào trong vũ trụ cũng có những quyền bình đẳng. Làm sao mà giống người, đã từng tiến hóa trong một vũ trụ có một tính bình đẳng phổ cập như thế, lại không thể vươn tới được một xã hội không bạo động và không khủng bố? Làm sao ta lại không thể xây dựng được một thế giới trong đó những quyền lợi mà mỗi một con người phải được hưởng lại không được tôn trọng?

Cầu xin vũ trụ ban phước lành cho toàn thể chúng ta.

Xin cảm tạ mọi người. K

ĐẶNG HOÀNG dịch theo bản dịch Anh ngữ của JAMES H. WILLIAMS và ORVILLE SCHELL

Cánh đồng cho em

HOÀNG MAI ĐẠT

Sau nhiều năm tìm kiếm, người thiếu nữ gặp người đàn ông vào một buổi trưa cuối tháng Hai ở nhà ông ta. Từ ngoài trời tuyết giá người thiếu nữ bước vào căn phòng ấm cúng và mỉm cười chào người đàn ông đeo kiếng cận. Ông ta khép chặt cửa, trong khi người thiếu nữ cởi áo lạnh và treo nó lên móc.

"Tôi muốn biết chuyện ngày tôi còn bé," người thiếu nữ nói.

Người đàn ông nhìn đôi mắt nâu của người thiếu nữ, rồi ông nhìn tránh ra cửa sổ, nơi bông tuyết đang bay lất phất và bám vào kiếng.

"Cô nên giữ cái khăn choàng cổ," người đàn ông nói và nhìn lại đôi mắt nâu thấm mệt sau một chuyến đi xa. "Ngồi lâu quen hơi ấm rồi hãy lấy khăn choàng ra." Rồi ông ta chỉ tay vào phòng khách và nói tiếp "Cô hãy ngồi vào cái ghế đó gần lò sưởi. Tôi sẽ pha cho cô một tách chocolate nóng. Phòng vệ sinh ở bên này." ông ta trỏ tay về hướng hành lang cạnh bếp.

Người thiếu nữ khẽ "Dạ" rồi đi đến phòng vệ sinh. Người đàn ông bước xuống bếp và bắt đầu đun nước. Ông khạc ho một lần trong lúc đứng đợi nước sôi. Rồi chợt nhớ, ông trở vào phòng khách và bỏ thêm củi vào trong lò sưởi lát gạch đỏ. Khi ông trở lại bếp, người thiếu nữ ngồi vào ghế nệm ở bên phải lò sưởi.

"Ông ở đây bao lâu rồi?" người thiếu nữ hỏi.

"Gần mười tám năm," người đàn ông trả lời và tiếp, "Chỉ kém tuổi cô hai năm."

"Vậy à," người thiếu nữ nói. Nàng duỗi thẳng chân trước lò sưởi và từ từ gỡ khăn choàng cổ có hoa lá rậm màu ra. "Tôi muốn biết chuyện gì đã xảy ra, tất cả những gì ông còn nhớ," người thiếu nữ vừa nói vừa nhìn về hướng bếp nơi người đàn ông đang đứng quay lưng lại.

"Tôi sẽ kể lại những gì tôi biết," người đàn ông trả lời trong khi tay ông ta quậy đều tách chocolate. Tiếng ông ta vọng ra từ dưới bếp và tỏa rộng vào phòng khách.

Người đàn ông để tách chocolate ở trên bàn giữa hai cái ghế nệm trước lò sưởi và ngồi đối diện người thiếu nữ. Ông nói, "cô đợi một chút cho bớt nóng rồi hãy uống."

"Cám ơn ông," người thiếu nữ hơi cúi xuống nhìn người đàn ông. "Ông ở đây một mình?" nàng hỏi.

Người đàn ông bỗng đứng dậy, trở vào trong bếp, rồi bước ra với chai rượu và hai ly thủy tinh ở trên tay. "Có một mình," ông nói. "Cô có thích uống brandy không?" Ông định ngồi xuống.

"Không. Tôi không biết uống rượu," người thiếu nữ trả lời.

Người đàn ông lại đứng dậy, đi vô bếp, rồi trở vào phòng khách với cái ly đầy đá. Ông nói, "Câu chuyện có thể dài. Tôi không muốn đứng lên đi lấy đá nửa chừng giữa lúc kể chuyện."

"Ông kể đi," người thiếu nữ nhắc. "Tôi đợi lâu lắm rồi."

Người đàn ông nâng ly rượu uống một hớp. Những sợi tóc bạc trên đầu ông óng ánh theo ngọn lửa vàng đỏ lấp loáng trong lò sưởi. Ông khẽ đẩy gọng kiếng gần vào mắt hơn và uống thêm rượu. Rồi ông thong thả nói.

Quá khứ, như một con đỉa, đã bám chặt theo họ và hút đi những giọt máu sống của hiện tại. Máu của nó cũng là máu của hai người. Người đàn ông và người đàn bà.

Người đàn ông sang Mỹ du học từ năm mười bảy tuổi. Cha mẹ của hắn là thương gia buôn gạo giàu có, đã bỏ tiền cho con sang Mỹ để tránh quân dịch. Ở ngoại quốc hắn tiếp tục lối sống ăn chơi bắt đầu tại Sàigòn. Tại một trường đại học ở miền đông bắc Hoa Kỳ, người thanh niên ấy ghi danh học Liberal

Arts. Khi miền Nam Việt Nam sụp đổ vào cuối tháng Tư năm 1975, đầu của người thanh niên đã mịt mù bay bổng theo khói thuốc weeds, thân thể của hắn ngập mùi mồ hôi và nước hoa rẻ tiền từ những ổ điếm đủ màu. Năm đó người thanh niên hai mươi tuổi. Mất liên lạc với gia đình và không có tiền, người sinh viên bỏ học, đi theo những đứa chơi punk rock, chỉ vì hắn ghét tất cả mọi thứ, như những đứa punk. Hắn thích nghe tiếng trống nện trong hầm mỗi đêm. Hắn không biết hát hay chơi nhạc cụ. Bù lại hắn biết chụp hình và hay la cà xuống mấy xóm người da đen để xoay sở thuốc phiện cho mấy đứa trong băng. Mỗi đêm hắn theo tụi nó xuống hầm nhạc bar. Hò hét, nhảy slam dance, đánh lộn xong cả bọn kéo về phòng bẩn thỉu có một cửa sổ vỡ kiếng để bay một chuyến acid trip hay để "có tình dục" ngoài hành lang, trên nóc nhà. Có đêm mùi ói mửa của những đứa bạn làm hắn mất ngủ.

Một buổi trưa mùa đông không mặt trời hắn đến nhà quen để nhận thư từ Việt Nam. Bà ngoại của hắn viết thư sang báo tin cha mẹ hắn đã bị bắn chết và bị cướp hết vàng trên thuyền vượt biển ngoài Vũng Tàu. Bà ngoại cũng nhắn hắn gởi tiền về cho những người thân. Đêm hôm đó, trong lúc say rượu, hắn đánh con nhỏ Gina và hiếp nó từ đằng sau trong cầu tiêu. Gina nhổ nước miếng vào mặt hắn, cười, và nói rằng hắn thô bạo như ông già của nó. Hắn thấy tức.

Hắn tưởng mọi chuyện sẽ không thay đổi. Cả bọn sẽ lẩn quẩn trong bóng tối đằng sau những khu nhà đen khói. Nhưng có thay đổi. Một buổi trưa cả bọn thức dậy trễ và thấy Robert nằm chết ngay đơ gần cầu tiêu. Cái tiêm thuốc còn nằm trong tay. Robert chơi trống. Hai tuần sau đó Randy bị một băng da đen đâm ba nhát vào bụng, lấy hết tiền, và để chảy máu chết trong ngõ hẻm. Randy chơi guitar. Gina bỏ đi nhảy go-go ở một cái bar gần nơi lúc trước Gina hát và đệm bass. Kathy trở về với gia đình ở một vùng trung lưu ngoài thành phố. Kathy hát. Còn hắn. Hắn bán máy chụp hình, mua vé xe đến Indiana để kiếm một thằng bạn Việt Nam học cùng trường lúc trước.

Cũng may, Tiến, thằng bạn học mà bây giờ là kỹ sư có giá trị, cho hắn ở nhờ. Bốn đêm một tuần hắn chạy bàn ở một tiệm ăn Tàu. Một thời gian sau đó, hắn nghe chuyện vượt biển, chuyện hải tặc, chuyện tù cải tạo, từ Tiến và những người Việt Nam chung quanh Tiến. Toàn chuyện chết người. Nghe nhắc đến những cái chết, hắn nói thầm họ chết đâu phải lỗi của hắn. Hắn cũng đã nói như thế khi xem tin tức chiến tranh Việt Nam trên đài truyền hình vào những ngày mới sang Mỹ. Họ chết vì họ tranh đấu cho lập trường của họ, hắn nghĩ. Hắn không có lập trường.

Một hôm, trong lúc theo gia đình Tiến ra mall, hắn nhận thấy cần phải đi xa. Họ gặp hai vợ chồng da trắng ở mall. Người chồng hỏi, "Các bạn là người Việt Nam?"

Mọi người đều trả lời "Yes" ngoại trừ hắn. Rồi họ lịch sự trao đổi những câu xã giao với hai vợ chồng Mỹ. Trong khi đó hắn đứng tách ra khỏi bọn, nghĩ thầm về con người Việt Nam của hắn. Những người kia đã thấy xác chết trên đường tìm tự do, đã bị hãm hiếp, cướp bóc, đã sống trong lao tù của cộng sản. Còn hắn? Hắn chưa thấy chiến tranh Việt Nam. Trong lúc hắn ăn chơi lêu lổng ở bên Mỹ, người Việt Nam chết banh xác ngoài đồng, rữa thây trên rừng. Khi vòng xích của chiến xa cộng sản lăn vào dinh Độc Lập, hắn còn mải kéo dài giây phút thống khoái trên thân thể của một người đàn bà xa lạ. Hắn không thể tự nhận mình cũng cùng loại như những người kia.

Có lần một thằng da trắng mặc áo Sex Pistols, trong lúc trao cho hắn túi angel dust, hỏi giỡn, "Có phải mày là VC bắn chết người Mỹ?"

Hắn trả lời một câu mà hắn nghĩ là rất thành thật lúc ấy, "Tao không phải là người Việt Nam, and fuck you." Thằng kia chửi hắn một câu rồi bỏ đi. Có điều hắn biết là hắn không thể tự lừa mình được. Mặt mũi hắn rất Việt Nam và hắn nói được tiếng Việt.

Đầu mùa xuân năm 84 hắn bỏ gia đình của Tiến, lái chiếc xe Mustang đỏ băng ngang nước Mỹ để đến Nam Cali, nơi mà hắn nghe kể có nhiều người Việt Nam.

Mà nhiều thật. Nhan nhãn khắp đường Bolsa. Trên lề đường, trong xe đắt tiền, ngoài cửa tiệm, trên lầu thương xá. Toàn người Việt Nam. Mặt mũi giống như hắn. Nhắm mắt hắn cũng thấy họ trầm ngâm hay đùa giỡn. Bịt tai hắn cũng nghe họ cãi vã hay yêu đương.

Mới đến Cali, chẳng còn bao nhiêu tiền trong túi, hắn làm việc chung với người gốc Mễ tại một hãng điện tử vùng Irvine. Ở đó hắn lặng lẽ làm việc giữa những tiếng Tây Ban Nha huyên náo, cẩn thận thả những tấm mạch điện vào máy bắn hóa chất. Những đêm phải lôi cả thùng phi thuốc hóa học nặng gấp đôi mình qua những hàng lang vắng vẻ, hắn hay tưởng tượng thấy những xác chết không mặt mũi nằm ngay ngắn chờ đợi những người mặc y phục trắng che kín mặt đến hốt đi. Hắn âm thầm hốt đi từng cái xác một. Những xác chết cũng nặng như những thùng phi trên chiếc xe lăn im phắc trong hành lang mỗi đêm.

Gần một năm sau hắn xin được chân làm nhân viên xã hội. Mỗi ngày hắn tiếp xúc với nhiều người Việt tị nạn và giúp đỡ họ trong việc lãnh xin trợ cấp. Một ngày kia, tại sở làm, hắn, người đàn ông đã ba mươi tuổi, gặp người đàn bà.

Người đàn bà lúc ấy đã hai mươi tám tuổi và ở Mỹ được hai

năm. Nàng đã lớn lên ở ngoại ô Nha Trang, tại một làng gần mé sông, phía tây đền Tháp Bà. Ngày rằm mỗi tháng nàng đều đến Tháp Bà, để cầu nguyện cho người anh cả đang cầm súng chiến đấu ở đâu đó ngoài chiến trường miền Trung. Nàng mong khi đất nước thanh bình người anh cả sẽ trở về với thân hình còn nguyên vẹn.

Tháng Tư năm 75, người anh trở về. Tay chân anh vẫn còn nguyên. Nhưng thay vì trở về với bộ quân phục đại úy bộ binh, anh đã về xác xơ trong bộ quần áo rách rưới bẩn thỉu, và đi chân đất. Trong những buổi chiều ngồi một mình sau nhà, anh để mặc cho mái tóc xõa dài quá mắt, như cố tình che giấu những nỗi khổ tâm mà anh không muốn chia sẻ với ai. Anh ngồi yên lặng hàng đêm cho đến khi gà gáy, như một con ma, chờ đợi định mệnh đã an bài cho kẻ thất trận. Vài tháng sau đó họ đến bắt anh đi học tập, nói rằng chỉ trong một thời gian ngắn anh sẽ được thả về. Trước khi ra khỏi nhà, người anh cả nhìn người em gái bằng đôi mắt sâu thẳm và sáng ngời. Trong cái nhìn thật lâu đó, người em đã cảm nhận tình thương của người anh. Sau đó anh đi như một cái xác không hồn.

Người anh cả chịu đựng chửi rủa, chấp nhận sự đọa đày thể xác và tinh thần, nhưng anh không chịu nhận lỗi lầm mà họ đặt cho anh. Rồi một đêm họ vu anh đã tìm cách trốn trại và bắn vào cái đầu cứng của anh một viên đạn. Xác của anh được bạn cùng trại chôn vội vàng ở bìa rừng. Một người bạn tù đã vượt ngục và kể lại như thế. Người bạn tù cũng bảo là anh không còn người thân để trở về. Anh ta xin ở lại với gia đình của nàng.

Người đàn ông bỗng ngừng kể, yên lặng nhìn khoảng không trước mặt. Rồi như bắt được mình đang trôi đi một nơi khác, ông vội vã nhìn người thiếu nữ, khẽ xoay người trong ghế ngồi, và tiếp tục câu chuyện.

Theo thời gian người em gái săn sóc người bạn như anh ruột của nàng. Sau bao năm tháng lăn lóc ngoài chiến trường và trong lao tù, người bạn tù đã đón nhận tình thương của người em gái, như con cá mắc cạn đón nhận giòng suối mát. Nàng trao tình thương như mong nó sẽ làm cho người bạn bớt đau khổ trước cuộc sống đen tối, và theo đó nàng tìm cho chính nàng ý nghĩa sống từng ngày.

Tình yêu đã đến với họ như một đóa hoa, trồi lên giữa lằn nứt trên mặt đá. Tình yêu thúc đẩy họ đi tìm mảnh đất mới để nuôi dưỡng đóa hoa nhiệm màu, được kết tụ từ hai trái tim còn đập mạnh, phập phồng sự khát sống. Vào một đêm thanh vắng, họ yêu nhau giữa thiên nhiên gần bờ sông. Họ nghe âm thanh cuồn cuộn trôi của giòng sông, đưa họ đến một nơi mà họ nghĩ có hạnh phúc. Từ đó họ là vợ, là chồng. Người đàn ông ngừng nói. Mắt ông tìm ly rượu, mặc dù nó còn nằm trong tay. Uống gần cạn ly, ông trầm trầm tiếp tục câu chuyện.

Một đêm khuya, người vợ gói ghém hết những hình ảnh và kỷ vật của gia đình vào trong cái túi xách tay, ôm mẹ thật lâu. Họ rưng rưng nước mắt nhìn nhau nhưng không dám khóc thành tiếng. Người vợ nắm chặt tay cha, rồi buông ra khi người chồng kéo nàng đi. Họ đi tìm tự do. Toán người vượt biển chia ra làm nhiều nhóm. Hai vợ chồng theo người dẫn đường, đi lầm lũi trong bóng tối yên lặng, len sau những bụi cây xuống mé sông đằng sau nhà người chủ thuyền. Đến gần chỗ đậu thuyền, họ bỗng nghe nhiều tiếng quát lớn và tiếng chân người lội nước, chạy nhanh trên đường đất ven sông. Nhiều tiếng súng nổ vang lên. Người chủ ghe lủi trốn vào bụi cây, nhưng không kịp. Họ đã bị bắt. Những người công an lố nhố bao vây họ trong vòng vây của mũi súng.

Trong trại tù, mỗi ngày vợ chồng gặp nhau một lần. Mỗi lần như vậy vợ chồng chỉ biết nhìn nhau và thở dài. Trong lần gặp nhau cuối cùng, người chồng cho biết anh sẽ bị đưa đi lao tù tại một trại khác, mà anh đoán là ở ngoài bắc. Anh khuyên vợ hãy tiếp tục tìm tự do khi được thả ra ngoài, để nuôi đứa con chưa ra đời của họ. Người vợ đã làm theo lời chồng. Vài tuần sau khi được thả về nhà, người vợ đã gom hết tiền của còn lại để mua một chỗ ngồi trong một chuyến đi chui khác.

Sau nhiều ngày lênh đênh trên biển đông, nhóm người liều mạng đến Phi Luật Tân. Cả ngày người vợ ôm cái thai chưa đầy bốn tháng và khóc một mình trong căn lều tôn tạm bợ. Trong một bức thư từ quê nhà, người vợ được tin người chồng sẽ không bao giờ trở lại. Mọi người chỉ biết mù mờ là người chồng đã chết trên cao nguyên miền bắc. Và rồi đứa con gái mồ côi cha chào đời trên đảo tạm cư giữa cảnh cô đơn, khốn khó của người mẹ. Hai mẹ con được người bà con nhận bảo lãnh sang Nam Cali hơn một năm sau. Không kiếm được việc làm, người vợ đến văn phòng xã hội để xin trợ cấp nuôi con. Và ở đó, người đàn bà gặp người đàn ông.

Người đàn ông uống cạn ly Brandy.

"Rồi sao nữa?" người thiếu nữ hỏi, mắt không rời người đàn ông. Từ khóe mắt, nàng thấy mưa tuyết đang rơi ngoài cửa sổ.

Người đàn ông rót thêm rượu, rồi uống một hớp.

Mỗi ngày làm việc người đàn ông gặp nhiều người Việt Nam. Và cũng mỗi ngày ông cảm thấy tội lỗi từ quá khứ của ông nhẹ bớt đi, theo nụ cười nhẹ nhõm trên gương mặt của những người được ông giúp đỡ. Nỗi khổ của mỗi người là tự do mình tạo ra, và cũng tự mình

sẽ tìm cách cứu giải lấy mình. Đó là lối duy nhất để thoát, người đàn ông tự nhắc mình điều đó. Khi gặp người đàn bà vào một buổi chiều thứ Sáu sắp đến giờ tan sở, người đàn ông như chợt thấy cánh cửa dẫn đến con đường cứu rỗi đang hé mở.

Trong lúc ra phòng đợi gọi tên một vị thân chủ, người đàn ông để ý đến người đàn bà từ lúc người ấy bước vào cửa và đứng xếp hàng ở cuối cái đuôi dài ngoằn ngoèo. Người đàn bà mặc quần ống rộng màu nâu, áo trắng dài tay, hơi chật, bỏ trong quần, và đi đôi giày vải đen mỏng. Người đàn bà nổi bật trong đám người đi xin trợ cấp ở cách phục sức và dáng dấp của một người chưa bắt kịp lối sống Mỹ. Đứa con gái lúc đó đứng ôm chân mẹ và cười với những người qua lại. Người đàn ông trở vào phòng làm việc, chăm chú theo dõi người đàn bà qua tấm kính cửa.

Người đàn bà nhìn chằm chằm vào khoảng không, và thỉnh thoảng lẩm bẩm nói một mình. Mái tóc xõa dài quá trán, che đôi mắt luôn mở to quá độ của người đàn bà, hút chặt sự chú ý của người đàn ông. Ông ta hầu như không còn biết mọi chuyện đang xảy ra ở chung quanh. Ông quên mất người ông cần gọi tên. Ông mãi chú ý đến người đàn bà.

Người đàn bà lúc ấy đang tìm cách giải thích với cô tiếp viên tóc vàng, rồi đứng trân trân không nói gì thêm. Cô tiếp viên hỏi lại một lần nữa. Người đàn bà yên lặng. Họ nhìn nhau. Người đàn ông đứng dậy, mở cửa và tiến lại chỗ hai người. Đứa bé gái ngẩng đầu nhìn ông ta.

"Cô là người Việt Nam?" người đàn ông hỏi.

Người đàn bà gật đầu.

"Tôi có thể giúp người này," người đàn ông nói với cô tiếp viên. "Cô lại phòng phỏng vấn với tôi," người đàn ông nói nhỏ với người đàn bà và thoáng tìm đôi mắt nâu to, khuất đằng sau những sợi tóc dài và cái cúi đầu. Đến cửa phòng, người đàn ông quay lại. Người đàn bà đã không đi theo ông ta. Nàng đang đứng với con ở cửa ra vào.

"Tôi muốn giúp cô," người đàn ông chạy lại nói. Ông cảm thấy sự tuyệt vọng trong tiếng nói của mình.

"Tôi muốn về," người đàn bà quay lại nói. "Cám ơn ông."

"Rồi làm sao cô sống?" người đàn ông hỏi.

Người đàn bà đã bước ra ngoài cửa. Đứa bé gái reo cười và nắm chặt tay mẹ.

"Khoan đã," người đàn ông kêu. Đến bên cạnh người đàn bà, ông ta hỏi, "Làm sao cô về?"

"Có lẽ đi xe buýt như khi tôi đến đây, hay đi bộ. Tôi không biết. Cám ơn ông," người đàn bà nói.

"Tôi muốn đưa cô về," người đàn ông nói. "Trời nắng thế này không tốt cho cháu gái."

Người đàn bà nhìn con, rồi nói, Cám ơn ông. "Ông về họ có nói gì không?"

"Kệ họ," người đàn ông nói.

"Màu đỏ chói quá," người đàn bà nói trong khi người đàn ông dọn những cuốn sách ra khỏi ghế khách ngồi trên xe.

Lái xe ra đến đầu đường người đàn ông hỏi, "Nhà cô ở đâu?"

"Tôi không muốn đi về nhà," người đàn bà quay mặt nhìn ra ngoa4i.

"Hả?" người đàn ông kêu.

"Tôi muốn đi ra biển, chỗ nào cũng được, miễn là có biển." Người đàn bà nhìn gương mặt bối rối của người đàn ông.

Đèn bật xanh. Người đàn ông lái xe trở lại theo hình chữ U. "Đi ra biển?" người đàn ông hỏi lại.

"Nếu ông không thấy phiền." Người đàn bà đặt đứa bé lại gọn gàng trên đùi.

"À, không phiền đâu," người đàn ông nói. "Nhưng mà tôi chưa ra biển ở đây bao giờ." Người đàn ông ngừng xe ở một bãi đậu, và quay người tìm cái bản đồ trong đống sách vở ở ghế sau.

"Ở đây có những bãi biển đẹp nhất nước Mỹ, trên báo họ viết như thế," người đàn ông tìm cách gợi chuyện trong lúc lái xe xuôi hướng nam. "Tôi ở đây trên một năm mà chưa bao giờ ra ngắm biển."

"Đường Newland," người đàn bà nói. Họ vừa băng qua một ngã tư có bảng tên đường. "Newland có nghĩa là gì?" người đàn bà hỏi.

"À! Đất mới," người đàn ông có vẻ phấn khởi. "Newland có nghĩa là miền đất mới." Người đàn ông bỗng bật cười. "Hay là tân thổ cũng thế. Ha! Ha!"

Người đàn bà chăm chú nhìn người đàn ông, với đứa bé trong vòng tay ôm chặt. "Ông cười như anh của tôi," người đàn bà nói. "Khi không cười bất ngờ làm người khác phải giật mình."

"Vậy à? Xin lỗi." Miệng người đàn ông vẫn còn nhếch mép lên. "Tôi mắc cái tật dễ cười. Thấy có gì khác thường là tôi cười."

"Không sao," người đàn bà nói, nhoẻn miệng cười, rồi nhìn phía trước xe.

Đứa bé gái ngẩng đầu ngó người đàn ông và nhe răng bé ra cười.

Giữa những ngọn đồi đầy cỏ hoang và hoa dại, người đàn ông bế đứa bé gái và yên lặng đi bên cạnh người đàn bà trên con đường đất hẹp dẫn xuống bãi biển. Tiếng sóng lớn lần, và mùi biển mặn thổi ngược lại vào mặt họ. Người đàn ông thỉnh thoảng dè dặt nhìn mái tóc tung bay của người đàn bà. Nhiều lúc ông cảm giác được sự mềm mại của đôi môi hồng nhạt của người đàn bà.

"Biển đẹp quá," người đàn bà nói khi họ cởi giầy đi trên cát ấm.

"Đẹp thật," người đàn ông nói và thả đứa bé cho nó chạy đùa giỡn trước mặt hai người. Người đàn ông nói, "Bọt sóng biển trắng như bông gòn trên thảm nhung xanh thẫm."

Hai người đứng nhìn ra khơi. Bãi vắng. Rồi họ tiến dần

đến một bãi đá thoai thoải lăn dài ra khơi. Người đàn ông quay sang nhìn người đàn bà và chợt hiểu tại sao bãi biển buổi chiều hôm đó đẹp một cách kỳ bí. Lúc hai người đứng ngoài mỏm đá nhìn những vệt sáng hồng tím cuối cùng còn xòe ra như bàn tay ở đường chân trời, người đàn ông hít mạnh hương người đàn bà vào lồng ngực.

Trong một lần ra biển xem mặt trời lặn vài tuần sau đó, người đàn bà có hỏi, "Mặt trời lặn rồi đi đâu?"

Người đàn ông nhích lại gần người đàn bà và nói nhỏ, "Như một đứa bé đi nhặt vỏ sò, mỗi đêm mặt trời sẽ gom hết những kỷ niệm đẹp tìm được vào trong một ngôi sao thủy tinh và gắn nó lên bầu trời trước khi đi ngủ. Ánh sáng từ những kỷ niệm yêu thương sẽ mãi lấp lánh trong những ngôi sao. Sáng hôm sau mặt trời sẽ bừng thức dậy và tiếp tục đi nhặt những kỷ niệm do những tình nhân trao nhau dưới ánh sáng rực rỡ của nó."

Một lần khác, trong bóng tối hoàng hôn người đàn bà hỏi, "Tại sao ông ở đây?"

"Ở đây tôi có thể bắt đầu lại được. Tôi tin rằng đời sống, dù ở bất cứ giai đoạn nào, cũng đều có thể bắt đầu lại được nếu mình muốn," người đàn ông nói.

"Ông chỉ có thể nói cho ông, chứ không thể cho những người khác," người đàn bà nói.

"Ở đây," người đàn ông nói, "ai cũng có thể cất đi hết quá khứ của mình, mặc một bộ đồ mới, và bắt đầu lại từ đầu. Sự tin tưởng đó đã cho tôi sống."

"Quá khứ của mỗi người khác nhau," người đàn bà nói. Đứa bé lúc đó nằm ngủ trong lòng mẹ.

"Nhưng ai cũng đều khổ như nhau," người đàn ông trả lời và tìm tay người đàn bà.

Người đàn bà hé mở bàn tay và để cho hơi ấm từ bàn tay người đàn ông tràn vào lòng.

"Anh mong được sống với em suốt đời," người đàn ông nói.

Người đàn bà cúi đầu nhìn những hạt cát trắng mịn bám trên đôi chân. Nàng chợt ngẩng đầu và bắt gặp đôi mắt tha thiết của người đàn ông. Nàng mỉm cười, rồi hướng mắt ra khơi nhìn những đợt sóng vỗ nhẹ vào bãi cát vắng. Những ngón tay nàng khẽ bấu bàn tay của người đàn ông.

Vào buổi sáng ngày Trung Thu người đàn bà gọi ra văn phòng xã hội và nói, "Em muốn chiều nay ra biển với anh."

Buổi chiều hôm đó người đàn ông say đắm nhìn người đàn bà đã thay đổi. Mái tóc nàng cắt ngắn, để lộ đôi mắt sáng và khuôn mặt đầy tròn. Nàng mặc áo đầm lụa vàng và thắt cái khăn choàng lụa có hình lá thu ngang bụng.

"Em đẹp quá," người đàn ông nói khi họ ngồi uống Zinfandel trong một nhà hàng Pháp ít khách, hoàn toàn xa lạ đối với họ.

Vừa cầm ly rượu trắng người đàn bà mỉm cười và nói, "Anh say rồi. Anh đã tập cho em say."

"Anh say em," người đàn ông đăm chiêu nhìn đôi mắt nâu của người đàn bà. Ánh đèn vàng ấm cúng như tỏa ra từ đôi mắt đó.

Đến khuya, trên con đường đất dẫn xuống bãi biển mà hai người đã đi lại nhiều lần, người đàn ông nhẹ để tay qua lưng người đàn bà và thì thầm, "Je t'aime."

"Anh nói gì?" người đàn bà cắn môi nhìn người đàn ông.

"I love you," người đàn ông nói và xoay người đàn bà đối diện mình. Đôi mắt ông thoáng vẻ ngượng ngùng, như sợ người đàn bà hiểu ý mình.

Người đàn bà cười thẹn, cúi mặt, và nói như giận, "Anh nói gì em không hiểu. Anh biết em kém tiếng Anh."

"Nhưng em hiểu anh muốn nói gì," người đàn ông nói và đưa hai tay nâng mặt người đàn bà lên. Nhìn đôi mắt sáng của người đàn bà, người đàn ông hôn nhẹ lên đôi môi đang hé mở.

"Trăng sáng quá," người đàn bà nói nhỏ, "em sợ có người thấy."

"Đêm nay trăng rằm," người đàn ông mỉm cười. "Đi xuống biển nhé em." Người đàn ông nắm chặt tay người đàn bà.

Đến một hốc đá kín gió người đàn bà nói, "Ngồi đây đi anh. Em muốn ngắm trăng."

Người đàn ông ngồi bên cạnh người đàn bà. Họ nhìn ánh trăng lấp lánh trên mặt sóng. Những tiếng vỗ đều đặn như đã chờ đợi đêm hôm đó từ lâu.

"Anh kể cho em nghe đi," người đàn bà nói và dựa đầu vào vai người đàn ông. "Em muốn biết hết về cuộc đời của anh."

Người đàn ông nắm tay người đàn bà. Cho đến lúc đó, chưa có ai muốn nghe quá khứ của người đàn ông. Sự yên lặng đè nén trong những năm qua bỗng được giải thoát. Người đàn ông thuật lại cuộc đời của ông ta, kể cả chuyện trốn lính và hiếp dâm Gina. Khi nhắc chuyện Gina, người đàn ông cúi đầu để tránh đôi mắt của người đàn bà. "Nhiều lúc," người đàn ông nói câu chót, "anh muốn gặp lại Gina để nói cho Gina biết suốt đời anh sẽ không bao giờ đối xử tàn nhẫn với ai. Nhưng Gina đã biến mất vào trong quá khứ. Có lúc anh sợ sẽ không chuộc lại được những lỗi lầm."

"Anh cũng muốn nghe chuyện của em," người đàn ông nói sau một hồi yên lặng suy nghĩ.

Khi trăng lên quá đỉnh đầu người đàn bà bắt đầu khóc. Cái chết mịt mờ của người chồng năm xưa đã trôi theo những giọt nước mắt thấm vào áo người đàn ông.

"Anh muốn đưa em ra khỏi vòng tay của quá khứ," người đàn ông nói. "Anh muốn sống bên em hết cuộc đời còn lại của anh."

Người đàn bà mở mắt sau một hồi thiếp đi. "Anh có biết

rằng hai đứa mình sẽ khổ?" người đàn bà hỏi.

"Anh biết." Người đàn ông ôm người đàn bà vào lòng. "Anh sẽ làm tất cả để có em bên anh. Anh yêu em."

Người đàn bà nhìn người đàn ông như không tin.

"Anh yêu em," người đàn ông nói chậm và thấy nước mắt đang lăn xuống môi người đàn bà.

"Em yêu anh," người đàn bà thốt lên và ôm chặt người đàn ông.

Dưới ánh trăng Trung Thu họ yêu nhau lần đầu. Người đàn ông lúc đó cảm thấy toàn vẹn. Khoảng trống của tâm hồn qua bao nhiêu năm giờ đã được lấp đầy.

Người đàn ông chợt yên lặng. Ly rượu trên tay ông được rót thêm, đầy hơn một nửa.

Người thiếu nữ mân mê khăn choàng cổ ở trên thành ghế. Nàng thay đổi thế ngồi, yên lặng chờ đợi người đàn ông.

Mọi chuyện xảy ra quá nhanh, nhiều lúc tưởng như không có thật. Mỗi ngày tình yêu của hai người càng thắm thiết hơn. Nhiều lúc họ không dám nghĩ đến ngày mai, sợ rằng hạnh phúc của ngày hôm nay sẽ tan vỡ.

Gần đến ngày Giáng Sinh người đàn bà đồng ý mang con đến sống chung với người đàn ông ở một căn nhà mướn gần đường Bolsa. Trong những đêm ngủ bên nhau thỉnh thoảng người đàn bà chợt thức giấc nửa đêm và ôm mặt khóc. Có khi nàng đến đứng ở cửa sổ và yên lặng nhìn bầu trời đêm. Những đêm đó người đàn ông cùng thức với người đàn bà. Người đàn ông biết người đàn bà vẫn còn bị quá khứ theo dõi. Ông ta tìm đủ cách để giúp cho người đàn bà quên đi những gì vẫn trở về trong giấc ngủ. Nhưng hình như âm thanh và hình ảnh của người chồng năm xưa vẫn bám theo người đàn bà và người đàn ông, như con đỉa đen ngòm bấu chặt vào cuộc đời của hai người.

Vào đêm tất niên người đàn ông đưa người đàn bà đi dự một dạ tiệc Việt Nam ở nhà người quen làm cùng sở. Ngoài sân rộng đèn đủ màu được giăng khắp nơi, trên những cây cam ngang đầu người. Những ngọn đèn đặt dưới đất chiếu sáng những góc tối, vào thân tượng Vệ Nữ trắng ở giữa sân, và đám đông đứng nói chuyện, uống champagne ở khắp sân. Hai người cũng ở trong đám đông đó.

Người đàn ông giới thiệu người đàn bà là vợ với những người họ gặp. Ai cũng nói chuyện xã giao qua loa với họ, ngoại trừ một cặp vợ chồng trung niên ăn mặc trẻ trung, váy ngắn trên đầu gối, áo vai trần cho người vợ và quần ống túm có kim tuyến, áo rộng cho người chồng. Cặp vợ chồng đều mang khuôn mặt đỏ như táo và cầm ly rượu sóng sánh ở trên tay.

Người chồng nhìn người đàn bà thật lâu, rồi nói, "Tôi thấy cô quen quen."

"Chắc ông bà lầm ai rồi," người đàn bà trả lời yếu ớt.

"Có phải cô ở Nha Trang trước đây?" người vợ hỏi.

"À không," người đàn bà ngập ngừng. "Tôi người Sàigòn."

"Lạ quá," người vợ nói. "Tôi biết chắc tôi có thấy cô ở đâu rồi."

"Tôi không phải người Nha Trang," người đàn bà tỏ vẻ khó chịu.

"Đúng mà," người chồng nói lớn.

Người đàn ông bây giờ nói chen vào, "Vợ tôi nói không phải. Ông bà đã uống hơi nhiều. Xin cho chúng tôi được dịp nói chuyện với những người khác."

Người vợ sấn tới trước mặt người đàn ông. "Tôi đâu có say," bà ta nói. "Tôi biết cô là người ở Nha Trang." Người vợ đưa tay đang cầm ly rượu chỉ một ngón về hướng người đàn bà. Rượu trong ly lảo đảo rớt ra tung tóe.

"Bà đã uống hơi nhiều," người đàn ông nói, rồi nhìn người chồng như muốn ông ta phụ can người vợ.

Người vợ chợt vấp chân vào ngã vào người đàn ông. Người đàn ông đưa tay lên đỡ, vô tình chụp phải bộ ngực mềm nhũn của bà ta.

"Đồ nham nhở!" người vợ la lên, đứng thẳng người dậy, rồi ném ly rượu vào người đàn ông. Ly rượu chạm vỡ tan tành trên thân tượng Vệ Nữ bên cạnh người đàn ông.

Chủ nhà lúc đó chạy đến can thiệp. Người đàn ông liền dẫn người đàn bà đi chỗ khác. Họ nghe cặp vợ chồng nói gì đó với mọi người và cả đám đông bật cười. Người đàn ông đưa bàn tay lên mũi ngửi rồi chùi tay vào quần.

"Em có biết hai vợ chồng đó không?" người đàn ông hỏi.

Người đàn bà gật đầu. "Họ ở đầu xóm nhà em," nàng nói.

Từ trong nhà máy truyền hình vang ra những tiếng đếm giây phút cuối cùng của năm cũ. Mọi người ngoài sân đều đếm theo.

"Happy New Year!" tất cả reo to, ngoại trừ họ.

"Năm mới rồi em," người đàn ông nói và nhìn đôi mắt của người đàn bà. "Anh tin ở tình yêu và anh tin hai đứa mình có thể bắt đầu lại được hết tất cả ngay từ lúc này. Anh yêu em."

"Dạ, em biết." Người đàn bà ngửa môi hôn người đàn ông. "Em muốn uống thêm rượu. Anh rót cho em đi. Anh nhảy với em đi, nhảy những điệu mà anh đã chỉ cho em."

Cả hai uống champagne và ôm nhau nhảy trước mặt mọi người. Vài cặp nhảy theo. Chủ nhà liền sai người mở nhạc khiêu vũ. Thoáng chốc, mọi người ôm nhau nhảy, say mềm men rượu. Người đàn ông và người đàn bà quay cuồng theo những bản nhạc xưa và hôn chặt môi nhau. Đang nhảy một bản tango, người đàn ông bỗng ngưng, kéo người đàn bà đến giữa sân và bế nàng lên.

"Đây là Vệ Nữ của tôi," người đàn ông nói lớn và để người đàn bà xuống.

Mọi người đứng tản ra và xem hai người.

Chỉ tay vào tượng trắng đằng sau lưng người đàn ông nói, "Vệ Nữ này là cho mọi người. Còn Vệ Nữ này là của tôi." Người đàn ông bế người đàn bà lên lần nữa.

"Bỏ em xuống đi anh," người đàn bà cười khúc khích. "Người ta tưởng hai đứa mình điên," người đàn bà nói và ôm cổ người đàn ông.

"Họ say rồi," có ai đó nói.

"Vâng, chúng tôi đang say," người đàn ông nói và cười lớn. "Chúng tôi đang hạnh phúc. Phải không em?"

Họ vẫn còn ôm nhau nhảy khi mọi người đã ra về gần hết.

Đêm hôm đó, người đàn bà chợt thức giấc và hét lớn. Người đàn ông cũng thức dậy và ôm người đàn bà. Cả hai vẫn còn mặc đồ đi dự tiệc. Mùi rượu champagne từ quần áo của họ còn phảng phất trong phòng ngủ.

"Có anh đây," người đàn ông ôm chặt người đàn bà.

"Anh có yêu em không?" người đàn bà ôm người đàn ông.

"Anh yêu em," người đàn ông nói.

"Em sợ quá khứ của em," người đàn bà nói.

"Anh sẽ mãi ở bên em," người đàn ông thì thầm.

Rồi họ yêu nhau như lần đầu.

Lúc gần sáng, người đàn ông chợt thức dậy và thấy người đàn bà co người ngồi khóc ở bên cạnh.

"Đáng lẽ em không được hạnh phúc như thế này." Người đàn bà quay mặt vào tường khóc. "Em phải khổ. Em không có quyền được sung sướng."

"Người đó chết rồi," người đàn ông nói. "Đó không phải lỗi của em. Anh muốn em được hạnh phúc, được sống như một người bình thường."

Có tiếng bé gái trở mình trên giường ở góc phòng. Cả hai ngồi yên lặng trong ánh sáng chập chờn.

"Anh," người đàn bà gọi nhỏ, thật bình tĩnh. "Em không muốn sống ở đây nữa. Những gì chung quanh đây đều làm em nhớ đến quá khứ, làm em khổ. Em muốn đi thật xa."

"Đi đâu?" người đàn ông buông người đàn bà ra.

"Đi đâu cũng được. Ở nơi nào không còn Việt Nam. Hoàn toàn là Mỹ. Thật là Mỹ." Người đàn bà trở người và nhìn ra cửa sổ. Ánh sáng ban mai đang lan rộng trong sân.

"Anh đã đến đây vì ở đây còn chút Việt Nam, dù là một thứ Việt Nam pha loãng. Anh không muốn rời nơi đây," người đàn ông nói.

Người đàn bà yên lặng.

"Còn việc làm nữa chứ," người đàn ông thở dài.

"Em yêu anh," người đàn bà nói khi người đàn ông đứng dậy đi tắm.

Vài ngày sau đó, lúc đi làm về người đàn ông thấy người đàn bà có vẻ vui khác thường.

"Anh ngồi trên giường đợi em," người đàn bà nói và đi vào phòng tắm. Người đàn bà trở ra với bộ áo đầm lụa vàng của đêm Trung Thu trên người. Nàng có vẻ nhí nhảnh, quay người cho người đàn ông xem, rồi cầm cái nón rơm vành tròn từ trên cái bàn ở gần đấy. Người đàn ông không thấy cái nón trước đó. Nàng đội nón lên đầu. Sợi dây vải vàng thắt trên nón tung bay khi người đàn bà quay người một lần.

"Hồi còn nhỏ em hay ước mơ đội nón rơm như thế này và tung chạy trên cánh đồng hoa vàng." Người đàn bà tươi cười nhìn người đàn ông. "Em cảm thấy như em đang là mười lăm hay mười sáu tuổi. Em yêu hoa dại và gió mát, những thứ không bao giờ thay đổi trong sự tưởng tượng."

Người đàn ông đăm chiêu nhìn người đàn bà. Từ ngày quen nhau, người đàn ông chưa bao giờ thấy người đàn bà có nét ngây thơ như lúc này. Đôi mắt nàng sáng ngời, như đang sống lại thời con gái đã chôn đi trước tuổi. Nụ cười của nàng mang lại sự sống mạnh mẽ và rực rỡ hơn. Tuổi trẻ của nàng là hoa dại và gió mát.

"Anh chưa bao giờ thấy em đẹp như lúc này," người đàn ông nói, không ngăn được ý nghĩ trong đầu.

"Em sẽ cho anh hết, những gì đẹp nhất còn lại trong đời em." Người đàn bà ngồi vào lòng người đàn ông.

"Em đứng lên lại cho anh xem," người đàn ông nói.

Người đàn bà đứng dậy và xoay người, một tay giữ nón, một tay cầm vạt áo. Nụ cười trên môi nàng hồn nhiên, và như bất chợt nở ra giữa một nơi khô cằn.

"Chính em là Việt Nam," người đàn ông thầm nghĩ. "Từ nụ cười, lời nói, dáng đi, đến hơi thở đều là Việt Nam. Cả nỗi khổ và niềm vui của em cũng là Việt Nam."

"Anh sẽ đưa em đến cánh đồng hoa vàng," người đàn ông nói, "cho tuổi thơ của em, cho niềm vui của anh, và cho tình yêu của hai đứa mình."

"Em yêu anh," người đàn bà ôm hôn người đàn ông.

"Rồi chuyện gì đã xảy ra?" người thiếu nữ cắn môi nhìn người đàn ông.

Họ bỏ miền Nam Cali và hướng vào trong nước Mỹ, đi tìm cánh đồng hoa vàng ở một nơi thật sự Mỹ. Xuyên qua những vùng đất lạ người đàn ông cảm thấy hạnh phúc những khi nhìn người đàn bà. Việt Nam đang và sẽ ở bên cạnh ông, dù cuộc đời hai người sẽ dừng lại ở sa mạc hay ở nơi tuyết giá.

Người đàn ông chợt dừng lại và uống hết ly rượu.

Đến gần Omaha một buổi chiều, họ thấy một ngọn đồi đầy cỏ hoa vàng. Toàn là cỏ dại cao quá đầu gối. Hoa vàng lăn xuống đồi và tràn qua thung lũng rộng. Người đàn ông, người đàn bà, và đứa bé gái ngồi

KHOA HỮU

Phù sinh

Sớm mai thức sẽ muộn hơn
mở toang trăm mắt cỏ hờn bên vai
nhớ em chiều ngả phương đoài
qua đêm lại hạn kỳ này phương đông
biết em thủa vẫn hoa hồng
tàn phai đến cả tấc lòng chưa phai
tóc mây em tóc trâm cài
khổ công anh kẻ ngồi mài sử kinh
trái tim đau khẽ giật mình
mỗi năm bặt tiếng tơ tình yêu em
gom hoa trái đất anh đền
gom mưa gom nắng về bên hiên nhà
khuya chờ vỡ ánh sao sa
sáng xanh ngỡ bóng em qua vòm trời
vì anh sao ấy đổi ngôi
vì em anh thứ lỗi đời phù sinh.

Sàigòn, Việt Nam

trên ngọn đồi nhìn mặt trời lặn. Đêm hôm đó họ ngủ ngoài trời. Giữa nơi hoang vắng cô tịch, dưới vòm trời bao la đầy những ngôi sao kỷ niệm, người đàn ông và người đàn bà yêu nhau trên cánh đồng hoa vàng dại. Và đó là hạnh phúc cuối cùng của họ.

"Tại sao hai người không sống với nhau sau đó?" người thiếu nữ hỏi.

"Tôi cũng không hiểu," người đàn ông nói, mắt nhìn ngọn lửa trong lò sưởi. "Càng suy nghĩ tôi thấy đời sống càng khó hiểu. Tôi phải công nhận là tôi không thể thay đổi quá khứ. Nhưng ngược lại, quá khứ có thể thay đổi cuộc đời của tôi."

"Họ làm gì sau đêm ở ngọn đồi?" người thiếu nữ hỏi.

Nhiều đêm sau đó người đàn bà nằm mơ thấy chồng mình còn sống. Mỗi đêm người chồng càng hiện về rõ rệt hơn. Quá khứ tiếp tục sống hàng đêm giữa họ, người đàn ông và người đàn bà. Khi mùa đông đầu tiên đến, phải ở trong nhà nhiều ngày chỉ làm cho người đàn bà thêm rối loạn và càng tin rằng người chồng đang chờ đợi ở Việt Nam. Giữa mùa đông người đàn bà quyết định mang con trở về Việt Nam và để người đàn ông ở lại.

"Mẹ tôi đã chết hơn mười năm," người thiếu nữ nói. "Bà đã sống một mình ở xóm cũ cho đến ngày qua đời."

"Mẹ có bao giờ vui không?" người đàn ông hỏi.

"Cũng khó biết. Bà yên lặng sống trong thế giới của riêng bà." Người thiếu nữ đứng dậy.

"Người đàn bà đó là người duy nhất đã cho tôi hạnh phúc," người đàn ông nói.

Cả hai người đều yên lặng. Bây giờ họ có thể nghe được tiếng gió ở bên ngoài.

"Chừng nào cô phải đi?" người đàn ông hỏi.

"Vài tiếng nữa," người thiếu nữ trả lời. "Còn thời giờ. Ông hãy cho tôi xem thành phố này, nếu tiện."

Họ đứng dậy mặc áo lạnh và đi ra ngoài. Mưa tuyết tiếp tục rơi.

"Bây giờ ở đây chỉ toàn là đồi tuyết," người đàn ông nói, rồi đưa tay chỉ về một nơi bên kia hàng rào gỗ. "Lái xe đi về hướng đó độ mười phút vào mùa hè sẽ thấy cánh đồng hoa vàng năm nào."

"Tôi không thấy gì cả, toàn là tuyết," người thiếu nữ nói. Nàng có nhìn qua màn mưa tuyết trắng. "Toàn là màu trắng," nàng nói. "Lạnh như thế này mà ông vẫn ở đây được lâu. Hay thật."

"Ở đây lâu rồi cũng quen," người đàn ông nói.

Người thiếu nữ đứng lại và quay lưng tìm người đàn ông. Ông là một vệt đen mờ giữa ngôi nhà và tất cả màu trắng ở chung quanh.

"Tôi muốn xuống phố xem có gì lạ," người thiếu nữ nói và đi ra ngoài đường nơi có chiếc xe đậu bên lề.

"Ừ, cũng được," người đàn ông nói và thôi nhìn những ngọn đồi tuyết. K

HOÀNG MAI ĐẠT

Tâm Ảnh

TRẦN VŨ

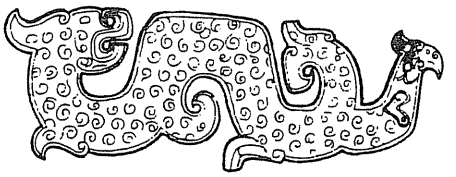

I

Ngoài đường trăng sáng vằng vặc, ánh sáng trăng soi vào bóng đêm như giải lụa mềm trắng đương buông rủ. Tuyên nhô người lên tựa hẳn vào gối. Nửa thân trên anh đón cơn gió đêm thổi lay vào buồng. Qua ô cửa, đêm Hànội thật yên chỉ hương hoa hồi thoang thoảng quyện theo gió.

Tuyên vờn tay lên mặt bàn đêm tìm gói thuốc. Ánh lửa nhỏ của que diêm bập bùng soi một khoảng tối, trong đó Thu, vợ anh vừa giật mình thức giấc. Tuyên nuốt từng hơi khói chậm, anh biết Thu cũng không chợp mắt được lâu. Ánh trăng trắng bạc, sáng lạnh, từ bên ngoài tuông xối vào buồng vương vãi như tâm thần rối rắm của hai vợ chồng đêm nay.

"Sao cậu không ngủ đi?"

Thu cất tiếng sau một lúc trăn trở.

Tuyên không trả lời vợ, anh nuốt khói vào đầy phổi, khói thuốc nặng nề cứ chìm sâu mãi trong lồng ngực anh. Tuyên chợt nhận ra hai vợ chồng cùng đang nhìn trộm nhau. Anh bối rối kéo chăn đắp lên người Thu, như muốn cùng lúc đắp kín tâm tư mình nhiều ngổn ngang. Thu không để ý đến cử chỉ âu yếm không mấy tự nhiên đó, nàng giữ níu lấy bàn tay chồng.

"Em lo quá cậu ạ. Không biết vào trong đó rồi ra sao? Có biết người ta trong ấy thế nào? Ngộ nhỡ có chuyện gì, nói dại không may . . ."

Thu không nói hết câu, điếu thuốc cháy đỏ rực trên ngón tay Tuyên, đầu đốm lửa soi lập lòe rập rờn mấy cột nhà bằng gỗ lờ mờ. Đêm mai Tuyên biết chắc sẽ không còn trông thấy chúng nữa. Đêm nay là đêm cuối anh và Thu ở Hànội. Hai vợ chồng đã quyết định di cư.

Quyết định? Rất nhiều gia đình đã đi hết từ trong tháng. Lính Pháp đã rút đi gần hết, kể cả ủy ban đình chiến quốc tế. Mối lo trong giấc ngủ lúc nãy bỗng hiện trở lại, lớn dần thêm ra đè trĩu trong lòng anh. Cán bộ Việt-Minh đã về thành, họ ngăn và bắt những người có ý định ra đi. Liệu sáng mai anh và Thu sẽ thoát đi an toàn? Liệu miền Nam xa xôi sẽ là đất lành cho chim đậu? Trăm mối dằn vặt Tuyên và những gia đình còn dùng dằn đi ở. Hànội lên cơn sốt di cư. Vào Nam bỏ mất hết nhà cửa của cải nơi đây ai cũng tiếc, còn chưa biết rồi sinh sống thế nào trong Nam. Đi là mất cả, là chia lìa vĩnh viễn, ở lại thì nguy hiểm nhưng dầu gì sống chết vẫn có nhau.

Tuyên thở dài trong bóng tối. Tiếng thở dài của anh như vẳng mãi trong buồng. Hai vợ chồng đã nhất quyết di cư? Không, chỉ có mỗi một mình Tuyên quyết định thôi, vì anh biết ý Thu muốn ở lại. Hai vợ chồng chắt chiu dành dụm mãi mới sang được căn nhà, bây giờ phải bỏ anh đau lòng không kém vợ. Nhưng ở lại thế nào cũng khốn.

Tự nhiên Tuyên nhớ lại ngày ký giấy sang nhà, nhớ tay anh hôm ấy run lẩm nét bút không đều, làm như cây bút cũng biết thổn thức sung sướng theo nỗi vui mừng của hai vợ chồng lần đầu được làm chủ một ngôi nhà. Tuyên nhớ tiếng cười trong trẻo của vợ hôm dọn về, Thu thích thú đi thăm từng buồng, săm soi từng thếp gỗ. Khuôn mặt Thu đẫm hạnh phúc, tiếng cười trong vắt luồn lách lên mái ngói rồi chan hòa giữa những tàn lá đong đưa lao xao của cây hồi. Cũng trong gian buồng này, hai vợ chồng đã nằm bên nhau nghe tiếng chim hót lảnh lót buổi sáng. Thu thường rúc đầu vào vai anh thủ thỉ tâm sự những ao ước vụn vặt cho mai sau. Mai sau, anh và Thu sẽ có nhiều con, những đứa trẻ chạy chơi dưới mái nhà

này, đợi dư giả thêm chút nữa . . . Niềm mong ước đẹp đẽ quá, đẹp sáng như ánh trăng tròn trắng bạc treo lơ lửng bên ngoài, rồi sắp tàn vừa khi ngày đến. Ngày đến, ra đi.

Tuyên chớp mắt, lặng người đau đớn giữa ánh trăng như tấm vải liệm phủ chùm vây quanh. Cho đến lúc Thu cất tiếng hỏi:

"Cậu ạ, hay mình cứ ở lại. Em thấy chị Hội, chị ấy có đi đâu, cả anh Thái nữa kìa."

Thu hỏi chồng, giọng ưu tư. Mặt Tuyên trong bóng tối nhòe nhoẹt, nàng chỉ trông thấy được có mỗi đôi mắt.

Tuyên nhìn vợ, Thu có mái tóc dài đẹp, ngày nào nàng cũng gội bồ kết nên đen mướt. Lúc này mái tóc xỏa bồng vung vẩy mềm mại.

"Mợ đừng lo, xuống Hải Phòng là có tàu đón vào Nam ngay. Rồi mợ xem, vào trong ấy vui lắm mợ quên Hànội thôi."

Tuyên an ủi vợ, nhưng anh lại nghe tiếng mình vọng lên xa lạ như tiếng một người nào đó đang vỗ về cả hai.

"Em chẳng quên đâu, chưa gì em đã nhớ nhà cậu ạ, lại còn thầy me em . . ."

Thu tấm tức bỏ lửng câu nói nàng thường không nói được hết ý mình mỗi khi xúc động. Tuyên buồn bã vô cùng vì vợ anh gần khóc. Thầy mẹ Thu, ông bà cụ nhất định không di cư dù hai vợ chồng anh đã lạy lục năn nỉ. Nơi chôn nhau cắt rốn với phần mộ gia tiên hai cụ không đành bỏ. Giá mà anh và Thu cứ được ở Hànội, giá mà Việt Minh đừng tàn ác . . . Tuyên dụi điếu thuốc xuống chiếc dĩa bằng sứ, mấy đốm đỏ tắt lịm. Bên ngoài ngọn gió đêm vẫn xào xạc đưa mùi hồi quyện thơm ngai ngái. Mấy bóng cây bên ô vuông cửa cứ tiếp tục chập chờn di động in hình lên khoảng trần vôi đục mờ sáng. Trăng đẹp quá, rọi lóng lánh cả trên tóc Thu. Hai vợ chồng chìm vào cảnh tranh tối tranh sáng của gian buồng cũng đang nhập vào một bức tranh tĩnh lặng giữa đêm thâu. Bức tranh mà Tuyên biết là niềm thân thuộc sắp vội đánh mất.

Một chốc Thu bất chợt hỏi anh đầy lo lắng:

"Thế cây cối trong sân mình rồi ai tưới nước cho chúng nó hở cậu?"

"Mợ chỉ vớ vẩn! Cây cối chứ có phải con chúng mình đâu mà mợ lo!"

Tuyên bật cười ròn, không ngờ vợ trẻ con quá. Anh làm Thu thẹn đỏ mặt, nàng bấu vào vai chồng.

"Ô hay! Cậu này rởm chửa! Em đã có mang đâu!"

Lần này hai vợ chồng cùng cười lớn, câu hỏi ngây thơ của Thu làm vơi lo lắng trong đêm. Nhưng chỉ được một lát Tuyên lại trông thấy lại cái trần nhà nặng trĩu âu lo mờ mờ, đục nhờ màu vôi, từng vùng sáng di động chênh chếch trong góc. Ánh trăng cứ tiếp tục tuông xối vào buồng phủ đầy lên hai người. Rồi từ trần nhà ý nghĩ ra đi lại chờn vờn, từng đốm lo âu to lan dần, lan mãi trong đầu Tuyên. Rồi liệu vào Nam anh sẽ lo đủ cho Thu? Liệu xuống Hải Phòng có tàu há mồm đón vào Nam ngay không hay phải chờ? Và chờ bao lâu? Nghìn câu hỏi hoang mang từ trần rơi xuống đâm vào người Tuyên, làm anh đau nhói ở ngực, Tuyên thở hắt. Bỗng Tuyên có cảm giác bàn tay Thu đặt lên tay mình mềm mát. Tuyên quay sang, trong bóng tối mắt vợ anh long lanh đỏ hoe.

"Sao mợ khóc?"

Tuyên vuốt tóc vợ, hỏi.

"Em muốn xin cậu một điếu." Thu rấm rức.

"Mợ nói đi."

"Mà cậu phải hứa em mới nói!"

Tuyên gật đầu hứa cho vợ anh an lòng, anh bỗng thương Thu vô vàn.

"Em muốn cậu hứa với em là vào trong ấy, dầu có chuyện gì cậu cũng không bỏ em."

Tuyên nhìn chăm vợ, anh gỡ tay Thu, ôm lấy nàng. Thu hay khóc mỗi khi hai vợ chồng cãi nhau. Nhưng lần này Tuyên biết nàng lo nhiều, vào Nam xa xôi Thu chỉ có mỗi một mình anh. Tuyên nghe vợ nấc nho nhỏ.

"Cậu hứa đi, cậu hứa với em đi."

"Tôi hứa với mợ."

Tuyên hứa với nàng. Anh sửa lại chiếc gối nằm cho Thu, đắp cao tấm mền cho nàng. Một lúc khi Thu thiếp ngủ, đêm Hànội đã gần sáng. Ánh trăng nhạt đi, nhưng Tuyên không nhắm mắt, anh muốn thu hết vào trong lòng tất cả hình ảnh sau cùng của hai vợ chồng trong ngôi nhà ở số 2, phố Hàng Trống. Tuyên muốn sống trọn vẹn với ngôi nhà đến phút chót, nơi đã gói ghém rất nhiều hạnh phúc của vợ chồng anh. Cùng với sắc nhá nhem tối, lẫn ánh trăng soi chơi vơi loãng dần bên ngoài, Tuyên còn níu giữ cho mình mùi hoa hồi phảng phất trong gió, mùi hương hoa hồi của Hànội gần sáng . . .

II

Tuyên thức giấc khi trời chưa ửng sáng. Nền trời còn tối. Khoác thêm chiếc áo, anh bước ra ngoài. Cầu tàu đẫm nước và lối đi ướt sũng, cơn mưa đêm đã nhuộm cảnh vật vào màu nước lênh láng. Tuyên rảo bước xuống ghềnh đá. Bãi cát bập bềnh rong rêu vỏ ốc, không khí chứa mang chất muối mặn. Tuyên dừng lại khi chân anh chạm đến làn nước xanh đang tấp vào bờ, những gợn sóng lướt tới cùng với sương biển bốc lên đan thành màn trắng mỏng ngoài khơi . . .

Tuyên chợt nhớ hôm nay là Chủ Nhật. Những sáng Chủ Nhật anh và Thu đi dạo ở bờ hồ Hoàn Kiếm, mặt hồ Gươm cũng long lanh phẳng lặng như thế này. Nhưng bây giờ những hình ảnh đó đối với Tuyên đã trở thành xa lắm, xa diệu vợi tưởng chừng như chỉ còn là một tâm ảnh.

Đứng lâu Tuyên cảm thấy

lạnh, gió thật mạnh thổi phất những cụm mây trôi về sau. Kéo cao cổ áo, anh cho hai tay vào túi, vừa khi đó Tuyên nhận ra bóng một người đàn ông chênh vênh trên bờ đá. Tuyên nhận ra Phán, người bạn mới quen, anh đưa tay vẫy. Phán cũng chào lại rồi đi về phía cuối bãi. Đứng thêm một lúc nhìn đường chân trời màu tím chuyển thành màu xanh sáng rồi Tuyên quay về lối cũ. Ngày miền Nam bắt đầu lên, tiếng sóng đập thật mạnh.

Cầu tàu bằng gỗ rung nhẹ dưới bước chân Tuyên, hai hàng lều vải hai bên lụp xụp thụng nước mưa. Đã có tiếng nồi niêu khua động, lách cách. Tiếng bắc bếp nhen lửa. Lẫn trong ánh sáng mập mờ yếu đuối của ngày là những bóng áo tơi thấp thoáng ra vào, chuyện trò to nhỏ. Những thanh âm đậm màu sắc đất Bắc lại làm Tuyên mường tượng đến quang cảnh bi thảm của mười hôm trên bến Hải Phòng. Quang cảnh đó đã được chuyển hóa vào Nam chỉ còn sự bi thảm ở lại sau vĩ tuyến. Tuyên cất rời ý nghĩ khi bước vào lều. Anh khép tấm bạt sau lưng, nghe tiếng cũi reo vui trong bếp. Hơi nóng tỏa thật ấm. Thu đang nấu nước.

"Cậu đi đâu sớm?"

Tuyên ngồi xuống bên cạnh vợ không trả lời, vì anh cũng không rõ mình ra biển làm gì mỗi buổi sáng? Ngoài việc tơ tưởng về đất Bắc. Song anh không dám nói ra ý tưởng đó.

"Em có nấu ít nước dùng cho cậu."

Thu cho thêm cũi vào lò, Tuyên phụ nàng quạt bếp.

"Thế mợ không ngủ nữa à?"

Thu nghe Tuyên hỏi mình, nàng quay nhìn chồng, hơi nóng làm má nàng ửng hồng.

"Vâng, em thức lúc cậu ra ngoài."

Tuyên vừa quạt bếp vừa ngắm gian lều lập lòe, bóng anh và Thu in lên vách chập chờn như hai hình nhân múa rối. Hôm sáng rời Hànội, hai người cũng đã ngồi bên nhau sống phút giây êm đềm ngắn ngủi sau cùng trong gian bếp của họ ở phố Hàng Trống. Buổi sáng ấy Thu đã khóc tỉ tê, thút thít mãi trước lúc ra đi. Nàng bần thần nắm níu, sờ mó từng món vật dụng hằng ngày không muốn vẻ mặt Thu thảng thốt, ánh mắt đằm đẫm lưu luyến chen lẫn sợ hãi. Ở cuối phố hai vợ chồng quay nhìn ngôi nhà lần cuối. Ánh sáng ban mai đậu

trên mái nhà, tàng lá hồi đong đưa run rẩy và đôi mắt Thu sững sờ lịm đi. Tuyên đã trông thấy trong mắt vợ phản chiếu ánh mắt của chính mình. Anh chỉ hối hận đã nóng nảy giục giã Thu lên đường. Họ như hai hình nhân múa rối vừa bị truất rời ra khỏi sân khấu quen thuộc. Một sân khấu với cảnh thổ Hànội mà trong đó, anh và Thu đã sinh ra, lớn lên rồi cùng yêu nhau, cùng lưu trữ bao kỷ niệm tuổi trẻ. Vậy mà phải ra đi, vậy mà đã rời xa . . . Hai vợ chồng chờ trên bến Hải Phòng ngót mười hôm thì đón được tàu xuôi Nam. Vào đến Thuận An cả hai ở trại tạm cư, chánh phủ hứa kiếm nhà và giúp đỡ người Bắc di cư, nhưng không biết phải chờ đến bao giờ. Rất nhiều gia đình đã ra khỏi trại tự túc lấy. Tuyên nghĩ miên man đến ngày mai, anh muốn ra Đà Nẵng, nhưng Tuyên chưa biết rồi sinh sống cách nào ngoài ấy?

"Khó lắm . . ."

Tuyên lẩm bẩm lấy một mình.

"Gì hở cậu?"

Thu ngước nhìn chồng. Tuyên quên mất có vợ đang ngồi cạnh, anh lúng túng.

"Hay là lần sau mợ để tôi đun nước cho nhé."

"Ấy chết, đâu thế!"

"Thì mợ cứ ngủ cho khỏe ấy mà!"

"Không được đâu, ngộ nhỡ người ta nói ..."

Thu bối rối, nàng ngượng ngùng nhìn Tuyên.

"Người ta nói gì nào?"

"Họ nói em lười!"

Tuyên bật cười ròn, anh nghĩ vợ thật ngây thơ, tự nhiên anh lây cái vui tươi của vợ. Thu cũng cười theo anh, dạo này nàng đã bớt khóc sướt mướt thương cho cây hồi trước sân nhà nữa. Thu nhích lại gần chồng hỏi khẽ.

"Thế, cậu không sợ có vợ lười à?"

"Nếu sợ tôi đã không mang mợ vào Nam!"

Tuyên đùa với Thu, nhưng rồi anh lại bần thần vì hai chữ "vào Nam" vừa phát âm. Anh đăm chiêu nhìn quanh, màu tối nhấp nhánh trên đống đồ vật thưa thớt của hai người. Rương hòm quần áo lờ mờ trong góc, chiếc giường bằng cây ghép sơ sài với mớ củi khô chất bên dưới. Đó là tất cả gia sản còn lại của hai người. Nhưng Tuyên biết anh còn có Thu, anh cúi xuống gần vợ hơn, mùi tóc nàng thơm bồ kết khiến thoáng chốc Tuyên quên mất mùi ẩm ĩ của lớp vải bố bị ướt mưa đêm. Anh choàng tay qua vai vợ.

"Cậu làm sao thế?"

Thu giật mình ngạc nhiên. Nàng ngước lên chợt bắt gặp khuôn mặt chồng đầy xúc động. Tuyên ngồi khuất bóng, những xúc cảm nổi lên theo

ánh lửa. Thu để yên cho chồng ôm mình, nàng cũng ngã đầu tựa lên vai Tuyên.

"Mợ, hai vợ chồng mình đã vào Nam rồi."

Thu gật đầu khe khẽ, màu lửa lấp loáng trên tóc nàng, Thu nghe tiếng chồng xúc động nhỏ nhỏ và tiếng củi cháy nổ từng bắp khô ran đều đặn. Gian bếp lung linh như đang sống, làn khói ấm tỏa lên nghi ngút. Thu trở người vươn hai tay ôm ghì lấy gáy chồng, nàng nhắm mắt nén dằn những thương cảm dâng trong lòng. Một chốc lâu sau, khi Thu mở mắt, qua vai áo Tuyên ấm nước đang sôi reo trên lò.

III

Tiếng động rì rầm của cả đoàn tàu dài thậm thượt, hun hút liên tục chuyển mình vụt chậm lại và kéo lê trên mặt đường rầy vì hệ thống hãm thắng. Từ các van hai bên hông và xú bấp ở đầu máy, hơi khói, bụi nóng tỏa xì vây lấy những toa tàu cũ kỹ còn cố gắng trầm mình vào thị phố. Tiếng còi tàu lẫn với chuỗi âm thanh cà trên đường rầy làm nhiều người thức giấc. Tuyên cũng chợt bừng tỉnh trong âm tiếng xôn xao của đoàn tàu vào đến ga. Hình tượng đầu tiên trong anh là vạt nắng trưa cháy muộn vàng đang giải đều lên ô cửa. Tuyên hơi ngầy ngật vì chưa hoàn toàn rời khỏi cơn mộng. Trước mắt anh, đôi hàng trụ điện tiêu điều trôi chậm lùi dần về sau, cuối cùng ngừng hẳn trước những ngôi nhà lợp tôn xơ xác. Tàu vào ga Đông Hà. Bên trong toa nhiều hành khách đứng vội dậy, ngoài ô cửa là những đường núi chập chùng giăng giăng nổi rõ và phủ kín một góc trời. Ga Đông Hà được kẻ đậm trên một tấm biển chữ vàng nền đỏ. Một lá cờ lớn in lên nền trời bị cắt ngang ở khung cửa đang chảy nhiễu nhễ nhại mồ hôi từ cánh tay trần của đứa trẻ hàng rong luồn vào bán chè tươi. Tuyên tiếp nhận máy móc những hình ảnh mà từ nhiều ngày qua đã trở thành quen thuộc. Quen như tiếng động của bạn hàng đang dành mối trên ke vang vọng ồn ào toa. Những âm thanh lúc xao xác, lúc nhộn vỡ lập chằng trong đầu óc Tuyên còn váng vất chưa ra hẳn cơn mơ kéo dài từ khi tàu chuyển bánh.

Từ mấy ngày qua, anh và Thu sống trong trạng thái thức ngủ, qua rất nhiều trạm, ngừng ở rất nhiều thị trấn, ngủ đêm mỏi nhừ và bừng tỉnh mệt lã giữa ngày trong lòng xe hỏa như hôm nay. Thêm một nhà ga nữa. Đông Hà sau Quảng Trị, sau Huế, Đà Nẵng . . . Cơn mê thiếp đến lạ lùng lúc nãy đã liệm Tuyên vào góc trần nhà đục nhờ ở Hànội, đã liệm anh vào sắc tím hừng đông trên bể Thuận An. Tuyên như đang sống trở lại, đi ngược trở xuôi đoạn đường của quá khứ, trở ngược một dòng sống. Bao nhiêu thị phố mà đoàn tàu xuyên Việt hụ còi mỗi khi khởi hành, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Biên Hòa . . . cùng một đoạn đường với ngần ấy trạm ngừng mà hai vợ chồng anh đã đi qua. Hôm nay không ngờ số phần run rủi cho anh và Thu có cơ hội trở về điểm xuất phát ban đầu: ngôi nhà ở số 2, phố Hàng Trống. Ngôi nhà có mảnh sân con đầm thắm một gốc hồi, có góc buồng long lanh ánh trăng đêm cùng với tâm tình yêu thương của đôi vợ chồng son đầy kỷ niệm. Nhưng xe hỏa cũng đã chạy qua biển Thuận An, những làn sóng lúc nãy đã đập vỡ tung lên bờ tiềm thức của Tuyên. Những đợt sóng quấy phá tâm hồn anh. Tuyên nhắm vội mắt, cố tìm lại êm lắng cho tâm tư mình đang bồi hồi dấy động.

Chừng Tuyên nhắm mắt lâu lắm, đến khi nhận ra sự hiện diện của một bàn tay trên vai mình. Bàn tay mềm lụa, vẫn bàn tay Thu dịu mát bao năm vợ chồng.

"Tàu vào ga rồi mình." Thu lay vai chồng.

Tuyên hé mắt, khuôn mặt Thu luôn dịu dàng. Vẻ mặt nàng nhẫn nại, đã nhiều nếp nhăn, mệt mỏi sau luân biến cuộc đời. Những sợi tóc muối tiêu lòa xòa trước trán của vợ làm Tuyên nhận rõ hai người đã thay đổi. Anh đã già nua, tóc lấm tấm bạc và Thu đứng tuổi cũng đẫy đà hẳn ra, mất chiếc eo thon cùng bờ vai mảnh dẻ thời con gái. Không còn là tâm ảnh của đôi vợ chồng son một sáng Hànội rạng đông âm thầm bỏ thành trốn xuống Hải Phòng vào Nam. Mà là hình ảnh mỏi mệt của người đàn ông và người đàn bà ngồi trong toa tàu Thống Nhất nối liền hai miền. Tâm ảnh đã chuyển hóa thành hình ảnh với những nhân ảnh mới. Đã có Quế, Đan và Khánh ra đời lần lượt ở Đà Nẵng, Vũng Tàu, rồi Sàigòn. Tuyên băn khoăn tự hỏi có phải chính mớ kỷ niệm cũ thu dồn trong tâm ảnh lưu trữ ở trí nhớ đã thôi thúc hai vợ chồng anh hồi cư hôm nay? Có phải chính từ vết thương lìa bỏ nơi chôn nhau cắt rốn mà Tuyên muốn liền da, đã khiến anh quyết định đưa gia đình mình hồi hương về Bắc? Để tìm lại hàng xóm láng giềng, họ hàng người thân hay để tìm lại cảnh vật tiền chiến của nơi sinh quán một đời?

"Mình không muốn xuống ga à?"

Thu nhắc chồng khi thấy Tuyên tư lự không trả lời. Tuyên thường đăm chiêu từ ngày quyết định đưa mẹ con nàng hồi cư. Từ trong thâm tâm Thu không chắc quyết định ấy ở chồng là đúng, nhưng như Tuyên bảo nàng, hai miền giờ có cùng thể chế thì sống ở đâu cũng vậy, về Bắc để các con đừng quên quê cha đất tổ, đừng quên phần mả ông bà. "Giải phóng" đã được một năm, miền Nam đã phải đổi tiền một lần, và mặc dầu chế độ mới không hạch hỏi những gia đình người Bắc lúc trước di cư, nhưng sao Thu cũng không cầm được

nước mắt khi gọi cho sang ngôi nhà hai tầng ở phố Tân Định. Từ trước đến nay, kỷ niệm đối với nàng luôn được gìn giữ gói ghém trong hình ảnh của căn nhà ở phố Hàng Trống, nay bỗng chốc thay đổi khi nàng chợt biết cái hiện đại đang là căn nhà êm ấm đối diện trường Thiên Phước vụt biến thành quá khứ.

Đời sống thực tại êm đềm nhộn nhịp của khu Cầu Kiệu - Phú Nhuận, của đường Hiền Vương bóng mát Duy Tân che chở bỗng dưng tan biến mất khi Thu run run trao trả cho Phường tờ hộ khẩu ở thành phố Hồ Chí Minh. Miền Bắc ấp ủ trong tim nang, cũng không đủ làm vơi bớt buồn bã khi trở về từ Nam.

Thu nhìn các con nàng ủ dột ở băng ghế sau. Những đứa trẻ chưa đủ lớn để hiểu nỗi khổ tâm của bố mẹ chúng, những người có hai quê hương. Nhưng bọn Thu cũng sớm biết buồn vì thương nhớ bạn bè sân trường cũ trong Nam. Bất giác Thu thở dài, nàng lây những suy tư mông lung của chồng.

"Ông bà nên đưa các cháu xuống ga ăn lót lòng, sắm sữa thêm chút ít. Đông Hà là trạm chót miền Trung, từ đây về sau đi Đồng Hới, qua Vinh, Thanh Hóa rồi đến ga Hàng Cỏ Hànội không có gì mua bán nữa đâu. Tôi đi lại thường nên biết, ấy xác xơ lắm."

Một người hành khách ngồi bên phải Thu, vừa loay hoay buộc một túi xách, vừa nói với vợ chồng nàng. Cả Thu và Tuyên cùng bừng tỉnh, vượt ra khỏi những ưu tư vừa bao trùm kín họ một lúc. Trời đã quá trưa, toa tàu hầm nóng và bụi khói len bên ngoài làm ngột ngạt. Gia đình Thu đã ăn trưa sớm ở Quảng Trị nên không thấy đói, nhưng nàng cũng muốn các con xuống ga cho bớt cồn chân. Đông Hà nhỏ so với những trạm hỏa xa khác, nhưng cũng có dăm gánh hàng rong và xe mì hũ tiếu lây lất.

Người hành khách nói tiếp: "Xe lửa ngừng ở đây khoảng hai tiếng rồi mới chạy, khi nãy tôi nghe người ta bảo vậy vì phải đợi chuyến tàu từ Bắc ra, qua cầu Hiền Lương rồi mình mới đi được."

Vợ chồng Tuyên nghe lời khuyên xuống ga. Ba đứa bé và hai người lớn tay xách, tay mang. Gia đình Tuyên không mang theo nhiều hành lý, còn gửi cả trong Nam. Cả năm chọn một xe mì hũ tiếu gần đường sắt. Tô hũ tiếu không màu mỡ, có vài cọng hành lá với ít bánh lơ thơ ít thịt vụn, nước dùng loãng nhạt. Tuyên nhớ đến lời người hành khách lúc nãy ". . .Từ Đồng Hới trở ra còn nghèo nàn hơn . . ." Tuyên cũng đã tự nhận ra điều đó, xe lửa từ thành phố Hồ Chí Minh càng ra phía Bắc, cảnh vật càng xác xơ cằn cỗi. Từ những dây phơi quần áo nhiều màu sắc ở cổng xe lửa Lê Lai, chỉ còn trơ một dây thép buông thõng vắt vẻo dăm bộ áo cánh độc mỗi một màu nâu đất, chạy song song bên hàng rào ga. Tàu chỉ mới đi được nửa đường, còn chưa ra khỏi miền Trung, nửa đoạn đường còn lại sẽ còn gì trên những dây thép cong vòng đong đưa giăng mắc từ đây vào đến ga Hàng Cỏ Hànội? Hànội của miền Bắc mà Tuyên biết điêu tàn sau chiến tranh. Tuyên không dám suy diễn sâu xa hơn về cảnh nghèo khó ở miền Bắc. Khi còn ở Tân Định anh đã thăm hỏi chọn lựa và anh chấp nhận mức sống thua sút của Hànội so với miền Nam để đổi lấy tâm ảnh được anh ôm ấp, mong đợi trở về suốt hai mươi năm nay. Tuyên ăn qua loa rồi đứng lên đi tìm chỗ rửa mặt, anh muốn được thật tỉnh táo lát nữa đây khi tàu đưa anh về nơi sinh quán, tiếp nhận lại những rung động đầu đời.

Khi ở khu nhà vệ sinh của ga Đông Hà trở ra, Tuyên trông thấy chuyến xe lửa từ Bắc xầm xịch vào bến. Những toa tàu cũ kỹ từ thời Pháp thuộc trườn mình mệt nhọc kéo lê thân mình dài lếch thếch đồng nghịt người bu bám hai bên hông. Đoàn tàu ám khói rùng mình nhiều lần trước khi dừng hẳn. Giữa hai tiếng còi hụ vào bến, từ cửa toa lố nhố bộ đội chen nhau nhảy xuống.

"Tàu hỏa vào Nam rồi các đồng chí ơi!"

"Tàu hỏa vào Nam rồi!"

"Xuống mà tham quan!"

Bộ đội miền Bắc gọi nhau, họ hồi hởi xô đẩy nhau băng qua xe hũ tiếu nơi gia đình Tuyên ngồi đợi chuyến xe mình khởi hành. Một người đàn bà lớn tuổi ngồi gần Tuyên lên tiếng với một người cán binh trẻ dẫn đầu cánh bộ đội đi tới.

"Các cậu chưa vào hẳn trong Nam đâu, miền Nam còn xa lắm. Đây chỉ mới là thị trấn đầu miền Trung thôi."

"Ơ hay! Cái nhà chị này mới phát biểu linh tinh. Nơi nào có nhân dân ta kiên cường quật khởi chống Mỹ, nơi đó là Nam bộ anh hùng! Không có miền Trung miền Tru gì cả. Không chịu học tập, cứ phát biểu sai trái!"

Người đàn bà già nua nín lặng sau câu đáp hỗn, mắng tát nước vào mặt. Cánh bộ đội tiếp tục kéo qua ồn ào vào hẳn trong ga.

Hoạt cảnh diễn ra ngắn ngủi trước mắt Tuyên, anh ngỡ ngàng trước thái độ của người cán binh trẻ. Chỉ hai mươi năm mà miền Bắc đã đánh mất đi ngôn từ khuôn phép ngàn năm văn vật thuở xưa. Tuyên bần thần tìm ánh mắt Thu và các con đang trốn nhìn về hướng Nam. Hướng Nam, những đồng cỏ xanh ngắt đến tận cuối chân trời. Còn phương Bắc là giòng Bến Hải lặng lờ chảy băng ngang làm thành bức tường chia cắt, mà từ sau 30 tháng Tư đã thành biểu tượng hàn gắn giang sơn. Giòng Bến Hải chở mang màu nắng chiếu rọi sáng bằng bạt như một vũng nước thánh nhiệm màu không thật? Và bên kia con sông, nơi có bóng cờ đỏ in đăm đắm là chốn tâm ảnh bấy lâu vợ chồng Tuyên bảo tồn cho quá khứ, sẽ

nhích lại gần mỗi phút giây đi tới. Vợ chồng anh sẽ đưa các con về nơi sinh quán, tìm lại Hànội ba mươi sáu phố phường đã một lần chôn nhau khi chào đời? Hànội với Hồ Tây, chùa Trấn Võ, với bánh tôm Cổ Ngư cùng tiếng chuông chùa đền Ngọc Sơn âm động vang vọng trong Tuyên và Thu ở một thời tuổi thanh xuân?

Những bóng mây xế trưa ngang đầu Tuyên trôi dạt về phương Nam. Những gợn mây thành ẩn khuất mặt trời trôi đều đặn bềnh bồng về một định hướng. Tuyên ngước nhìn cảnh trời bao quát như muốn tìm hiểu giải thích cho mình một quy luật thiên nhiên, một định lý biến thiên trong vũ trụ. Bao suy tư làm Tuyên chợt thấy anh mệt mỏi rã rời. Có phải do những nhọc nhằn của cuộc hành trình vất vả hay do những lắng êm của kỷ niệm một đời bỗng chợt tan vỡ thay đổi bằng rúng động của tâm tư anh khi trở ngược, đến gần với một quá khứ vụt chuyển hóa thành thực tại? Ý nghĩ một người càng đến gần tâm ảnh của hắn tìm kiếm càng rời xa, làm Tuyên bức rức. Một tiếng còi hụ giữa chiều miền Trung cháy vàng màu nắng. Hình như trước mắt Tuyên mảng sông Bến Hải dưới chân cầu Hiền Lương biểu tượng cho xum họp của hai miền mới đây, thảng tối mờ vì khúc mây trên đầu anh che sáng. Trong không gian tiếng còi tàu vọng đi, nửa văng vẳng như tiếng chuông chùa đền Ngọc Sơn vang vọng mà nửa não nề chua chát.

"Xe lửa sắp chuyển bánh rồi mình." Thu nhìn anh.

"Còi hụ rồi bố." Quế thay các em nhắc cha.

Tuyên chậm chạp quay nhìn đoàn tàu Thống Nhất. Đoàn xe lửa của gia đình anh khởi đi từ thành phố Hồ Chí Minh nối liền Nam chí Bắc, đang hụ những hồi còi tàu cuối. Anh và Thu cùng các con đã lên chuyến tàu này để rời phố xá Tân Định, rời đại lộ Hai Bà Trưng xầm uất bao năm dung dưỡng sinh hoạt của cả năm. Khu phố nơi có trường học Thiên Phước của Quế, Đan và Khánh. Có tiệm bánh xèo Đinh Công Tráng, nơi cả nhà thường ghé ăn mỗi tối thứ Bảy. Có rạp hát Kinh Đô với xạp nghêu sò gần đó, chỗ Tuyên đưa cay với bạn hữu thân tình. Còn những đèn lồng, hang đá, hoa quả của những cửa hiệu đối diện chợ

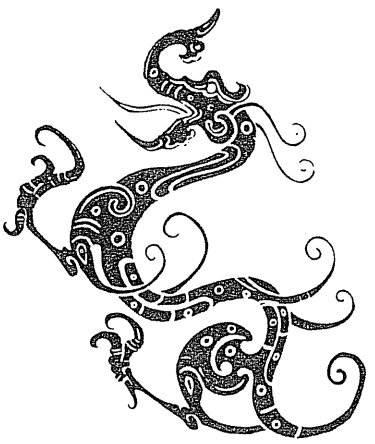

Tân Định vào các dịp lễ lạc. Tất cả những chi tiết nhỏ nhặt kết thành chuỗi hình ảnh của đời sống thực tại hôm qua, nay bỗng vụt biến mất, trở thành quá khứ khi Tuyên chọn đưa gia đình anh về Bắc tìm kiếm một quá khứ khác đã thương nhớ trong suốt hai mươi năm miền Nam.

Vũng mây phía Bắc tiếp tục trôi xuôi vào Nam. Nắng về Nam vàng ửng, rực rỡ. Nhìn đồng ruộng miền Trung nhỏ bé theo nhau chạy dài về Nam, lấp loáng đám mạ xanh non dợn thành làn sóng.

"Tàu sắp chạy rồi anh." Thu nhắc chồng lần nữa nhưng không giục giã.

"Đi Hànội nữa thôi bố?" Quế và các em chờ đợi.

Tuyên không rời sóng mạ non chập chờn lượn múa theo gió thổi cuốn về Nam. Cảnh trời lộng lẫy của chiều muộn mở rộng trên đoạn đường sắt thẳng tắp, song song bắt nguồn từ một cổng xe lửa Lê Lai quận nhì. Tuyên nghe rõ tiếng hỏi của vợ con anh, của Thu, của Quế, Đan và Khanh. Anh biết họ là những nhân ảnh không bao giờ rời xa. Nhưng mớ tâm ảnh cũ, tâm ảnh của Hànội ở đêm trăng sáng vằn vặt, Tuyên mơ hồ thấy chúng đang theo khối mây tần trên cao cuồn cuộn bỏ trời Bắc lướt mau về Nam như tâm tình anh vụt chạy trốn!

IV

"Thế gia đình ông Tuyên có ra Bắc chuyến ấy không anh Phán?"

Diệp, người thiếu phụ trạc trên tứ tuần hỏi sau khi nghe kể xong. Giọng nàng nghiêm trang và đầy vẻ chú tâm của một người đã theo dõi câu chuyện từ đầu chí cuối.

"Không rõ. Vì buổi chiều gặp nhau trên cồn, ông Tuyên chỉ kể được đến đây."

Ông Phán đáp chậm rãi. Ông không nhìn em gái, như thể còn sống trong câu chuyện dở dang mà ông không rõ kết thúc. So với Diệp, ông Phán già hơn em gái rất nhiều. Người ngoài nhìn vào đoán ngay sự chênh lệch tuổi tác và cuộc sống thăng trầm ở Phán. Ông tiếp tục với giọng nói trầm âm Bắc:

"Chiều hôm đó có ba chuyến tàu cùng khởi hành. Ông Tuyên đang kể chuyện thì công an cho lệnh nhóm anh tập hợp điểm danh và đưa xuống tàu lớn. Gia đình ông Tuyên ở lại chờ đi chuyến thứ nhì. Anhkhông gặp lại sau đó, nên không rõ Tuyên có đưa gia đình hồi cư năm 76 hay không."

"Chắc chắn là họ ra Bắc lần đó, hộ khẩu đã trả cho phường thì không cách nào xin lại được."

Tường, chồng của Diệp, từ

bếp lên với chai rượu chát Bordeaux, ngồi xuống chiếc ghế bành bỏ trống sau khi cho biết ý kiến của mình. Tường đặt chai rượu xuống bàn và kể:

"Cuối năm 75, sau khi anh đi học tập rồi, em tình cờ gặp ông Tuyên trên đường Võ Văn Tần lúc lên Sàigòn buôn bán. Lần đó không nói chuyện được với ông Tuyên lâu, nhưng ông ấy có cho biết dự định hồi hương ra Bắc."

"Sao anh không can giùm một tiếng? Để họ bồng bế nhau ra ngoài ấy rồi thất vọng!"

Diệp không dằn được, ngắt lời chồng.

"Can thế nào được! Em quên là lúc ấy vừa giải phóng, tình hình hoàn toàn tuyệt vọng, không ai tin là sẽ thoát được ra nước ngoài. Vào năm 75, sau 30 tháng Tư nằm vùng ở đâu lộ ra đầy dẫy, không ai còn tin ai, mình và gia đình ông Tuyên tuy quen biết nhưng đố mà dám nói lên một tư tưởng phản động khi đó. Vả lại nghe bộ đội từ Bắc vào phóng đại trăm điều mình không biết hư thực thế nào. Cứ nghĩ họ chiến thắng nỗi miền Nam chắc cũng phải mạnh lắm."

"Chú Tường nói đúng cô Diệp à. Ngay cả bọn anh những tháng đầu ra trình diện cũng hoang mang và đều giấu ý nghĩ thật của mình. Cô cứ để chú Tường kể tiếp lần gặp ông Tuyên trong Sàigòn."

"Thế này, trước khi chia tay Tuyên có hỏi thăm về anh và sau khi biết anh bị tập trung ở Long Giao, ông ấy có nhắn em an ủi với chị rằng chắc rồi anh sẽ được tha ngay vì anh chỉ là sĩ quan lo về tiếp liệu chứ không đánh trận. Sau đó em về Vũng Tàu và cho đến khi cùng Diệp vượt biên thì không còn cơ hội gặp lại nữa. Chỉ một lần gặp đó cho thấy ông Tuyên đã có ý định hồi hương về Bắc ngay sau khi miền Nam thất thủ, và nếu quả thật ông Tuyên tin anh chóng được tha trong một vài tháng thì ông ấy thật sự ngây thơ không biết rõ chế độ."

"Anh nghĩ vì ngây thơ mà ông bà Tuyên đưa ba đứa bé về Bắc?"

Diệp, một lần nữa ngắt lời chồng.

"Đúng, anh nghĩ ông bà ấy có ngây thơ mới trở về Bắc, không chừng lúc xưa ông bà Tuyên thấy nhiều người chạy rồi di cư theo chứ không thật sự hiểu rõ chủ nghĩa Cộng sản. Anh cũng tin rằng họ đã ra Bắc sau khi ngừng xe lửa ở ga Đông Hà, vì nếu như họ đã trả hộ khẩu cho phường thì khó lòng trở về. Em biết đó, chúng nó quản lý chặt chẽ như thế nào, không hộ khẩu coi như mình chưa bao giờ hiện hữu trên trái đất. Hơn nữa không dễ gì chuộc lại căn nhà ở phố Tân Định. Quả thật trên sân ga Đông Hà gia đình Tuyên không có chọn lựa nào khác. Anh không nghĩ như chú Tường." Ông Phán nhìn em rể. Khuôn mặt ông bỗng đăm chiêu chứng tỏ ông đang đặt vấn đề và tìm giải kết cho câu chuyện. Tường và Diệp, ở vẻ mặt của anh cả, hình dung ra những suy tư quan trọng che dấu sau lớp trán đã chùng nhăn vì năm tháng của người đàn ông đã sống qua nhiều trạng huống bi hài kịch ở đời. Nhưng cả hai chưa rõ ông Phán không đồng ý với suy luận hợp lý của Tường ở điểm nào.

"Thứ nhất, anh không đồng ý khi chú Tường bảo ông Tuyên di cư vào Nam vì thấy nhiều người di cư rồi đi theo. Anh chỉ đồng ý là không phải ai cũng có cơ hội tìm học và hiểu rõ học thuyết Marx-Lénine trước năm 54. Nên nhớ thời Pháp thuộc người Việt Nam rất mù mờ về chủ nghĩa cộng sản, chính vì vậy mà đông đảo thanh niên quốc gia đã tập hợp dưới trướng Việt Minh. Mãi đến cuối chiến tranh Việt Pháp một khi đã nắm chắc phần thắng trong tay, họ mới lộ ra bộ mặt thật. Năm 54, một triệu người Bắc di cư, trong đó có gia đình ông bà Tuyên và gia đình mình cùng bỏ nhà cửa đất đai di cư, là để trốn chạy sự tàn ác, tàn bạo của Mặt trận Việt Minh trở mặt. Những vụ đấu tố rùng rợn trong khu, rồi ở những làng mạc xa xôi trước khi tiếp thâu Hànội đã làm người dân Thăng Long khiếp sợ những con người mà mới hôm qua họ hãy còn ủng hộ xem là cứu quốc quân. Người Việt quý trọng lễ nghĩa nên rất trọng phần mã gia tiên, cho nên phải có một sức mạnh kinh khủng lắm mới đẩy bật được họ ra khỏi quê cha đất tổ. Ra khỏi nơi chôn nhau cắt rốn mà từ bao thế hệ đã sinh ra và lớn lên từ bốn ngàn năm qua. Ông Tuyên ở trong số người một triệu bị bức rời ra khỏi cảnh thổ của mình, ra đi với dằn vặt luyến tiếc không nguôi."

"Hồi di cư em còn bé quá nên không biết rõ tình cảnh ấy."

Diệp nói với chồng và anh, nhưng thật sự là nói với chính nàng. Bóng mây trí nhớ của một thời kỳ lịch sử, mà Diệp hãy còn quá nhỏ chính là động cơ đẩy đưa nàng bị thu hút vào câu chuyện hôm nay, mà tự trong lòng từ bao lâu Diệp đã muốn tìm hiểu. Ông Phán lại tiếp:

"Nhưng sự việc bỏ Hànội ra đi của Tuyên và Thu không phải là điểm chính khiến phải bàn luận. Năm 54 họ đã xuôi theo dòng lịch sử vào Nam. Chính khi Tuyên trở ngược dòng lịch sử một mình cùng vợ con, không có một triệu con người đã di cư lúc trước mới làm ba anh em mình bận tâm tối nay. Tuyên đã làm việc bất thường so với chúng ta cùng cảnh ngộ, nên chú Tường đã cho rằng ông ấy dại. Nhưng hãy đặt mình vào vị thế của Tuyên. Chính Tuyên là người đòi di cư, cũng chính ông ta sớm tơ tưởng trở về, khi sáng sáng ở trại tạm cư Thuận An ra biển ngắm đường chân trời mịt mờ ở phương Bắc. Trong đầu óc Tuyên đã in đậm một chân trời cũ không thể xóa nhòa. Thu

trái lại không muốn rời Hànội mà cũng mau chóng hòa nhập vào nhịp sống miền Nam. Trong hai người, ông Tuyên là người chủ động, bà Tuyên đúng theo mẫu người đàn bà Việt, chồng đâu theo đó không bao giờ đòi hỏi. Và cũng chính vì đã quyết định một mình khi di cư mà sau này Tuyên mới canh cánh trong lòng mong muốn được trở về Bắc. Một phần lớn vì mặc cảm đã bỏ rơi Hànội, tức đã tự Tuyên bỏ rời quê mẹ, tự đánh mất kỷ niệm cùng quá khứ của tuổi trẻ mình. Ở bà Tuyên không có mặc cảm ấy. Khi vào Nam, đối với Thu là làm tròn bổn phận theo chồng, nên bà ấy không bức rức đã bỏ rơi nơi chốn một thời lưu trữ tuổi thanh xuân. Kỷ niệm, quá khứ, tuổi trẻ cùng những rung động đầu đời của Thu được cất giữ, chia sẻ, tìm thấy ở ông Tuyên. Chỉ cần ở bên ông Tuyên là bà Thu có cả, đúng hơn ông Tuyên là hình ảnh thật nhất của Hànội mà Thu đem theo vào Nam."

"Đồng ý với anh là ở bà Tuyên không có sự *xung đột ý thức*. Nhưng tại sao lúc trước di cư Tuyên đã quyết định bằng lý trí, vậy mà sau 75 ông ta lại để tình cảm lấn lướt đẩy đưa hồi hương?"

Tường lên tiếng, hơi nóng nảy vì thấy lập luận của mình bắt đầu lung lay.

Sau khi nghe em rể hỏi, ông Phán điềm nhiên trả lời:

"Vì giản dị rằng con người ta không phải là người máy. Không phải lúc nào chúng ta cũng hợp lý. Phần lớn thời gian, con người sống bằng tình cảm. Trong đầu mỗi người có một cái cân, một bên lý và một bên tình. Tuyên đã dùng lý trí chiến thắng tình cảm ở Hànội khi quyết định di cư, nhưng sau đó trong suốt hai mươi năm miền Nam, ông ta đã sống với tình cảm thương nhớ một miền Bắc tiền chiến. Đến 75, khối lượng tình cảm tích lũy vượt quá sức nặng của lý trí và Tuyên đã ngã về bên tình khi chọn hồi cư về Bắc."

"Như vậy là ông Tuyên không sống với *tình* trong Nam?

Diệp chen vào.

"Dĩ nhiên là có. Nhưng ông ta không nhận ra hay chưa nhận ra. Người ta chỉ thương nhớ một điều gì đã đánh mất. Như chúng ta ngày nay sống ở Pháp nhưng tâm hồn hướng về Việt Nam, thương tiếc Sàigòn. Tâm ảnh của Tuyên khi sống trong Sàigòn là Hànội, còn tâm ảnh của mình sống ở Paris bây giờ là Sàigòn. Khi lên chuyến xe lửa thống nhất trở về Bắc, ông Tuyên tưởng sẽ tìm lại được tâm ảnh ở cuối đoạn đường. Chính đây mới là điểm then chốt quan trọng trong tâm tư Tuyên. Ông ta bị thất vọng khi nhận ra càng đến gần, tâm ảnh tìm kiếm càng rời xa, không bao giờ bắt chộp được quá khứ. Khi nhận ra cái tâm ảnh cũ không còn nữa, tất cả đã thay đổi Tuyên bị thất vọng không muốn tiếp tục đoạn đường."

"Nếu chỉ vì một câu nói hốn của tên bộ đội thì em thấy hơi quá đáng, ông Tuyên đã sống một năm sau giải phóng trong Nam cũng đã va chạm ít nhiều, biết thế nào là ngôn ngữ *cách mạng*. Em không tin chỉ vì một câu nói đó mà Tuyên bỏ về Nam."

Diệp chưa hoàn toàn để anh cả thuyết phục, nhưng lần này lại chính Tường thay ông Phán trả lời nàng:

"Dĩ nhiên không vì một câu nói ấy. Nhưng đó là giọt nước làm tràn ly, giọt nước của nhận thức đến từ mặt biển Thuận An đã đập vào bờ tiềm thức của ông Tuyên, nhắc nhở vì sao ông ta đã phải di cư vào Nam và quyết định của lý trí hai mươi năm trước là đúng. Hơn nữa ở Đông Hà, ranh giới chót của miền Nam với vĩ tuyến 17, càng làm nhận thức Quốc Cộng rõ ràng hơn."

"À, chú Tường đã *thấy* rồi đó."

Ông Phán nhìn em rể thích thú. Ông hài lòng vì thấy Tường chấp nhận suy luận của mình. Riêng Tường, trước đôi mắt ngạc nhiên của Diệp cũng thích thú lây. Chàng hơn vợ nhiều tuổi nhưng còn kém anh vợ kinh nghiệm sống bản thân. Tường thấy phục ông Phán có cái nhìn đời thật sâu sắc, không như chàng đã kết luận vội vàng lúc nãy. Quả thật người ta càng già thì càng thâm trầm trong suy nghĩ.

"Theo như lập luận của anh và anh cả, ông bà Tuyên không bao giờ ra Bắc? Họ chỉ ra đến Đông Hà rồi trở vào?"

Diệp, tuy thế hãy còn thắc mắc.

"Đúng, họ trở vô Nam vì Tuyên nhận biết sẽ không tìm thấy tâm ảnh ở Hànội, mà đồng thời đánh mất hiện tại ở Sàigòn cùng quá khứ đã sẵn có trong Nam nếu tiếp tục đi tới. Chính lúc đó ông ta mới nhận ra tình cảm đã ràng buộc trong Nam, không chỉ thu hẹp trong ngôi nhà ở phố Hàng Trống mà đã nảy nở sinh sôi ở căn phố Tân Định. Khi quyết định trở vào Sàigòn, anh chắc chắn Tuyên quyết định bằng lý trí như khi quyết định di cư, cũng như sau này quyết định đi bán chánh thức tình cờ gặp lại anh Phán."

Tường hăng hái thay anh vợ giải đáp cho Diệp. Nhưng ông Phán đã tiếp lời chàng:

"Không, không nên kết luận vội vã chắc nịch như vậy. Trên bình diện nhận thức của lương tâm, Tuyên phải quyết định trở vào Sàigòn vì nhận ra cái tâm ảnh cũ, tâm ảnh của Hànội đã chuyển hóa vào Nam. Nhưng trên thực tế, ông ta đã bán nhà cửa, trả hộ khẩu rồi thì khó lòng trở về. Anh nghĩ có lẽ Tuyên bắt buộc phải đi tiếp, rồi sau đó xoay sở tìm cách trở vào Nam. Chúng ta không biết gia đình ông ta trở vào liền hay sống ở Hànội một thời gian. Điều chắc chắn là ông Tuyên đã vào Nam trở lại năm 79 khi đi bán chánh thức. Nhưng thời điểm trở về của Tuyên không quan trọng. Điều quan trọng là

sự quyết định trở về của tâm thức Tuyên ngay khi ở Đông Hà. Tuyên đã quyết định ở trên sân ga Đông Hà, và anh tin rằng với cả hai phần lý trí và tình cảm, chứ không phải chỉ thuần lý trí như chú Tường nói. Hai phần lý và tình đó, lý như chú đã giải thích, còn tình là trọn vẹn tình cảm ông ấy dành cho miền Nam vượt lên trên tình cảm tiền chiến dành cho miền Bắc thuở xưa."

"Ngay cả sau này vượt biên? Chẳng lẽ ông Tuyên cũng quyết định bằng cả hai? Lý trí muốn Tuyên đưa gia đình rời Việt Nam vì không muốn các con trở thành người cộng sản thì em hiểu, nhưng rời xa quê hương cũng là cắt đứt cội nguồn, là xóa bỏ kỷ niệm ở Sàigòn. Không lẽ Tuyên dùng tình cảm phá bỏ tình cảm?"

Tường ngắt lời anh vợ. Đến chuyến vượt biên của gia đình Tuyên thì chàng lại thấy mình hụt chân đứng. Cả hai vợ chồng cùng đưa mắt dò hỏi ông Phán, chờ đợi một giải thích thỏa đáng.

"Khi quyết định đăng ký vượt biên ở Mỹ Tho, lý trí ông Tuyên không chấp nhận sống với chế độ Xã hội Chủ nghĩa và cũng không muốn các con mình biến dần thành người cộng sản như chú nói. Ở mặt tình cảm Tuyên chắc chắn phải đau đớn vì xa quê hương, nhưng đồng thời chính vì muốn bảo vệ, cứu vớt tình cảm đã có hai mươi năm miền Nam mà ông ấy ra đi. Ông Tuyên sợ ở lại, tình cảm đẹp đẽ dành cho miền Nam, với thời gian sẽ bị chế độ làm tang thương và hư hỏng. Đến một lúc nào đó, trong khốn cùng của lầm than, ông Tuyên sợ phải hận thù và chán ghét chính dân tộc, vùng đất mình đang sống. Ra đi Tuyên mất quê hương, nhưng bảo tồn được hình ảnh tươi đẹp trong sáng của miền Nam những ngày đầu di cư vào. Ở lại ông Tuyên mất tất cả, ra đi ông ta giữ được tâm ảnh của miền Nam cũ. Anh tin đây cũng là tâm trạng chung của người tị nạn hôm nay mà Tuyên chỉ là một."

"Khổ cho nhà ông Tuyên!"

Diệp trầm ngâm, cả ba anh em im lặng một thoáng trong suy nghĩ riêng tư. Một lúc, Diệp bỗng bật cười và nói:

"Bàn luận lung tung mà mình vẫn không biết rồi bằng cách nào ông bà ấy trở vô Sàigòn với ba đứa bé và sinh sống ra sao, ở đâu?"

"Ừ, cái đó thì chịu, không *suy diễn* được. Có thể ông ấy hối lộ công an mua lại hộ khẩu hoặc tạm trú nhà bà con, hay không chừng đã phải đi vùng kinh tế mới. Dầu sao họ cũng còn một số vốn để sau này đi bán chính thức."

"Dù sao hồi 76, ông Tuyên ít nhiều ngây thơ!"

Tường nói.

"Không chắc đâu, ông ta không phải là người đầu tiên và duy nhất. Ông Tuyên chỉ đi trước chúng ta trong thời gian. Bằng chứng là ở thời điểm hôm nay không thiếu những người vượt biển đã, đang về Việt Nam du lịch. Cứ cho đó là một thiểu số nông nổi không nhận thức được mâu thuẫn của họ, nhưng những người đó trở về làm gì nếu không là để tìm kiếm cái tâm ảnh cũ? Và tất cả chúng ta ở đây, ai mà không mong một thay đổi để trở về Việt Nam. Trở về bằng đường tắt du lịch bây giờ, hay trở về cùng với tự do dân chủ mai sau, thì cũng là để tìm lại thân bằng quyến thuộc, đời sống thanh bình vui vầy của miền Nam lúc trước. Đó không là tâm ảnh hay sao? Mỗi người trong chúng ta đều có một tâm ảnh ghi khắc trong tiềm thức của mình. Chúng ta hôm nay chung nhau cái Tâm Ảnh lớn của Việt Nam hôm qua đó thôi."

Ông Phán ngã người ra sau ghế, một chút buồn bã trong nụ cười khẽ. Đúng lúc đó bà Phán từ dưới bếp lên, bưng dĩa thức ăn đồ sộ đặt lên bàn ăn nơi góc.

"Mình và mấy em ra bàn coi, nói chuyện gì mà dữ thần không biết! Lâu lâu cô chú Tường mới từ Marseille lên thăm mình mà sao anh em nói toàn chuyện người dưng nước lã không kìa?"

"Gia đình ông Tuyên cũng là người nhà mà chị. Em nhớ hồi mới vào Nam, dọn xuống Vũng Tàu nhà mình ở gần Photo Kim Phượng, ngày nào ông bà ấy cũng sang chơi với anh Phán, còn cho em quà cáp."

Diệp đỡ lời cho chồng.

"Ừ, thì người nhà nhưng cô chú có ra ăn món mắm và rau của tui ngay không, nguội tới nơi rồi!"

Nghe bà Phán nói lẩy, vợ chồng Tường vội vã ra bàn. Tường không quên đem theo chai rượu vang mới khui trong lúc ông Phán cười xuề xòa:

"Chị dâu của cô chú người Vĩnh Long nên không thích nghe kể chuyện Hànội."

"Xì! Tui người Vĩnh Long thây kệ tui. Nhưng nếu hồi đó ông không bị đi học tập mà nổi hứng đòi hồi cư về Bắc, tui cũng biết xuất giá tùng phu chớ bộ!"

Bà Phán dẫy nẫy.

"Thật không bà?"

"Chèn ơi, thiệt chớ chơi sao! Không lẽ để ông đi một mình ên cho mấy con mẹ Bắc Kỳ ở chợ Đồng Xuân bắt cóc!"

Cả nhà cùng cười vang sau câu nói đùa Nam đặc của bà Phán. Diệp và Tường chờ cho anh cả và chị dâu ngồi an vị rồi mới dám cầm đũa.

"Mời anh chị xơi."

"Ừ, cô chú cứ tự nhiên nghen!"

Chỉ nghe có tiếng chị dâu trả lời, Diệp ngước lên bắt gặp anh mình đang lơ đãng nhìn ra ngoài cửa sổ. Bảy giờ chiều, trời Paris sớm chạng vạng tối. Nền trời ngả sắc tím buồn lưa thưa vài bóng mây chiều về muộn. Qua lớp kính trắng trên mũi anh, Diệp chợt hình dung thấy những gợn mây thành dạt dào ào ạt cuồn cuộn trôi qua đầu Tuyên ở Đông Hà. K

TRẦN VŨ

Tháng Một, 1990

NGUYỄN HOÀNG NAM

Trâm anh

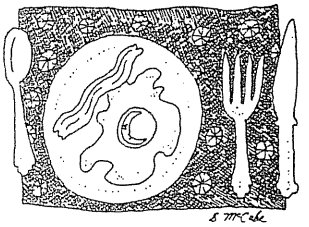

đời lăn lóc trầy vi tróc vẩy
tầm thường theo ngày tháng tai ương
hóa tượng gỗ trôi theo giòng nước chảy
lý đâu còn sót những dễ thương?

em ngồi đây
tình cờ như phép lạ
em nói
hai đứa lúc trước ở cùng đường phan
đình phùng
anh bối rối quá
quá trời
chẳng làm gì cả
chẳng biết phải nói gì
(bản mặt chắc trông ngờ ngệch thảm
thương)
anh chỉ biết ngồi yên
nghe độ rung lớn dần cơn địa chấn
ai vừa tặng anh một quê hương

anh bỏ biên hòa đi năm lớp sáu
rồi trại tị nạn
rồi sex drugs and rock'n'roll
mười mấy năm chia hai phần tuổi lớn
ở giữa là mênh mông phức tạp thái bình
dương

anh với em có cùng gốc gác
hay chỉ chung
hồi nhỏ đánh đũa tắm mưa
quá khứ dường quen mà chẳng biết
không gian
thời gian
lốc cuốn đã bao mùa

anh với em có cùng xứ sở
hay cách chia ở những ngã tư đường
nhà xưa chỉ cách nhau vài số
bây giờ sao lòng như vô chừng
mỗi người một đèn xanh đèn đỏ
mỗi người một lý lẽ ngừng
lặng lẽ cả đời không đối diện
đỏ mắt nhìn
chỉ trước mặt sau lưng

anh với em có cùng ngôn ngữ
hay cách xa ở những phần đời
em mới qua
đầu óc anh đã mỹ
vá víu cho lành áo hai mươi
tơi tả hiện tại đầy nghi vấn
còn chi
tuổi trẻ với nhau thôi

hãy ra khỏi cái hàng ngày
những lần trốn học
một ngày tùy ý chơi rong
đi chân không lội bùn khu chợ cá
xuống những hàng quà ở bờ sông
cuộc sống thời giờ ngày càng trói chặt
mỗi đời người tạm thoát được mấy lần

hãy chờ cái vui không hẹn trước
trưa trưa ai rao
ai ăn chè đậu xanh đường cát nước dừa
hạnh phúc chìu người như thời tiết
đường phan đình phùng
đang nắng bỗng đổ mưa
trong cuốn phim lúc cười lúc khóc
mấy ai biết sống những tình cờ

hãy thiệt thà người tỉnh nhỏ
hãy hiền lành giòng sông đồng nai
gặp nhau
sao chẳng là vài bước
ở biên hòa đâu có đường nào dài

có lẽ quê hương đâu cũng vậy
ở bên trong và chỉ từ bên trong
có lẽ trái đất bé nhỏ và giản dị
như em ngồi đây
em nhắc anh những tên đường
và có lẽ
tình yêu không tìm sẽ thấy
như đám lục bình
tấp vào gặp mình ở mé sông

Sân sau

TẠ THÁI

Rõ ràng lắm, tôi thấy chị em Tố Ngân, Tố Nga đứng bên lan can, tóc nâu mướt mả trong vùng ánh nắng sáng. Tố Ngân với cái dáng làm điệu 24 tiếng mỗi ngày đang duỗi thẳng hai tay vịn thành lan can, đầu ngửa ra sau, cười như thác vỡ. Tố Nga nhu mì, tần mần cấn đầu ngón út, nửa mặt khuất sau mớ tóc dài. Tôi lại lên tiếng, lần này không quan trọng lắm như lần đầu, một chút hài hước ý nhị, một chút bất cần để lời đề nghị có hiệu quả hơn.

"Ê! Anh nói thật đó! Tới ở với anh đi, anh đỡ tủi thân phận cô đơn. Hai cô còn giúp anh bỏ thuốc lá, bớt uống rượu, công đức vô lượng đó! Mà thôi. Anh không cần. Làm bạn với rượu với thuốc lá với . . . hai con cá vàng anh sắp sửa mua cũng được rồi. Khỏi phải mang ơn Tố Ngân, Tố Nga." Tôi ngó lơ ra sân sau, phía góc vườn có cây lựu nhỏ đã bắt đầu kết trái. Mua căn townhouse này một năm rồi, ngày tưới ngày không cái mảnh vườn tí tẻo và bãi cỏ chung quanh, tôi đâu có biết cái cây dáng vẻ tầm thường kia là cây lựu. À! Mà thiệt ra có cây lựu trong vườn nhà thì đặc biệt gì đâu?

"Này này anh Dũng!" Tố Ngân thU gọn nụ cười, thun môi, mắt lẳng "Nếu tụi em tới đây, không biết có phải đóng tiền nhà không, hay ở free, hay . . . là anh muốn trả tiền tụi em không? Với anh thì dĩ nhiên discount rồi" Nàng đặt nhẹ bàn tay dài móng lên ngực tôi, chuyển cuộc đối thoại sang tiếng Anh "Anh đừng quên em không thể bỏ chuyện business của em đâu. Sao? Hay đó là điều anh muốn?"

Tôi thoáng nhìn Tố Nga, cô em tuy không sinh đôi nhưng lại giống cô chị như hai giọt nước, sắc đẹp có phần trội hơn giữa khung cảnh ngoài trời tự nhiên này, nhưng thường bị thua sút ở những tiệc tùng, dạ hội, nơi ánh đèn điện, nơi bóng tối mập mờ làm nổi bật khuôn mặt phấn son sắc sảo, y trang lóng lánh rực rỡ của Tố Ngân. Cô em Tố Nga ngó lơ ra phía cây lựu ở góc vườn, hơi lắc đầu khó chịu vì thái độ của chị mình, và có lẽ cả lời đề nghị bất ngờ của tôi.

"Tùy Ngân" Tôi cười bâng quơ. Cười mình. Quan hệ tình cảm, tình dục nếu có với một trong hai, hay cả hai chị em sẽ phức tạp lắm thay! Và sẽ hứng thú, đặc biệt! Nhưng thật ra đó không phải là lý do tôi mời hai cô gái mới quen chừng nửa năm này tới đây ở chung. Bên trong, tôi như cảm nhận được sự yếu đuối, cô đơn, mặc cảm của hai chị em, và bản năng che chở trong người thúc đẩy tôi phải đem Tố Ngân, Tố Nga về bên tôi, để tôi bảo vệ, lo lắng. Đôi vai của Tố Nga gầy quá, nhỏ quá! Khóe môi, khóe mắt Tố Ngân phong sương, lạc lỏng đến tôi. Tôi tội nghiệp và thương hai chị em như tội nghiệp và thương hai con chim non ướt

sũng trong mưa bão, không cha mẹ mớm mồi, không tổ ấm nương thân "Tùy Ngân và Nga . . . Đừng nghĩ sâu xa thêm về đề nghị của anh nhé. Anh chỉ thấy . . ."

"Ủa, anh Dũng?! Anh hỏi thật ấy hả?" Tố Ngân tròn mắt nhìn tôi, nhìn sang Tố Nga. Im lặng. Rồi bất thình lình, mắt Tố Ngân vụt đỏ long lanh, mi chớp vội khỏa lấp, không đủ nhanh để ngăn một giọt lệ vừa thoát.

Tôi bàng hoàng. Tố Nga cũng vậy. Và trong tíc-tắc đó, tôi biết là chúng tôi sẽ ở bên nhau, sẽ chia sẻ cuộc sống nhau, hai chị em và tôi. Đời quả có những bất ngờ định mệnh, như quỹ đạo tinh cầu cắt ngang trong vũ trụ lồng lộng. Như Tố Ngân mới cười vang thác vỡ lại bất động, lệ tuôn. Tôi nhớ!

". . . Thôi về đi
Đường trần đâu có gì?
Tóc xanh mấy mùa . . ."

Giọng hát Tố Nga còn phảng phất trong căn phòng trống, một bài ca Trịnh Công Sơn, "Phôi pha", bài Nga thích nhất. Tôi đẩy cánh cửa ngăn phòng đựng quần áo, để mùi hương son phấn, nước hoa, thứ mùi ngây ngây rất đàn bà hắt ra nồng nàn. Bước hẳn vào căn phòng nhỏ, tôi dựa lưng rồi ngồi bẹp xuống thảm, đằng sau cánh cửa đóng. "Tố Ngân! Tố Nga! Thôi đi đi! Đường trần đâu có gì, phải không hai em? Tóc anh cũng đâu còn xanh!" Tôi vùi đầu giấu mặt giữa đùi, chóng mặt vì ký ức quay cuồng.

Có lẽ lầm lỗi mở màn từ khi tôi cảm giác yêu yêu Tố Nga. Khởi đầu tôi yêu Tố Ngân. Chuyện tình cảm hai năm tôi có thể viết gom thành vài hàng, nghe đơn giản như những câu hỏi gỡ rối tơ lòng vậy. Đại khái, tôi yêu Tố Ngân, Tố Ngân cũng có liên hệ xác thịt với tôi nhưng không yêu tôi. Tố Ngân không yêu ai cả, đam mê tiền bạc sự nghiệp, và coi mọi đàn ông là phương tiện. Tôi thương thương Tố Nga, nhưng Tố Nga yếu đuối và lãng mạn hơn tôi tưởng. Tuy không khuyến

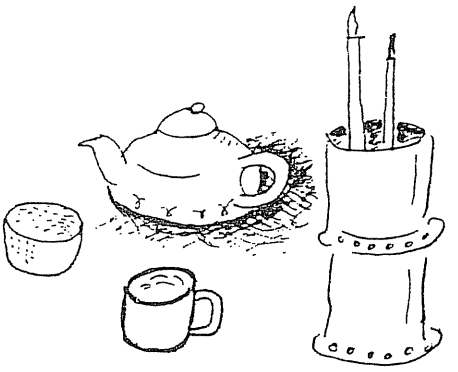

Đường qua

NHƯ CHI

Ai ngụ rừng sâu — đâu tịch lặng
Có gì vương mắc để suy tư
Mênh mang gió phướng khua tâm động
Ôm ấp triền miên những ẩn từ.

Chim cứ hót vang như thuở trước
Lá còn xào xạc ghẹo thu phong
Mà như thăm thẳm hư không hết
Có chuyện gì nương gửi cõi lòng?

Ai ngụ rừng sâu tìm tịch lặng
Vọng cầu — muôn thuở mãi xa xôi
Ai ở thế gian như giữa mộng
Làm mây bay mãi những phương trời.

Ai buộc ràng ai — đâu giải thoát
Lòng ai tự thắt mối oan khiên
Trời xanh một thuở tung cơn gió
Cuốn trọn vào không những nỗi phiền.

Ai ngụ rừng sâu mê tịch lặng
Sao nghe suối chảy cũng mơ màng
Một giấc chiêm bao bừng tỉnh dậy
Nào đâu đô thị với rừng hoang?

Quảy gánh vô ưu ngàn nẻo dạo
Chiều thu nắng trải vàng đường qua
Thời gian — cánh gió lay tay áo
Muôn phương đâu chẳng cõi quê nhà?

Tháng Mười, 1990

khích, Tố Nga lại sẵn sàng chấp nhận tình yêu tôi mang tới tặng nàng, (một phần vì tự ái tổn thương do cô chị mà tôi quay sang cô em). Rồi khi tình yêu thuần khiết của Tố Nga cảm động lòng tôi, tôi yêu nàng thật sự. Tố Ngân tỏ vẻ "thời đại mới", tán hợp chuyện tình chị duyên em này, nhưng bên trong thì đau khổ vì khám phá tình cảm sâu đậm mình dành cho người xưa. Tố Ngân thẳng thắn cho tôi biết. Tôi thẳng thắn cho Nga biết. Tố Nga cao thượng cách lãng xẹt cho tôi số de, quay về đời sống tâm linh. Tố Ngân thương em, đâm ra trách tôi đã làm em mình chán đời, hết còn yêu. Đoạn kết? Tôi và khoảng trống giữa đùi chóng mặt trong phòng quần áo của hai chị em! Cay đắng hơn rượu chát. Có ai gỡ rối tơ lòng giùm không? "Thế ông yêu ai, còn yêu ai?" Nghe như có tiếng hỏi, tiếng một người đàn bà đứng tuổi, ngọt ngào. "Hình như tôi còn yêu, thưa bà." "Ai mới được?!" Hình như tôi yêu cả hai, tôi vừa nhận thức.

Có lần ở patio sân sau, một chiều hè hừng hực trên 90 độ F, chúng tôi gẫu chuyện trên trời dưới đất. Cuộc đàm thoại kéo hai chị em ngược dòng thời gian về quảng đời tị nạn Thái Lan, cảnh vượt biên hãi hùng mà tôi từng đọc qua, nghe kể lại nhiều lần. Thú thật, thái độ chưa đến nỗi bàng quan, dửng dưng, nhưng có phần thờ ơ của tôi làm Tố Ngân nổi điên.

"Ngân Nga đã ở Mỹ năm năm rồi, ôn chuyện cũ chi nữa" Tôi sẵn sàng đổi đề tài. Vụ thiếu nữ, phụ nữ, cả bà già, con nít bị hãm hiếp, đày đọa, thảm sát bởi lũ mọi rợ trên biển Đông, hồi đó làm tôi khiếp đảm, khinh tởm. Tôi là mẫu người khi biết đối tượng tán tỉnh của mình vượt biên bằng đường biển hay đường bộ sau này thì tảng lờ ngay.

"Ôn lại chuyện cũ chi nữa?!" Tố Ngân cao giọng "Chuyện cũ như vết thẹo ở ngực tôi nè, tôi cũng muốn quên nó lắm, anh Dũng ạ, muốn lắm! Muốn lắm! . . ." Tố Ngân quay mặt đi.

Nga vuốt tóc chị, rồi ôm chị vào lòng vỗ về. Tố Ngân không nói gì nữa cả. Câu chuyện bi thương mà tôi được nghe sau đó là do Tố Nga kể, bằng một giọng nói nhẹ, trong, mà cực kỳ truyền cảm, xúc động. Gương mặt nàng là gương mặt bằng sứ.

Một chiếc tàu 136 người, hầu hết là người Việt gốc Hoa, đi bán chính thức, một tháng trời lênh đênh trên biển. Đói. Khát. Hải tặc. Hãm hiếp. Những xác chết quăng xuống biển. Những cô gái, em nhỏ bị bắt để đem bán cho ổ điếm. Cái sống, cái chết chia rõ con người thành hai hạng, sống là bạc phước, chết là thoát. Tôi mở trừng mắt để thấy cảnh Tố Ngân quỳ lạy như tế sao, van xin bọn hải tặc tha cho mẹ và em nàng, hãy chỉ dày vò nàng thôi, tha cho tất cả. Tôi nhìn thấy cảnh bầy thú vật cấu xé thân thể của nàng, và của hết mọi phụ nữ già trẻ lớn bé trên chiếc tàu đau thương ấy, của bao nhiêu con tàu khác nữa. Bầy ác quỷ cắt cổ một nạn nhân khi cô ta kháng cự mãnh liệt. Những trẻ em bị tước đoạt quyền được sống, cười, lớn lên như bao trẻ em khác — cơn ác mộng kéo dài năm tháng sau này trong những nhà chứa gái. Tiếng la thét kinh hoàng. Nước mắt. Máu. Giọt lệ nhục nhã cố nuốt xuống. Căm thù! Vết thẹo trên ngực Tố Ngân, là dấu răng cắn sâu gần nửa đầu nhũ hoa nàng. Tôi choáng váng, vật vã trong nỗi thù, nhục vừa được đánh thức, cắn chặt môi đến rướm máu tự lúc nào không hay.

"Anh biết không, những người đàn ông trên tàu, kể cả ba em, chỉ cúi đầu, không làm gì hơn sau khi bị đe dọa tính mạng" Tố Nga tiếp tục, giọng đều đều, bình thản như tiếng cầu kinh. Họ chỉ cúi đầu. Nhiều người còn cúi đầu khi nhập trại tị nạn, khi định cư yên ổn, khi gần vợ con chị em họ. Nhiều người hóa điên. Nhiều người đánh đập, hoặc cư xử lạnh lùng, tàn nhẫn với nạn nhân hải tặc. Có người nói sao mày không tự tử đi lúc nó hãm mày. Anh biết ai không? Ba em đó anh Dũng. Ba em thà chịu thấy tụi em và mẹ em chết hơn là . . . Ba em đó anh Dũng! Bởi vậy mà mẹ em buồn tủi quá, sanh bệnh chết ngay năm đầu tiên qua Mỹ. Bởi vậy mà chị, em em lưu lạc đời vô gia đình — Tố Nga cười nhẹ, thoáng sắt thép hiện lên trong mắt — Vậy mà có một đứa bé trai, 13 tuổi thôi, nhào tới bọn thú vật một sống một chết với chúng, "Mẹ ơi", tiếng cuối cùng lúc nhát dao đâm lút cán vào bụng nó, "Mẹ ơi", thằng bé chết không nhắm mắt, hai tay còn bấu cứng chân tên hải tặc đã làm ô nhục mẹ nó — Lệ chảy rớt thành tiếng trên bàn kính, lệ tuôn từ đôi mắt bằng sứ của Tố Nga — Nhờ cái chết của nó mà một số người còn sống sót, mà chị Ngân và em thoát khỏi đời nô lệ bán xác thịt. Chúng bắt cóc hết con gái, trừ tụi em. Lòng "nhân đạo" của người tàu trưởng man rợ. Thằng bé. Tú. Em trai dũng cảm của em. Nó chỉ mới 13 tuổi thôi anh.

Chỉ mới ba tuần từ khi Tố Ngân, Tố Nga dọn đi, tôi đã thấy mình già đi thế kỷ. Tố Ngân như ánh mắt sưởi ấm cuộc đời độc thân chán chường, Tố Nga như cơn mưa thấm mát mảnh tâm hồn khô khan, cằn cỗi. Hai chị em ra đi, và tôi ở lại với khoảng trống khốn nạn. Tố Nga mua nhà ở Mission Viejo, không xa Irvine vùng tôi ở là mấy. Tố Nga hình như còn ở một thiền viện tu Vô Vi, trên vùng gần Lake Arrowhead, dự tính khoảng hết hè mới "hoàn tục", vào học tiếp năm thứ nhì đại học.

Tôi mỉm cười khi nhớ tới vụ thiền của Tố Nga.

"Hả? Nga học 'thuyền' hả? 'Thuyền' khó hông?!"

"Ngân đừng có chọc Nga. Thiền người ta mà cứ kêu thuyền, thuyền hoài."

"Mày đọc sách gì dzậy

Nga?"

"*Thiên Đàng Du Ký*. Có đoạn này hay lắm chị Ngân. Ở trên trời có một cái hồ cho mình tắm rửa hết bụi trần. Hễ hồi đó mình niệm Phật bao nhiêu tiếng thì lúc bước xuống hồ, bấy nhiêu hoa sen sẽ nở ra che quanh người mình. Hay há?!"

"Ôi nói tầm xàm! Mày nói như thiệt! Mà nếu có thiệt tao cũng đâu cần niệm nhiều. Tao chỉ cần niệm hai tiếng để có bông sen che hai . . ."

"Chị Ngân!" Nga nạt lớn, đỏ mặt.

Tố Ngân cười sặc, tiếp lời:

"Còn anh Dũng, anh chỉ cần niệm một tiếng thôi cũng đủ rồi. Trừ phi anh thấy mấy cô tiên đẹp quá anh nổi hứng bất tử thì phải niệm Phật nhiều hơn nhé?!"

"Tố Ngân! Tố Ngân!" tôi gọi tên nàng trong óc, trong tim. "Suốt đời tôi có lẽ tôi sẽ không bao giờ quên em, Tố Ngân ơi!"

Business của Tố Ngân, nguồn tài chánh chính mà hai chị em có, là . . . mà đó là chuyện của Tố Ngân, không phải *business* của tôi. Nàng để cho đàn ông lợi dụng nàng một, nàng lợi dụng lại mười. Nhiều khi tôi tự hỏi, và hỏi Tố ngâ, tôi có phải là một nạn nhân không. Ngân trả lời tôi là "gia đình" của nàng, "bạn" nàng, và bất cứ lúc nào tôi muốn trở thành "nạn nhân" của nàng cũng được. Nàng hy sinh nhiều cho em, nàng là chị, là ba, là mẹ của Tố Nga. Tố Nga thông minh nhưng không thực tế lắm. Bây giờ, Ngân là một nhân viên có số lợi tức cao nhất trong công ty địa ốc nàng làm và dự định sẽ cộng tác để mở một văn phòng bảo trợ tài chánh nay mai. Tố Ngân biết bước những nấc thang cần thiết, và với sự khéo léo, kinh nghiệm, sắc đẹp, cái "lửa" đam mê, nàng đã thành công vượt bực.

Tôi quyết định phải dứt khoát từ trong tư tưởng rằng sẽ coi hai người như hai đứa em gái, như bạn, sẽ giúp đỡ bằng tất cả khả năng để mang lại niềm vui cho Ngân, Nga. Ba tuần chỉ liên lạc điện thoại, tôi sợ khi gặp lại, tình cảm ướt át, mâu thuẫn của mình sẽ bị phát hiện. Ai chứ hai chị em đó thì tinh tế, sắc sảo lắm. Có điều tôi phải thuyết phục tôi đã. Cho tới giờ, tôi vẫn còn hy vọng bất cứ giây phút nào, cánh cửa mở bật ra, Ngân Nga chạy vào tíu tít như chim hót, bảo rằng tụi em chọc giỡn anh Dũng thôi, chứ tụi em muốn ở với anh mãi mãi. Mãi mãi. Tôi ngả lưng xuống giường, gác tay lên trán. Tôi nhớ cái sức nặng thân thể quen thuộc của Tố Ngân trên người. Nhớ và tiếc những lần ân ái. Ngân thường thích được hôn, mơn trớn, vuốt ve thật lâu để gợi cảm. Có một lần, tôi đang ôm ấp nàng, hình ảnh Tố Nga hiện lên tư tưởng. Tố Ngân hỏi, (không hiểu sao nàng biết nữa), tôi ậm ừ xác nhận. Tố Ngân cười bảo em không ghen đâu, này, hay anh thử tưởng tượng em là con Nga, rồi chúng mình . . . Vừa đau vì tiếng "không ghen" của Ngân, (cô nàng có yêu mình đâu mà ghen?!), vừa kích thích vì ý kiến rất khêu gợi, tôi quắc mắc nhìn Ngân và vần lấy nàng như con hổ chợp mồi, như chưa bao giờ Ngân có thể ngờ nổi, chịu nổi. Tôi lầm. Sau cuộc "vật lộn", Tố Ngân xoa xoa những giọt mồ hôi trên lưng, trên trán tôi, hôn môi nhẹ, rồi thẳng tay tát tôi một cái tóe sao. Tôi ghì cánh tay nàng. Buông. Ngân tát thêm cái nữa, mạnh hơn, với mắt nhìn đăm đăm mắt tôi, môi khép lạnh lùng. Tới cái tát thứ năm, tôi bỏ đi. Đàn bà! Làm sao hiểu họ nổi?!

"Alô! Anh Dũng hở, Tố Nga đây."

"Ờ Nga. Sao cô bé? Chán chèo thuyền chưa? Chừng nào sư phụ mới cho hạ sơn?"

"Cuối tuần này em xuống lại rồi, ở thiền viện lâu buồn quá à, nhớ chị Ngân."

"Nhớ Ngân thôi à?"

"Nhớ Ngân, nhớ quán bò bía trong khu Man Wah, nhớ là sắp sửa sinh nhật nhỏ bạn, nhớ shopping."

"Ừa, nhớ nhiều quá thì về đây."

"Nhớ anh ti tí!"

"Cám ơn, cô nương. Sao? Muốn anh lên chở về phải không?"

"Uh uh. Nga có người chở rồi. Có điều muốn gặp anh chiều nay, rồi nhờ anh chở về Mission Viejo. Anh trốn coi nhà tụi em hoài, tối nay tới chơi nha. Chị Ngân sắp sửa quên tên anh rồi đó. Hì hì!"

"Chiều gặp em. Thấy coi bộ Nga yêu đời quá hả? Thôi. Anh cũng mừng. Em hơi nghẹt mũi phải hông?"

"Ti tí há."

"Ừ, bận đồ ấm kẻo bệnh nhé. Chiều anh chờ ở nhà. Giờ có vài công chuyện cần thu xếp . . ."

"OK, đi đâu thì đi, làm gì thì làm. Gặp anh khoảng 4 giờ nhe?!"

"Ừ. Bye Nga."

"Bye anh Dũng."

Vài công chuyện cần thu xếp. Tôi nhìn gương. Râu ria mọc thấy sợ, phải làm nhẵn nhụi hết. Nhìn đôi mắt. Chết! Đôi mắt này hai ả Tố Ngân, Tố Nga sẽ biết ngay mình vẫn còn yêu hai ả. Tôi mỉm cười. Nỗi cô đơn, thất vọng ba tuần qua như đã tan biến. Mãi mãi tôi sẽ có hai em. Trong trái tim tôi. Một ngày nào đó tôi sẽ thấy hai em hạnh phúc với với duyên tình riêng, mới, sẽ nghe con hai em kêu tôi "cậu Dũng", tôi sẽ già cùng hai em theo thời gian. Hơi ấm tình yêu, tình bạn còn đầy ắp trong tôi, Ngân Nga biết không? Cám ơn hai em. Vì ngoài tình cảm con người, tất cả sẽ "Phôi pha".

". . . Có nhiều khi
Từ vườn khuya bước về
Bàn chân ai rất nhẹ
Tựa hồn những năm xưa."

Tôi tính niệm tiếng Nam Mô A Di Đà Phật đầu tiên, nhưng lại ngập ngừng. "Chắc anh chưa lên nổi cái hồ sen trên trời đó đâu, Nga ơi?" Tôi lại cười khúc khích một mình. K

Người đàn bà bị tai nạn

VŨ QUÍ HẠO-NHIÊN

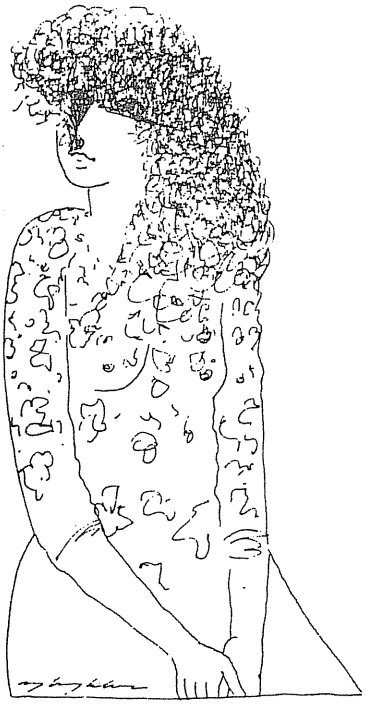

Bố đứa bé gọi nó dậy sớm hơn mọi thứ Bảy khác. Ông bế nó ra khỏi giường, đi dép cho nó, dắt nó vào buồng tắm. Kéo một cái ghế nhỏ, ông đặt nó đứng lên đó, giục nó đánh răng rửa mặt, rồi ông vào bếp chuẩn bị bữa sáng. Đứa bé bốn tuổi chưa tỉnh hẳn. Nó dựa vào bồn nước, bộ quần áo ngủ xộc xệch, đứng trước gương, mặt ngái ngủ lờ đờ. Nó đưa tay áo lên dụi mắt, rồi chợt thấy chưa ai rót nước vào cốc, bôi kem vào bàn chải đánh răng sẵn cho nó cả. Trèo xuống khỏi ghế, nó đi lạch bạch xuống nhà, hai gót chân nó dẫm lên gấu quần, hai tay áo vẫn còn dụi mắt, quệt mũi; nó vào trong bếp, mếu máo, "Bố ơi, Ti Ti đánh răng không được!" Ông bố chưa trả lời. Nó ré lên "Bố ơi!!" Ông bố giật mình, lúng túng với chảo trứng đang sôi dầu, lật đật tắt bếp, buông đũa, bế nó lên, dỗ. Tối hôm qua, ông đã phải dỗ nó một lần rồi, vì nó sợ ma không ngủ được.

Mẹ nó bị đụng xe hôm thứ tư. Bà ta lái xe không biết vì sao đãng trí, không để ý đến chiếc xe trước mặt đã dừng lại lúc đèn bật vàng, đâm sầm vào đuôi nó, cánh tay lái đồn vào ngực bà, dẹp nát xương sườn, những mảnh xương vụn xé vào phổi, vào tim, một vài khúc chọc thủng thịt, thủng da, lộ ra ngoài, tuỷ đen chảy nhờn. Sọ bà bị nứt, máu chảy vào não bộ, máu đổ ra đằng miệng, ra hai bên tai. Người ta đưa bà vào nhà thương, giải phẫu cấp cứu. Người ta báo cho bố đứa bé biết, lúc đó ông đang ở nhà. Ông hối hả bế nó theo vào nhà thương, vì ở nhà không có ai trông.

Lái xe đến nơi, ông bế nó lên, vội vã mở một cánh cửa kính rộng, chạy vào trong, nói chuyện với cô tiếp viên, vừa nói vừa thở hổn hển. Cô ta ngước mặt lên. Nó để ý hai mắt cô mở to, hai hàng lông mày của cô nhướng lên, trông vui vui. Nó nhìn bố nó. Ông vẫn còn thở hổn hển, hai mắt ông cũng giương tròn vo, nhưng lông mày ông không nhướng lên tò mò như cô tiếp viên. Nó thích hàng lông mày của cô ấy hơn. Cô ta nói chuyện với bố nó, nhẹ nhàng. Rồi bố nó bế nó đi tiếp vào trong. Ông ta chạy một khúc, rồi lại bước rảo một khúc, rồi lại chạy một khúc nữa. Người thằng bé nhong lên nhong xuống theo bước chân bố nó. Trên đầu nó, những hàng đèn trắng chạy dài. Dưới chân nó, hay đúng hơn là dưới chân bố nó, sàn nhà gạch bông đổi màu liên tục. Trắng, xanh. Lại trắng, xanh. Hai bên nó, người đi lại vội vã. Có những người mặc áo trắng dài, có những người mặc áo xanh ngắn. Có

một ông già ngồi trên xe lăn, giơ lên một bàn tay gầy ốm gân guốc, vẫy năm ngón tay như năm cành cây khô, toe miệng cười với nó, đưa ra hai hàm răng thưa thớt, hàng lợi đỏ thẫm, lộ vài chiếc chân răng vàng lợt nhợt. Nó giật mình sợ hãi, nhắm tịt mắt lại, hai tay kéo lên che mặt.

Đến trước cửa phòng cấp cứu, ông bố hoang mang không biết nên mở cửa hay không, ngơ ngác nhìn quanh tìm người để hỏi. Một cô bác sĩ đi qua, ông chặn lại. Cô ta trả lời ông, tỉnh bơ, bảo ông cứ chờ ngoài phòng mổ, bao giờ người ta mổ xong, sẽ ra nói chuyện với ông, đừng lo nhé. Thằng bé trên vai ông đã mở mắt ra, nó tò mò nhìn cô bác sĩ. Trong cái xáo trộn của nhà thương, vẻ thản nhiên của cô bác sĩ trên khuôn mặt gầy và hơi vuông, mái tóc thả lơi kẹp túm một mớ trên đỉnh đầu, đem lại cho đứa bé một phần yên ổn. Ông bố thì hơi bực mình, ông đang lo lắng, vợ ông đang bị mổ, có thể chết bất cứ lúc nào, cô này cứ tỉnh như không có gì xảy ra. Đứa bé thử đọc bảng tên của cô gắn trên vạt áo. Carmen. Tên ngắn, dễ đọc, vừa đúng trình độ đánh vần của nó. Nó khoái lắm, đọc tiếp. Gutierrez. Nó đánh vần xong hết bấy nhiêu chữ cái, không phát âm nổi, bỏ cuộc, bỏ luôn hai phụ âm MD theo sau, vì nó cũng chẳng có thể nào phát âm được một chữ không có nguyên âm như vậy. Nó thích cái tên Carmen. Nhưng cô bác sĩ thì đã chào bố nó rồi bỏ đi, tiếp tục công việc của mình, không cười hay vẫy tay gì với nó, như mọi người lớn khác đều làm. Nó tiếc rẻ nhìn theo cô ta đi dọc hành lang, trong khi bố nó đặt nó xuống ghế, cho nó ngồi, rồi ông đứng chống nạnh chờ cửa phòng mổ mở ra. Người ông to hơn tầm mắt của đứa bé, ông che mất cô bác sĩ. Đến lúc đó, đứa bé mới bắt đầu để ý xem bố nó đang làm gì và nó đang ở đâu.

*

* *

Bố nó đang lo lắng lắm. Cái đó dễ thấy. Ông đứng không yên. Dựa trên một gót chân, ông xoay một vòng tại chỗ. Đổi chân, ông xoay một vòng nữa. Rồi ông chậm chậm bước qua, bước lại quanh phòng. Có lúc ông vừa bước, vừa đá chân ra trước, như kiểu diễn hành của bộ đội Liên xô. Chậm chậm, quanh phòng đợi. Đứa bé theo dõi ông. Chẳng được bao lâu. Như tất cả mọi đứa trẻ khác, thời hạn chăm chú của nó rất ngắn. Nó bắt đầu chán bố nó.

Cái ghế nó đang ngồi không phải quá cao đối với tuổi nó. Nó quay người lại, chổng mông ra ngoài, tụt xuống khỏi ghế, lon ton chạy ra hành lang. Bố nó gọi với theo:

"Ti Ti, lại đây, chạy đi đâu thế?"

Dĩ nhiên là Ti Ti không thèm trả lời bố. Tuổi nhi đồng chỉ quý ở chỗ có quyền giả vờ không hiểu. Nó cứ chạy xem có cảnh gì hay hơn cảnh bố nó không. Thế là ông bố phải chạy theo nó, ôm ngang bụng bế xốc nó lên. Nó còn với người ra trước, như thể nếu bố nó có bỏ nó xuống thì nó sẽ có sẵn đà để đi tiếp tục. Không dễ như vậy. Ông bố bế nó trở về phòng đợi, vừa đi vừa nói chuyện với nó. "Ti Ti ngồi yên một tí đi. Mẹ đang ở trong phòng mổ kìa, ngồi chờ với bố một tí nhé."

Đó là trước khi ông phải giảng cho nó ý nghĩa của cái chết. Mẹ nó bị thương quá nặng, những phương pháp hồi sinh, những thứ máy móc đáng giá cả triệu, những ống nhựa cắm lổn nhổn vào khắp mình bà, không thể cưỡng nổi một dữ kiện đơn giản, là bà ta không còn sống được nữa. Một ông bác sĩ nào đó đã ghi loáy hoáy giờ bà ta qua đời là lúc mười giờ hai mươi chín, ký tên nguệch ngoạc ở dưới, rồi ném tờ giấy khai tử trên bàn của cô tiếp viên. Bố nó trong khi đó ngồi trong phòng đợi, thẫn thờ như người mất hồn, nhìn đám trợ y đẩy xác mẹ nó qua ngay trước mặt, mà không dám mở tấm khăn lên nhìn. Ông ta không muốn thấy khuôn mặt tan nát của bà. Ông không thể để sự thật xấu xí làm phá vỡ hình ảnh đẹp của vợ mình. Một đám bác sĩ đi qua, tò mò lật khăn lên xem rồi bàn tán với người trợ y, trong đó đứa bé nhận ra bác sĩ Carmen. Nó muốn chạy xuống xem cô ấy đang nhìn cái gì đấy, nhưng bị bố nó giữ lại. Cô ta bỏ đi, nó ngoái cổ nhìn theo tiếc rẻ.

Tối hôm đó, ông bảo đứa bé là mẹ nó đã qua đời. Ông giảng cho nó là nó sẽ không bao giờ gặp lại mẹ nó nữa. Đứa bé ngẩn ngơ không hiểu gì cả.

"Mẹ chết rồi con ạ," ông nói. Mặt nó vẫn ngệch ra. Ông giảng tiếp:

"Chết, tức là không ở cùng chỗ với người thường nữa. Bố con mình là người thường, thành ra không gặp mẹ được nữa đâu."

"Bộ mẹ không phải là người thường hả bố?"

Lúc khác, ông đã nhắc nó là không được "hả" với người lớn. Nhưng lúc này, chuyện quan trọng hơn là làm sao cho nó hiểu ý ông. Ông trả lời, "Mẹ hồi đó là người thường như bố con mình. Nhưng sau khi chết, mẹ không là người thường nữa."

"Vậy mẹ là cái gì?"

"Mẹ là, là người chết. Người thường là người sống. Người chết không ở cùng chỗ với người thường."

"Thì mẹ ở đâu mình đi đến đó. Mình đi đến chỗ người chết ở, mình gặp mẹ hả bố?"

"Không được đâu, chỉ có người chết mới đến được đó."

Đứa bé lãnh nhận bấy nhiêu lý thuyết rót vào đầu nó, với vẻ mặt vẫn còn ngẩn ngơ. Ông bố không biết giảng cách nào hơn. Ôi dễ biết bao nếu ông cứ nói đại rằng mẹ nó đã lên Thiên Đường hay Niết Bàn hay đang đầu thai. Nhưng khi chính ông cũng không tin vào những chuyện tôn giáo này, ông cảm thấy ông không thể giảng cho con ông như vậy được. Ông khác với vợ ông ở chỗ đó. Dù cả

hai đều theo đạo Công Giáo, chỉ có vợ ông là thực sự tin, còn ông thì đã quên Chúa rồi.

*
* *

Hôm nay sẽ là lần đầu tiên ông đưa thằng Ti Ti đi lễ một mình. Mẹ nó lúc còn sống vẫn muốn bố con nó đi lễ Chủ Nhật mà không phải vì bị bà ta lôi đi. Tội nghiệp, chết đi rồi, bà ta vẫn chưa thành công. Hôm nay hai bố con nó đi lễ an táng bà, cũng chẳng phải là Chủ Nhật, mà vào thứ Bảy, sớm mất một ngày. Ông đưa nó vào phòng tắm, vẫn còn thút thít, đánh răng cho nó. Rồi ông lấy khăn, thấm ướt, lau mặt cho nó. Nó giẫy giụa dưới tay ông, mặt nó lắc qua lắc lại. Cởi bộ đồ ngủ xộc xệch, ông lau người nó. Xong đâu đấy, ông dắt nó vào buồng tìm quần áo thay. Thằng bé đã tỉnh hẳn, sạch sẽ mát mẻ, nó vui vẻ lắm. Nó vừa đi theo ông, vừa nhẩy nhong nhong.

Mở tủ, ông chọn quần áo mặc cho nó. Nó không chịu đứng yên, nhảy nhong nhong và trèo lên lưng ông. "Ti Ti, xuống, để yên bố lấy quần áo cho." Nó lì không xuống. Ông phải thẳng người dậy cho nó tụt xuống. Đặt nó lên giường, ông xỏ hai chân nó vào chiếc quần lót có hình các con chó trong phim hoạt hoạ. Một đôi vớ trắng bình thường. Một chiếc quần tây đen. Một sơ mi trắng. Không, không phải; thằng bé không có sơ mi nào trắng, ông tìm mãi mới thấy một cái gần trắng hết, với vài chiếc thuyền buồm lơ lửng trôi ngang bụng. Thôi được. Từ trong góc tủ, ông lôi ra được một cái cà vạt giả, có nhíp kẹp, màu xanh đậm, đeo vào cho nó. Nó giơ tay sờ táy máy cằm ông, với hàng râu ba ngày chưa cạo. Ngứa quá, nó cười hì hì thích chí xoa mạnh hơn.

"Ti Ti xuống bếp chờ bố thay quần áo," ông bố đứng dậy, bảo nó. Lần này thì nó vâng lời.

Nó xuống bếp, đẩy một cái ghế vào sát tủ lạnh, rồi nó đặt cái ghế nhỏ của nó lên trên cái ghế đó, rồi nó khệ nệ trèo lên trên cùng, với tay lấy hộp đồ ăn sáng để trên nóc tủ lạnh. Hai cái ghế chồng lên nhau chưa đủ cao, nó đứng lên trên thành ghế nhỏ, kiễng chân cho cao hơn. Chiếc ghế lung lay.

"Ti Ti!!" Ông bố hét ầm lên, chạy lại. Đứa bé giật mình, mất thăng bằng, ngã bổ nhào. Ngã ngay vào tay bố nó. "Thằng này chơi dại vậy! Hai cái ghế chênh vênh muốn gẫy cổ chết hay sao!" Chưa hoàn hồn, lại bị bố mắng, nó sợ quá, khóc oà lên. Ông bố còn giận, ông lập lại câu ông vừa mắng: "Hai cái ghế chênh vênh như vậy mà cũng trèo lên, muốn gẫy cổ chết hay sao!" Nó oà khóc to hơn. Ông nhìn nó tội nghiệp, bế nó lên vai, vỗ về, "Thôi nín đi, nín, bảo ngoan. Lần sau đừng dại dột vậy nữa, thôi nín đi nhé." Nó vẫn khóc, nước mắt chảy ướt áo ông. Lúc đó ông mới nhớ đã lâu ông không bế con, ông quên không đeo khăn che vai trước. Một tay ông bế xốc đứa bé, tay kia ông lấy hộp đồ ăn, mở tủ lạnh lấy sữa, vừa đi ra bàn vừa dỗ, "thôi nín, nín đi nhé, nín đi ăn sáng chóng ngoan."

Ông đặt nó ngồi, múc đồ ăn cho nó. Đứa bé còn mếu máo, ông dí đồ ăn sát miệng nó, nó há miệng ăn, vẫn thút thít. Được vài lần thì nó nín. Bữa ăn sáng trước lễ an táng bà mẹ trở thành bài học đầu tiên cho cảnh gà trống nuôi con sau này.

Lúc ông chở Ti Ti đến, nhà thờ đã sẵn sàng tiễn đưa con chiên trung thành của xứ đạo. Ông linh mục già đã có mặt, ra tận cửa đón ông. "Chào Cha ạ." "Không dám, chào ông," ông linh mục trả lời, giọng ông phát âm bằng mũi.

Bên trong nhà thờ bày biện đơn giản. Hầu như tất cả đều một màu nâu. Phía cuối nhà thờ, ánh nắng từ một cánh cửa sổ trên nóc chiếu thẳng vào bàn thờ, phản chiếu qua bồn nước rửa tội, hoà với ánh nến quyện vào thánh giá, vẽ lên những đường cong mờ ảo. Chiếc quan tài nằm ở phía cuối, ngay trước bàn thờ. Một số bạn bè của bố mẹ nó đã đến sẵn. Họ đang đọc kinh, một số quay lại chào và nói chuyện với bố nó trong khi những người khác vẫn tụng. Nó nhận ra người ta đang đọc kinh Lạy Cha, kinh duy nhất nó thuộc. Nó hăm hở đọc theo, "Lạy Cha chúng con ở trên trời," nhưng nó mới xong câu thứ nhất thì người ta đã đọc xong cả kinh, chạy qua kinh khác.

Bố đứa bé kéo nó ngồi xuống. Ông ôm ghì lấy nó, không cho nó chạy đi đâu cả. Nó ngồi nghe người ta đọc kinh, rồi nó thấy bố nó cũng lầm bầm đọc theo. Buồn ngủ, nó thiếp đi.

*
*

Lúc nó dậy, tang lễ đã bắt đầu. Ông linh mục ra đón bố con nó lúc nãy, bây giờ đang đứng giảng phía sau quan tài. Ông đã thay quần áo, bây giờ ông mặc áo lễ, một chiếc áo dài tới chân và rộng quá khổ, trông như váy đàn bà. Chiếc áo màu trắng, thêu hình thập giá màu nâu với nhiều đường cong trang trí. Nó để ý nghe ông nói.

"Chỉ trong cái chết, mới có sự sống lại. Chỉ sau khi bị hạ huyệt, vào lòng đất sâu, mới có thể được nâng lên nước Thiên Đường." Giọng ông kéo dài ra, vẫn lè nhè phát âm bằng mũi. Ông tiếp: "Vì vậy, từ vực sâu thẳm, nhờ Đức Tin tuyệt đối và mạnh mẽ, linh hồn An-na sẽ được nâng lên, và An-na sẽ bước vào một ngưỡng cửa mà tất cả chúng ta đều muốn được bước vào. Đó là ngưỡng cửa Thiên Đường, đó là diễm phúc được nhìn thấy nhan Chúa." Đứa bé nhớ ra rằng tên thánh của mẹ nó là An-na, như nó nhớ tên thánh của nó là Giu-se và của bố nó là Mác-cô. Nó rất hãnh diện về mớ kiến thức riêng tư này. Nó quay sang bố nó. Ông đang rục rịch không yên, vì ông mới nhận ra bài giảng này ông vừa được nghe cách đây không lâu, trong một tang lễ khác. Đứa bé lại lắng

nghe ông Cha. Thỉnh thoảng nó để ý rất kỹ một vài câu ông nói, những lúc khác thì nó lại làm lơ, chỉ theo dõi ông bằng mắt.

Ông ta, thì dĩ nhiên không cần biết đứa bé bốn tuổi có để ý nghe lời ông giảng hay không. Làm linh mục có lẽ đã gần nửa thế kỷ, ông thừa biết rằng khi ông giảng thì ngay cả người lớn cũng còn lơ đãng gật gù, chấp làm gì đứa bé thế kia. Rồi ông miên man tiếc bà mẹ nó, có lẽ đã là con chiên duy nhất luôn chú ý đến từng lời ông giảng trong thánh lễ. Càng nghĩ, ông càng hăng. Người ông run lên. Ông nghĩ rằng, nếu lời giảng của ông có thể an ủi dù chỉ một người, một người thôi, trong tang lễ này, thì ông đã thành công rồi.

"Chúng ta có nghĩ An-na sẽ vào nước Chúa không? Tôi nghĩ là có. Chúa Giê-su đã nói: Ta là sự sống lại và sự sống. Ai tin ta sẽ được sống đời đời. Tôi được biết An-na khi còn sống. Tôi biết An-na thực lòng tin vào Thiên Chúa, tin vào Đấng Cứu Thế là Giê-su Ki-tô, tin vào sự sống đời sau, là sự sống An-na đang lãnh nhận ngày hôm nay."

Ông linh mục khẽ nhắm mắt. Áo ông cũng lắng xuống. Ti Ti chợt để ý nhìn hàng lông mày của ông ta. Những sợi lông của người già, dài, thưa, bạc, và đâm ra tua tủa. Nó có cảm tưởng những sợi lông của ông chắc hẳn cứng lắm. Ngay khúc cuối hàng lông mày, gần mũi, ông ta có một cái mụn lớn. Nó nghĩ nếu mụn đó màu đỏ, thì ông ta sẽ giống như phụ nữ Ấn Độ điểm một điểm son trên trán họ. Mẹ nó đã có lần chấm thỏi son lên trán nó, rồi bảo bố nó, "Thằng Ti Ti giống con gái Ấn Độ chưa?" Nó nhớ lúc đi ngủ nó đã để nguyên vết son không lau đi, rồi sáng hôm sau gối nó dính son đỏ choét. Hình như lần đó bố nó than phiền là hai mẹ con Ti Ti này nghịch quá.

"Chúng ta hãy cầu nguyện. Lạy Chúa chúng con xin phó dâng linh hồn An-na cho Chúa. Xin thứ tha mọi tội lỗi đã phạm vì yếu đuối con người..."

Đứa bé không để ý nghe khúc cuối nữa. Lời ông cha, tiếng cầu nguyện của bố nó, của những người chung quanh nó, dồn dập ồn ào nó nghe không kịp. Bố nó vẫn một tay giữ nó, nên dù nó rất muốn tụt xuống chạy lên bàn thờ, cũng phải ngồi yên. Nó nhìn chằm chằm vào mặt ông linh mục già. Những nếp nhăn trên trán, hai bên kẽ mắt. Hàng lông mày. Một sợi lông mày quá dài. Nó có cảm tưởng có một lúc nào đó chớp mắt, sợi lông đó sẽ bị kẹp vào mắt ông. Ngay cả mí mắt ông cũng có cái vẻ già cỗi. Lớp da nhăn nhúm và dư thừa. Lớp da nặng nề, mỗi lần nhướng lên là cả một công trình. Nó lại chú ý trở lại cái mụn ở cuối hàng lông mày. Cái mụn to, căng, bóng, trắng, nằm trên khuôn mặt ấy, hoàn toàn không đúng chỗ. Nó lạc lõng làm sao. Đứa bé nghĩ, một ý nghĩ rất kỳ cục, là cái mụn ấy trông quá trẻ trung trên khuôn mặt cổ lỗ.

Mọi người lục đục đứng dậy. Đã đến lúc chuyển quan tài ra khỏi nhà thờ. Bố đứa bé bế nó dậy. Ông dắt nó đi theo sau quan tài, ngoan ngoãn như đã chấp nhận cái chết của bà mẹ là một sự thật không tránh được. Còn đứa bé thì vẫn thỉnh thoảng ngoảnh lại phía sau nhìn ông Cha. Ông đi chậm rãi, theo bước bình thường của một người già như ông. Đến trước mồ, ông dừng lại. Bố con đứa bé và mọi người đứng dàn hàng hai bên hố sâu đào sẵn.

"Chúng ta hãy cầu nguyện." Mọi người cúi đầu, im lặng. "Xin cho tôi tớ Chúa được nhìn thấy ánh sáng tôn nhan Chúa."

Ông ta giơ một nhánh cây, rảy nước bắn giọt nhỏ. Mẹ nó bảo nó nước đó là nước thánh, nó nghĩ nếu mẹ nó biết nó nhớ được điều này, chắc bà ta sẽ mừng lắm. Nó chợt thấy tiếc. Bố nó bảo nó không còn gặp mẹ nó, nó sẽ chẳng bao giờ được khoe với mẹ rằng lúc ông Cha vẩy nước, nó đã khéo léo rụt lui người lại để áo khỏi ướt. Mùi hương trầm xông lên, nó vươn cổ ra nhìn. Ông Cha đang xông hương. Bình hương nặng treo lửng lơ trên một sợi dây xích dài, lắc qua lắc lại, đụng vào sợi dây, cóc, cóc, cóc.

Ông bố nhăn mặt khó chịu. Trong tất cả các nghi thức Công giáo, ông ghét nhất là lúc xông hương. Hương trầm dùng trong Thánh Lễ thường rất đậm, đứng cuối nhà thờ ngửi thấy thoang thoảng thì cũng thơm. Khổ một nỗi, vợ ông thường ngồi trên những hàng ghế đầu, mùi hương quá nồng, như lúc này, ông không thấy thơm tí nào cả. Ti Ti thì ngược lại. Nó thích mùi này lắm. Mẹ nó bảo, lúc Giê-su sinh ra, có ông vua mang bột hương này tặng cho Giê-su. Nó nhớ nó hỏi mẹ nó: "Lúc Ti Ti sinh ra, có ai mua bột hương cho Ti Ti không?" Mẹ nó chỉ cười. Nó vẫn chưa biết câu trả lời. Nó dự định sẽ hỏi ông cha. Ông ta nãy giờ nhắc đến Giê-su rất nhiều, có thể ông sẽ biết.

"Chúng tôi trông cậy Rất Thánh Đức Mẹ Chúa Trời xin chớ bỏ lời chúng tôi nguyện, trong cơn gian nan thiếu thốn." Cả đám người ồn ào đọc kinh theo nhịp, như một nhóm đồng ca.

Rồi giải tán. Đứa bé định chạy đi, lại bị bố nó kéo lại. Ông bế nó lại gặp ông linh mục. Ông bảo nó khoanh tay "ạ" ông Cha già, trong khi ông này nói thêm vài lời an ủi. Đến trước mặt ông, đứa bé bỗng sợ, bỗng nhát hẳn. Nó không dám hỏi ông ta về ông vua và gói bột hương lúc nó sinh ra nữa. Ông nhìn nó chằm chằm với hàng lông mày và cái mụn trắng, rồi ông hỏi nó, "Con có tin Chúa không?," y như mẹ nó thường hỏi sau mỗi buổi lễ. Nó trả lời nhỏ nhẹ "Có, Ti Ti tin lắm," rồi nó cảm thấy lạ lạ. Nó không còn sợ ông Cha nữa, dù nó vẫn thấy rụt rè. Ông Cha khen nó giỏi, "Tin như vậy là tốt lắm. Con phải nhớ, chỉ có Đức Tin là quý," rồi ông đưa

tay lên vuốt tóc nó, nó rụt cổ lại. Hai bàn tay ông, gầy và cứng, xoa trên đầu nó, nó vụt nhớ đến cánh tay xương xẩu của người bệnh già nó thấy trong nhà thương. Nó giật cả người, quay lại ôm cổ bố. Ông Cha buông bộ tóc đen nhánh của nó, bắt tay bố nó, rồi ông ra về.

Thế là hết. Ông bố bế đứa bé ra xe, lái về nhà. Ông cảm thấy có gì trống vắng. Không phải chỉ trống vắng vì vợ ông đã qua đời. Trống vắng vì ông cảm thấy như ông thiếu cái gì trong bổn phận của người chồng. Trống vắng vì lời giảng của ông Cha, ông nghe lần này là lần thứ nhì, trôi tuột qua tai ông chẳng thấm vào chút nào. Trống vắng vì hình như ông vẫn chưa tin nổi Chúa với Thiên Đường, là những điều vợ ông rất muốn ông tin. Trống vắng vì ông vẫn chưa được trả lời câu hỏi "vợ tôi nay ở đâu." Bất giác ông hỏi bâng quơ:

"Ti Ti có tin Chúa không?"

Ông vừa lập lại câu hỏi của vợ ông hỏi mỗi Chủ nhật và của ông linh mục mới hỏi cách đây vài phút. Đứa bé nhìn bố ranh mãnh. Rồi nó nhe răng cười. Rồi nó vừa hất hàm vừa nói "Có!" như một con chó con đưa mõm ra sủa. Ông bố cười. Rõ mình ngớ ngẩn, đứa bé lên bốn biết gì mà hỏi. Năm phút nữa hỏi lại, nó sẽ lại sủa ra "Không!" chẳng biết chừng. Ông vui bụng lại cười một mình. Rồi một cảm giác khác đến với ông. Ông bỗng muốn vợ mình có mặt ở đây, để ông với bà cùng cười đứa bé với câu trả lời cộc lốc của nó, để ông kể cho nghe chuyện nó suýt ngã hồi sáng, để ông tả diễu ông Cha già có tướng mệt mỏi và giọng nói ra đằng mũi chua lét, để ông than phiền mùi hương trầm xông lên mạnh quá, rồi bà sẽ cằn nhằn rằng ông đi lễ chỉ lo để ý cái gì đâu không, rằng "hương trầm thơm chứ" và lôi đứa bé ra làm chứng "Ti Ti thích mùi hương trong nhà thờ phải không?"

*
* *

Ngày Chủ Nhật trôi qua chậm rãi. Ông không đi đâu cả, ra vườn sau ông sửa lại miếng đất nhỏ, miếng đất vợ ông định để riêng ra trồng một hàng hoa hồng trắng. Ti Ti lon ton theo ông. Nó có cái xẻng nhỏ bằng nhựa để đào cát, cũng mang ra bắt chước bố đào chỗ này, đắp chỗ khác, tay nó dính đầy đất, chùi vào áo, vào mặt, đen lấm lết. Rồi đến tối, ông mới nhớ ra là Chủ Nhật này là Chủ Nhật đầu tiên từ ngày lấy vợ, ông không đi lễ.

Sáng thứ Hai, ông dậy sớm. Như vợ ông đã từng dậy sớm trước đây. Xuống bếp chuẩn bị bữa sáng, gọi đứa bé dậy, lấy bàn chải cho nó, bôi kem đánh răng vào, đầy đủ. Từ trước đến nay, bố nó có lo chuyện nó đánh răng bao giờ đâu. Rồi lại cũng bố nó chở nó đến trường mẫu giáo. Cái gì mình không có thì mình vẫn thích. Xe mẹ nó tốt hơn xe bố nó, nhưng vì nó ít được ngồi xe bố, nên nó khoái chí vui nhộn hẳn lên. Ông bố thấy nó nhộn nhịp, thì cũng vui trong lòng. Lúc đưa nó ra xe, ông đã sợ nó sẽ thắc mắc tại sao nó phải đi với ông mà không được đi với mẹ nó. Hay nguy hơn, ông đã sợ nó níu kéo đòi phải được mẹ chở mới chịu đi.

Đến nơi, đứa bé lon ton chạy vào. Tướng chạy lạch bạch của đôi chân ngắn trong chiếc quần vải ka-ki rộng lùng thùng trông mà buồn cười.

Vào lớp, đứa bé dường như đã quên, hay có thể là chưa nghĩ ra, rằng mình mồ côi, chơi đùa chạy nhảy như không có gì. Có khác chăng là trên vạt áo nó có đính một mảnh vải đen nhỏ để tang mẹ.

Đến bữa ăn trưa, mảnh vải đen đó không thoát khỏi mắt của đứa bạn ngồi trước mặt:

"Áo Ti Ti có miếng vải đen ngộ quá vậy?"

"Bố Ti Ti gắn vào áo Ti Ti đấy."

"Tại sao vậy?"

"Tại mẹ Ti Ti chết."

"Tại sao mẹ Ti Ti chết, bố Ti Ti lại gắn miếng vải vào áo Ti Ti?"

Nó bí, không trả lời được, thú thật, "Ti Ti không biết nữa. Bố Ti Ti bảo là để tang."

"Chắc là đeo vải đen thì mẹ Ti Ti sống lại chứ gì?"

Đứa ngồi cạnh Ti Ti xen vào, "Không phải đâu, chết rồi làm sao sống lại được. Đeo vải đen để làm kỷ niệm đó. Không để tang, Ti Ti quên mẹ nó đi."

Ti Ti cãi, "Không có đâu, Ti Ti không quên mẹ Ti Ti đâu."

"Thì vẫn phải đeo miếng vải đen làm kỷ niệm."

"Nhưng mẹ Ti Ti đâu có thích mặc áo đen. Bố Ti Ti mua miếng vải riêng cắt ra cho Ti Ti mà."

Thằng này ra điều hiểu biết, "Nếu vậy tức là sai rồi. Miếng vải để làm kỷ niệm, đâu có mua riêng được. Phải cắt một miếng trong áo mẹ Ti Ti ra mà xài."

Đứa bạn ngồi đối diện cãi, "Đâu có, cắt áo rách làm sao?"

Đứa kia lại giảng, "Cắt phía trong, đâu có ai thấy." Rồi nó lật áo nó lên, chỉ cái nếp vạt áo cho hai đứa kia xem, "Nè, ngay chỗ này, cắt một miếng vuông, đâu có ai biết được đâu!"

Một đứa khác, nãy giờ ngồi im, nói chen vào, "Không phải đâu, miếng vải đen để trừ ma đó. Người chết ở với ma, nếu đến gặp người sống thì ma đi theo, thành ra phải đeo miếng vải để nếu mẹ Ti Ti đến gặp thì mấy con ma khác đừng đi theo."

"Nhưng bố Ti Ti bảo Ti Ti không gặp mẹ nữa mà!"

Đứa kia vớt vát, "Ừ thì Ti Ti không gặp mẹ, nhưng mẹ Ti Ti vẫn gặp Ti Ti được, như người vô hình ấy mà."

Thằng bé hồi nãy đòi cắt áo mẹ Ti Ti lại cãi, "Không phải đâu, vải để kỷ niệm cơ mà. Người chết đâu có ở với ma, người chết ở với Chúa."

Ti Ti vớ ngay câu đó, "Chúa ở đâu vậy ?"

"Chúa ở trên trời."

"Không, Chúa ở dưới đất."

"Bậy!"

"Tại Chúa ở dưới đất, thành ra người chết mới chôn xuống đất!"

Luận cứ quá vững vàng, thuyết phục được tất cả đám con nít.

*

* *

Bố đứa bé đến đón nó về sớm. Ông đưa nó ra công viên cạnh viện bảo tàng. Viện bảo tàng đóng cửa. Mọi ngày, vào giờ này, có những tay chơi đàn, ảo thuật, tung hứng,... hăng say làm việc. Hôm nay, ông đón nhận sự yên tịnh của công viên một cách nhẹ nhõm, thoải mái. Ông ngồi xuống băng ghế, còn đứa bé thì chạy chơi. Nó đã đến đây nhiều lần, không thể lạc được.

Ti Ti được bố thả cho chạy chơi thì khoái lắm. Nó lăng xăng chạy qua vườn hồng, lon ton rượt theo mấy người đang chạy bộ, rồi nó chạy về phía hồ nước. Ở đó, sau khu vườn cúc, là một con đồi không cao lắm, lần nào đến đây nó cũng chạy lên đó.

Cạnh hồ nước hôm nay có một người đàn ông đang la lối. Một số người đứng quanh, thỉnh thoảng chỉ trỏ cười. Đứa bé đến gần. Ông ta trông già hơn bố nó, trẻ hơn ông linh mục, mặc một chiếc áo sơ mi ngắn tay, quần tây xanh, đôi vớ xanh và đôi giầy cũng xanh. Tay ông cầm một quyển sách bìa đen quăn góc ông quơ qua quơ lại trước mặt mọi người. Miệng ông gân lên gào thét, "Ngày tận thế sắp đến rồi. Không lâu nữa đâu. Đến ngày đó, bao nhiêu người mang trên mình đầy tội ác, điêu ngoa đĩ điếm sẽ bị thiêu hết. Trong hoả ngục, nghe chưa, trong hoả ngục!"

Một cô gái đứng bên nói to, vừa nói vừa cười, "Ngày tận thế tôi đem bộ phim X ra bán có được giá không vậy?" Ông này lại gào, "Mấy người đừng tưởng xem phim X là không có sao. Đừng tưởng thu nhận những cái dơ bẩn, tục tĩu đó là không có sao. Đến ngày phán quyết, tất cả mấy cuốn phim đó sẽ bị thiêu huỷ, và đầu não các người, đã in hằn vết nhơ của những cuốn phim ấy, cũng sẽ bị đốt trụi!" Ai đó la lên, "Ê cái ông kia, ở đây có con nít, không xài chữ bậy bạ nghe chưa." Một số người quay lại nhìn nó, rồi họ cười. Nó mắc cỡ, quay đầu chạy tiếp về phía đồi.

Gió hây hây thổi, đứa bé chạy chậm lại. Nó chợt bắt gặp cây cột hàng rào trên đỉnh đồi. Nó đã thấy cây cột ấy biết bao nhiêu lần rồi, mà lần này nó mới nhận ra rằng cây cột ấy rất giống cây thánh giá trong nhà thờ. Giống từ hai đường thẳng bắt góc, cho đến cái dáng nghiêng nghiêng như đang nhìn xuống dịu dàng. Giống cả cái ánh mặt trời đổ lên cây cột đó, vẽ những đường cong tranh tối tranh sáng, y như màu nắng trong nhà thờ đổ lên cây thập tự.

Đứa bé cảm thấy lạ lạ trong lòng, một cảm giác y như lúc ông linh mục hỏi nó có tin Chúa không. Nó cố tưởng tượng xem Chúa hình dáng ra sao, nhưng nó chỉ nghĩ ra được một bóng người không rõ mặt. Nó lẩm bẩm trả lời câu hỏi từ hôm trước, "Ti Ti tin lắm." Và cái cảm giác lạ lạ ấy dường như làm cho nó hăng hái chạy mãi lên dốc.

Ba phút sau, nó lên được đến đỉnh, đứng dựa hàng rào dây kẽm, sát bên cây cột nó thấy giống cây thánh giá. Đứa bé hít hơi mạnh. Rồi nó chợt có một ý nghĩ táo bạo. Nó sẽ đi tìm Chúa, ở đó nó sẽ gặp mẹ nó. Lần đầu tiên sau biết bao nhiêu lần chạy lên con đồi này, đứa bé cúi người luồn thân hình bé nhỏ của nó qua khỏi hàng rào. Đứng đó, nó nhìn xuống dưới. Trời vẫn có gió, nhưng nó vẫn vững tâm đến sát bờ đá. Dưới kia, một con đường uốn éo quanh chân đồi. Những chiếc xe chạy vượt nhau, từ trên nhìn xuống thấy quá chậm chạp. Dưới những chiếc xe ấy, sâu trong lòng đất, là nơi mẹ nó đang ở với Chúa.

Đứa bé nhắm chặt mắt. Nó tưởng tượng ra mẹ nó. Rồi nó tưởng tượng ra Chúa, vẫn một bóng người mờ ảo với tấm áo phất phơ. Nó mở mắt nhìn xuống dưới, nơi những chiếc xe vẫn thản nhiên đuổi nhau. Nó lại nhắm mắt. Rồi nó chợt vùng nhảy ra trước, người đổ xuống không trung. Gió lùa hai bên tai nó, mang theo lời giảng của ông linh mục "Từ vực sâu thẳm, linh hồn An-na sẽ được nâng lên đưa vào một ngưỡng cửa mà ai ai cũng đều muốn được bước vào. Đó là ngưỡng cửa Thiên Đường, đó là diễm phúc được nhìn thấy nhan Chúa." Mặt ông ta, già cỗi và nhăn nhúm, hiện lên trong trí nó, chói loá với luồng ánh sáng như chiếu rọi từ phía sau lưng ông, chiếc áo lễ trắng tinh bay phất phới. Đứa bé có cảm giác Chúa trông chắc giống ông linh mục này. Nó nghĩ loáng thoáng như nó sắp sửa lại được nâng lên, nó sắp sửa bước vào đến thiên đường. Linh tính bảo nó mẹ nó cũng sắp sửa xuất hiện, sắp sửa nhẹ nhàng gọi "Ti Ti lại đây, Ti Ti." Nhưng không phải, chỉ là tiếng ông Cha già. Rồi ông cười toe, đưa ra hai hàm răng thưa, hàng lợi đỏ, lộ vài chiếc chân răng lợt nhợt, y như hàm răng của người bệnh nó gặp trong nhà thương hôm nọ. Nó bừng mở mắt ra. Đất đen từ dưới chạy dồn lên, ào ạt như đang chộp lấy nó. Nó vụt nhắm mắt lại, hét lên thất thanh "Mẹ!!", vừa đúng lúc người nó dập vào lòng đất. Sọ nó vỡ ra. Cả bộ xương nó gẫy nát, những mảnh xương vụn xé vào khắp da thịt nó, đâm ra tua tủa. Trong thị kiến cuối cùng, trước khi một màu đen tối nuốt trọn cả vũ trụ của Ti Ti, nó thấy cái mụn trên lông mày ông linh mục vỡ bung, mủ trắng chảy lờ nhờ xuống sống mũi... K

VŨ QUÍ HẠO-NHIÊN

Phượng à, Phượng à, về Quê hương ta

ĐỖ QUÝ TOÀN

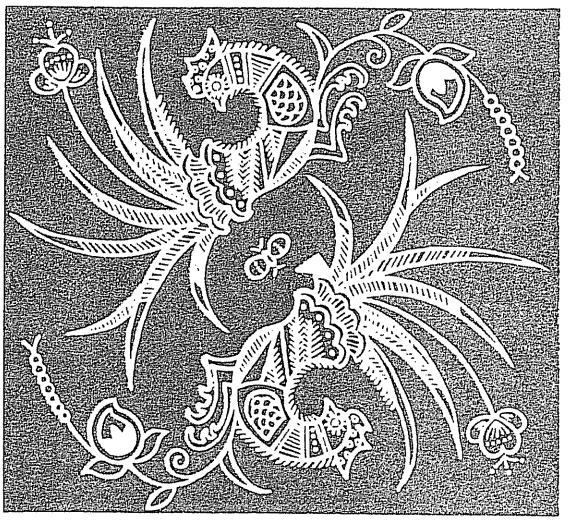

Lần đầu nghe tổ khúc *Bầy Chim Bỏ Xứ*, tôi mới đi xa trở về, ngồi lắng nghe những âm thanh vang dội bập bềnh dào dạt ngập thính phòng ở nhà Phạm Duy, tôi nhớ ngay đến câu thơ cổ: "Phượng hề, Phượng hề, quy cố hương" — Phượng à, Phượng à, ta trở về quê hương cũ.

Quê hương lúc đó là những giai điệu mà Phạm Duy đã ghi lại, đã chuyển hóa. Lúc đó quê hương cũng là những hình ảnh hiển hiện trong lời ca. Những tên gọi: Chi Lăng, Cửu Long, Vành Khuyên, Chèo Bẻo, mỗi tiếng gợi lên một mảnh đời đã sống. Điệu hò miền Trung, điệu quan họ quê tôi, mỗi điệu làm thức dậy một mớ tế bào trong não bộ, một đường máu chạy trong thân thể. Phạm Duy lúc nào cũng có cây gậy thần làm phép của một đạo sĩ, rút đất đưa chúng ta đi về, rút cả thời gian mang chúng ta trở lại. Phượng này, Phượng này, mình về quê đi em.

Chúng ta sẽ cất cánh bay như đàn chim dào dạt bềnh bồng, từng mảng chim trời phấp phới dập dềnh như sóng. Con chim quyên ngày nào xuống suối tha mồi, một đời nhớ nước. Con chim chích chòe tung tẩy truyền cành kể chuyện tuổi thơ. Chim bồ câu thủ thỉ và chim sẻ ríu rít. Lên trên rừng ba mươi sáu thứ chanh, ba mươi sáu thứ tre, mà cũng là ba mươi sáu thứ chim. Chim họp đàn tíu tít trong 19 đoản khúc của Phạm Duy, như trăm loài chim họp mặt rộn ràng trong một bức tranh Bách Điểu Triều Phượng. Mà con chim phượng hoàng ở đây, chúa tể ngự trị trên muôn loài chim trong tổ khúc này, là con chim Hồng, con chim Lạc, loài chim của giống nòi Hùng Vương, của cháu con cùng dòng Lạc Việt. Phạm Duy đã cất cánh như con chim Hồng - Lạc, vỗ đôi cánh bao la, ra đi làm nhiều vòng thế giới, là để trở về. Tên gọi là *Bầy Chim Bỏ Xứ*, cuối cùng phải đọc là *bầy chim về xứ*. Phượng à, Phượng à, ta về quê hương nghe.

Tôi trở về đến Thị trấn Giữa đàng, sau khi đã đi gần nửa vòng trái đất, thăm Úc Châu, xứ xở của huyền thoại, chỉ còn hai múi giờ nữa là về tới quê hương; nhưng ở nơi nào đi qua tôi cũng thấy quê hương, và niềm hy vọng cho quê hương. Năm 1990, thế giới đang rung động, chuyển mình. Cả loài người đang chờ đón một mùa xuân của thanh bình, tự do và thịnh vượng. Người Việt của chúng ta trên khắp thế giới cũng đang rạo rực bồn chồn mới hy vọng trở về dựng lại đất nước. Cơn ác mộng sắp tan biến. Hạnh phúc là đám mây lúc hừng đông. Chúng ta là đàn chim bỏ xứ ra đi khắp cùng thế giới, chúng ta đang chuẩn bị vỗ cánh bay về, sau khi "ngao du tứ hải cầu kỳ hoàng". Con chim Phượng, con chim Hoàng, giờ đã thành con chim Hồng, con chim Lạc. Bản tình khúc của một thi nhân đời xưa giờ đây đã thành bài Tình Ca của hàng triệu người, lớp lớp sóng dồn cánh chim bay về xứ. Phượng này, Phượng này, mình sắp trở về quê hương đây.

Trên lớp sóng chập chờn của bầy chim về xứ tôi ngồi lắng nghe ở nhà Phạm Duy, có cơn sóng

cao ngây ngất là đoạn hùng ca: Lặng nghe đây con chim Hồng, đây con chim Lạc, những cánh chim huyền sử mơ mòng. Lời ca đã đưa trí tưởng của tôi trở về thời hồng hoang của dân tộc. Tổ tiên chúng ta đã theo dấu bầy chim, lấy chân mây làm chỗ hẹn, vượt bao núi non, ghềnh, thác, đến định cư ở châu thổ sông Hồng từ mười ngàn năm, từ trăm ngàn năm trước. Có đàn chim hùng vĩ nào đã dẫn đường cho tổ tiên chúng ta, để các cụ gọi tên là giống chim Hồng, giống chim Lạc. Lớp người di dân thời cổ sơ đó đã tràn xuống miền đất sông Hồng, một thế hệ, mười thế hệ, cả trăm thế hệ nối tiếp nhau như những dòng nước lũ trên ngàn đổ xuống chân núi, xuống tận mảnh châu thổ đầy phù sa đỏ ngầu. Chém tre, đẵn gỗ, dựng nhà, nhóm lửa bếp, trồng lúa nước, mở đất, phá rừng, chống trả với thiên nhiên, phòng ngự quân ngoại xâm, đào kênh, đắp đê, làm mắm, làm tương, múa hát theo nhịp giã gạo và chim huyền sử đã trở thành biểu tượng cho dòng giống, thành loài vật thiêng liêng thay mặt cho tổ tiên. Lặng nghe, đây con chim Hồng, đây con chim Lạc. Các con hãy theo bóng bầy chim, hẹn nhau ở chân trời. Hãy vỗ cánh bay xa, một đời, hai đời, từ thời ông cha đến thời con cháu, rỉ rả như nước nguồn chảy trong kẽ đá, lách theo khe núi đầy cành khô lá mục, róc rách như suối rừng, ào ạt như thác, các con sẽ chảy xuống miền xuôi, theo dấu chim Hồng, chim Lạc, hãy bay về tận miền đất ấm áp và mầu mỡ. Ở đó tổ tiên chúng ta đã đắp đất, xây nhà, dựng xóm làng, và một dân tộc đã thành hình. Các cụ đã nhớ mãi ơn loài chim dẫn đường. Loài chim hồng, chim Việt đã trở thành tượng trưng của dân tộc. Ngày hội Xuân trai gái họp nhau, mỗi người đeo đôi cánh để tự biến thành chim, nhảy múa theo tiếng gõ trên đá, trên tre, theo tiếng thổi sáo tre, tù và sừng trâu, trai gái yêu thương nhau để giữ lại và truyền đi dòng giống loài chim Hồng, chim Lạc. Đôi cánh chim đã biến thành đôi cánh tiên, rồi tiên đã trở thành hình ảnh của một bà mẹ. Mẹ từ trên núi xuống. Cha ở dưới biển lên. Nền văn minh gốc núi đã gặp nền văn minh gốc bờ biển, bờ sông, đầm lầy, nơi thuồng luồng và giao long vùng vẫy. Để sống giữa cõi sông, hồ, tổ tiên chúng ta đã bày ra cách xâm vẩy cá, mắt rồng trên mình. Tiên với rồng từ đó giao hội trên thân thể và trong lòng người dân Việt. Mỗi cuộc hội hè, gặp gỡ là một lần tiên rồng họp mặt, giao hoan. Từ đó huyền thoại đã ra đời về cuộc hôn phối của Rồng và Tiên. Tiên đã sinh ra chúng ta, Rồng đã che chở, nuôi nấng chúng ta. Cuộc hôn nhân thần thánh đó đã trở thành biểu tượng của nòi giống. Cho đến khi người Hán ở phương Bắc tràn xuống đô hộ và tìm cách đồng hóa, huyền thoại Rồng Tiên còn được nuôi nấng nhờ nền văn học khẩu truyền. Câu chuyện được kể đi, kể lại, đời ông bà truyền cho đời cha mẹ, rồi đến đời con truyền cho đời cháu. Khi mẹ đứng lên gọi các con cùng nhau lật đổ ách cai trị bạo tàn của quan thái thú người Hán, mẹ là người quê ở Mê Linh, đó cũng là vùng quê của loài chim có tiếng hót thánh thót mà tổ tiên chúng ta đặt tên là chim Mling. Một lần khác, mẹ lại dậy chúng ta đoàn kết chống quân ngoại tộc tàn ác, mẹ quê ở vùng biển, mẹ nói phải cưỡi cơn sóng dữ, chém cá tràng kình, mẹ đã gợi lại khí thế hào hùng của giống Rồng. Suốt một ngàn năm, sử sách chính thức của người Hán chỉ ghi tên các quan thái thú, thứ sử, các tiết độ sứ, thì lịch sử truyền miệng của dân tộc ta chỉ kể chuyện Rồng-Tiên, chuyện Công chúa Tiên Dong và cậu trai đánh cá bên đầm lầy, chuyện con rùa vàng và con chim trĩ trắng, chuyện tình nghĩa trầu cau, chuyện ông Đống bẻ tre đánh giặc. Ở trong các ngôi đền, chùa thờ tiên, thờ Phật, còn có cả một truyền thống kể chuyện đời xưa để con cháu biết thờ giòng giống Hùng Vương. Một ngàn năm bắc thuộc không làm cho đạo thờ ông bà đó biến mất, bao chữ nghĩa của nền văn minh Hán tộc chỉ dùng để góp vào, làm giàu cho ngôn ngữ của tổ tiên. Để đến khi dân tộc rũ bỏ được ách ngoại thuộc, thì chính các vị sử quan đầy chữ nghĩa lại lắng nghe lời kể chuyện từ các đền, chùa, và ghi lại câu chuyện dòng giống Rồng Tiên. Câu chuyện được kể lại trong bí mật, âm thầm suốt mười mấy thế kỷ đã được chính thức ghi chép bằng chữ nghĩa, bị thay đổi, pha trộn vì chữ nghĩa của các ông đồ, nhưng căn bản là lòng tự hào của một dân tộc vẫn còn nguyên. Để đến ngày nay, ở bờ biển phía đông của Thái Bình Dương, trong Thị trấn Giữa đàng, tiếng hát lại cất lên: Lặng nghe, đây con chim Hùng, đây con chim Việt! Con chim đại bàng là chàng nhạc sĩ tài hoa, Phạm Duy, đã cất tiếng, và chim chóc xôn xao khắp cùng thế giới, chúng ta cùng hát theo. Bầy chim Hồng, chim Lạc bay từ mấy chục ngàn năm, đã lang thang tám cõi, bốn trời, bây giờ lại cùng vỗ cánh theo nhịp hoan ca. Những cánh chim Lê, Lý, Trần xưa. Những cánh chim trên Bạch Đằng Giang. Những cánh chim Hồng Đức hân hoan. Những cánh chim ở Âu Châu, ở Mỹ Châu, ở Úc Châu và Á Châu. Chúng ta sẽ đập cánh trên nét nhạc hào hùng và tươi tắn của Phạm Duy, chúng ta sẽ theo những cánh chim huyền sử xa xăm, những cánh chim Phù Đổng oai linh, chúng ta sẽ vỗ cánh bay về. Phượng này, chúng ta phải trở về quê hương ta.

Phạm Duy luôn luôn mang tôi trở về quê hương. Ngay khi tôi còn ở Sàigòn, điệu nhạc và lời ca của Phạm Duy đã mang tôi trở về dòng Cửu Long chiều xuống êm đềm, về cánh rừng tràm Bạc Liêu bát ngát, về quê miền Trung dũng cảm mà nghèo nàn, về tận Bắc Ninh quê hương tôi có tiếng hát trống quân, có điệu ca quan họ. Thời thơ ấu tôi đã được nghe Phạm Duy trong những buổi chiều trâu bò về giục mõ xa xôi, đã nhớ người

Lục bát mộng du

NGUYỄN MẠNH TRINH

1
Đốt thời gian đốt không gian
Trốn trong gác chật dặm ngàn chưa qua
2
đốt dĩ vãng đốt đời ta
mực hoen máu đỏ vỡ òa tâm tư
3
đốt lịch sử lửa phần thư
bình minh ngùi chốn mộng du một mình
4
đốt tâm thức củi hư vinh
cắt da thịt mối tính tình hổ ngươi

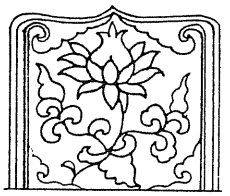

5
đốt kỷ niệm chuốc môi cười
giọt rơi bào ảnh rượu mời trối trăn
6
đốt lòng dạ lửa phần căm
Bến bờ có lạ chỗ gần rong chơi
7
đốt thiên tải những kiếp người
thiên thần ác quỷ chỗ ngồi mù không
8
đốt năm tháng cuộc chưa xong
sợi dây quẩn kiếp lưu vong chưa cùng...

Tháng Ba, 1990

thương binh của Phạm Duy, đã khóc cùng bà mẹ Gio Linh của Phạm Duy cũng như đã hát theo đoàn người trên Đường về Quê, hay đoàn Người ra Biên Ải, lúc nào lòng cũng vỗ cánh theo nhịp đập cánh chim đầu đàn rất giàu giai điệu, có Ngàn lời ca này. Thế hệ tôi đã bao nhiêu người yêu bằng tiếng hát Phạm Duy, gởi lá thư tình đầu tiên nhờ lời ca Phạm Duy, yêu mến quê hương, thương dân tộc, quý tiếng mẹ đẻ của mình, cũng nhờ đã sống chung với tâm hồn của chàng du ca phong phú, sôi nổi, nồng nàn, mà cũng mơ mộng, trầm tư này. Bây giờ ở nước ngoài, cũng chính Phạm Duy mang lại cho tôi cảm hứng mênh mang, hùng tráng về đoàn chim tổ của giống nòi, loài chim đã vượt qua muôn dặm trời, bay suốt ngàn năm lịch sử. Không những Phạm Duy đã mang tôi trở về quê hương, anh còn nối liền dòng máu của tôi với dòng máu của tổ tiên muôn ngàn năm trước. Những tế bào di truyền, những sợi nhiễm sắc chất còn in dấu thủa vua Hùng, vua Lạc, đang cựa mình chuyển động, dòng máu Lạc Việt lại dạt dào, ngọn lửa Lam Sơn, ngọn lửa Diên Hồng lại bùng cháy. Nhạc Phạm Duy đã chiếm lĩnh một khoảng trời, một khoảng đất, một khoảng tâm hồn, dù tôi đang bay trên những đám mây ở Úc Châu, hay tôi đang ngắm cảnh rừng thu ở Bắc Mỹ. Một buổi chiều tháng Mười, chúng tôi lái xe lên núi miền Bắc coi lá đổi màu — cuộc hành hương mỗi năm không thể bỏ — trên xe Quyên để băng nhạc Bầy Chim Bỏ Xứ nghe lại một lần nữa — suốt buổi sáng đã nghe ở nhà. Tôi lái xe trên đường vòng vèo, giữa các ngọn núi đỏ như mâm xôi, những thung lũng vàng óng ả. Nhưng sau mười lăm phút tiếng ca bầy chim về xứ tràn ngập chung quanh, bỗng nhiên bao nhiêu cây phong vàng, cây dương trắng, cả rừng thu Gia Nã Đại cũng biến mất. Trước mắt tôi chỉ là hình bóng lũy tre già xào xạc, vườn lá chuối xanh tơ, và hàng dừa lả lơi trên đồng lúa dậy thì xanh, mơn mởn. Nhạc Phạm Duy tới, mang theo cả đất nước Việt Nam. Muốn ngắm rừng thu ở Canada phải đổi sang Rochmaninov, nếu không phải là Claude Champagne. Phạm Duy chắc chắn sẽ mang tôi về với sông Đuống, sông Hương, với Trường Sơn, với đèo Cả. Mỗi chúng tôi ra đi mang theo trong hành lý cả bầu trời và mặt đất quê hương, cả lịch sử dân tộc và câu chuyện đời mình. Nghe Phạm Duy bao hình ảnh đó đã thức dậy.

Vì thế, bây giờ nghe tổ khúc Bầy Chim Bỏ Xứ, tôi chỉ thấy đàn chim đang vỗ cánh bay về. Chúng ta sắp trở về rồi em. Hãy cất tiếng hát một bài hoan ca, một điệu hùng ca của đoàn chim bay về, mang về quê hương ấm no, tự do và hạnh phúc. Phượng à, Phượng à, quay về cố hương thôi. K

ĐỖ QUÝ TOÀN

Montréal tháng Mười 1990

TRẦM PHỤC KHẮC

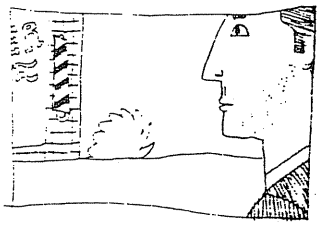

Thù

Có gì đâu một mối thù
Ban mai mới ở thiên thu đã chờ
Ầm vang cánh cửa thiên đồ
Mênh mang một cánh hải hồ chao đi
Biển xanh tuổi ấy hài nhi
Bài ca ngư phủ tiếng chùy càn khôn

Lối đi

Đi về những lối đi kia
Bao nhiêu xanh chỉ một bìa cỏ non
Kể từ gỗ đá phơi son
Cỏ cây phơi ngọn em còn phơi thân
Mấy nghìn hang động phù vân
Một thời gian lạnh trên phần trắng phau.

Trắng cười

Nhả ra đây một hàm răng
Trắng cười như buổi em hằng hằng đi
Nếm chăng nếm thử tuyệt chi
Mơ ẩn động giấc em thì thầm buông
Thượng phần dậy lửa mê cương
Kinh xô lệch quyển lộn chương xuống hàng
Một phen trời quỷ ngỡ ngàng
Trần ai con gái bàng hoàng lắm thay.

NGUYỄN ĐỨC VINH

Quà tặng

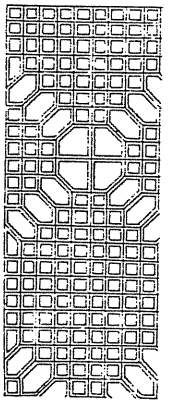

Không, thời đã phục tòng ta
Nào đâu là những mơ xa, ước gần
Cho anh biết, chớ ngại ngần
Để anh thực hiện ngàn lần cho em . . .

Ngày thường

Đứng trên ý thức anh nhìn
Xuống trời quen thuộc đỏ nghiêng sắc chiều
Ở, đi tất cả đều theo
Vững tin như thế mọi điều hẳn vui.

OCTAVIO PAZ
THẠCH CHƯƠNG dịch

Như ta nghe mưa

Hãy nghe anh như ta nghe mưa,
đừng chú tâm, đừng lảng trí,
những bước chân nhẹ, mưa bay,
nước khí trời, khí trời thời gian,
ngày đang ra đi không vội vàng,
đêm chưa mải tới,
những hình dạng sương mù
nơi góc phố,
những hình dạng thời gian
ở khúc quanh này dừng chân,
hãy nghe anh như ta nghe mưa,
đừng lắng xuống, hãy nghe điều anh nói
với mắt mở vào tim,
nằm ngủ với năm giác quan thức tỉnh,
trời đang mưa, bước chân nhỏ, vần điệu thì thầm,
khí trời và nước, ngôn từ nhẹ thênh:
chúng ta hôm qua và chúng ta hôm nay,
những ngày và những năm, khoảnh khắc này,
thời gian không trọng lượng và khổ đau vô ngần,
hãy nghe anh như ta nghe mưa,
bóng loáng đường nhựa ướt,
hơi nước nhỏm dậy và bước đi,
đêm tỏa rộng ngó anh,
em vẫn là em thân thể bốc hơi,
em khuôn mặt của đêm,
em là tóc, là tia chớp khoan thai,
em qua phố bước vào trán anh,
những bước chân nước trên mi anh,
hãy nghe anh như ta nghe mưa,
đường nhựa loáng, em qua phố,
ấy là sương mù lãng đãng trong đêm,
ấy là đêm ngủ trong giường em,
ấy là hơi thở em sóng cồn trườn dậy,
những ngón tay nước thấm trán anh ướt,
những ngón tay lửa bùng mắt anh cháy,
những ngón tay khí trời mở rộng mí mắt thời gian,
xuân ảo ảnh xuân phục sinh,
hãy nghe anh như ta nghe mưa,
năm tháng qua đi, khoảnh khắc trở lại,
em có nghe bước chân em phòng bên?
chẳng đây chẳng đó: em nghe chúng
ở một thời khác chính giây phút này,
hãy nghe những bước thời gian
kẻ sáng tạo địa điểm không sức nặng không nơi chốn,
hãy nghe mưa xối ngoài hiên,
đêm càng đêm lúc này trong lùm cây,
trong rậm rạp chớp nguồn ẩn náu,
vườn cây lênh đênh trôi giạt
— hãy vô đây, bóng em phủ kín trang này.

(Trích trong Árbol Adentro, *"Cây Phía Trong", 1987)*

OCTAVIO PAZ
NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG dịch

Điều xác tín

Có thật đấy cái ánh sáng trắng
của ngọn đèn này, có thật đấy
bàn tay đang viết, nhưng có thật không
đôi mắt nhìn những gì được viết ra?

Từ chữ này đến chữ kia
tâm tình tôi vụt biến
Tôi biết mình chỉ sống
giữa hai nét ngoặc.

Ngưng nghỉ

Để tưởng nhớ Pierre Reverdy

Vụt hiện
vài cánh chim
và một ý nghĩ đen tối.

Tiếng xôn xao của cây
tiếng xôn xao của những con tàu và những động cơ,
khoảnh khắc này đi hay đến?

Im lặng của mặt trời
xuyên qua những tiếng cười và tiếng than,
phóng mũi lao của nó
vào tiếng la bằng đá của đá.

Mặt trời-tim, hòn đá thoi thóp,
hòn đá của máu đã biến thành trái;
những vết thương mở ra không đau,
đời ta tuôn tràn như sự sống.

Tình bạn

Đây giờ phút mong đợi
trên mặt bàn buông tỏa
bất tận
mái tóc của ngọn đèn
Đêm làm khung cửa bao la
Không một bóng người
sự có mặt không tên đang bủa vây tôi.

Hiện

Nếu con người chỉ là cát bụi
thì những kẻ đang bước đi trên cánh đồng kia
là người

Mắt nhắm

Mắt nhắm
em tỏa sáng bên trong
em là hòn đá mù lòa

Từng đêm anh đẽo gọt em
mắt nhắm
em là hòn đá ngay thẳng
Đôi ta trở thành bao la
chỉ để biết rõ nhau hơn

mắt nhắm

Trên đường Galeana

Tặng Ramon Xirau

Những nhát búa trên cao
        đập vỡ những tiếng nói
Từ đỉnh chiều tụt xuống
        các bác thợ nề

Chúng ta ở giữa màu xanh
và lời chào buổi tối
nơi đây bắt đầu những bãi hoang
Nhờ bóng chim sâu
vũng nước hắt hiu bùng cháy

Khi tới những căn nhà đầu tiên
mùa hè đã rỉ sét
Ai đó vừa đóng cửa và ai đó
        đang chuyện trò
        với bóng mình

Chiều rơi trên con phố vắng người
chó hoang cũng ngại
lang thang một mình
Hãi sợ khiến người ta không dám nhắm mắt

Thí dụ

Sấm sét băng qua đồng
Bầu trời lấp những cánh chim
Mặt trời bị sướt da
        trong ánh sáng chót
đá cuối cùng đã thành đá

Tiếng xôn xao của những chiếc lá
hoang mang
như kẻ mù tìm lối đi
Trong khoảnh khắc
đêm và nước sẽ có chung một thân hình

Kẻ kia

Y tạo cho mình một khuôn mặt
Đằng sau khuôn mặt ấy
Y sống, chết và hồi sinh
nhiều bận.
Khuôn mặt của y
giờ đây mang những nét của khuôn mặt ấy.
Những nếp nhăn của y thời không mặt mũi.

Tiếp xúc

Tay anh
vén các bức rèm trên mình em
phát cho em một vẻ khỏa thân khác
khám phá những thân xác của thân xác em
Tay anh
nơi thân xác em sáng tạo một thân xác khác

Trong vườn nhà Lodi

Tặng Claude Esteban

Trong màu xanh đồng nhất
các mái lăng
— đen, đậm và trầm mặc —
bỗng phát ra
những cánh chim

Tỉnh giấc ngoài trời

Môi và những bàn tay của gió
trái tim của nước
một cây khuynh diệp
những cụm mây cắm trại
sự sống nẩy sinh từng ngày một
cái chết nẩy sinh mỗi cuộc đời

Ta lấ tay dụi mắt:
trời đang đi trên đất

Cái gần vẫn còn xa

Đêm qua cây trần bì
sắp sửa muốn thố lộ với tôi
điều gì đó — nhưng thôi.

THỬ ĐỀ NGHỊ MỘT PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VIỆT NGỮ TRONG CÁC HỌC ĐƯỜNG ÚC

BỬU KHẢI

LTS: Một điều hơi nghịch lý là ở hải ngoại, các bài viết về ngữ học lại được chú ý. Không những vì các tác giả tận tụy, tâm huyết viết về đề tài cần nhiều tiếng nói ấy, không vì nội dung phong phú của từng đề tài một ấy, mà vì những giòng chữ họ viết ra có thể coi là mẫu khuôn cho cách diễn đạt trong sáng nhất. Điều làm cho những độc giả yêu Việt ngữ mừng rỡ đón nhận các bài về ngữ học Việt, chứng tỏ Việt ngữ tăng trưởng với một sức mạnh kỳ thú. Thế Kỷ 21 *hân hạnh giới thiệu bài của Tiến sĩ Bửu Khải. Mặc dù bài nói lấy tựa đề là "Thử đề nghị một phương pháp giảng dạy Việt ngữ trong các học đường Úc" thiết nghĩ có thể áp dụng cho các học đường Mỹ cũng không sai lạc là bao. Mong các vị thức giả quan tâm góp ý.*

T.K 21

Danh từ "đề nghị" dùng trên đây có thể gây ngộ nhận nếu cho rằng phương pháp được đề nghị sẽ là một phương pháp mới. Sự thật chúng tôi chỉ muốn đề nghị sự lựa chọn phương pháp trong một số các phương pháp giảng dạy ngôn ngữ mà khoa ngữ học hiện tại đã đề cập đến.

1. Học viên của chúng ta

Câu hỏi đầu tiên mà chúng ta đặt ra là dạy tiếng Việt cho ai. Lẽ dĩ nhiên là cho các học sinh tại các học đường Úc trong đó có con em Việt nam của chúng ta. Đối với các học sinh không phải gốc Việt Nam thì tiếng Việt đương nhiên sẽ là một ngôn ngữ thứ hai hoặc thứ ba, thế nhưng còn đối với các con em ta thì sao? Lý thuyết mà nói thì tiếng Việt quả đúng là tiếng mẹ đẻ của các em, nhưng trên thực tế thì chưa hẳn, khi ta nghĩ đến môi trường xã hội hiện tại của các em, tỷ lệ thời gian các em nghe nói tiếng Việt và nghe nói tiếng Anh. Đại khái chúng ta có thể có ba loại học sinh Việt: loại thứ nhất là các em nói và viết được tiếng Việt; loại thứ hai là các em nói được nhưng không viết được tiếng Việt; và loại thứ ba là các em không biết tiếng Việt. Ngay trong loại thứ nhất chúng ta cũng khó mà tin rằng các em tương đương với các em cùng tuổi ở quê nhà về khả năng tiếng Việt. Vậy chúng ta đã có thể thấy rằng lối giảng dạy tiếng Việt thuần túy theo kiểu Việt nam, nghĩa là dạy tiếng Việt như tiếng mẹ đẻ là không thích hợp.

2. Mục đích học tiếng Việt -- Khả năng truyền thông của ngôn ngữ

Câu hỏi thứ hai là các em học tiếng Việt để làm gì. Đương nhiên là để có thể nghe và hiểu, đọc và hiểu, để có thể nói và viết được tiếng Việt, nghĩa là có thể dùng tiếng Việt để truyền thông, để bắt một nhịp cầu thông cảm với cộng đồng người Việt, với những người khác nói được tiếng Việt. Điều quan trọng cần nhấn mạnh ở đây khả năng truyền thông chứ không phải chỉ thuần túy khả năng hiểu biết văn phạm, cấu trúc.

Tôi xin đơn cử ba thí dụ sau đây để làm sáng tỏ điểm này: Thí dụ thứ nhất là một mẩu đối thoại mà tôi nghe được, giữa hai vợ chồng Việt Mỹ và một người bạn Việt Nam. Người chồng Mỹ tên John, người bạn Việt nam tên Nhân.

"Anh Nhân, anh dùng bia hay nước ngọt?

"Xin chị cho tôi nước ngọt. Chắc anh John sẽ dùng bia?

"*Hắn* không uống bia đâu.

"Thật vậy sao anh John?

"Vợ tôi biết tôi rõ lắm. Tôi chỉ uống wisky soda.

Từ đó đến nay tôi vẫn còn thắc mắc về cách chị vợ dùng chữ "hắn" khi nói về ông chồng Mỹ. Thí dụ thứ hai là câu nói của một người Úc học tiếng Việt được sáu tháng "Ở Việt nam ông Bá là bác sĩ và bà Bá là y tá. *Chúng nó* làm việc ở một bệnh viện công tại Saigon" So sánh về tuổi tác, tôi đoan chắc với quí vị rằng người bạn Úc còn rất trẻ đối với ông bà Bá để có thể biện minh chữ "chúng nó" mà ông ta đã dùng. Thí dụ thứ ba là do một người bạn kể lại cho tôi nghe. Chuyện xảy ra trong một gia đình Việt Nam ở Úc: Điện thoại reo vang và em bé trai 9 tuổi trong nhà nhấc ống nói lên nghe.

"Alo... A, bác, bác.., bác *muốn* má con phải không?"

Chắc quý vị cũng thấy rõ, trong ba thí dụ trên đây, nếu chỉ chú ý đến văn phạm, cấu trúc thì không có gì sai lầm để nói; thế nhưng trong cả ba trường hợp có một cái gì không ổn trong vấn đề chữ nghĩa. Nếu người chồng hiểu thật rõ tiếng Việt thì chắc ông ta sẽ buồn lắm khi nghe vợ mình dùng chữ "hắn" như vậy. Người bạn Úc học thêm sáu tháng nữa chắc sẽ không còn dùng chữ "chúng nó" khi đề cập đến hai người bạn thân đã lớn tuổi của ông ta và em bé Việt nam được dạy thêm về tiếng Việt chắc sẽ không còn dùng động từ "muốn" như thế nữa.

Trở lại câu hỏi các em học tiếng Việt để làm gì, chúng ta xác định là để có thể thực sự truyền thông, nói lên những ý nghĩ tâm tư của mình và hiểu được tâm tư cùng ý nghĩ của người khác. Các học viên không phải gốc người Việt học tiếng Việt để hiểu rõ về một nền văn hóa, để biết thêm một ngôn ngữ hầu thỏa mãn nhu cầu trí thức của mình. Các em Việt nam học tiếng Việt để đừng quên nguồn cội dân tộc, để hãnh diện về những nét đẹp trong văn hóa của cha ông mình, để đừng xấu hổ với bạn bè Úc khi họ ngạc nhiên hoặc chế nhạo các em sao Việt Nam da vàng mà không nói được hoặc không biết rành tiếng Việt. Học tiếng Việt để có căn bản tiếp tục học cao hơn và đi vào địa hạt nghề nghiệp của các nhà thông ngôn và phiên dịch viên nếu muốn. Với chính sách đa văn hóa, với sự đề nghị càng ngày càng cấp bách về việc sử dụng các nhân viên song ngữ hoặc đa ngữ trong các cơ quan chánh quyền, một người công chức tương lai mà thông thạo một ngôn ngữ khác ngoài tiếng Anh thì chắc chắn sẽ có nhiều cơ may tìm việc làm dễ dàng hơn là người chỉ biết Anh ngữ.

3. Lý thuyết về việc học

3.1. *Các trường phái tập quán và nhận thức*

Phương pháp giảng dạy có một liên hệ mật thiết với việc học. Nếu chúng ta có thể biết được việc học xảy ra như thế nào thì phương pháp giảng dạy mà chúng ta lựa chọn sẽ cố gắng thích ứng với các nguyên lý học hỏi đó, được nhiều chừng nào tốt chừng ấy. Cho đến nay, chúng ta có hai trường phái: trường phái tập quán và trường phái nhận thức. Theo trường phái tập quán, học một ngôn ngữ là thâu đạt thói quen, mà khởi sự là bắt chước, lập đi lập lại thật nhiều lần cho đến khi nhuần nhuyễn và trở thành tập quán tự động. Theo trường phái nhận thức thì học là cho nghĩa vào những dữ kiện mà trí óc nhận được qua các giác quan. Học là một tiến trình trí tuệ chứ không phải hoàn toàn thể chất, học có liên hệ với thông minh làm cho con người có khả năng thích ứng với một hoàn cảnh đổi mới.

3.2. *Sự khác biệt giữa học hỏi và huấn luyện*

Câu chuyện sau đây cho thấy rằng chỉ có tập quán không mà thôi thì chắc chắn không phải là điều mà tất cả chúng ta ở đây muốn đạt đến: Một nhà tâm lý học thuộc trường phái tập quán huấn luyện cho một con khỉ dùng nước để dập tắt lửa. Ông ta đốt lửa lên một chỗ ngoài sân mà ta tạm gọi là điểm A, rồi tập cho con khỉ khi thấy lửa cháy thì chạy đến lấy một cái xô ở vách nhà kho mà ta tạm gọi là điểm B, xong rồi chạy đến cái bồn nước cạnh đó mà ta gọi là điểm C để múc nước, rồi chạy về điểm A để dập tắt lửa. Sau một thời gian luyện tập, con khỉ có thể thực hiện công tác một cách nhanh chóng và hoàn chỉnh. Điều này hiển nhiên đã chứng minh được con khỉ có thể học cách dập lửa bằng nước qua thói quen. Phần còn lại của câu chuyện chắc quí vị cũng đã có thể đoán ra được. Khi nhà tâm lý học nói trên khoe với người bạn của ông ta về kết quả huấn luyện con khỉ dập tắt lửa, người bạn xin phép đến tận nhà để làm lại cuộc thử nghiệm. Dĩ nhiên người bạn cũng là một tâm lý học gia nhưng thuộc trường phái nhận thức. Lúc đến nhà, người bạn đốt lửa lên, không phải ở điểm A mà tại một điểm A' sát bên cạnh hồ tắm trong sân.

Con khỉ vừa thấy bật lửa đã vội vã chạy đến điểm B lấy cái xô và múc một xô nước đầy tại điểm C xong rồi vất vả mang cả xô nước chạy

đến dập tắt lửa ở A. Nhà tâm lý học khoái quá, nói với bạn: "Anh thấy không, dù anh đã đổi chỗ đốt, nó vẫn thực hiện công tác." Người bạn điềm nhiên trả lời: "Vâng, nhưng nếu nó là một đứa trẻ, chắc nó đã múc nước ở hồ tắm cạnh đó để dập tắt lửa rồi."

3.3. *Một lý thuyết về việc học của Dulay và Burt*

Như vậy trong việc học hành chúng ta có những thành phần nào? Dĩ nhiên chúng ta có học viên và môi trường ngôn ngữ và kết quả của sự học, được hiện thực qua lời nói của học viên. Chúng tôi xin mượn hình kiểu sửa dạy của Dulay và Burt (1982:6) để trình bày:

Môi trường ngôn ngữ --- Học viên --- Lời nói của học viên

3.3.1. Môi trường ngôn ngữ

Nói về môi trường ngôn ngữ, các nhà nghiên cứu đưa ra bốn yếu tố sau đây:

1) ngôn ngữ sử dụng phải là một thứ ngôn ngữ tự nhiên, không gò bó về hìnhthức, không giả tạo; một thứ ngôn ngữ mà nói đúng là để truyền thông.

2) môi trường ngôn ngữ phải được thực hiện làm sao để học viên có thể truyền thông theo cả ba cách sau đây: a/một chiều b/ hai chiều giới hạn và c/ hai chiều trọn vẹn. Một chiều là khi học viên chỉ nghe và đọc mà không trả lời, học viên chỉ thu nhận mà không phát biểu. Hai chiều giới hạn là khi học viên có phản ứng hoặc bằng lời hoặc không bằng lời nói, thí dụ như gật đầu hoặc lắc đầu, trả lời bằng ngôn ngữ thứ nhất, nhưng không bắt buộc phải sử dụng ngôn ngữ đích. Hai chiều trọn vẹn là khi học viên sử dụng ngôn ngữ đích, truyền thông đích thực, xữ sự trong cả hai vai trò của người nhận và gửi thông điệp. **3)** môi trường ngôn ngữ phải được thực hiện làm sao để giúp học viên nắm được ý nghĩa của các âm thanh lạ lùng của ngôn ngữ mới mà họ nghe.

4) môi trường ngôn ngữ phải có đầy đủ nhiều kiểu người mẫu sử dụng ngôn ngữ đích một cách tự nhiên cho học viên nghe.

3.3.2. Học viên: Quá trình bên trong.

Nói về học viên, các nhà nghiên cứu phải thú nhận là khó mà biết được cái gì thực sự xẩy ra trong đầu óc họ. Chúng ta chỉ có thể nhận xét những sự khác biệt giữa ngôn ngữ mà học viên nghe hoặc đọc và ngôn ngữ mà học viên dùng để rồi suy luận và giả thuyết về các đặc tính của cấu trúc trí tuệ. Theo Dulay, Burt và Krashen thì có ba yếu tố nội tạng: hai yếu tố thuộc tiềm thức được gọi là phin lọc và tổ chức, và một yếu tố thuộc ý thức gọi là theo dõi.

Quá trình bên trong

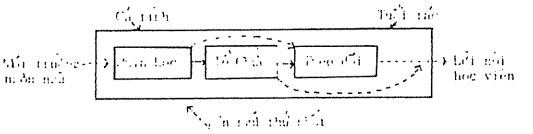

3.3.2.1. Bộ phin lọc được xem như có bổn phận lọc lựa tất cả những dữ kiện ngôn ngữ đi vào, dựa trên căn bản cảm tính, thí dụ như động lực, thái độ, và trạng thái xúc cảm của học viên. Những loại động lực có ảnh hưởng nhiều nhất đến việc học ngôn ngữ là: 1/ động lực kết hợp tức là ý muốn tham gia vào đời sống cộng đồng nói ngôn ngữ mà học viên đang theo học. 2/ động lực phương tiện tức là lý do nghề nghiệp chẳng hạn. 3/ động lực đồng hóa hay nhận diện là ý muốn của học viên sử dụng thông thạo ngôn ngữ của một cộng đồng để hòa đồng, đồng hóa hay nhận mình là một thành phần của cộng đồng đó. Trạng thái xúc cảm của học viên cũng ảnh hưởng đến việc học. Các nhà nghiên cứu cho chúng ta biết là học viên càng thoải mái chừng nào, ít lo lắng chừng nào thì việc học càng tiến nhanh chừng ấy.

Bộ phận phin lọc ấn định a/ những kiểu người mẫu nào nói ngôn ngữ đích học viên sẽ chọn lựa để theo. b/ những phần nào của ngôn ngữ đích học viên sẽ lo đến trước nhất. c/ khi nào các cố gắng học ngôn ngữ sẽ ngừng. d/ với tốc độ nào học viên sẽ thu đạt được ngôn ngữ đích.

3.3.2.2. Bộ phận tổ chức có nhiệm vụ sắp xếp lần lượt các dữ kiện ngôn ngữ đích thành hệ thống ngày một hoàn hảo cho đến khi đồng nhất với hệ thống của ngôn ngữ đích, trừ phi học viên quyết định chấm dứt việc học. Chúng ta suy diễn được sự sắp xếp lần lượt này của bộ phận tổ chức qua kết quả của những cuộc nghiên cứu cho thấy các học viên thu đạt các cấu trúc của ngôn ngữ đích theo một thứ tự chung. Chúng ta cùng suy diễn được việc sắp xếp các dữ kiện thành hệ thống qua những lời mà học viên phạm phải và qua những cú pháp chuyển tiếp mà học viên sử dụng một cách có hệ thống trước khi thu đạt được cấu trúc gốc của ngôn ngữ đích.

3.3.2.3. Bộ phận theo dõi thuộc địa hạt của ý thức chịu trách nhiệm về các tiến trình ngữ học, nói cách khác, khi học viên nghe giảng văn phạm, học viên sử dụng bộ phận theo dõi để học ngôn ngữ một cách ý thức; khi học viên lập đi lập lại theo sự hướng dẫn của người dạy hoặc khi học viên học thuộc lòng một mẩu đối thoại

thì việc học có ý thức như thế được thực hiện qua bộ phận theo dõi. Sự hiểu biết ngữ học mà học viên có được qua bộ phận này sẽ giúp học viên tạo ra các câu và sửa chữa các lỗi lầm khi nói hoặc viết. Mức độ sử dụng đến bộ phận theo dõi này tùy thuộc vào tuổi tác của học viên, thời gian học viên theo học ngôn ngữ trước đây, trọng tâm và tánh chất của công tác ngôn ngữ phải thực hiện và cá tính của học viên.

Học viên có thể sử dụng hai hoặc cả ba bộ phận trên đây. Nếu chỉ sử dụng bộ phận tiềm thức là thanh lọc với bộ phận ý thức là theo dõi thì học viên học hỏi có ý thức. Nếu chỉ sử dụng hai bộ phận tiềm thức là thanh lọc và tổ chức thì học viên tiến hành theo kiểu thu đạt ngôn ngữ như trường hợp các em bé thu đạt ngôn ngữ thứ nhất của mình.

3.3.3. Học viên: Cá tính

Cá tính học viên giải thích tại sao cùng ở trong một môi trường ngôn ngữ mà các học viên lại không đạt một kết quả giống nhau trong việc học hành. Cá tính thì đa dạng, tuy nhiên các nhà nghiên cứu về ảnh hưởng của cá tính trong việc học ngôn ngữ đã nêu ra các nét sau đây: tự tin, thông cảm và phân tách.

Một học viên tự tin, nghĩa là ít lo âu, cởi mở, xông xáo, dám thử những cái mới lạ, không ngán phạm phải lỗi lầm thì thường dễ thành công trong việc học ngôn ngữ.

Thông cảm là đức tính sẵn sàng tham gia vào những ý tưởng cùng cảm nghĩ của tha nhân, chịu nghe người khác. Đức tính này giúp học viên thu đạt dễ dàng khả năng truyền thông và tự do thu đạt khả năng ngôn ngữ.

Khuynh hướng phân tách giúp học viên trong việc học ý thức và vì vậy nếu quá mạnh thì khuynh hướng này có thể là một trở ngại trong việc thu đạt khả năng truyền thông theo ngã tiềm thức.

3.3.4. Học viên: Tuổi tác

Nói về ảnh hưởng của tuổi tác trong việc học một ngôn ngữ thứ nhì thì các nhà nghiên cứu tìm thấy những điểm sau đây: 1/ trẻ em thành công hơn người lớn trong việc phát âm giống người kiểu mẫu nói ngôn ngữ đích. 2/ đa số trẻ em rốt cuộc sẽ thành công hơn người lớn trong việc học một ngôn ngữ thứ nhì, nhưng không phải luôn luôn nhanh hơn. Vào các giai đoạn sơ khởi của việc học, người lớn tiến bộ nhanh hơn các em trong các lãnh vực cú pháp và hình thái học.

Có nhiều giải thích những sự khác biệt nhận thấy trên đây.

3.3.4.1. Lời giải thích dựa vào sinh học thường cho rằng giữa trẻ em và người lớn có sự khác biệt căn bản trong cấu tạo não bộ liên hệ đến việc thu đạt ngôn ngữ. Lập luận này càng ngày càng bị chỉ trích và không thể đứng vững.

3.3.4.2. Lời giải thích dựa vào nhận thức gợi ý là khả năng phát biểu những giả thuyết trừu tượng của người lớn giúp đỡ việc học ý thức và làm cho học viên tiến bộ nhanh hơn trong các lãnh vực cú pháp và hình thái học như đã đề cập trên đây. Tuy nhiên, sự khác biệt về nhận thức giữa người lớn và trẻ em lại không thể giải thích tại sao rốt cuộc người lớn lại kém các em trong việc thu đạt một ngôn ngữ thứ nhì.

3.3.4.3. Lời giải thích dựa vào các yếu tố cảm tình cho rằng khi khả năng trừu tượng hóa này nọ thì sự khác biệt cảm tình giữa trẻ em và người lớn cũng lớn dần, cái hồn nhiên của tuổi trẻ bị mất đi, ý thức về cái ta mỗi ngày một lớn thêm và người thanh niên thanh nữ càng sợ bị người khác chê cười nên tìm đủ mọi cách để giữ mình, do đó mà chấm dứt sớm cả việc hăng hái học một ngôn ngữ lạ.

3.3.4.4. Lời giải thích dựa trên sự khác nhau của môi trường ngôn ngữ cho rằng với trẻ em thì tự nhiên ngôn ngữ được sử dụng xoay quanh các vấn đề cụ thể, các hoàn cảnh luôn luôn là hiện trạng tại chỗ, còn với người lớn thì trái lại các đề tài trở nên trừu tượng hơn, sự vật nói đến không còn hiện thực nữa.
Nhờ sự hiểu biết về giao tế, người lớn lúc đầu tỏ ra có thể kéo dài cuộc đối thoại với người dạy, nhưng sự thật thì việc học ngôn ngữ đã từ từ đóng kín và do đó người lớn để cho trẻ em vượt qua mình như đã nhận thấy.

4. Chương trình học

Trên con đường đi tìm một phương pháp giảng dạy, chúng ta đã cố gắng trả lời các câu hỏi học viên của chúng ta là ai, học tiếng Việt để làm gì; chúng ta cũng đã cố gắng tìm hiểu học viên học một ngôn ngữ thứ nhì như thế nào. Bây giờ chúng ta tiếp tục tìm cách trả lời câu hỏi học viên sẽ học những gì, bởi vì chương trình giảng dạy phản ảnh phần nào phương pháp.

4.1. *Ngữ vựng và văn phạm*

Chúng tôi nhớ lại có lần một người bạn đã nói: "Em có người bạn thân là người Úc rất thích học tiếng Việt và nhờ em dạy. Em đã có mấy quyển

tự điển Việt Anh và Anh Việt tốt lắm, nhưng em không biết làm thế nào để giảng dạy văn phạm. Anh có thể giúp em không?

Như quí vị thấy, quan niệm đại chúng cho rằng muốn học tiếng Việt thì phải học ngữ vựng và văn phạm. Như vậy thì cũng đúng thôi, nhưng chẳng lẽ lấy tự điển ra và bắt đầu dạy từ A đến Y hoặc dạy văn phạm từ trang đầu của một quyển sách văn phạm Việt nam mà chúng ta có là đầy đủ và uy tín nhất. Thí dụ trên đây có tính cực đoan, nhưng trên thực tế, chúng ta cũng đã từng thấy biết bao nhiêu là sách học ngôn ngữ được viết xoay quanh những điểm văn phạm, mỗi bài học là để dạy một điểm văn phạm nào đó, và các đoạn văn cũng như các bài tập trong mỗi bài học chỉ cố gắng làm sao để làm sáng tỏ điểm văn phạm chủ đề, do đó mà ngôn ngữ gò bó, không tự nhiên, có khi còn ngụy tạo.

4.2. *Hướng về chủ đề và tình huống*

Nếu chúng ta chú ý đến học viên nhiều hơn, chú ý đến nhu cầu của học viên hơn, chúng ta thường đi đến kết quả là tạo dựng chương trình học xoay quanh chủ đề, xoay quanh các tình huống. Điển hình là các loại sách nhỏ bỏ túi soạn cho khách du lịch đến viếng thăm một nước có thể nói được những câu thông thường trong những tình huống thường xảy ra, thí dụ như chào hỏi, mua vé xe, hỏi thăm đường, gọi các thức ăn, mua sắm đồ đạc v.v. Quyển sách của Tiến sĩ Vương Gia Thụy "Vietnamese in a Nutshell" ("Tiếng Việt ngắn gọn") trong phần "Everyday conversation" ("Đối thoại hàng ngày") hướng về khía cạnh du lịch khá nhiều. Các nhà ngữ học thuộc Viện ngữ học Summer (Summer Institute of Linguistics) qua Việt Nam nghiên cứu ngôn ngữ ở Đông dương phỏng đoán những tình huống mà các nhân viên của Viện sẽ gặp phải lúc sang làm việc ở Việt nam đã soạn ra quyển sách "Basic Vietnamese Conversation Course" ("Đối thoại căn bản bằng tiếng Việt"). Trong phần "Lời nói đầu" của quyển sách trên, chúng ta thấy ghi "the subject matter covers a number of everyday situations in city life ("đề tài bao gồm một số các tình huống hàng ngày trong đời sống ở thành thị").

4.3. *Những cố gắng dung hòa*

Những cố gắng để dung hòa cả hai phần văn phạm và tình huống đã cho ra đời rất nhiều sách học thí dụ như quyển sách "Speak Vietnamese" ("Nói tiếng Việt") hoặc quyển "Colloquial Vietnamese" ("Tiếng Việt đối thoại") của Tiến Sĩ Nguyễn Đình Hòa; quyển sách "Spoken Vietnamese" của Tiến sĩ Huỳnh Sanh Thông và Ông Robert B. Jones, Jr. hoặc hai quyển "Vietnamese Basic Course của Tiến Sĩ Nguyễn Hy Quang và Bà Eleanor H. Jorden.

Những lời chỉ trích về chương trình học dựa trên các tình huống thường được nghe nhiều nhất là: làm sao có thể biết được hết tất cả các tình huống mà dạy; trong mỗi tình huống làm sao biết được chi tiết các câu sẽ phát biểu.

4.4. *Khái niệm và chức năng*

Khuynh hướng mới nhất là xây dựng chương trình học dựa trên khái niệm và chức năng. Halliday (1973: 17) quan sát sự phát triển ngôn ngữ của trẻ em đã nói rằng các em biết ngôn ngữ là gì bởi vì các em biết ngôn ngữ dùng để làm gì. Từ đó Halliday đưa ra những chức năng sau đây của ngôn ngữ:

1. Chức năng phương tiện (instrumental) giúp đứa trẻ đạt được ý muốn, thỏa mãn các nhu cầu vật chất (chức năng "Ta muốn" "I want").
2. Chức năng chế định (regulatory) giúp đứa trẻ kiểm soát cách xử sự của mình và của người khác, ra mệnh lệnh cho kẻ khác (chức năng "Làm theo ta bảo "Do as I tell you").
3. Chức năng tác động hỗ tương (interactional) giúp đứa trẻ hòa mình với kẻ khác (chức năng "Tôi và Anh" "Me and You").
4. Chức năng cá nhân (personal) giúp đứa trẻ nhận chân được mình là một cá thể, phát triển cá tính (chức năng "Có tôi đây" "Here I come").
5. Chức năng tìm hiểu (heuristic) giúp đứa trẻ thám hiểm môi trường, học hỏi và tìm hiểu thực tại (chức năng "Nói cho tôi biết tại sao" "Tell me why").
6. Chức năng tưởng tượng (imaginative) giúp đứa trẻ tạo riêng một thế giới của nó, cảm thấy sự vật theo cảm quan riêng của nó, kể chuyện, bày trò chơi này nọ , giả bộ làm cái này các khác (chức năng "chúng ta hãy giả bộ" "Let's pretend").
7. Chức năng biểu hiện (representational) giúp đứa trẻ truyền thông, diễn đạt ý tưởng (chức năng "Tôi có điều muốn nói với anh" "I've got something to tell you").

Sát với chương trình học hơn, và theo thứ tự thời gian, chúng ta thấy các đề nghị sau đây: Wilkins năm 1976 đề nghị một chương trình học dựa trên khái niệm có những hạng loại về văn nghĩa và văn phạm, thí dụ như thời gian, chuyển động, vị trí, và những hạng loại về chức năng truyền thông thí dụ như phán đoán và đánh giá, dấn thân, thuyết phục, lập luận. Về sau, Hội đồng Âu Châu (the Council of Europe) khai triển các hạng loại trên đây thành các tình huống thí dụ như du lịch, kinh doanh; các đề tài cần nói đến thí dụ như nhân dáng, giáo dục, mua sắm; các chức năng cần dùng ngôn ngữ thí

dụ như mô tả sự vật gì, hỏi thăm, diễn dạt sự đồng ý hoặc bất đồng; các khái niệm trong việc truyền thông thí dụ như thời gian, nhịp độ xảy ra, thời hạn. Kết quả được trình bày trong quyển sách của Van Ek và Alexander (1980) nhan đề Threshold Level English" ("Anh ngữ bước đầu").

Các lời chỉ trích những chương trình học dựa trên khái niệm và chức năng không phải là ít, tựu trung cho rằng đây chỉ là sự thay đổi một danh sách các điểm văn phạm bằng một danh sách khác nêu ra các khái niệm và chức năng. Widdowson (1979) cho rằng nếu chúng ta thật sự muốn dạy ngôn ngữ để truyền đạt ý tưởng nghĩa là tìm cách phát triển khả năng hành động qua ngôn ngữ thì chúng ta phải chú ý đến đàm luận (discourse), có nghĩa là chúng ta phải đi xa hơn mực độ của các câu.

Yalden (1983) mô tả các loại chương trình học chính yếu hiện hành dựa vào truyền thống mà Richards và Rodgers (1986: 74) tóm tắt và thay đổi lại như sau:

Loại chương trình (Syllabus Type)	**Tham chiếu (Reference)**
1. cấu trúc cộng với chức năng	Wilkins (1976)
2. chức năng theo hình tròn ốc quanh trục cấu trúc	Brumfit (1980)
3. cấu trúc, chức năng, phương tiện	Allen (1980)
4. chức năng	Jupp & Hodlin (1975)
5. khái niệm	Wilkins (1976)
6. tác động hỗ tương	Widdowson (1979)
7. dựa trên căn bản công tác	Prabhu (1983)
8. tạo ra bởi học viên	Candlin (1976)
	Henner - Stanchina
	Riley (1978)

Sự lựa chọn quả là khó khăn và quyết định tối hậu lẽ dĩ nhiên thuộc thẩm quyền của Ủy ban Soạn thảo chương trình học trong tương lai. Riêng cá nhân chúng tôi xin đề nghị dựa trên nhu cầu từng năm học của học viên. Mỗi năm chúng ta có thể hình dung các hoạt động của học viên như thế nào. Từ cái lối đó chúng ta phân loại các hoạt động của học viên nhằm vào các mục tiêu truyền thống, và sau đó lập danh sách các chủ đề (topics), khái niệm (notions), chức năng (functions) và các điểm văn phạm, cấu trúc cần phải thu đạt. Quí vị có trách nhiệm nên tham khảo các công trình của The Australian Language Levels Project (Dự án về các cấp tiếng Úc), đặc biệt là A.L.L. Project Guidelines Book 2: Syllabus Development and Programming - Statement of Suggested Syllabus Content: Stage 4.

5. Vai trò của giáo viên

Phương pháp giảng dạy còn đi liền với sự hiểu biết về vai trò của giáo viên và học viên. Nhìn lại vai trò của giáo viên trong các phương pháp trước đây chúng ta thấy có thể giữ lại được những gì?

Giáo viên làm mẫu cho học viên. Phải, nhưng sẽ không phải là người mẫu duy nhất, trái lại phải cho học viên nhiều cơ hội nghe những người khác, và hơn thế nữa, còn để cho các học viên có dịp nghe lẫn nhau thật nhiều. Chúng ta đừng quên là ngôn ngữ ở đây dùng để truyền thông chứ không phải để luyện giọng cho ai vào làm việc ở đài phát thanh hoặc đài truyền hình chẳng hạn.

Hình ảnh giáo viên điều khiển một lớp học lập đi lập lại như một nhạc trưởng điều khiển dàn nhạc có phần nào đã lỗi thời. Các nhà nghiên cứu đã chứng minh rằng sự lập đi lập lại cốt để gây phản ứng máy móc không thực sự giúp cho sự học, nó chỉ có tác dụng phần nào trong việc giúp phát âm đúng. Tránh làm học viên cảm thấy nhàm chán vì thật ra sự lập đi lập lại không nhằm mục tiêu truyền thông đích thực.

Giáo viên kiểm soát chiều hướng và nhịp độ của việc học. Chúng ta phải hiểu như thế nào đây? Nếu chiều hướng việc học là bắt học viên học thuộc lòng các mẩu đối thoại, luôn chăm chú theo dõi các bài tập phát âm cho nhuần nhuyễn và đạt mức độ máy móc; nếu nhịp độ việc học là theo sát tỷ lệ bao nhiêu phần trăm giữa các yếu tố nghe, nói, đọc và viết; nếu giáo viên kiểm soát có nghĩa là giáo viên có vai trò chính yếu và chủ động trong một phương pháp mà giáo viên chế ngự hoàn toàn thì có lẽ chúng ta đã đi sai. Chiều hướng và nhịp độ việc học phải đạt trọng tâm vào nhu cầu truyền đạt tư tưởng của học viên.

Giáo viên theo dõi và sửa chữa các lỗi văn phạm của học viên. Có nên không? Các công

trình nghiên cứu về việc thu đạt và việc học một ngôn ngữ cho thấy rằng khi học viên làm lỗi không có nghĩa là học viên đã không thu đạt và không học được điều gì. Trái lại, giáo viên phải hiểu cho được rằng những lỗi lầm của học viên đánh dấu một giai đoạn nào đó trong việc học và thu đạt ngôn ngữ của học viên. Vì vậy, việc sửa chữa ngay tức thì và nghiêm khắc các lỗi lầm của học viên là điều nên tránh. Nếu học viên làm lỗi thì không cần phải cảnh cáo, nhấn mạnh và bắt phải sửa sai ngay, trái lại, chỉ cần lập lại ý của học viên muốn truyền đạt dưới hình thức của một cấu trúc đúng, không còn lỗi, thế là đủ.

Từ trước đến nay, chúng ta ngộ nhận và chia rời việc học với việc dùng ngôn ngữ ra thành hai phần riêng biệt. Chúng ta quan niệm dạy cho học viên học ngôn ngữ trước để sau đó học viên sẽ biết sử dụng ngôn ngữ đã học. Điều này không đúng. Chúng ta phải quan niệm lại rằng chúng ta dạy học viên dùng ngôn ngữ và học viên học dùng ngôn ngữ với chúng ta, chứ không phải học trước dùng sau. Giáo viên phải là người giúp học viên trong tiến trình truyền đạt ý tưởng bằng ngôn ngữ với chính giáo viên, với bạn bè của học viên, với người khác. Giáo viên trở thành người cố vấn ngôn ngữ vì biết nhiều hơn học viên. Giáo viên không còn chế ngự lớp học, giáo viên hòa mình với lớp học, tham dự vào tiến trình truyền thông trong lớp hoặc ngoài lớp, luôn luôn theo dõi phân tách nhu cầu ngôn ngữ của học viên để giúp đỡ.

Lindfors (1980: 292) đã nêu ra các vai trò sau đây của giáo viên ngôn ngữ dạy trẻ em trong việc thu đạt một ngôn ngữ thứ nhất:

1. Giáo viên là người cung cấp. Cung cấp một môi trường làm việc thuận lợi, cung cấp thời gian dạy đủ để thực hiện công tác, cung cấp hoặc gợi ý các tư liệu cần thiết, cung cấp các hoạt động, các dự án.

2. Giáo viên là người trình bày. Lindfors dùng trình bày thay vì làm mẫu bởi lẽ bà ta cho rằng làm mẫu không nhất thiết là thực sự tham gia, làm mẫu có thể là đóng kịch, làm trò. Giáo viên phải thực sự trình bày công tác phải thực hiện, thực sự trình bày cho học viên thấy thế nào là truyền thống hữu hiệu với người khác.

3. Giáo viên là học viên. Chúng ta phải nhận chân rằng có nhiều địa hạt học viên biết nhiều hơn chúng ta, nhưng địa hạt mà có thể chúng ta cho là không đáng kể, nhưng thực sự rất quan trọng và thú vị đối với học viên. Chúng ta đã học hỏi để trở thành giáo viên, chúng ta phải tiếp tục học hỏi ở các học viên của chúng ta, đừng để tư cách giáo viên choán hết chỗ của người học viên trường cửu trong mỗi một chúng ta, và nên nhớ là khi học viên thấy được cách chúng ta học hỏi thì học viên sẽ thích thú học cách học hỏi đó của chúng ta. Học hỏi còn có nghĩa là cùng với học viên học lại điều mà chúng ta đã biết. Rất nhiều người trong chúng ta quên mất rằng sự hiểu biết của chúng ta ngày hôm nay là kết quả của một quá trình trong đó có sự tò mò tìm hiểu, có sự gay cấn thích thú trước một cái gì bí ẩn khó hiểu kích thích chúng ta tìm tòi học hỏi để rồi hiểu ra được. Thế mà giờ đây chúng ta thường gói ghém sự hiểu biết ấy lại thành từng bao rồi quăng vào học viên, thế thì còn gì là thích thú nữa trong việc học. Giáo viên phải hiểu được điều đó và tạo lại cho học viên môi trường học hỏi tìm biết đầy thú vị kia.

4. Giáo viên là người quan sát. Tiên đề thiết yếu là chúng ta quan sát hành động của học viên vì mỗi hành động của học viên đều quan trọng. Một khi chúng ta đã tạo ra được môi trường thích ứng cho hoạt động truyền thông thì mọi cố gắng truyền đạt ý tưởng của học viên đều là những dấu hiệu cũng như tin tức quan trọng đối với người giáo viên quan sát. Có quan sát mới biết được nhu cầu của học viên để rồi sau đó chúng ta có thể giúp học viên.

5. Giáo viên là người giúp đỡ. Khi chúng ta biết được nhu cầu của học viên thì việc giúp đỡ rất hữu hiệu. Điều này cũng có nghĩa là nếu chúng ta không rõ nhu cầu của học viên thì sự giúp đỡ của chúng ta có thể trở thành dẫm chân

Phương pháp giảng dạy có một liên hệ mật thiết với việc học. Nếu chúng ta có thể biết được việc học xảy ra như thế nào thì phương pháp giảng dạy mà chúng ta lựa chọn sẽ cố gắng thích ứng với các nguyên lý học hỏi đó, được nhiều chừng nào tốt chừng ấy. Cho đến nay, chúng ta có hai trường phái: trường phái tập quán và trường phái nhận thức. Theo trường phái tập quán, học một ngôn ngữ là thâu đạt thói quen, mà khởi sự là bắt chước, lập đi lập lại thật nhiều lần cho đến khi nhuần nhuyễn và trở thành tập quán tự động. Theo trường phái nhận thức thì học là cho nghĩa vào những dữ kiện mà trí óc nhận được qua các giác quan. Học là một tiến trình trí tuệ chứ không phải hoàn toàn thể chất, học có liên hệ với thông minh làm cho con người có khả năng thích ứng với một hoàn cảnh đổi mới.

BỬU KHẢI

hoặc xía vào không phải lúc. Giúp đỡ không có nghĩa là làm cho học viên lười biếng, vì chúng ta chỉ muốn giúp học viên, truyền đạt tư tưởng của chính học viên và cũng vì vậy chúng ta phải biết ngưng đúng lúc, đừng choán hết vai trò chủ động của học viên, trong công tác truyền thông. Giúp đỡ không cần phải luôn luôn trực tiếp; một sự khuyến khích, một cái nhìn tán thưởng đều là những sự giúp đỡ đối với học viên. Không làm cho học viên cảm thấy phạm tội khi họ làm lỗi trong việc sử dụng ngôn ngữ cũng là một cách giúp đỡ học viên trong tiến trình học hỏi hoặc thu đạt.

6. Vai trò của học viên

Chúng ta phải cố gắng làm sao cho học viên, nhất là những học viên không còn nhỏ, bỏ được vai trò thụ động của mình. Giáo dục ngôn ngữ từ trước đến nay vẫn có tính cách uốn nắn học viên thành thụ động, do đó mà thay đổi quan niệm trên đây trong xử sự của học viên không phải là điều dễ dàng. Cứ thử nhìn lại các phương pháp dạy học ngôn ngữ trước đây, chúng ta thấy đầy dẫy những yếu tố thụ động về phần học viên: chăm chỉ nghe, lập lại, trả lời. Ngay cả đến giai đoạn học viên được phép hoặc được khuyến khích đặt câu hỏi thì cũng bị giới hạn trong các bài tập khó khăn thuần túy văn phạm, cấu trúc, nhiều khi rất xa vời, so với những câu hỏi mà học viên thật sự muốn đặt ra. "Học viên phải cố gắng làm sao đạt đến trình độ máy móc trong phản ứng khi học ngôn ngữ", điều này thì chúng ta đã có kinh nghiệm và đã từng thấy sự máy móc quá đến độ học viên như con vẹt không biết và không hiểu mình đã lập lại cái gì, đã nói cái gì. Không có gì thụ động hơn thế. Chúng ta phải nói rõ ngay là sự lập lại có thể cần thiết khi luyện phát âm cho đúng giọng, nhưng học ngôn ngữ đâu chỉ có chừng ấy, phải không quí vị?

Như chúng ta đã thấy, vai trò của giáo viên là tạo ra môi trường thích hợp cho học viên truyền đạt ý tưởng, cho học viên khám phá thế giới bao quanh qua việc sử dụng ngôn ngữ mà học viên muốn học để thỏa mãn nhu cầu của mình. Vai trò của học viên là hiểu được điều đó và tiếp tục sử dụng hoặc tạo thêm môi trường truyền đạt mới với giáo viên, với bạn bè, với người khác trong sự giúp đỡ của giáo viên khi cần thiết. Học viên phải luôn luôn nhớ rằng mình có một vai trò chủ động trong việc truyền thông, giáo viên luôn có mặt để giúp đỡ học viên như ta đã đề cập đến ở trên đây. Học viên phải thấy được rằng việc học ngôn ngữ của mình là một việc hợp tác, một sự thương lượng, thương lượng với chính mình, với giáo viên, với bạn bè trong lớp hoặc những người khác ở ngoài lớp học. Phản ứng hỗ tương giữa học viên sẽ có ảnh hưởng lớn trong việc học. Sự sửa chữa các lỗi lầm, nếu có, giữa các học viên với nhau sẽ xảy ra một cách tự nhiên, thường thường bằng cách diễn tả lại ý tưởng của người bạn với một cấu trúc hoặc ngữ vựng đúng hơn, thích hợp hơn.

Học viên phải cảm thấy được tự do nói ra những cảm nghĩ thầm kín, thí dụ như sự bực bội, thất vọng, hoặc vui thú, hài lòng, bởi vì việc học trong môi trường truyền thông có liên hệ đến toàn bộ con người, không phải chỉ có thành phần nhận thức mà phải giải quyết cả yếu tố cảm tính nữa. Nhờ vậy mà giáo viên trong vai trò quan sát viên có thể phân tách dễ dàng và chính xác nhu cầu học viên để dễ bề giúp đỡ. Học viên phải cần thấy mình được tự do hoặc là "tham dự vào hoạt động ngôn ngữ mà không cần phải hồi đáp bằng ngôn ngữ đích" (Krashen và Terrell 1983: 76) hoặc là hồi đáp loại câu hỏi dùng chữ HAY bằng cách lập lại một vế của câu hỏi, sử dụng những từ đơn giản, những cụm từ ngắn gọn, những mẫu câu cố định, hoặc là tham gia trọn vẹn vào các trò chơi, chia sẻ tin tức và ý kiến với nhóm học viên của mình.

7. Các tài liệu giảng dạy

Tài liệu giảng dạy phải đáp ứng với chương trình học. Vì chúng ta nhấn mạnh đến sử dụng ngôn ngữ để truyền thông, tài liệu giảng dạy phải có vai trò chính yếu khuyến khích điều đó. Chúng ta có thể chia các tài liệu giảng dạy thành ba loại (Richards và Rogers 1986):

a). Các tài liệu dựa vào sách giáo khoa. Hiện giờ các sách giáo khoa tiếng Việt dựa trên khái niệm -- chức năng của Việt ngữ hầu như không có. Nếu chấp nhận phương pháp giảng dạy đề nghị thì chúng ta nên thành lập ủy ban soạn thảo tài liệu giáo khoa thích ứng. Chúng ta có thể tham khảo những tài liệu giáo khoa dạy các ngôn ngữ khác mà đặc biệt là tiếng Anh để có một ý niệm về các tài liệu hướng về phương pháp truyền thông. Theo Richards và Rogers thì có các sách sau đây đang chú ý: Pair Work của WatcynJones (1981), Communicate của Morrow và Johnson (1979), và các tài liệu dạy tiếng Anh ở các trường Trung học tại Mã lai: English Language Syllabus in Malaysian Schools (1975).

b). Các tài liệu dựa vào công tác. Những tài liệu này lại càng hiếm hoi hơn và lúc ban đầu chắc chắn các giáo viên phải được khuyến khích tự sáng tác cho học viên của mình dùng. Nguyên tắc là tạo những trò chơi, giao công tác cho học viên thực hiện qua việc sử dụng tiếng Việt. Cũng cần nhắc lại là các em mới bắt đầu học sẽ cần một thời gian gần như câm nín để chỉ tiếp thu các dữ kiện ngôn ngữ. Vì vậy mà các công tác của các em lúc ấy là nghe hiểu hoặc đọc

hiểu mà thôi, chứ không cần thiết phải phát biểu bằng tiếng Việt.

c). Các tư liệu thông dụng. Những tài liệu này tương đối dễ kiếm hơn vì có sẵn ngoài đời, thí dụ như các bản hiệu, báo chí, quảng cáo, hình ảnh, bản đồ, sơ đồ v.v.

Việc ta chưa có sẵn các sách giáo khoa thích ứng không hẳn là một trở ngại. Có thể trái lại. Vì mục đích là dùng ngôn ngữ để truyền thông nên các giáo viên nên sử dụng tối đa sự hiểu biết và khả năng của chính mình, tận dụng các tư liệu hàng ngày trong đời sống mà thích hợp cho mục tiêu ngôn ngữ đã được đề ra cho ngày hôm đó, tuần đó, sử dụng hình ảnh, các trợ dụng cụ thị giác hoặc thính thị để cung cấp nội dung cho công tác truyền thông mà giáo viên đặt ra cho học viên. Đừng quên rằng các trò chơi cũng trở thành tài liệu giảng dạy hữu ích trong lớp vì trò chơi ở đây không phải là cứu cánh, mục đích, mà là phương tiện để học viên sử dụng ngôn ngữ.

Việc sử dụng phòng luyện ngôn ngữ không còn cần thiết trong giờ học và nhất là cho các em còn trẻ. Đối với các em lớn tuổi, cần phải luyện phát âm đúng giọng hơn thì có thể khuyến khích dùng phòng luyện ngôn ngữ vào giờ rảnh.

8. Các hoạt động cụ thể trong lớp

Miễn là đạt được mục tiêu truyền thông của phương pháp (nghĩa là khuyến khích học viên trong việc chia sẻ tin tức, gây tác động hổ tương, thương lượng về ý nghĩa), những hoạt động cụ thể trong lớp mà chúng ta đã biết ở những phương pháp khác và thấy thích hợp thì đều có thể đem ra sử dụng. Sau đây là một thí dụ dựa vào thí dụ mà Finocchiaro và Brumfit đã đề ra (Richards và Rogers 1986: 81).

Thí dụ như chúng ta có một mẩu đối thoại cần thiết để dạy về một chức năng:

a). Giai đoạn trình bày và thảo luận về tình huống, chức năng -- nghĩa là nói về những nhân vật trong mẩu đối thoại, vai trò, khung cảnh, đề tài, giọng văn. Không nhất thiết chỉ phải dùng tiếng Việt để giải thích, có thể sử dụng tiếng Anh, nhất là ở cấp vỡ lòng.

b). Giai đoạn tập nói từng câu trong mẩu đối thoại trên: cả lớp lập lại, nửa lớp, nhóm, cá nhân.

c). Hỏi và trả lời dựa trên đề tài của đối thoại và tình huống. (Dùng các câu hỏi thuộc loại Ai?, Gì?, Ở đâu?, Khi nào? v.v. và các câu hỏi sử dụng chữ HAY)

d). Hỏi và trả lời liên hệ đến kinh nghiệm cá nhân của học viên, nhưng vẫn xoay quanh chủ đề đối thoại.

e). Học một trong những câu diễn tả chức năng trong mẩu đối thoại. Giáo viên có thể cho thêm nhiều thí dụ khác về cách dùng câu đố để làm sáng tỏ ý nghĩa.

f). Học viên khám phá tính cách phổ cập của câu diễn tả chức năng hoặc các qui luật dùng làm nguyên lý cho câu đó. Điều này bao gồm ít nhất bốn điểm sau đây: 1) hình thức của câu 2) vị trí của câu trong lời phát biểu 3) giọng văn 4) chức năng văn phạm và ý nghĩa.

g). Những hoạt động có tính cách nhận dạng, thuyết minh câu đó.

h). Những hoạt động phát biểu -- đi từ phát biểu có hướng dẫn đến truyền đạt tự do hơn.

i). Chép lại mẩu đối thoại (nếu không phải đã có sẵn trong sách giáo khoa).

j). Kiểm soát một vài bài tập làm ở nhà (nếu có).

k). Đánh giá việc học vừa qua bằng cách hỏi học viên thử thực hiện lại một vài công tác.

Theo Littlewood (1981:86) các hoạt động cụ thể tại lớp có thể được phân loại như sau:

tiền truyền thông:

- cần hoạt động nhằm vào cấu trúc
- các hoạt động chuẩn truyền thông

truyền thông:

- cần hoạt động truyền thông chức năng
- Các hoạt động xã hội tác động hỗ tương.

9. Tóm tắt và kết luận

Để tóm tắt chúng ta có thể nói rằng phương pháp giảng dạy đề nghị ở đây sẽ:

a) dựa trên quan điểm ngôn ngữ là để truyền thông, một quan điểm sống động của ngôn ngữ với chức năng xã hội. Quan điểm này mặc nhiên công nhận cấu trúc của ngôn ngữ bao gồm các thành phần ngữ âm, ngữ pháp và chữ nghĩa.

b) dựa trên một lý thuyết về sự học bao gồm học viên trong môi trường ngôn ngữ, học viên với cá tính, tuổi tác và những hiểu biết ngôn ngữ trước đây của mình, với một tiến trình học bên trong gồm có hai yếu tố tiềm thức là bộ phận phin lọc và bộ phận tổ chức, và một yếu tố ý thức là bộ phận theo dõi.

c) đặt trọng tâm vào nhu cầu của học viên.

d) chấp nhận một chương trình học hướng về khái niệm và chức năng của ngôn ngữ bao gồm cả văn hóa qua ngôn ngữ đó và không bỏ quên văn phạm, cấu trúc. Trên thực tế chương trình học sẽ là kết quả của sự phân tách nhu cầu của học viên để thấy được những công tác phải thực hiện cho từng giai đoạn và từ đó thiết lập danh sách các khái niệm, chức năng và cấu trúc ngôn ngữ cần thiết để thực hiện các mục tiêu công tác đề ra.

e) quan niệm vai trò của giáo viên gồm có những phần sau đây.

- hướng dẫn học viên trong các hoạt động tại lớp hoặc ngoài lớp
- biết phân tách nhu cầu của học viên

- biết cố vấn hữu hiệu để làm ăn khớp tối đa ý định của người nói và sự diễn dịch của người nghe (nôm na như chúng ta thường nói là để đừng xảy ra tình trạng "ông nói gà, bà hiểu vịt", hoặc là "lấy râu ông nọ chắp cằm bà kia".

- biết thâu nhặt, tổ chức các tài nguyên ngôn ngữ, đồng thời sẵn sàng biến mình thành một tài nguyên ngôn ngữ sống động cho học viên sử dụng.

- luôn luôn đặt mình trong tư thế của người học và nghiên cứu.

f) khuyến khích học viên bỏ thái độ thụ động trong việc học và hiểu được rằng học ngôn ngữ là gây tác động hỗ tương với người khác, càng đóng góp nhiều càng thâu đạt lớn. Học viên phải hiểu rằng học không phải là học vì thầy mà chỉ nhờ thầy giúp để truyền đạt những điều mình muốn, thực hiện những công tác mình có ý định.

g) chấp nhận mọi tài liệu giảng dạy đáp ứng với chương trình học.

h) chấp nhận sự uyển chuyển, tính chất chiết trung, tổng hợp trong các hoạt động cụ thể tại lớp học miễn sao đạt được mục tiêu truyền thông của phương pháp.

BỬU KHẢI

References

BELL, Roger T., 1981. *An Introduction to Applied Linguistics.* Approaches and Methods in Language Teaching. Batsford Academic and Education Ltd, London.

BRUMFIT, C.J. and K. JOHNSON (eds), 1981. *The Communicative Approach to Language Teaching.* Oxford University Press, Oxford.

BRUMFIT, C.J., 1984. *Communicative Methodology in Language Teaching. The Roles of Fluency and Accuracy.* Cambridge University Press, Cambridge.

CHRISTOPHERSEN, Paul, 1973. *Second Language Learning. Myth and Reality.* Penguin, London.

DULAY, Heidi, Marina BURT and Stephen KRASHEN, 1982. *Language Two.* Oxford University Press, Oxford.

ELLIS, Rod, 1986. *Understanding Second Language Acquisition.* Oxford University Press, Oxford.

FINOCCHIARO, M. and C. BRUMFIT, 1983, *The Functional-Notional Approach: From Theory to Practice.* Oxford University Press, New York.

HALLIDAY, M.A.K., 1973. *Explorations in the Functions of Language.* Edward Arnold, London.

JONES, Robert B. and HUYNH Sanh Thong, 1979. *Spoken Vietnamese.* Spoken Language Services, Inc., New York.

JORDEN, Eleanor H. and NGUYEN Hy Quang, 1967. *Vietnamese Basic Course.* U.S. Government Printing, Washington D.C.

KRASHEN, S.D. and T.D. TERRELL, 1983. *The Natural Approach: Language Acquisition in the Classroom.* Pergamon, Oxford.

LINDFORS, Judith W., 1980. *Children's Language and Learning.* Prentice-Hall, New Jersey.

LITTLEWOOD, W., 1981. *Communicative Language Teaching.* Cambridge University Press, Cambridge.

NGUYEN Dinh Hoa, 1966. *Speak Vietnamese.* Charles E. Tuttle, Rutland, Vt.

NGUYEN Dinh Hoa, 1966. *Read Vietnamese. A graded course in written Vietnamese.* Charles E. Tuttle, Rutland, Vt.

NGUYEN Dinh Hoa, 1974. *Colloquial Vietnamese.* Southern Illinois University Press, Carbondale, Ill.

NGUYEN Dinh Hoa, 1981. *Vietnamese Phrase Book.* Charles E. Tuttle, Ruttland, Vt.

PRIDE, John B., (ed.) 1979. *Sociolinguistic Aspects of Language Learning and Teaching.* Oxford University Press, Oxford.

PRIDE, John B., 1985. *Cross Cultural Encounters: Communication and Miscommunication.* River Seine Publication, Melbourne.

RICHARDS, Jack C. and Theodore S. RODGERS, 1986. *Approaches and Methods in Language Teaching.* Cambridge University Press, New York.

STERN, H.H., 1983. *Fundamental Concepts of Language Teaching.* Oxford University Press, Oxford.

SUMMER INSTITUTE OF LINGUISTICS, 1964. *Basic Vietnamese Course.* S.I.L. Huntington Beach, California.

Van EK, J. and L.G. ALEXANDER 1980. *Threshold Level English.* Pergamon, Oxford.

VUONG Gia Thuy, 1975. *Vietnamese in a nutshell.* Institute for Language Study, Montclair, New Jersey.

WIDDOWSON, H.G., 1984. *Explorations in Applied Linguistics 2.* Oxford University Press, Oxford.

WIDDOWSON, H.G., 1978. *Teaching English as Communication.* Oxford University Press, Oxford.

WILKINS, D.A., 1976. *Notional Syllabus.* Oxford University Press, Oxford.

YALDEN, J., 1983. *The Communicative Syllabus: Evolution, Design and Implementation.* Pergamon, Oxford.

Từ nghị định Doumer 1898 đến dụ Thành Thái 1906

BẰNG VŨ

(Bài góp ý với nhà nghiên cứu Nguyễn Thị Chân Quỳnh, Châtenay-Malabry)

Trên *Thế Kỷ 21*, số tháng Mười năm 1990, trang 70-72, nhà nghiên cứu Nguyễn Thị Chân Quỳnh nhân viết bài "Khoa cử thời cải cách: Địa vị chữ Quốc ngữ và chữ Pháp đầu thế kỷ XX" đã đích danh nêu tên tôi liên quan đến một số thắc mắc về nghị định Doumer năm 1898, về Tú Xương, và về dụ vua Thành Thái năm 1906.

Trước hết xin thưa đó là vấn đề học hỏi đã lâu, như nước chảy dưới cầu cách nay trên dưới hai thập niên, hôm nay chỉ biết dựa vào mớ kiến thức cằn cỗi góp ý với nhà nghiên cứu, thế nào cũng không tránh khỏi sai sót, mong nhà nghiên cứu và các độc giả bỏ qua.

Tôi tình cờ đọc được nghị định nói trên, hoặc ở thư viện UCLA hoặc ở Yale. Tôi nhớ mang máng nó nằm ở một, hoặc hai, trong số những tài liệu gốc sau đây:

1. *Journal Officiel* (France)
2. *Journal Officiel* (Indo-Chine)
3. *Bulletin de l'Ecole Francaise d'Extreme-Orient*
4. *Bulletin du Comité de l'Asie Francaise*

Cuối cùng là hai tác phẩm của chính tác giả nghị định nói trên:

5. *Situation de l'Indo-Chine 1897-1901; Rapport par M. Paul Doumer, Gouverneur General.* Hanoi, Schneider, 1902.
6. *L'Indo-Chine Francaise; Souvenirs.* In lần thứ hai, Paris, Vuiberg and Nony, 1905 (?)

Nghị định đó, như vô số các nghị định khác, chỉ là ít giòng chữ khô cạn, vô tri vô giác. Nhưng điều đã làm tôi choáng váng là lý luận kỳ tài của một kẻ mới chân ướt chân ráo qua Đông Dương. Toàn quyền Paul Doumer (1897-1902), nguyên là một giáo sư toán bậc trung học, đã lý luận như sau:

Chính sách văn hóa ngôn ngữ mà người Pháp thực hiện tại phần đất Nam kỳ trước đây là một thất bại to lớn. Đến lượt ông, ông sẽ thay đổi chính sách đó từ căn bản, dựa trên truyền thống hiếu học sẵn có của dân bản xứ.

Ai ai cũng nhận thấy là cứ ba năm một lần, hễ tới các kỳ thi Hương là hầu như tất cả xứ Bắc kỳ, Trung kỳ nghèo nàn chấn động cả lên. Hàng ngàn, hàng vạn con người ùn ùn lều chiếu lên đường đổ xô tụ tập tại các trung tâm thi cử. Riêng tại một trung tâm thôi, ta cũng đếm được trên dưới 10,000 thí sinh.

Nếu ta thử tính cứ một thí sinh đi thi, phải có ít nhất ba học sinh đã tích cực chuẩn bị dọn thi nhưng vì lý do này, lý do khác không dự thi, thì con số còn lên cao bao nhiêu?

Vậy giả sử tiếng Pháp biến thành một môn thi bắt buộc trong các kỳ thi này, chính quyền bảo hộ sẽ đương nhiên chinh phục được hàng trăm, hàng ngàn người học tiếng Pháp mà Nhà nước khỏi phải bỏ ra thêm đồng, cắc nào.

Toàn quyền Doumer do đó lấy chính sách "chinh phục" thay thế chính sách "chinh phạt" trước đây, đặc biệt nhằm vào thành phần ưu tú trong giới sĩ phu Bắc kỳ.

Trong chiều hướng đó, Doumer ban hành nghị định ngày 6 và 7 tháng Sáu năm 1898 nhằm hội nhập tiếng Pháp vào giáo trình thi cử cổ điển,

thoạt đầu với tính cách nhiệm ý và sau 1903, với tính cách bắt buộc.

Nhà thơ Tú Xương (1870-1907) có học quốc ngữ và chữ Pháp không? Lý chứng nội tại trong văn bản còn rành rành trong ngôn ngữ thi ca ông. Thế mà cả ngót trăm năm nay, một số đông tác giả chỉ đánh giá ông như một nhà thơ nôm thế kỷ 19.

Tú Xương có thật sự dự thi quốc ngữ, chữ Pháp trong chế độ thi Hương mới chi phối bởi nghị định Doumer nói trên? Điểm này có người cho là không. Nhà nghiên cứu Nguyễn Thị Chân Quỳnh dường như có cùng một luận điểm như vậy, khi dẫn một số lịch trình thi cử theo sau nghị định Doumer chỉ gồm có bốn kỳ như trong các kỳ thi Hương cổ điển. Sau đó nhà nghiên cứu nêu lên giả thuyết: "... tuy dự tính cải cách đến 1908 / sic / mới chính thức công bố, song *dân chúng đã được nghe phong thanh từ trước*." (B.V. nhấn mạnh). Tôi luôn kính trọng Tú Xương và nghĩ ông không phải con người nhìn "vỏ dưa" ra "vỏ dừa". Từ trước tới nay, các nhà nghiên cứu đã có chê Tú Xương về một số mặt, nhưng tuyệt nhiên chưa thấy ai trách nhà thơ hiện thực này "nghe phong thanh" một sự việc rồi gắn việc đó vào bàn chân ông. Sự việc ông dự một kỳ thi Hương "bốn kỳ trọn vẹn", lại đèo "thêm kỳ nữa", ông đã trung thực ghi nhận như các văn bản xưa cũ nhất đã sao chép.

Trước nhà nghiên cứu Nguyễn Thị Chân Quỳnh, cũng đã có tác giả sửa chữa văn bản câu thơ này cho nó ăn khớp với quan điểm của họ, ví dụ:

"Ba kỳ trọn vẹn, thêm kỳ nữa" (Bảo Vân, *Thơ nôm Yên Đổ và Tú Xương*. Toronto, Canada, NXB Quê Hương, 1980 /?/, tr.116).

Còn về vụ năm 1906 của vua Thành Thái, tôi nhớ cũng đã được đọc, có thể cũng trong số sách báo nêu trên.

Vì sao có khoảng cách 1898-1906, từ nghị định Doumer đến vụ Thành Thái? Xin để các nhà viết sử trả lời trong chi tiết.

Theo sự hiểu biết nông cạn của tôi, không có vấn đề phải đặt ra. Bởi lẽ nghị định Doumer chỉ giới hạn vào việc cải tổ các kỳ thi chữ Hán cho nó "hiện đại" hơn bằng cách hội nhập vào đấy môn thi quốc ngữ và chữ Pháp. Còn vụ Thành Thái bao quát hơn. Nó định nghĩa lại giáo dục, từ đây chịu ảnh hưởng nặng nề giáo dục Tây phương. Nó phân định hệ thống giáo dục mới thành ba cấp (ấu học, tiểu học, trung học), *đồng thời* cũng đề cập tới việc canh cải hai kỳ thi Hương, thi Hội cổ điển theo đúng chiều hướng nghị định Doumer 1898.

Như vậy, xét theo quan điểm cùng điển chế giáo dục hiện đại, nghị định Doumer có thể hiểu như một trường hợp "thí nghiệm giáo dục" cá biệt mà cái gọi là "dụ Thành Thái" sau này có ý định khai thác và quảng bá ra toàn cõi Trung và Bắc kỳ.

Sự thật cũng đã xảy ra như vậy. Các "thí nghiệm" đem quốc ngữ, chữ Pháp vào các kỳ thi Hương *chỉ xảy ra đơn độc tại trường thi Nam Định*, nơi đây đã sẵn có một trường giảng dạy tiếng Pháp dành riêng cho các vị cử, tú tương lai ước độ 300 người. Ta nên nhớ hồi này Nam Định, không phải Hànội, đã biến thành một trung tâm "thí nghiệm" hội nhập Pháp ngữ quan trọng. Hànội, trước kia là một trung tâm thi Hương hàng đầu, nay bị chê không được chọn nữa. Các thí sinh Hànội phải sáp nhập vào trung tâm Nam Định. Tú Xương đã đề cập đến biến cố đó:

"Trường Nam /định/ thi lẫn với trường Hà /nội/."

Lại nữa, ta đừng quên vua Thành Thái đã hạ bút ký cái dụ ngẫu nhiên mang tên ông dưới sức ép mạnh mẽ (dĩ nhiên!) của viên toàn quyền Pháp, theo sau đề nghị của "Hội đồng Cải cách Giáo dục Bản xứ", cũng thiết lập năm 1906, nhưng không phải do "triều đình" Huế "quyết định" như nhà nghiên cứu giả thuyết đâu.

Ảnh hưởng của vụ Thành Thái 1906, nếu có, không ra khỏi viện Cơ mật, và chắc chắn không ra ngoài ranh giới Trung kỳ, làm gì có chuyện ảnh hưởng tới Bắc kỳ, tới thí điểm hàng đầu Nam Định, quê hương Tú Xương!

Sau hết, chúng ta tự hỏi vua Thành Thái có đầy đủ ý thức lúc đặt bút ký vào cái dụ mang tên ông không? Mặc dầu lúc bấy giờ Thành Thái đã xấp xỉ "tam thập nhi lập" (29 tuổi ta), và mặc dầu ông nói tiếng Pháp, lái xe, khiêu vũ như người Pháp, rất có thể kiến thức về giáo dục Thái tây của ông không hơn gì bao nhiêu một trẻ chăn bò Bắc Việt ngày nay về máy điện toán.

Người ta kể lại ngày Thành Thái ký dụ đó có sự hiện diện của vị toàn quyền Pháp. Viên toàn quyền và Thành Thái không ai nói với ai điều gì. Thành Thái trước sau đều tỏ vẻ khó chịu, dường như ông đầy mặc cảm về cái thân xác loắt choắt của mình bên cạnh một viên toàn quyền (Beau) to lớn, cân quắc, và câm lặng như hến!

Dù sao, chỉ ít lâu sau khi ký cái dụ lịch sử đó, Thành Thái đã trốn bỏ ngai vàng ra Thanh Hóa, nói là để viếng mộ tổ, sự thực *dường như* nhằm bắt liên lạc với một số sĩ phu, đi theo vết chân Cường Để "đào vi thượng sách" sang Nhật tìm tự do. Người Pháp liền truất phế ông và đẩy Duy Tân (1907-1916) lên kế vị.

Như vậy, tôi đã đặt ra thêm nhiều câu hỏi, hơn là giải đáp được điều gì mới mẻ. Chỉ xin "đốt lò hương" tham khảo người xưa và trao về thế hệ trẻ những thắc mắc của người đi trước. K

BẰNG VŨ

Los Angeles, 22 tháng Mười, 1990

Tóm lược nội dung cuộc hội luận về Dân chủ Đa nguyên

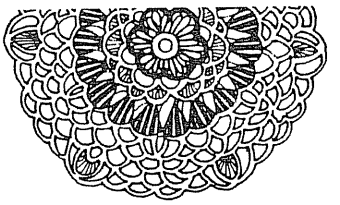

Buổi Hội luận về Dân chủ Đa nguyên đã khai mạc vào hồi 9 giờ 10 phút ngày 27 tháng Mười 1990 tại hội trường số 60 boulevard Latour-Maubourg, quận 7 Paris, trong một không khí thân mật và trang nghiêm, với sự tham dự của khoảng 200 người.

Bà Quản Mỹ Linh đã thay mặt ban tổ chức ngỏ lời chào mừng quan khách.

Ông Trần Thanh Hiệp, trong phần dẫn nhập hội luận, đã nêu lên rằng ông phát biểu với tư cách một nạn nhân còn sống sót của cuộc vận động dân chủ cho Việt Nam và ngày hôm nay cùng mọi người có mặt trong phòng hội này đổi sức nặng "bảo thủ" thành sức đẩy "tiến bộ". Cuộc hội luận dân chủ đa nguyên là một xưởng chế tạo những khái niệm mới về dân chủ, một "công binh xưởng" để sản xuất vũ khí tinh thần chống chuyên chính vô sản.

Chủ tọa đoàn buổi sáng do các ông Nguyễn Văn Ái, Vũ Ngọc Yên, Phạm Xuân Cảnh và buổi chiều do các ông Trần Thanh Hiệp, Trần Bình Nam, Đỗ Đình Thành điều hợp. Thư ký đoàn do các ông Vũ Thiện Hân và Nguyễn Văn Huy phụ trách.

Về nội dung hội luận, có 31 bài tham luận đóng góp cho 11 đề tài về dân chủ đa nguyên, được đọc lên qua lời phát biểu của 24 thuyết trình viên. Bài viết của những tác giả vắng mặt được tóm lược và đọc trước diễn đàn. Sau đây là phần tóm lược nội dung.

Đề tài 1: Dân chủ đa nguyên khái niệm mới hay danh từ mới?

1- Ông Vũ Thiện Hân cho rằng tự do và giải phóng con người là nguồn gốc và cũng là cứu cánh của dân chủ. Dân chủ đa nguyên là tổng hợp của hai quan niệm chính: dân chủ là hình thức tổ chức chính trị để bảo đảm tự do và dân chủ, là công cụ của công bằng xã hội. Dân chủ đa nguyên dựa trên quan niệm tương đối về bản năng con người cũng như về những giá trị của xã hội. Nguyên tắc tổ chức là phân quyền và đối trọng, áp dụng cho mọi hình thức tổ chức tập thể, từ cơ cấu nhà nước đến các hội đoàn chuyên nghề. Dân chủ đa nguyên là dân chủ pháp trị và chủ trương tìm những đồng thuận hiện nay ở các nền dân chủ Tây phương. Tính đa dạng của dân chủ đa nguyên cho phép áp dụng một cách sáng tạo mọi cơ chế tổ chức xã hội ở Việt Nam.

2- Ông Nguyễn Phương Minh (vắng mặt) định nghĩa dân chủ đa nguyên là dân chủ tự giác dựa trên hệ thống tư tưởng tự giác, một hệ thống mở, bám sát thực tại. Để xây dựng dân chủ tự giác, người ta phải vừa có cấu trúc xã hội hạch tâm, vừa có lý luận triết học về dân chủ tự giác để xây dựng luật pháp, tư pháp. Dân chủ tự giác không trở thành hiện thực trên ý nghĩa mơ hồ về đa nguyên đa đảng. Tiến trình tự giác hóa xã hội gồm ba lãnh vực chủ yếu giáo dục, gia đình, kinh tế. Ngoài những luận điểm về triết học, tôn giáo, ông Minh nhấn mạnh về vai trò của con người trong công cuộc xây dựng một thể chế dân chủ đa nguyên.

3- Ông Hoàng Khoa Khôi đề cập tới vấn đề dân chủ đa nguyên trong phong trào lao động quốc tế và chứng minh qua các dữ kiện lịch sử. Ông Khôi nói rằng phong trào lao động quốc tế — xuất phát là một tổ chức có sinh hoạt dân chủ, đa dạng và đa nguyên — đã bị Stalin và các đảng cộng sản chuyên nghiệp, làm mất tính chất dân chủ. Theo ông, đảng cộng sản Việt Nam, vì theo chủ nghĩa Stalin và Mao, đã nhân danh lao động nhưng lại phủ nhận các truyền thống về dân chủ

và đa nguyên của lao động, sửa đổi cả những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Marx (nói chuyên chính vô sản nhưng lại làm độc tài đảng trị, nêu ra nguyên tắc đấu tranh là phê và tự phê nhưng lại sợ sự phán xét của nhân dân. . .)

4- Ông Nguyễn Văn Huy đã đề cập một cách cụ thể đến dân chủ đa nguyên qua việc đánh giá, so sánh những ưu khuyết điểm của một nền chính trị dân chủ đa nguyên: đa nguyên làm phát triển tư duy, đạo đức trong mỗi con người, là yếu tố ổn định xã hội, cho phép chuyển hóa quyền lực một cách ôn hòa giữa các thế hệ và mang đến lợi ích tinh thần và vật chất cho nhiều người hơn. Tuy nhiên dân chủ đa nguyên cũng có những khuyết điểm của nó chẳng hạn như sự nhượng bộ của nhà nước trước những đòi hỏi cứng ngắc của những tập hợp dân tộc hay của những nhóm áp lực khác làm giảm khả năng tập trung nỗ lực quốc gia vào những công trình đã dự trù. Ông Huy cho rằng dân chủ đa nguyên là một khái niệm mới và đã dẫn chứng nhiều khác biệt giữa dân chủ cổ điển và dân chủ đa nguyên. Sau cùng ông Huy phân tách những khác biệt giữa dân chủ đa nguyên với chủ thuyết vô chính phủ mà chính quyền cộng sản Việt Nam cố tình lẫn lộn.

Đề tài 2: Dân chủ đa nguyên trong sinh hoạt xã hội

* Dân chủ đa nguyên và truyền thông

5- Ông Phan Ngọc Lân khi đề cập đến truyền thông trên sự hình thành một nền dân chủ đa nguyên, đã duyệt qua các quan điểm về tự do ngôn luận, tự do báo chí qua các thời đại, từ thời kỳ vua chúa, thời kỳ cách mạng tự do (thế kỷ thứ 18) và gần đây hơn qua chủ nghĩa Marx-Lenin cũng như qua các chế độ độc tài cực hữu, để chứng minh rằng báo chí cũng như những phương tiện thông tin khác luôn luôn là con mồi của quyền lực. Từ nhận định đó, ông Phạm Ngọc Lân đi đến luận điểm là dân chủ đa nguyên phải đi đôi với tự do truyền thông, truyền thông nhất định phải có trong dân chủ đa nguyên và các kỹ thuật truyền thông đại chúng hiện đại là một lợi khí đánh đổ các chế độc tài và bảo vệ nền dân chủ đa nguyên.

* Đa nguyên và phát triển kinh tế

6- Ông Lê Văn Đằng chứng minh rằng, do hoàn cảnh khác biệt so với Nam Hàn và Đài Loan trước đây, Việt Nam chỉ có thể phát triển kinh tế qua một chế độ dân chủ đa nguyên. Ông Đằng cho rằng chỉ có chế độ dân chủ đa nguyên mới có thể có các bảo đảm khách quan để tiến tới một nền kinh tế thị trường. Nền kinh tế này đòi hỏi ổn định về chính trị và xã hội, đòi hỏi một tầng lớp người có đầu óc kinh doanh mà chế độ độc tài cộng sản không thể nào tạo dựng được. Trên bình diện kinh tế, diễn giả đã dẫn chứng để biện hộ cho tự do kinh doanh, chủ trương tôn trọng những nguyên tắc cơ bản của thị trường tự do, điều kiện để phát triển kinh tế hầu bảo đảm cho nền dân chủ. Trong trường hợp Việt Nam, diễn giả đã đề nghị nên phát triển ưu tiên về canh nông và kỹ nghệ chế biến nông phẩm cùng với một số ý kiến có tính chất kỹ thuật về việc kỹ nghệ hóa, du lịch, xuất khẩu. Kết luận diễn giả tóm tắt *"dân chủ đa nguyên phải là giải pháp độc nhất để giải tỏa tất cả những tiềm năng của dân tộc"*. Kinh tế, chính trị không thể tách rời và nhu cầu này chỉ có thể được đáp ứng khi chính quyền không còn trong tay đảng cộng sản Việt Nam.

* Dân chủ đa nguyên và phúc lợi kinh tế

7- Ông Vương Hữu Bột (vắng mặt) qua những chứng cớ thực tế, đã chứng minh rằng không thể tách rời tự do chính trị với tự do kinh tế trong việc mưu cầu hạnh phúc riêng của mỗi người và hạnh phúc chung của dân tộc. Liên hệ hữu cơ giữa các quyền tự do về chính trị và các quyền tự do kinh tế được phân tích rõ rệt. Chức năng của nhà nước (lập pháp, hành pháp và tư pháp) trong việc điều hành xã hội được xác định dưới hình thức đơn giản, dễ hiểu. Tự do kinh tế là điều kiện cần thiết cho tự do chính trị và ngược lại tự do chính trị là bảo đảm của tự do knh tế. Nền dân chủ đa nguyên chỉ là sự thể hiện tự nhiên của tình người đối với mọi cá nhân và đối với cả xã hội. Dân chủ đa nguyên tạo điều kiện thích hợp nhất cho phát triển của con người và xã hội loài người.

* Dân chủ đa nguyên và vấn đề nhân bản

8- Bà Nguyễn Huỳnh Mai nhấn mạnh đến giá trị nhân bản của gia đình trong một xã hội dân chủ đa nguyên. Bà Huỳnh Mai đã lên án các biện pháp tách rời trẻ em ra khỏi khung cảnh gia đình trong các chế độ cộng sản và các chế độ độc tài quân phiệt. Sau đó bà Huỳnh Mai đã đưa ra những ưu và khuyết điểm của dân chủ đa nguyên.

Đề tài 3: Dân chủ đa nguyên và Hòa giải Dân tộc

9- Ông Nguyễn Văn Khoa cho rằng chủ nghĩa đa nguyên được hiểu như một thế giới quan là một thể chế chính trị. Theo diễn giả, chúng ta có thể kế thừa và phát huy truyền thống khai phóng và hóa giải của cha ông, biến đất nước thành một quốc gia đa nguyên về văn hóa. Trên lãnh vực chính trị, chủ nghĩa đa nguyên cho phép chúng ta nhận định những khác biệt về quyền lợi và chính kiến như điều tự nhiên và do đó xóa bỏ được những oán thù do chiến tranh và cuồng tín để lại. Nói một cách tổng quát hơn, chủ nghĩa đa nguyên cho phép các khuynh hướng về chính trị tại Việt Nam tìm ra một cơ sở đồng thuận để đưa đất nước ra khỏi ngõ cụt hiện nay. Cơ sở đó là từ bỏ chiến tranh, từ bỏ lệ thuộc vào nước ngoài,

Bên Lề Hội Luận

Tôi ra về mà lòng lâng lâng...

Có lẽ từ mười năm sống ở hải ngoại, đây là lần đầu tiên tôi tham dự một buổi họp mặt đông vui và nghiêm túc như lần này.

Tất cả lo lắng như tan biến sau gần chín giờ đồng hồ nghe và ghi chú, khi ban chủ tọa tuyên bố kết thúc buổi hội luận. Quay nhìn xuống hội trường, số cử tọa không giảm sút, chứng tỏ sự lưu tâm của mọi người đến một vấn đề có thể nói là rất lý thuyết: vấn đề dân chủ đa nguyên. Một ngày đầy ắp suy tư, một óc không chỉ cho ban tổ chức, người đọc tham luận, mà còn cả cho gần hai trăm người tham dự.

Trừ lúc ban đầu khai mạc trễ mười phút, vì một số người ở các nước Âu Châu đến bằng xe chưa quen với Paris — tìm ra đường rồi tìm được một chỗ đậu xe không phải là dễ — ngoài ra chương trình đã diễn tiến như được dự trù. Vì hội luận có hai buổi được điều khiển bằng hai "máy chém" tuy rất khe khắt nhưng diễn giả ai cũng thi hành kỷ luật mà không hề khó chịu, chỉ cười cầu tài để rồi hoặc nhảy trang, hoặc năn nỉ.

Có diễn giả bị tính sai giờ đáng lẽ còn bảy phút tính nhầm ra còn có hai phút. Thời gian tổng cộng chỉ có 15 phút mà nhầm hết năm phút có chết người ta không cơ chứ!

Có diễn giả đã làm cho cử tọa cay mắt khi thấy anh nghẹn ngào nói không nên lời, anh đã quá xúc động khi nhắc tới hiện tình đất nước. Dân Việt ta sống nhiều bằng tình cảm, nếu ai cũng yêu nước chân thành và làm việc với tinh thần ngay thẳng thì lo gì việc lớn không thành!

Có diễn giả lên đọc một lèo,"máy chém" có ra lệnh cũng lờ luôn, đến lúc chẳng đặng đừng mới ngừng lại "xin không đọc phần kết". Để rồi khi đến mục phát biểu của cử tọa "người" lên đọc nốt kết luận. "Có công mài sắt có ngày nên kim"! Không ai có thể bực mình một người có tính kiên trì như thế.

Lại có trường hợp hai "máy chém" thanh toán nhau, cụ buổi sáng cắt lời cụ buổi chiều, để đến khi chiều lên, cụ buổi chiều lại cắt cụ buổi sáng; nhưng rồi hai cụ cùng cười cả, đàn em bèn lợi dụng cơ hội để được cười thả giàn một cách hợp pháp. Nói thế vì suốt ngày, buổi hội luận đã diễn ra rất nghiêm túc, khi một người lên diễn đàn là cả hội trường im phăng phắc. Thái độ nghiêm túc chưa từng thấy.

Dĩ nhiên buổi hội luận hầu như đã thu hút gần hết những khuôn mặt quen thuộc của Paris. Nhưng điều làm tôi thích thú là sự hiện diện của một nữ nghệ sĩ mà tôi tưởng chỉ làm việc văn hóa, không biết rằng cũng lưu ý tới loại sinh hoạt chính trị khó nuốt như kỳ hội luận này. Đó là nghệ sĩ Bích Thuận đã có mặt từ sáng đến chiều mà vẫn tươi như hoa.

Đến từ phía Tây có Hoa Kỳ, Canada, phía Đông có Tiệp Khắc, Tây Âu có Thụy Sĩ và năm nước trong Cộng đồng Chung là Anh, Pháp, Bỉ, Đức, Hòa Lan. Rất tiếc có người đến biên giới rồi lại phải trở về vì vấn đề chiếu khán (visa). Có vị vừa ở nhà thương ra đã từ tỉnh lên Paris chỉ để tham dự hội luận. Có người quên giấy mời nhưng "quý vị biết tôi mà, lần nào tôi cũng có mặt trong những buổi họp thân hữu Thông Luận". Nhưng cũng có trường hợp phải có "bảo lãnh" mới vào được. Hoan hô tinh thần làm việc của các anh em trong ban trật tự! Thật ra không phải muốn làm khó dễ gì, nhưng chẳng qua chỉ để đề phòng mọi sự bất trắc.

Buổi ăn trưa, mọi người nam phụ lão ấu ăn "cơm tay cầm" mà vui quá chừng vì là dịp để hàn huyên tâm sự, có người từ mười, hai mươi năm nay chưa gặp lại nhau. "Người bên này" ân cần thăm hỏi "người bên kia" với một tinh thần rất là hòa giải hòa hợp. Mấy người này nói thiệt và làm thiệt! Mà nào chúng ta có xa nhau đâu, chẳng qua là một thế lực vô hình nào đó đã chia rẽ anh em, nay thế lực ấy đã mất đi thì "mình lại gặp ta"!

Vui nhất là buổi tối "hậu hội luận", ban đầu chỉ tính đi ăn chung độ hơn ba mươi người, thế mà cuối cùng tại nhà hàng đã đếm được 66 người cùng với "bố già" Phạm Duy từ London sang. "Người hâm nóng môi trường" đã ca hát, nói chuyện tếu làm mọi người cười bỏ! Mà không phải chỉ Phạm Duy hát cho anh em nghe, mà đôi khi chính anh em lại hát cho Phạm Duy nghe mới là ngộ! Thế mới biết hay hát đôi khi cũng có lợi, làm cho người hát hay được nghỉ khỏe, đóng góp vào việc bảo vệ sức khỏe cho nghệ sĩ.

Bầy chim sắp hồi xứ rồi.

Một thân hữu đến từ Hoa Kỳ cho biết cảm tưởng "Dân Paris có trình độ cao, Hoa Kỳ cũng sẽ tổ chức được như thề này trong vòng sáu tháng một năm nữa".

Thế rồi ra về thơ thới hân hoan!

Vấn đề là thực thi dân chủ đa nguyên, mọi người sẽ nói lên được tiếng nói của mình, và tiếng nói ấy sẽ được phê bình, được đánh giá, đương nhiên là không phải bằng bạo lực.

QUẢN MỸ LAN

thành lập một nền dân chủ đa đảng, dung hòa những đòi hỏi về tự do và bình đẳng, dung hòa quyền lợi của cá nhân và cộng đồng.

10- Ông Nguyễn Anh Tuấn (vắng mặt) đã nhận định rằng: "*Hòa giải và hòa hợp dân tộc, nâng cao trình độ văn hóa và nhận thức chính trị trong nhân dân là tiền đề của nền dân chủ đa nguyên*", sau khi đã phân tích, tìm hiểu quá trình hình thành của dân chủ đa nguyên và tình trạng "thê thảm" của đất nước Việt Nam. Ông Tuấn khẳng định rằng nếu Việt Nam còn ở trong tình trạng nội chiến thì không thể có dân chủ đa nguyên và lên án tất cả những gì chia rẽ dân tộc. Đối lập theo ông Nguyễn Anh Tuấn là cần thiết. Giải quyết những mâu thuẫn là tạo nên những sức bật đồng thuận cho một chế độ dân chủ, là liều thuốc kích thích, thúc đẩy đà tiến của dân tộc.

11- Ông Phan Phúc Vinh cho rằng hòa giải và hòa hợp dân tộc là một đòi hỏi cấp bách của đất nước và là một kết tụ mầu nhiệm. Ông Vinh đề cao một nền văn hóa trên căn bản hòa hợp dân tộc vì đó là sự thể hiện của một phong thái chính trị nhân bản. Ông Phan Phúc Vinh kết luận hòa giải và hòa hợp dân tộc là một lập trường chính trị hữu hiệu.

Đề tài 4: Thực hiện dân chủ đa nguyên

* Những nẻo đường dẫn đến dân chủ đa nguyên

12- Ông Trần Bình Nam đã đưa ra quan điểm về dân chủ và dân chủ đa nguyên và đề nghị xây dựng một nền dân chủ đa nguyên cho Việt Nam. Ông Trần Bình Nam đã tóm lược những yếu tố đã cấu tạo nên những cuộc cách mạng dân chủ trên thế giới và đưa ra nhận xét phân quyền là một yếu tố của dân chủ đa nguyên để phát triển quốc gia. Trong phần kết thúc ông Nam đưa ra lịch trình trong cuộc đấu tranh để đòi hỏi dân chủ đa nguyên cho Việt Nam.

* Tiến tới dân chủ đa nguyên và truyền thống kinh tế chế sản nhân bản

13- Ông Lưu Văn Vịnh (vắng mặt) cho rằng "*tình trạng chậm tiến là kẻ thù của dân tộc*". Ông Vịnh phân tích tình hình chính trị và hoàn cảnh Việt Nam, sau đó ông đã dẫn tới đề nghị trở về truyền thống dân tộc qua hình thức một nền kinh tế chế sản nhân bản liên quốc (chế sản; hữu sản hạn chế) kèm theo ba đòi hỏi tiến tới dân chủ.

Đề tài 5: Cơ chế của dân chủ đa nguyên

* Chủ thể, hành động với kiến thức

14- Ông Lê Hữu Khóa cho rằng "*sẽ không có đa nguyên thực sự nếu không có một chủ thể ý thức về hành động với kiến thức của mình trong mỗi con người, trong mỗi tập thể*". Từ nhận thức đó, ông Lê Hữu Khóa đã trình bày ý kiến trên ba vấn đề về chủ thể, hành động và kiến thức. Chủ thể đã được nghiên cứu trên ba phạm trù triết học, sử học và xã hội học. Trong phần kết luận, chủ thể được định nghĩa theo ba nội dung cùng một lúc đó là đơn vị của mọi xã hội dân chủ, giá trị luân lý, nguyên tắc chủ yếu để tổ chức mọi cơ chế. Thực chất của chủ thể là sáng tạo và dân chủ đa nguyên phải bảo vệ sự sáng tạo đó.

* Bàn về đối trọng

15- Ông Đỗ Đình Thành đã chứng minh rằng "*đa nguyên, đa dạng, đối trọng và phức hợp là những thuộc tính cơ bản của chế độ dân chủ, phù hợp với cuộc sống*". Chế độ cộng sản Việt Nam hiện tại là một hệ thống tổ chức quyền lực độc tôn, độc tài khép kín nên tất yếu sẽ tiêu vong. Thế nhị nguyên quốc cộng hiện vẫn đang còn khống chế dân ta, nên những sự hận thù và ý đồ duy trì lô-gích xung động, cần được được thay thế bằng thể chế đa nguyên để người Việt Nam cùng nhau chia sẻ trách nhiệm, chung sức xây dựng lại tổ quốc.

* Vai trò đối lập của dân chủ đa nguyên

16- Ông Vũ Ngọc Yên đặt vấn đề: *dân chủ là phải thừa nhận đối lập*. Nhiệm vụ của đối lập là chỉ trích, kiểm soát và đôi khi hợp tác với chính quyền vì lợi ích của dân tộc. Dân chủ là tôn trọng quyền tự do chính trị, trong đó có quyền tự do phát biểu cũng như tự do bầu cử và ứng cử. Hoạt động của đối lập là phải vừa bí mật vừa công khai, đôi khi cũng phải hoạt động riêng rẽ và có lúc cũng cần có quần chúng để làm hậu thuẫn. Sau cùng ông Vũ Ngọc Yên đưa ra phương cách để nhận diện đối lập dưới thời Việt Nam Cộng Hòa như các đoàn thể tôn giáo, đảng phái, văn nghệ sĩ... và đối lập giả hiệu như Mặt trận Giải phóng miền Nam và của một số phong trào của người Việt hải ngoại bị cộng sản giật dây thời bấy giờ.

* Đặt vấn đề cơ chế của dân chủ đa nguyên

17- Ông Trần Thanh Hiệp, qua hai trục suy luận chính: ý thức mới về dân chủ và về dự án tổ chức xã hội, đã đặt vấn đề cơ chế dân chủ đa nguyên. Suy luận thứ nhất đưa đến ba hoạt động chính trị mà diễn giả tóm tắt là phế thải (những tư tưởng cũ về phía cộng sản cũng như về phía chống cộng sản), phục hồi (những giá trị dân chủ của phương tây cũng như của dân tộc) và sáng tạo (một hình thức dân chủ đa nguyên thích hợp với hoàn cảnh Việt Nam). Tiếp theo đó, cơ lý và cơ cấu dân chủ được đề cập tới với hai khái niệm mới, theo Rober Dahl, được coi là nguyên tố cho kiến trúc đa nguyên là "nhóm quyền lực" và "quyền lực". Ông Trần Thanh Hiệp đưa ra bốn thành tố của dân chủ đa nguyên, đó là tinh thần đa nguyên, định chế đa nguyên và khả năng tự động điều chỉnh. "*Những người ngày hôm nay đang ươm cây dân chủ đa nguyên, chẳng những*

dự báo một tất yếu của lịch sử mà còn xây nền đắp móng cho tương lai Việt Nam".

Đề tài 6: Thiết lập dân chủ đa nguyên

* Vấn đề thiết lập dân chủ đa nguyên tại Việt Nam

18- Ông Nguyễn Hữu Chung đã đề cập đến những phương cách cần thiết để thiết lập dân chủ ở Việt Nam. Ông Chung đã lần lượt nói tới những điều kiện tiên quyết trước khi có tổng tuyển cử như: tự do báo chí, tự do hội họp, tự do sinh hoạt chính trị và nhất là nhu cầu phá bỏ bộ máy kềm kẹp và khủng bố hiện hữu. Thứ đến, ông Chung đã trình bày quan điểm của ông về quốc hội lâm thời, hiến pháp, tư pháp cùng với một vài ý kiến về kinh tế thị trường. Nguyễn Hữu Chung đã trích lời một người bạn trẻ thay câu kết luận: *"Xin chỉ làm Việt Nam một nước dân chủ bình thường, với những con người bình thường, nhiều thợ máy hơn nhiều anh hùng".*

* Việt Nam và thực hiện dân chủ

19- Ông Nguyễn Văn Lang (vắng mặt) đã đề nghị một giải pháp trong thời gian chuyển tiếp mà ba việc chính phải làm song song: thực hiện tự do ngôn luận, thông tin, văn hóa, tư tưởng, tín ngưỡng; thành lập hội nghị toàn dân; tự do thành lập các tổ chức chính trị. Quan niệm về hội nghị toàn dân của Nguyễn Văn Lang được minh định với ba ủy ban; cải tổ cơ cấu nhà nước, kinh tế, văn hóa, xã hội. Thành công hay thất bại của giai đoạn chuyển tiếp tùy ở nhiều điều kiện nhưng *"chắc chắn là nếu không thực hiện được một giải pháp ôn hòa, ít xáo trộn nhất thì nội loạn, sứ quân là điều sẽ xảy ra".*

* Dân chủ đa nguyên qua kinh nghiệm Đệ nhị Cộng Hòa Việt Nam

20- Ông Từ Trì nghiên cứu chế độ Việt Nam Cộng Hòa qua ba nguyên tắc; đa nguyên chính trị, nguyên tắc đa số và tự do đối lập. Ông Từ Trì đã chứng minh chính sách giả dối, đối lập cuội của chính thể đó bằng những dữ kiện lịch sử qua những thí dụ dí dỏm. Từ đó ông lưu ý cử tọa về những khó khăn, về điều kiện để thành lập một nền dân chủ ở Việt Nam và việc thi hành dân chủ đa nguyên phải qua nhiều giai đoạn và nếu không thận trọng thì có thể đưa tới một tình trạng hỗn loạn.

Đề tài 7: Dân chủ đa nguyên có phải là một xa xỉ phẩm đối với Việt Nam không?

21- Ông Phạm Xuân Cảnh báo động rằng đảng cộng sản Việt Nam chẳng đổi mới và cũng chẳng chết vì giới cầm quyền hiện nay xem dân chủ đa nguyên là một xa xỉ phẩm, trong khi những người đối lập quan niệm dân chủ đa nguyên là không cần thiết vì dân chủ cổ điển đã đủ. Ông Cảnh cho rằng hiện nay cơ hội đã đến cho những người tranh đấu trên lập trường dân chủ đa nguyên, nhưng trước khi áp dụng dân chủ đa nguyên chúng ta phải có một chế độ chính trị ổn định.

22- Ông Huỳnh Hùng xác nhận "sự chia rẽ trong dân tộc Việt Nam là có thật, nhưng xét cho cùng đó là hậu quả của những chính sách chính trị chứ không phải do bản chất của dân tộc". Sau đó ông Hùng cho rằng dân chủ đa nguyên sẽ đem đến đồng thuận, triệt tiêu đầu óc chia rẽ, mặt khác trái với quan điểm cho rằng người Việt Nam chưa có đủ giá trị dân trí để hưởng dân chủ, diễn giả đưa ra những hình thái về dân chủ để thấm thuần trong văn hóa của dân tộc, từ Khổng giáo, Phật giáo tới Thiên Chúa giáo. Dân chủ không phải là xa xỉ phẩm mà trái lại là nhu cầu cấp bách cho Việt Nam.

Đề tài 8: Dân chủ đa nguyên trong xã hội truyền thống

Đề tài này do hai ông Đoàn Xuân Kiên và Nguyễn Hữu Doãn tại London phụ trách nhưng vì trở ngại giao thông đã không có mặt vào phút chót. Hai bài tham luận này sẽ được đăng vào tập Kỷ yếu Hội luận.

Đề tài 9: Dân chủ đa nguyên và cộng sản Việt Nam

* Ảnh hưởng của trào lưu dân chủ đa nguyên đối với đảng CSVN

23- Ông Nghiêm Văn Thạch dẫn chứng ảnh hưởng của trào lưu dân chủ đưa đến tình trạng phân hóa trong nội bộ đảng cộng sản Việt Nam. Ông Nghiêm Văn Thạch kiểm điểm các biến chuyển và phân tích cuộc đấu tranh hiện có trong đảng cộng sản Việt Nam giữa cánh bảo thủ cầm quyền và khuynh hướng được tạm gọi là đổi mới. Diễn giả nhận định cánh bảo thủ hiện nay là nút chận, ngăn cản trào lưu dân chủ nhưng không có cách gì tiêu diệt được ước mong dân chủ, không những ở ngoài mà ngay ở trong lòng đảng cộng sản Việt Nam. Từ đó đi đến đề nghị kêu gọi sự tham gia của những đảng viên cộng sản hưởng ứng trào lưu dân chủ đa nguyên.

* Tăng cường đấu tranh để sớm chấm dứt chế độ độc đảng

24- Ông Âu Dương Thệ (vắng mặt) khẳng định rằng phải bẻ gẫy những lý luận của cộng sản Việt Nam muốn kéo dài chế độ độc đảng như chiêu bài: đảng có sứ mệnh lịch sử, đảng cần ổn định chính trị để đổi mới v.v. và đưa ra một số đề nghị trong việc thực hiện dân chủ đa nguyên cho một Việt Nam tương lai mà nguyên tắc đầu tiên là từ bỏ đấu tranh bằng bạo lực, phải có tự do và công bằng xã hội, người dân cũng như các đảng phái đoàn thể phải ý thức được trách nhiệm của mình đối với tổ quốc. (Bài tham luận này chúng

tôi đã nhận được trong buổi chiều cùng ngày).

*** Tương lai của đảng CSVN**

25- Ông Tôn Thất Long nói rằng "*quá khứ thường gắn liền với hiện tại là một sự dây nối liền các thế hệ để sửa soạn cho tương lai*". Từ nhận định đó ông Tôn Thất Long đã phân tích bản chất của chế độ cộng sản, từ lúc thành hình cho đến ngày nay. Ông đánh giá quá trình gọi là đổi mới của đảng cộng sản từ sau đại hội VI (1986) và sự phân hóa trầm trọng của đảng cộng sản trước viễn tượng của đại hội VII. Điều bất hạnh cho dân tộc Việt Nam là mặc dầu những sai lầm vì đặt chủ nghĩa trên dân tộc, đảng cộng sản Việt Nam vẫn đi sâu vào con đường phản dân tộc, phản khoa học. Do đó chính cộng sản Việt Nam đang đi vào con đường tiêu vong.

Đề tài 10: Dân chủ đa nguyên và quần chúng

*** Vai trò của người phụ nữ Việt Nam trong dân chủ đa nguyên**

26- Bà Quản Mỹ Linh sau khi phân tích những tương quan giữa người phụ nữ và vấn đề dân chủ đa nguyên, đã nhận định rằng: *"Nhìn vào vai trò, địa vị của phụ nữ trong một quốc gia, người ta có thể đánh giá được mức độ dân chủ tại quốc gia ấy"*. Nhắc lại bổn phận đóng góp của người phụ nữ cho đất nước trên lĩnh vực tranh đấu chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội trong quan hệ bình đẳng nam nữ, diễn giả đã nhấn mạnh đến khả năng đặc biệt của người phụ nữ Việt Nam trên vấn đề giáo dục — trong gia đình cũng như tại học đường — nhằm đào tạo cho nước nhà những công dân hữu dụng. Một nét nổi bật khác trong bài tham luận của bà Quản Mỹ Linh là quyền ứng cử và bầu cử của người phụ nữ để tham gia vào vai trò lãnh đạo của xã hội cần được củng cố.

*** Việt Nam và nhu cầu tự cứu**

27- Ông Đinh Quang Anh Thái cho rằng: "*Chúng ta phải tin vào đất nước mai sau của mọi người. Đất nước của tất cả mọi thành phần, của tất cả mọi quá khứ. Trong hoang tàn đổ nát hôm nay, cái giải cứu chúng ta sẽ là Niềm Tin*". Bàn về những hình thức biến chuyển có thể có ở Việt Nam, diễn giả nhấn mạnh đến mâu thuẫn đối kháng giữa thiểu số lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam và 65 triệu dân đang khao khát tự do, dân chủ, ấm no là động lực có khả năng chủ động để thay đổi tình hình Việt Nam.

*** Thử đi tìm một điểm hội tụ cho vấn đề dân tộc**

28- Ông Nguyễn Quốc Trung (vắng mặt), trong cố gắng tạo dựng sự đồng thuận lớn của dân tộc, nhìn lại lịch sử để đánh giá một cách xác thực những dữ kiện đã gây chia rẽ và hận thù trong lòng dân tộc. Ông Trung đã giải thích tại sao người Việt Nam chưa đủ sức để giải quyết những mâu thuẫn giữa một thiểu số lãnh đạo cộng sản tham quyền cố vị và tuyệt đại đa số dân chúng. Tạo dựng lại niềm tin, gây lại tinh thần độ lượng và chân thật mà tác giả gọi là độ-lượng-dân-tộc.

Đề tài 11: Dân chủ đa nguyên cho một Việt Nam hậu cộng sản

*** Văn học nghệ thuật trước tình thế mới**

29- Bà Thụy Khuê: "Viết là thể hiện một lúc hai điều kiện căn bản của con người: tự do và độc lập. Người nghệ sĩ nhận trách nhiệm về những điều mình viết trước bản thân mình, độc lập với tất cả những yếu tố ngoài bản thân mình". Bài phát biểu của Thụy Khuê là một biện hộ chân tình cho quan điểm tự do về tư tưởng, về sáng tạo trong văn học và nghệ thuật. Một thứ tự do có tính chất tuyệt đối vì nó chỉ có thể nẩy sinh từ bản thân và trong tâm hồn người sáng tác. Dân chủ đa nguyên là yếu tố cần thiết nhưng chưa đủ. Một nền văn học nghệ thuật phong phú, nghĩ cho cùng, chủ yếu chỉ tùy thuộc ở giới văn nghệ sĩ, khác với quan niệm văn nghệ chỉ đạo dưới chế độ cộng sản.

*** Chính sách kinh tế, văn hóa, xã hội cho một Việt Nam hậu cộng sản**

30- Ông Nguyễn Văn Ái: "Kinh tế thị trường tôn trọng con người và gia đình; văn hóa tự do hướng về tầm thước tinh thần của con người; xã hội nhân bản thực thi nhân quyền và công bằng xã hội". Đó có thể là những chính sách tương lai cho nước Việt Nam hậu cộng sản. Ông Nguyễn Văn Ái qua bài phát biểu đã lần lượt đưa ra những lý lẽ để biện minh cho quan điểm của ông. Ông nhấn mạnh rằng những chính sách trên chỉ có thể thi hành được trong một chế độ chính trị kiểu dân chủ đa nguyên vì tự do là điều kiện không thể không có được.

*** Chính sách nào cho nước Việt Nam hậu cộng sản?**

31- Ông Nguyễn Gia Kiểng đưa ra những phương hướng để giải quyết những vấn đề trầm trọng và cấp bách của một chính quyền hậu cộng sản đem lại trật tự an ninh, giải quyết nạn thiếu đói, chận đứng đà gia tăng dân số, hồi hương hàng trăm ngàn đồng bào đang phải sống tủi nhục trong các trại tị nạn, ngăn chận và đẩy lùi các bệnh hoa liễu đang bành trướng một cách đáng sợ ở trong nước. Sau đó ông Kiểng cũng đề nghị những biện pháp cụ thể về giáo dục, kinh tế và ngân sách cho một nước Việt Nam hậu cộng sản. Ông Kiểng kêu gọi "*hãy cởi bỏ những xiềng xích của hận thù và của các chủ nghĩa để nhìn nhau như anh em ta sẽ thấy một phép mầu, đất nước này sẽ thay da đổi thịt, dân tộc này sẽ chồm tới chinh phục tương lai*".

Sau phần tham luận là những lời phát biểu của cử tọa.

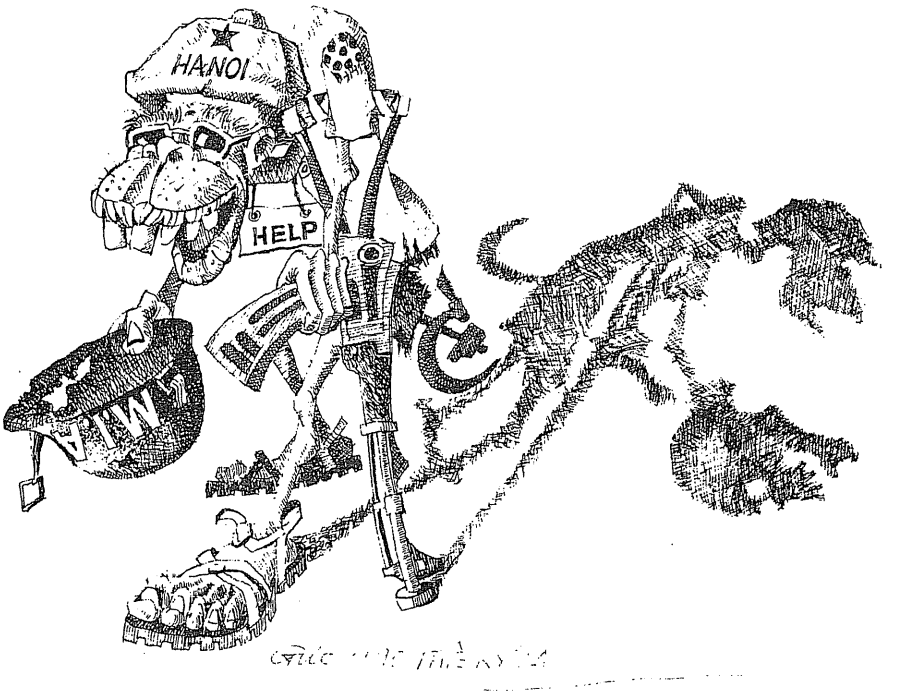

— Ông Đinh Trọng Hiếu cho rằng phương tiện hữu hiệu nhất để tố cáo sự thất bại của đảng cộng sản Việt Nam là kết quả của những bảng thống kê, vì thống kê có tính chính xác của khoa học.

— Bà Abadie Như Lê cho rằng dân chủ đa nguyên phải đi liền với phát triển kinh tế và tôn trọng quyền tư hữu cùng một chính sách xã hội thích hợp.

— Ông Phan Tấn Hùng đặt ba câu hỏi: thể chế dân chủ đa nguyên nào thích hợp cho Việt Nam, dân chủ đa nguyên có cần thiết cho phát triển kinh tế hay không. Việt Nam hãy tiếp tục ở lại trong quỹ đạo Nga hay tìm cách thoát ra?

— Ông Nguyễn Văn Hướng đưa ra các câu hỏi: tại sao người trẻ ít tham dự và làm gì để có một biến chuyển nhanh chóng cho Việt Nam và nhận định rằng những bài tham luận lý thuyết quá.

— Ông Nguyễn Văn Thế cho rằng điều kiện để có dân chủ đa nguyên là phải được no ấm, độc lập kinh tế, không bị đàn áp bằng bạo lực và có tự do tư tưởng vì mục đích của chúng ta là phục vụ con người, mà kẻ thù của con người là nghèo đói, chiến tranh và ô nhiễm môi sinh.

— Ông Tào Văn Trạch lưu ý vấn đề đào tạo nhân sự mới cho nhu cầu phát triển Việt Nam trong tương lai.

— Bà Nguyễn Huỳnh Mai nêu lên bốn điểm khen (tổ chức và diễn tiến của hội luận cùng tác phong của cả hội trường) và một điểm chê (thiếu bảng tổng kết toàn diện về chế độ cộng sản).

Buổi hội luận đã kết thúc vào lúc 18 giờ 30 với diễn văn bế mạc của ông Trần Bình Nam:

"(. . .) Những gì được phát biểu hôm nay do thuyết trình hay do cử tọa, đều phát xuất từ tận đáy lòng của mỗi người nên nó sẽ là nhịp cầu nối kết những người Việt Nam yêu nước để gỡ dần những bế tắc chúng ta đang phải đương đầu. Những bế tắc này tràn lan và to lớn từ hải ngoại đến quốc nội. Tại hải ngoại chúng ta chưa tập hợp được vì những bất đồng trong tiểu tiết. Trong quốc nội, những người nắm quyền còn cố chấp, lực lượng quần chúng chưa được tổ chức, những người cầm vũ khí như bộ đội và công an chưa được xúc tác đúng mức để can đảm đứng về phía nhân dân".

"Hôm nay, 27 tháng Mười tại thành phố Paris, trung tâm văn hóa và chính trị của Âu Châu, chúng ta đã nói một cách đầy đủ, cởi mở và có suy tư về dân chủ đa nguyên. Nhưng nói không chưa đủ, cần phải hành động để biến tư tưởng đa nguyên thành sức mạnh".

"(. . .) Buổi hội luận này dù chỉ là một bước đầu khiêm tốn, nhưng là một bước cần thiết để khởi đầu cho một bước dài hơn của dân tộc chúng ta". K

VŨ THIỆN HÂN
và NGUYỄN VĂN HUY ghi lại.

Thời sự tháng qua

LÊ THỤY

Tham nhũng, buôn lậu, hối lộ... vẫn lan tràn tại Việt Nam

Đỗ Mười, thủ tướng Cộng Sản Việt Nam, trong một cuộc phỏng vấn dành cho hãng thông tấn Anh Quốc "Reuter" tại Hà Nội, hôm 1 tháng Mười, 1990, nhìn nhận "Việt Nam đang phải đối phó quyết liệt với các tệ nạn tham nhũng, buôn lậu, hối lộ... trong Chiến dịch làm trong sạch Đảng và Nhà Nước, khiến hàng loạt cán bộ, viên chức cao cấp, sang đoạt tài sản nhà nước, đã bị cất chức."

Một vài vụ điển hình mới nhất như Trần Trung Hiếu, thứ trưởng Bộ Lâm Nghiệp đã bị cất chức hôm 29 tháng Mười, vì tội "đã để nhiều thất thoát cho ngành công nghiệp rừng của Việt Nam", mà cụ thể nhất là Hiếu đã dính líu vào các vụ xuất cảng gỗ phi pháp, trị giá đến 9.6 triệu đô la.

Một đảng viên cao cấp, Hoàng Thị Xuân đã bị Tòa Án Nhân Dân Tối Cao của tỉnh Vĩnh Phú, ở gần Hà Nội, tuyên án tù chung thân, vì đã dính líu vào vụ sang đoạt tiền của Ngân Hàng Nhà Nước hồi năm 1988.

Dính líu đến vụ Hoàng Thị Xuân này, còn có 23 bị can khác, gồm các công nhân viên ngân hàng và chánh quyền địa phương cũng đã bị tuyên án tù 15 năm cho đến án treo, vì tội toa rập sang đoạt 22 ngân phiếu và tiền lời chung, được ước lượng lên đến 8 triệu đô la.

Lọc lừa ngoài dân chúng, có Nguyễn Văn Mười Hai, nguyên Giám đốc Công ty nước hoa Thanh Hương ở Thành Hồ, là nổi bật và điển hình nhất.

Nguyễn Văn Mười Hai, từng được bộ máy tuyên truyền của Cộng Sản Việt Nam, mô tả là một trường hợp điển hình của sự làm ăn theo lối mới, của sự cải cách kinh tế của họ, hôm 29 tháng Mười, đã bị Tòa Án Nhân Dân Thành Hồ tuyên án tù chung thân, "vì các tội lừa đảo, sang đoạt tài sản của nhân dân và phá hoại các chính sách xã hội - kinh tế của Nhà nước."

Đây là vụ án lừa đảo lớn nhất đã xảy ra tại Việt Nam, từ sau 1975, mà khởi đầu là một vụ góp vốn đầu tư của dân chúng để sản xuất nước hoa, và những người góp vốn đều được hưởng lời cao, nhưng thật ra Nguyễn Văn Mười Hai đã lấy tiền đầu tư của người này, để trả lời cho các người đầu tư khác, và cứ tiếp tục kêu gọi vốn đầu tư nữa, cho đến khi không đủ sức trả lãi được nữa, thì bị vỡ lở, hiện nguyên hình là một vụ "mượn đầu heo nấu cháo".

Nguyễn Văn Mười Hai cũng bị phanh phui trước tòa là đã dùng tiền và vàng lừa đảo, để đút lót cho nhiều đảng viên và giới chức cao cấp hầu bao che cho y, trong suốt 14 tháng làm ăn phi pháp.

Ngoài Nguyễn Văn Mười Hai, còn 21 bị can khác, bao gồm cả nhiều cán bộ cao cấp nhà nước, cũng dính líu đến vụ lừa đảo này, đều đã bị tòa án tuyên án nặng và đuổi ra khỏi đảng.

Vụ án lừa đảo này bao gồm hàng trăm tỉ đồng Việt Cộng, hoặc tương đương 26 triệu đô la, với số nạn nhân lên đến khoảng 60,000 người.

Thay đổi các chức lãnh đạo chóp bu tại Việt Nam?

Trong khi gần đến kỳ Đại Hội Đảng lần thứ 7 của Cộng Sản Việt Nam, dự định diễn ra vào mùa Xuân 1991 này, thì các nguồn tin có thẩm quyền từ Hà Nội cho biết là một cuộc đấu tranh ngấm ngầm trong nội bộ Đảng và Nhà Nước Cộng Sản Việt Nam đã khởi đầu, đặc biệt là nhằm vào ba chức lãnh đạo trọng yếu, đó là các chức Tổng bí thư Đảng, Chủ tịch Nhà Nước và Chủ tịch Hội Đồng Bộ Trưởng.

Nguyễn Văn Linh, tổng bí thư, 75 tuổi, và đương kim Chủ tịch Nhà Nước, Võ Chí Công, 77 tuổi, chắc chắn sẽ về hưu vào năm tới đây.

Chức tổng bí thư này sẽ được bầu nhân Đại Hội Đảng vào năm 1991, và người ta cho rằng Đỗ Mười, 74 tuổi, hiện là Chủ tịch Hội đồng Bộ Trưởng, và là nhân vật số 3 trong Bộ Chính Trị, được mô tả là một người áp dụng kỷ luật đảng một cách cứng ngắc, tuy có một số người đề nghị ông rút lui vì tuổi già, nhưng chính ông lại đang cố gắng vươn lên để nắm chức vụ lãnh đạo này.

Chức Chủ tịch Nhà Nước, theo sự ghi nhận của đặc phái viên Paul Wedel của hãng

thông tấn Mỹ "UPI" hôm 9 tháng Mười Một, dựa trên các nguồn tin ngoại giao, thì có nhiều hy vọng lọt vào tay Võ Nguyên Giáp, 79 tuổi, cựu giáo sư sử học, nguyên đại tướng và cựu Bộ trưởng quốc phòng của Cộng Sản Việt Nam, nay vừa nổi lên trở lại.

Võ Nguyên Giáp đã theo Hồ Chí Minh từ sớm, và nổi tiếng qua trận chiến chống Pháp tại Điện Biên Phủ, chống Mỹ trong cuộc chiến sau này, tuy nhiên sau đó đã mất thế quan trọng, vì ông là một trong những người chống lại cuộc xâm lăng Căm Bốt hồi năm 1978, và sau đó chỉ được bổ nhậm vào một chức vụ Phó Thủ tướng tầm thường.

Tuy nhiên, hồi tháng Chín vừa qua, vai trò của Võ Nguyễn Giáp lại nổi lên trở lại, khi được cử sang dự lễ khai mạc Á Vận Hội - Bắc Kinh 1990 do Trung Quốc mời.

Trong khi có tin Nguyễn Cơ Thạch, 68 tuổi, Ngoại trưởng, hiện là nhân vật số sáu trong Bộ Chính trị, có nhiều hy vọng được chọn vào chức Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (Thủ tướng), thì lại có tin Đỗ Mười muốn đưa Phan Văn Khải, 56 tuổi, hiện là Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước vào chức vụ này. Phan Văn Khải trước đây tốt nghiệp ở Liên Xô và là cựu Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành Hồ (Sàigòn cũ).

Người ta cho rằng Nguyễn Cơ Thạch có nhiều hy vọng được chọn hơn, vì vai trò quốc tế của Thạch, nhất là vị trí của Thạch đang được củng cố mạnh mẽ qua các cuộc viếng thăm đầy thành công (?) hồi đầu tháng Mười vừa rồi tại Washington và Tokyo, chính là những sự khai thông quan trọng để phá vỡ sự cô lập quốc tế đã làm hại Việt Nam, kể từ sau khi cuộc chiến kết thúc vào năm 1975.

Phái đoàn Vatican hoàn tất chuyến thăm Việt Nam

Sau một tuần viếng thăm Việt Nam (từ ngày 7 tháng Mười Một đến 13 tháng Mười Một) phái đoàn chính thức của Tòa Thánh Vatican do Đức Hồng y người Pháp, Roger Etchegaray hướng dẫn cùng với hai giám chức khác, là Đức ông Claudio Celli, thuộc Bộ Ngoại giao tòa Thánh và Đức ông Nguyễn Văn Phương, thuộc Bộ Truyền giáo.

Đức Hồng y R. Etchegaray là Chủ tịch Hội đồng Công lý Hòa bình và Hội đồng "Cor Umun" (Cơ quan Bác ái Công giáo) đã hai lần sang Việt Nam, tuy nhiên lần này theo như các nguồn tin có thẩm quyền của Vatican cho biết, đây là chuyến đi có tính cách "ngoại giao" hơn là mục vụ.

Thật vậy trong chuyến thăm này, phái đoàn Vatican đã lần lượt gặp Đỗ Mười, Thủ tướng; Nguyễn Cơ Thạch, Ngoại trưởng; Mai Chí Thọ, Bộ trưởng Nội vụ. . . để bàn về các "vấn đề chính thức", mà người ta cho biết có cả việc tòa Thánh bổ nhậm thêm năm Giám mục tại Việt Nam, cũng như có thể mở lại Văn phòng Đại diện tòa Thánh tại nước này.

Ngược lại, phía cộng sản Việt Nam cũng đồng ý sẽ cử một phái đoàn chính thức sang thăm tòa Thánh Vatican, tuy nhiên ngày tháng cụ thể, chưa thấy được loan báo.

Tin cho biết là một phái đoàn mười Giám mục Việt Nam đã tới Rome, hôm 30 tháng Mười, để tường trình với tòa Thánh về tình hình riêng tại mỗi giáo phận.

Các quan sát viên quốc tế cho rằng Việt Nam hiện nay ngày càng "cởi mở" hơn với tòa Thánh Vatican, nằm trong chiến dịch ve vãn các nước Tây phương, sau khi họ bắt đầu trở nên bị cô lập về mặt ngoại giao và nhất là sự viện trợ bị cắt giảm, do các nước xã hội chủ nghĩa "anh, em" ở Đông Âu lần lượt đi theo tự do, dân chủ.

Cuộc chiến tranh vùng Vịnh có thể bùng nổ?

Ngày càng có nhiều triển vọng là cuộc chiến tranh vùng Vịnh Perse, sẽ bùng nổ trong tương lai gần đây, sau khi Tổng thống Bush loan báo gởi thêm 200,000 quân sang vùng này, cộng với hơn 210,000 quân Mỹ đã có mặt sẵn ở nơi đây.

Ngoài ra, Ngoại trưởng Hoa Kỳ James Baker đã hoàn tất chuyến đi một tuần lễ hôm 11 tháng Mười Một, gặp các nhà lãnh đạo của tám nước đồng minh thuộc vùng Trung Đông và Âu Châu, kể cả Liên Xô, để bàn luận về một giải pháp quân sự chung chống Iraq, nếu các biện pháp phong tỏa được áp dụng hiện nay, không mang lại kết quả.

Các nước vùng Vịnh như Saudi Arabia, Ai Cập, Bahrain. . . và lẽ dĩ nhiên Kuwait, nước bị chiếm đóng, nay được đại diện bằng chính phủ lưu vong, đều tán đồng việc sử dụng quân sự để buộc Iraq phải rút quân khỏi Kuwait, cũng như tiêu diệt các tiềm năng quân sự khổng lồ của nước này, đang đe dọa khắp vùng.

Tuy nhiên các nước Âu Châu, trong đó có cả Pháp, Liên Xô. . . đều muốn Hoa Kỳ chờ đợi thêm cho các biện pháp phong tỏa kinh tế mang lại thành quả, và lúc đó Iraq sẽ phải theo mọi áp lực của quốc tế.

Quốc hội và Giáo hội Thiên Chúa Hoa Kỳ hôm 12 tháng Mười Một, đều cho thấy họ chống lại chính sách tăng cường quân sự của chính phủ Bush ở vùng Vịnh.

Lá thư của Giáo hội Thiên Chúa Hoa Kỳ, do Tổng Giám mục Giáo phận Los Angeles, Roger Mahony soạn thảo, kêu gọi Tổng thống Bush nên tránh để cuộc chiến bùng nổ tại vùng Vịnh, ngoại trừ bị bắt buộc sử dụng đến, sau khi các nỗ lực ngoại giao đã thất bại, để tránh

gây tổn thất nhân mạng cho các thường dân.

Các tin khác

Cuộc thi Hoa hậu toàn quốc đầu tiên tại Việt Nam, sau năm 1975, đã có kết quả hôm 28 tháng Mười, tại Hànội.

Hoa hậu Việt Nam (?) này là một cô gái Hànội, 21 tuổi, đã được vào vòng chung kết, cùng với 18 người đẹp khác của cuộc thi Hoa hậu Việt Nam 1990.

Canada (Gia Nã Đại) hôm 11 tháng Mười đang tiến đến việc lập một tòa đại sứ ở Hànội, sau gần 30 năm chỉ có các mối liên lạc ngoại giao không bình thường.

Thật vậy, cho đến nay đại sứ Canada tại Thái Lan, ông Lawrence Smith, vẫn kiêm nhiệm chức vụ đại diện của Canada tại Việt Nam.

Tòa đại sứ này sẽ là trụ sở phái bộ ngoại giao chính thức đầu tiên của Canada tại Hànội. Người ta nhớ lại rằng sau khi Canada đã trao đổi ngoại giao với chính phủ Việt Nam Cộng Hòa tại Sàigòn, từ năm 1960, Canada thường chỉ duy trì một phái bộ đại diện "hạn chế" với Hànội.

Cộng sản Việt Nam sửa đổi hệ thống Ngân hàng để đi theo các đường hướng của một nền kinh tế thị trường, hầu có thể buôn bán được với ngoại quốc, với các loại tiền tệ có thể hoán đổi được.

Bản tin của thông tấn xã cộng sản Việt Nam hôm 4 tháng Mười Một cho biết Việt Nam đã được hai hội nghị về Ngân hàng, tổ chức tại thành Hồ hồi cuối tháng Mười, công nhận là nước đầu tiên của khối COMECON (Hội đồng Tương trợ Kinh tế của khối Cộng sản) chuyển đổi hệ thống ngân hàng của mình sang các cơ cấu của một hệ thống kinh tế thị trường.

Hai Hội nghị về Ngân hàng trên đã do Ngân hàng Quốc tế về hợp tác kinh tế (MBES) và Ngân hàng Đầu tư Quốc tế (MIB), cả hai đều có liên hệ đến khối COMECON, đứng ra tổ chức.

Thái Lan loan báo hôm 5 tháng Mười Một, là cây cầu đầu tiên bắc qua sông Cửu Long, nối liền Thái Lan và Lào, sẽ được khởi công xây cất vào đầu năm tới đây (1991).

Việc đi lại, buôn bán giữa hai nước từ bao đời nay vẫn chỉ được xúc tiến bằng thuyền, phà đi lại giữa hai bờ của sông Cửu Long.

Việc xây dựng cây cầu nối liền tỉnh Nong Khai của Thái Lan với một địa điểm gần thủ đô Vientiane của Lào, được sự trợ giúp tài chánh của Úc Đại Lợi.

Các nhà khảo cổ học Việt Nam hôm 29 tháng Mười, đã khai quật một địa điểm thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn, thuộc miền Bắc Việt Nam, và tìm được nhiều hiện vật bằng đá được chạn khắc khá tinh vi.

Đây là lần đầu tiên các nhà khảo cổ Việt Nam đã tìm được một di chỉ khảo cổ, có nhiều hiện vật bằng đá, quan trọng đến như vậy. Các hiện vật này mô tả những cảnh sống dân gian của thời xa xưa, cùng với một số tượng đá nhỏ và cả những bản khắc cổ, với loại chữ theo dáng tượng hình.

Hiện nay các nhà khảo cổ đang tìm xem niên đại và nguồn gốc của các loại hiện vật bằng đá lạ lùng này.

Nguyễn Văn Linh, tổng bí thư đảng Cộng sản Việt Nam, trong cuộc phỏng vấn dành cho hãng truyền hình Nhật Bản NHK hôm 11 tháng Mười Một, cho biết Hànội vẫn sẵn sàng để Hoa Kỳ trở lại sử dụng căn cứ hải quân Cam Ranh, do Hoa Kỳ xây dựng trong cuộc chiến Việt Nam, nếu Washington bằng lòng bãi bỏ chính sách cấm vận đối với Việt Nam, đã kéo dài từ 36 năm nay.

Nguyễn Văn Linh cũng mời cả Nhật Bản nữa, "vì nước này đã theo Hoa Kỳ, để áp dụng lệnh cấm vận" với Việt Nam.

Đây là lần thứ nhì, trong chưa đầy một năm cộng sản Việt Nam đã ngỏ lời mời này, lần trước cả Nguyễn Văn Linh và Nguyễn Cơ Thạch đều ngỏ lời trong hai cuộc phỏng vấn khác nhau.

Căn cứ Cam Ranh, nằm cách Sàigòn vào khoảng 260 km về phía Đông Bắc, vẫn do Hải và Không quân Liên Xô sử dụng từ năm 1978 đến nay, tuy nhiên Liên Xô cho biết đang rút dần ra khỏi nơi đây và Nguyễn Cơ Thạch cho biết đến năm 1992, Cam Ranh sẽ được trả lại Việt Nam.

Một nữ Tổng thống đầu tiên cho Ái Nhĩ Lan (Ireland), đó là luật sư Mary Robinson, 46 tuổi, đã đắc cử hôm 9 tháng Mười Một, trong cuộc bầu cử vòng nhì, loại đối thủ đáng ngại nhất của đảng cầm quyền Fianna Fail (chiến sĩ của định mệnh), là ông Brian Lenihan.

Bà đã đạt được 52.8% tổng số phiếu, so với ông Lenihan, được 47.2%.

Đảng Fianna Fail đã cầm quyền tại Ái Nhĩ Lan suốt 60 năm qua, và hầu như kiểm soát hết mọi cơ cấu của đất nước cực Tây Âu này.

Khi tiếp nhận sự thắng cử, để sẽ cầm quyền trong nhiệm kỳ bảy năm tới đây, bà Robinson đã tuyên bố như sau:

"Sự đắc cử của tôi đã diễn ra đúng vào ngày bức tường Berlin bị phá sập. Tôi nghĩ rằng một bức tường tương tự cũng đã vừa bị húc đổ tại ngay Ái Nhĩ Lan".

Tuần báo Sobesednik, phát hành tại Moscow, hôm 12 tháng Mười Một cho biết sách của giới lãnh đạo Liên Xô hiện nay, kể cả của Tổng thống Mikhail Gorbachev, Thủ tướng Nikolai Ryzhkov hay của Ngoại trưởng Edward Shevardnadze. . . không còn được bảo đảm chỗ đứng trên kệ ở các tiệm sách trên toàn Liên Xô nữa.

Những cuốn sách của các giới lãnh đạo này, nếu bán không chạy, vẫn bị lấy xuống khỏi kệ và đem bỏ làm giấy vụn.

Chữ và Nghĩa

ĐỖ TỈNH

Tiên Thiên và Hậu Nghiệm

Đọc thấy trên mục Mây Tần của tạp chí *Ngày Nay*, số 82, tháng Bảy và Tám 1990. Bài viết bình luận về những lý luận của vấn đề "hòa giải hòa hợp dân tộc" của nhóm chủ trương tạp chí *Thông Luận* (Pháp). Tác giả mục Mây Tần viết: "Kẻ viết bài này không *tiên thiên* (a priori) kết tội Thông Luận viết bậy, mặc dù họ có truyền thống viết bậy và bịp.", và "Tại sao [Thông Luận] lại *tiên thiên* tự nhận mình là đối lập?", và "Chúng ta không thể *tiên thiên* tự nhận mình là đối lập với bạo quyền cộng sản.", và "Tờ *Thông Luận* đã *tiên thiên* giản lược tập thể người Việt tị nạn nói riêng và người quốc gia nói chung,". . .

Không, đây không phải là Kant đang "Luận về lý trí thuần túy", hay là một trang trong quyển thứ IV của bộ "Siêu hình học" của Aristotle. Độc giả có thể tưởng như vậy vì khi nói đến Tiên Thiên (a priori) là nói đến Hậu Nghiệm (a posteriori). Là nói đến Kant và Aristotle, và nói về tất cả tri thức của nhân loại!

Tiên thiên, theo định nghĩa triết học — rất là triết học — là những phạm trù con người suy luận được mà những phạm trù đó không cần phải hiện hữu, không cần phải được chứng minh, và nhất là, những suy luận về phạm trù tiên thiên đó chỉ đưa đến một chuỗi biện luận vô hạn. Một chân lý được gọi là tiên thiên thì đúng ở mọi nơi trong vũ trụ (cái vũ trụ mà con người biết được); chân lý tiên thiên khác chân lý kiểu "bên này đỉnh Pyrenées là "chân lý", bên kia là "giả dối." (Cf. The Ency. of Philosophy; Dictionary of Philosophy, D. Runes, Editor; và Aristotle, Metaphysics, quyển IV.) Lớn và nhỏ (lượng), lâu và mau (thời gian), sung mãn và bất sung mãn (có thể và không có thể xảy ra, "thể"), là những thí dụ về phạm trù tiên thiên. Ngay cả sự hiện hữu của mình, một sự kiện hiển nhiên nhất, mà vẫn bị hoài nghi có phải là một phạm trù "tiên thiên" hay không (đó là lý do tại sao Descartes phải bỏ ra gần một đời người để đi đến câu kết luận: "Cogito, ergo sum" — Tôi suy tư, như vậy tôi hiện hữu). Đối nghĩa với tiên thiên là *hậu nghiệm*, là những gì mình có thể sờ, thấy, cảm được (empirical knowledge).

Tác giả của mục Mây Tần, khi dùng chữ tiên thiên, ý ông ta chỉ muốn nói "đương nhiên", "không cần chứng minh", "giả định", "nói khi chưa đủ chứng cớ". . . chữ nào cũng được, nhưng không phải là chữ tiên thiên. Làm sao mình có thể "tiên thiên" kết tội một người được? Nếu được thì tác giả của mục Mây Tần quá tài: Ông ta không cần thấy, nghe, chứng minh, "rờ" một hiện hữu mà vẫn có thể thấy được cái chân lý của hiện hữu đó! Hay là một cước chú nào đó về triết học của nhân loại bị bỏ sót? (NKP)

Quãng và Điểm

Thế Kỷ 21 số 15 tháng Bảy 1990, trang 56 "Xin quý khách. . . muốn đến xem tranh tôi. . . nhớ đừng mang theo các cháu *dưới tuổi vị thành niên*". Đáng lẽ chúng ta nên viết "ở tuổi vị thành niên". Thành niên là làm người lớn. Tuổi vị thành niên là quãng tuổi trước khi thành người lớn, thí dụ trước khi 16, 18 hay 21 tuổi, tùy theo xã hội và thời đại. Khái niệm tuổi vị thành niên là một khái niệm về quãng, không phải là về một điểm trong tuổi chúng ta. Vậy nên nói "ở trong" tuổi vị thành niên hơn là "dưới" tuổi vị thành niên. Tuy nhiên nói "trên" tuổi vị thành niên thì lại đúng, vì lúc đó ta cũng đang nói về một quãng tuổi, ở trên quãng vị thành niên.

Bà Đầm và tiếng Việt

Bà Đầm Duras chiếm giải Goncourt năm nào nhờ một cuốn tiểu thuyết kể chuyện *Tình Nhân*, một người tình nhân Tàu mà bà đã gặp trong thời cô thiếu nữ Duras sống ở Việt Nam. Năm 1990 báo *Le Nouvel Observateur* phỏng vấn bà, hỏi về kinh nghiệm sống ở một nước Á Đông. Khi hỏi đến văn chương Việt Nam, bà đầm nói đâu có cái gì gọi là văn chương Việt Nam? Bà Đầm bảo cái thứ tiếng đó thô sơ lắm, viết văn làm sao được. Thí dụ: người Việt họ không nói: "hôm qua, tôi đã đi" (động từ thời quá khứ) mà họ nói: "hôm qua, tôi đi" (động từ ở thời hiện tại dù việc xảy ra trong quá khứ). Theo bà Duras, thứ ngôn ngữ như vậy thì thật khó làm ra văn chương được. Nghe câu chuyện thấy tội nghiệp bà đầm. Bà ở Việt Nam bao nhiêu năm mà không hiểu rằng tiếng Việt đơn âm, khác với các tiếng Ấn - Âu đa âm. Tiếng đa âm có biến dạng (Deklination trong tiếng Đức), còn tiếng đơn âm thì không. Cái miệng con người uốn éo đủ cách cũng chỉ phát ra chừng ngàn âm thanh. Tiếng đa âm có lợi là ghép các âm

thanh đó lại, tạo ra trăm ngàn tiếng khác, tha hồ cho các nhà văn xào xáo. Còn tiếng đơn âm phải làm sao? Có một cách là họ đổi dấu giọng, các thứ tiếng đa âm thường không làm trò đó. Một người nói tiếng Việt, tiếng Tàu quen, nghe tiếng Pháp cũng sẽ chê là thiếu âm điệu trầm bổng. Một người Việt có thành kiến và dốt nát về văn chương Pháp (như bà Duras dốt văn chương Việt) sẽ hỏi: thứ tiếng Pháp đó sao mà có thể làm thơ được? Thí dụ, trong tiếng Việt, câu thơ

Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san

chỉ cần đổi chứ *nhuốm* ra *nhuộm* thì tình ý của câu thơ, cảm giác của người đọc đã khác đi rồi. Tây thì không thể chia sẻ cảm giác tế nhị đó; đối với ông Tây, bà Đầm chữ nào cũng nhuôm nhuôm cả. Nếu thấy như vậy rồi kết luận rằng chắc Tây Đầm không thể làm thơ được, thì cũng thiển cận như bà đầm Duras mà thôi.

Cách viết

Một cách thứ hai để làm giàu ngôn ngữ đơn âm là dùng chữ viết tượng hình, hội ý (ideogram) thay vì chỉ dùng lối ký âm. Một chữ *MAI* có thể hiểu thành nhiều cách tùy theo lối viết trong chữ Nôm. Có dấu hiệu cây (chữ mộc) ở bên cạnh thì đọc là mai, hiểu là cây mai. Có dấu hiệu ngày ở bên cạnh sẽ hiểu là ngày mai. Nếu muốn, có thể thêm dấu hiệu giờ vào, để hiểu là buổi mai, sao mai, nắng mai. Muốn chắc ăn, đổi dấu hiệu cây thành dấu hiệu tre, ta sẽ đọc là mai và hiểu đó là tên một loài tre (miệng ăn măng trúc, măng mai). Bà Mai thì thêm nữ vân vân. Người Việt Nam từ khi dùng mẫu tự la mã để viết tiếng Việt đã tự. . . chặt tay mình, vì *chỉ còn một cách viết chữ mai* thôi, rồi đoán nghĩa. Nếu văn chương có vì thế mà nghèo đi, thì lý do là vì chúng ta đã dùng cách ký âm của ngôn ngữ đa âm Ấn - Âu mà viết tiếng Việt đơn âm. Nhưng cái hại cho văn chương không nặng bằng cái hại cho khoa học, nhất là khoa học xã hội. Khoa học luôn luôn đòi hỏi sáng tạo ra các từ mới để diễn tả các khái niệm mới. Chữ quốc ngữ làm cho công việc đó vất vả hơn nếu dùng chữ nôm. Đại sứ Phạm Xuân Chiểu đã nêu lên nhận xét trên khi thuật lại kinh nghiệm ông đã thấy ở Đại Hàn. Thời đó có lúc Phác Chánh Hy đã ra lệnh bỏ hết chữ Hán trong chữ viết của người Đại Hàn, quyết định đó là do lòng yêu nước, tự hào về dân tộc và tánh nóng nẩy của một quân nhân. Quyết định được mang thi hành trong vòng một năm thì các trường Đại học đồng thanh xin ông Phác thu hồi. Các nhà khảo cứu khoa học, mọi lãnh vực, đều thấy không dùng chữ Hán sẽ làm lờ mờ việc diễn tả các tiếng cùng âm nhưng khác nghĩa. Ông Phác rất phục thiện, đã thu hồi cái lệnh "quá khích" trên đây. Ở Á Đông, Nhật, Tàu, và Đại Hàn vẫn dùng chữ tượng hình (pha với chữ ký âm) riêng có Việt Nam nhờ có nước Đại Pháp cai trị, đã chỉ dùng có chữ quốc ngữ. Giống như một người có hai tay mà tự chặt bớt một tay. Nhà văn Võ Kỳ Điền vẫn cho rằng việc chuyên dùng chữ quốc ngữ là một sai lầm lớn trong lịch sử nước ta. Thế kỷ 19, một người có tư tưởng "đổi mới" vĩ đại là Nguyễn Trường Tộ, khi đề nghị vua quan nhà Nguyễn đổi chữ viết, cũng chỉ đề nghị bỏ chữ Hán, thay bằng chữ nôm. Ông không đề nghị dùng chữ quốc ngữ, dù ông là người được các cha cố người Pháp dạy dỗ và giúp mở mang tầm mắt nhìn thế giới tiến bộ thế nào, và tất nhiên ông thông thạo chữ quốc ngữ. Tại sao Nguyễn Trường Tộ chọn chữ Nôm thay vì chữ quốc ngữ? Chắc có nhiều lý do.

Tiếng Việt trong và ngoài nước

Muốn người Việt trong và ngoài nước hiểu nhau cần một bảng đối chiếu các từ ngữ. Chúng ta nên bắt đầu, trong chiều hướng "dựng lại đất nước". Thí dụ:

vận động viên điền kinh — lực sĩ điền kinh

bức điện — điện văn

cấp tiếp lương thực — cung cấp lương thực

qua tuyến biên giới — qua biên giới

quan chức — viên chức

(Bush) khôi phục lệnh cấm vận — triển hạn lệnh cấm vận

đáng tiếc sâu sác — đáng tiếc sâu xa

. . . . . K

ĐẤU CỜ TƯỚNG

ĐỖ QUÁN ANH phóng tác

Câu chuyện về cuộc đấu cờ giữa tay vô địch Mã Kinh Lâm và ông Dương, được phóng tác từ tác phẩm của nhà văn Stefan Zweig vào hoàn cảnh Việt Nam chúng ta một năm nào đó sau 1975, để độc giả Việt Nam dễ tiếp nhận và thưởng thức.

Ông Dương là người đã bị cộng sản biệt giam ở Sàigòn, bị hành hạ tinh thần đến mức muốn phát điên. Ông có được một cuốn sách cờ tướng để giải trí và cưỡng lại cơn khủng hoảng thần kinh. Liệu ông Dương có thành công không? Những trang chót trong câu chuyện hấp dẫn của Stefan Zweig — qua phóng tác của Đỗ Quán Anh — sẽ trả lời cho câu hỏi trên.

Thành ra được đứng chờ ở đó cũng còn dễ chịu, vì tôi được nhìn những đồ vật mới, và mắt tôi chăm chú dò, nhìn cho đã. Tôi nhìn một cái áo mưa, từ cổ áo, đến ống tay, nhìn những chỗ đã bị sờn, bị rách, tôi nhìn cả đường nước chảy trên nếp áo để tụ xuống một điểm, đọng thành một giọt nước. Tôi chờ coi bao giờ thì giọt nước đó rơi xuống, chờ một cách nôn nóng coi giọt nước sắp lăn theo nếp áo hay nó còn cưỡng lại sức hút của trái đất, chẩy xuống chậm chạp hơn — coi thì kỳ cục, nhưng quả thật tôi chăm chú theo dõi một giọt nước lăn trên nếp áo mưa, hồi hộp chờ đợi, như thể là số phận của mình tùy thuộc vào chuyện giọt nước có còn hưỡn lại được cái giây phút nó phải rơi xuống đất hay không. Đến lúc giọt nước rớt xuống đất rồi, tôi lại quay ra đếm mấy cái nút áo. Cái áo thứ nhất có tám nút, cái thứ hai cũng tám nút, cái thứ ba có mười nút. Tôi lại nhìn cái lai áo,

khoảng cách giữa các khuy áo. Đôi mắt tôi thâu hình đầy đủ những chi tiết tầm thường đó, nó rà qua rà lại trên mấy cái áo một cách mê man, không thể nào quí vị hiểu được đâu.

"Rồi bỗng nhiên hai mắt tôi dừng lại ở một chi tiết mới, một vật gì phồng lên trong túi một cái áo mưa. Tôi từ từ đến gần hơn, tôi nhận ra cái vật phồng lên đó hình chữ nhật, như một cuốn sách loại bỏ túi. Sách! Hai đầu gối tôi như bị rung động: một cuốn sách! Gần một năm trời rồi tôi không được cầm một cuốn sách trên tay! Chỉ nhìn thấy cái gì giống như một cuốn sách là đầu óc tôi như muốn bể tung ra! Thế ra đây là một cuốn sách, mình có thể thấy chữ, thấy cả hàng chữ, chữ nọ nối theo chữ kia, những trang sách, mình có thể lật trang này sang trang khác. Một cuốn sách nghĩa là mình có thể thả đầu óc theo các ý tưởng mới, khác với các ý tưởng ở trong đầu mình, mình có thể giữ các ý mới đó lại trong đầu, ôi chao thật là mê quá đi, thật là êm dịu quá đi. Mắt tôi nhìn chăm chú như bị thôi miên, nhìn cái túi phồng lên giống hình một cuốn sách, mắt tôi nhìn như là muốn xé rách lớp áo ra. Cưỡng không nổi, tôi lần đi tới cái áo mưa. Cái ý tưởng mình được sờ vào một cuốn sách, dù sờ qua lớp áo mưa, cũng làm cho mấy ngón tay tôi nóng lên. Không còn tự kiềm chế nổi mình, tôi đến sát bên.

Tên công an ngồi gác hình như đang ngủ thật, không chú ý gì đến chuyện tôi di chuyển trong phòng một cách bất thường. Nếu anh ta có thức thì cũng cho là tôi đứng mãi mỏi cẳng thì đi mấy bước đến dựa vào tủ áo đây chăng. Tôi làm bộ đi qua mấy bước, rồi quay lại, đứng nhìn về phía anh ta, tay tôi chắp sau lưng, ngón tay sờ vào lớp áo mưa bên ngoài cuốn sách. Tôi sờ, rồi vuốt nhè nhẹ, thấy đúng là có một vật cứng phòng, nắn vào thấy nó mềm, cong lại, à thế ra đúng là một cuốn sách! Sách! Tự nhiên một ý tưởng chạy qua đầu tôi như điện chớp: ăn cắp mẹ nó cuốn sách này đi! Biết đâu, mình thành công, và mình có cuốn sách dấu trong phòng, rồi đọc, đọc, đọc đi, đọc lại! Ý tưởng đó vừa hiện ra làm cả con người tôi bị đảo lộn: tai tôi có tiếng ù ù, tim đập thình thịch, và hai bàn tay lạnh ngắt của tôi không còn tự chủ được nữa.

Sau một phút bàng hoàng, tôi đã quay nhìn người gác và dựa lưng mình vào sát cái áo mưa kia hơn, trong khi bàn tay tôi lần trên lớp áo, đẩy cuốn sách lên nhè nhẹ, đẩy nó ra khỏi miệng túi. Bàn tay kia của tôi nắm lấy cái gáy sách vừa chui ra, và vụt một cái, tôi rút nó ra! Thế là tôi nắm trong tay một cuốn sách mỏng. Đến lúc đó tôi mới giật mình, hoảng sợ. Nhưng không còn kịp tháo lui nữa rồi. Mình để cuốn sách vào đâu bây giờ? Vẫn quay lưng vào tường, tôi từ từ nhét cuốn sách mỏng đó vào trong quần, kẹp ngay dưới thắt lưng, rồi đẩy nó chầm chậm sang bên hông. Để như thế tôi có thể tỳ tay mình lên giữ chặt lấy nó khi bước đi, giống như người lính đi với hai cánh tay duỗi thẳng sát vào hai bên hông vậy. Bây giờ phải làm sao che dấu cho khéo mới được. Tôi bước đi chầm chậm, xa cái tủ áo, một bước, hai bước, ba bước. Coi bộ được. Cuốn sách vẫn nằm nguyên bên hông, nếu tôi cứ để khuỷu tay mình sát vào bên cái thắt lưng.

Rồi lại đến giờ thẩm vấn. Lần này tôi phải cố gắng nhiều hơn những lần trước, vì tôi phải tập trung sự chú ý của mình vào chuyện giữ cuốn sách khỏi rơi xuống, khỏi bị lộ, hơn là chú ý đến các câu hỏi và trả lời. May mắn cho tôi là bữa đó cuộc thẩm vấn rất ngắn, và sau cùng tôi mang được cuốn sách về phòng mình một cách an toàn. Tôi sẽ không nói nhiều chi tiết, nhưng có một lúc cuốn sách như bị tụt xuống ở trong quần, như suýt rơi xuống đất trong lúc tôi đang đi lết trong hành lang, tôi phải giả bộ ho hen rũ rượi, ho gập cả người xuống để đẩy nó lên cho kẹt vào dưới thắt lưng. Đến lúc tôi được trở lại căn phòng địa ngục của mình, chiến lợi phẩm an toàn, thật là một giây phút sung sướng cả đời không quên được.

Chắc ngài tưởng rằng tôi sẽ rút cuốn sách ra ngay khỏi thắt lưng để ngắm nghía và đọc ngay. Không. Trước hết tôi muốn tận hưởng nỗi sung sướng có một cuốn sách trong tầm tay, tôi muốn từ từ, khoan nhìn vào nó vội, để sống nỗi vui sướng ngất ngây cho trí óc mình đoán thử coi trong sách viết cái gì. Tôi nghĩ nếu cuốn sách in chữ thật nhỏ, thật xít hàng thì tốt quá, để mỗi trang sẽ chứa bao nhiêu là chữ, nếu các trang sách lại thật mỏng, thì thích quá, để mình tha hồ đọc. Tôi cũng ước ao cuốn sách này phải thật khó đọc, phải suy nghĩ lung lắm mới hiểu nổi, hay mình có thể sẽ học thuộc lòng, thí dụ như một tập thơ Đường, hay là thơ chữ Hán đời Lý Trần. Cuối cùng, không thể chờ đợi lâu quá được, tôi ngồi xuống giường, nhìn lại cái cửa, quay mình đi để nếu người lính gác có

bất chợt vô cũng không nhìn thấy, tôi từ từ rút cuốn sách ra, tay run lẩy bẩy.

Sáu

Vừa nhìn vào cuốn sách, tôi thất vọng và bực mình ngay! Cái cuốn sách mỏng tôi đã mất công ăn trộm, liều lĩnh bất chấp mọi hiểm nghèo, cái cuốn sách mà tôi đặt vào bao nhiêu hy vọng, nó lại chỉ là một cuốn dạy cờ tướng bằng chữ Hán. Coi kỹ thì đó là một trăm năm chục thế cờ nổi tiếng, của các cao thủ tượng kỳ đấu với nhau từ đầu thế kỷ này. Nếu mà cái cửa sổ phòng tôi không có lưới che thì tôi đã ném ngay cuốn sách ra ngoài, vì giữ nó làm cái quỷ gì bây giờ? Hồi còn ở Trung học tôi cũng có lúc chơi vài ván cờ với bạn bè, khi không có chuyện chi làm. Tôi cũng có học đôi ba chữ Hán hồi nhỏ vì gia đình tôi có truyền thống rất cổ, hồi ông nội tôi còn đứa cháu nào cũng phải học tới Minh Tâm Bửu Giám. Nhưng dù có học được hết các chữ Xa, Pháo, Mã . . . Tiến, Thoái, Bình, . . . thì tôi cũng chẳng thấy cuốn sách này ích lợi gì hết. Làm sao có thể chơi cờ được nếu không có bàn, có quân, nhất là không có đối thủ.

Tôi vẫn đành mở cuốn sách coi, hy vọng có bài giới thiệu kể vài chuyện vui cờ tướng hay chăng. Nhưng cả cuốn sách đó chỉ có những hình bàn cờ, các thế trận bày sẵn, mỗi trang một thế, bên dưới là bảng liệt kê các nước đi: *Xa nhất bình ngũ, mã nhị tiến nhất* v.v . . . Coi cứ như một cuốn sách bói toán mà tôi không hiểu nổi.

Nhìn kỹ hơn, dần dà thì tôi cũng hiểu rằng các con số nhất, nhị, tam đều chỉ các đường kẻ trên bàn cờ, các câu viết trong đó đều nói đến vị trí và sự di chuyển của các quân cờ, cả cuốn sách dùng một thứ ngôn ngữ của ký hiệu. Nếu kiên nhẫn tôi có thể vẽ một cái bàn cờ, chế ra quân cờ mà chơi. Có một sự tình cờ may mắn là cái mền người ta cho tôi dùng lại kẻ ô vuông, tôi chỉ cần lấy đất bôi mấy góc là có thể tưởng tượng ra một cái bàn cờ tướng. Còn quân cờ thì cũng không khó. Mấy bữa họ cho ăn đậu, ăn bắp, tôi giữ lại một số hạt, bỏ cho khô, rồi bắt đầu dùng móng tay khắc lên những dấu hiệu Tướng, Sĩ, Tượng . . . vân vân. Tóm lại, trong lúc không có chuyện chi làm, tôi đã chế ra một bộ cờ tướng để chơi một mình. Cuốn sách thì tôi đã dấu ở dưới giát giường, chỉ cần xé ra một trang đút túi để tham khảo. Tôi bày các quân cờ theo thế cờ ở trang đầu tiên và thử chơi coi sao.

Lúc đầu thử chơi thế cờ đầu tiên thì tôi lộn tùm lum, vài cái quân tốt của tôi vẽ coi nó giống như quân xe vậy. Đánh lầm rồi tôi xóa đi đánh lại từ đầu. Năm lần, mười lần, hai chục lần, tôi bắt đầu lại ván cờ đầu tiên đó. Nhưng được cái ở trong tù mình không bao giờ sợ thiếu thời giờ, không sợ thiếu kiên nhẫn và chịu khó.

Sau một tuần lễ thì tôi bắt đầu tự chơi được, có thể phá hết thế cờ thứ nhất mà không cần dùng đến sách nữa. Mươi ngày sau đó thì tôi không cần cả đến bàn cờ với mấy hạt bắp, hạt đậu làm quân cờ nữa. Tôi có thể đọc sách và tưởng tượng được vị trí quân nào ở đâu, và nhớ rõ từng nước. Mươi ngày trôi qua tôi không cần nhìn bàn cờ, nhìn quân cờ, tôi có thể nhắm mắt đánh cờ một mình, căn cứ vào câu tôi đọc trang sách, nói quân nào đi nước nào. Có một sự biến đổi lớn lao trong đời tôi: những câu như *pháo bát bình ngũ, tốt tam tiến nhất* v.v. . . bây giờ biến thành những hình ảnh cụ thể ngay trong đầu. Tôi trở nên thành thạo như một nhạc sĩ lành nghề, chỉ cần liếc mắt nhìn mấy dòng nhạc là nghe thấy ngay các giai điệu và hòa âm của mấy thứ nhạc khí. Sau vài tháng tôi đã có khả năng chơi cờ tưởng những trận thế ở trong cuốn sách này. Lúc đó tôi mới thấy là chuyện mình liều lĩnh ăn cắp cuốn cờ tướng thật sự cũng đáng công. Bởi vì kể từ bây giờ tôi có một việc để làm, tất nhiên là việc làm vô ích, nhưng cũng là một việc, để lấp đầy cái khoảng trống vây ngập quanh tôi. Với một trăm năm mươi bàn cờ thế này, tôi có một võ khí lợi hại để chống lại cảnh buồn tẻ vô hồn của phòng giam.

Để cho sinh hoạt mới của mình vui hơn, tôi đã chia thời khóa biểu mỗi ngày một cách có phương pháp: hai bàn cờ buổi sáng, hai bàn buổi chiều, rồi buổi tối ôn lại cả bốn bàn. Thành ra mỗi một ngày đã được xếp đặt có trật tự, đầy đủ, không còn là thứ thời gian co dãn, bùng nhùng như trước nữa; mà tôi cũng không quá mệt bởi vì cờ tướng có cái hay là nó không làm mình mệt mỏi, trái lại đầu óc mình tỉnh táo và linh hoạt hơn nhiều.

(Kỳ sau tiếp)

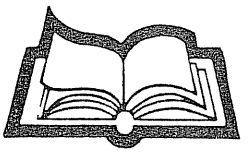

Thế Kỷ 21 vừa nhận được các tác phẩm dưới đây do tác giả và nhà xuất bản gửi tặng. Xin cám ơn và trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

MỘT CHUYẾN RA KHƠI, tập truyện của NGUYỄN TẤN HƯNG, Làng Văn xuất bản. Sách dày 192 trang, đề giá 10 MK.

Ông Nguyễn Ngọc Bích, một người chuyên phê bình văn học cẩn trọng, viết về Nguyễn Tấn Hưng như sau: Nguyễn Tấn Hưng chưa phải là một nhà văn lớn—điều đó còn phải chờ thời gian chứng minh—nhưng có điều, có một sự rất độc đáo ở nơi anh. Qua ba cuốn sách, tập truyện *Một Đời Để Học* rồi đến truyện dài *Một Thuở Làm "Trùm"*, và cuốn sách sắp ra mắt tới đây, cuốn *Một Chuyến Ra Khơi*, anh đã khẳng định một hướng đi cho anh mà chưa ai làm, đó là chuyên trị các đề tài Hải quân, ít nhất cũng nhìn qua một con mắt — một con mắt ghi được nhiều tình tiết, và một con mắt nhớ dai — đó là con mắt của anh "trùm" Hưng! Nhà văn Võ Kỳ Điền viết về anh một câu mà tôi cho là khá chí lý: "Trong số các cây bút miền Nam, Nguyễn Tấn Hưng là người viết *thành thực nhất*".

Không đề địa chỉ liên lạc.

CHUYỆN VỀ NGƯỜI, tuyển tập của LÔI TAM, Nhân Văn xuất bản. Sách dầy 156 trang. Đề giá 7 MK.

Tác giả là một nhà văn "kỳ cựu" đã từng có bài trên tạp chí *Sáng Tạo* thời Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền. *Chuyện Về Người* là tuyển tập những bài tạp ghi ngắn về đủ thứ sự việc liên quan đến con người. Hãy đọc mấy cái tựa *Chữ và Nghĩa, Tên Với Tuổi, Mới với Cũ, Bạn với Bè, Ăn với Uống*... ta thấy ngay dụng ý của tác giả. Những bài viết nóng hổi, rất gần với đời sống. Một tập sách rất đáng đọc.

Địa chỉ liên lạc:
Nhân Văn
P.O.Box 2356
Santa Clara, CA 95050

NHỮNG CÂY VIẾT MIỀN NAM, tuyển tập I, II Phù Sa xuất bản. Tập I dày 344 trang. Đề giá 15 MK. Tập II dày 370 trang. Đề giá 15 MK.

Địa chỉ liên lạc
Nhà xuất bản Phù Sa
P.O.Box 22023 Pinders Wildwood Mall
Saskatoon, Sask
Canada S7H 5P1

Nhà văn Nguyễn Văn Ba, người chủ biên tuyển tập cho biết tác phẩm này quy tụ sáng tác của 59 tác giả ở hải ngoại và sự ra đời của nó nhằm ghi lại một hiện tượng phổ cập của nền *văn học Việt Nam lưu vong*. Trong số 59 cây viết theo phái tính có 14 nữ và 45 nam. Tác giả lớn tuổi nhất là Tú Hoa sinh năm 1911 và tác giả trẻ tuổi nhất là Sĩ Liêm năm 1964. Tác giả có sức sáng tác mạnh nhất hồi còn trong nước là An Khê. Còn tác giả có sức sáng tác sung mãn nhất hiện nay ở hải ngoại là Hồ Trường An và Xuân Vũ.

Về địa lý miền thì Bến Tre là một trong những quê hương của nhiều tác giả. Sau đó là Vĩnh Long và Sàigòn. Xét về mặt hải ngoại thì nơi ngụ cư Hoa Kỳ chiếm đa số (27 người, trong đó Nam Cali chiếm 8 người), Canada chiếm hàng thứ hai (15 người — tập trung ở Montreal vùng nói tiếng Pháp). Số còn lại hầu hết ở Âu Châu và Úc Châu. Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

PHẬN ĐÀN BÀ tập truyện của NGUYỄN VĂN BA và NGUYỄN BẠCH MAI, Phù Sa xuất bản. Sách dày 220 trang. Đề giá 10 MK.

Nguyễn Văn Ba và Nguyễn Bạch Mai là hai nhà kể chuyện hấp dẫn. Truyện của hai ngòi bút họ Nguyễn này mê hoặc người đọc ở chỗ đôn hậu và nhẹ nhàng. Nếu sáng tác Nguyễn Bạch Mai có thoảng một tiếng thơ dài thì truyện của Nguyễn Văn Ba lúc nào như cũng có ẩn một nụ cười núp đàng sau những dòng chữ. Như tên của nhà xuất bản Phù Sa, tác phẩm của hai nhà văn họ Nguyễn này cùng với sự tham gia ngày một đông đảo của các cây bút mới đang là *phù sa* bồi đắp cho nền văn học Việt Nam lưu vong ngày càng màu mỡ và khởi sắc.

Bạn đọc và Trị sự

TÂM QUYÊN phụ trách

Tổng đoàn Thanh niên Phan Bội Châu gửi sách báo cho đồng bào tị nạn

Virginia, ngày 14 tháng 10, 1990

Kính gởi: Tạp chí *Thế Kỷ 21*

Thưa quý vị,

Chúng tôi là một số những người trẻ ở vùng Hoa Thịnh Đốn, quy tụ lại để mưu tìm một sự đóng góp có hiệu quả cho công cuộc hiện đại hóa Việt Nam. Việc giúp đỡ đồng bào tị nạn là một trong những công tác xã hội chúng tôi đang làm. Chúng tôi gởi kèm theo đây một chi phiếu để đặt mua một năm báo *Thế Kỷ 21* của quý vị, xin quý vị gởi về địa chỉ của chúng tôi một phần, và bốn phần kia, gởi tới các trại tị nạn ở Đông Nam Á (danh sách đính kèm).

Xin cám ơn quý vị.

T.M. Ban Chấp hành Tổng đoàn Phan Bội Châu

VÕ DUY ÁI

P.O.Box 10341, Burke, VA 22009-0341, USA (703) 912-6517

Little Saigon, ngày 24 tháng 10 năm 1990

Kính gửi Đoàn Thanh niên Phan Bội Châu, Virginia

Chúng tôi rất vui mừng nhận được thư các bạn. Chúng tôi sẽ gửi tạp chí Thế Kỷ 21 *đến bốn địa chỉ ở các trại tị nạn theo yêu cầu của các bạn. Nhà xuất bản* Người Việt *và tạp chí* Thế Kỷ 21 *mỗi khi gặp dịp có người làm công tác thiện nguyện đi qua đảo vẫn nhờ chuyển đến đồng bào tại đó một số sách báo.*

Chúng tôi rất thán phục tinh thần phục vụ đồng bào của các bạn trong công tác xã hội này.

Chúng tôi cũng muốn thông báo để các bạn biết: cước phí gửi đi Á châu rất đắt. Gửi bốn địa chỉ đó là phải tốn mất 248 USD rồi! Tuy nhiên chúng tôi sẽ bù vào số thiếu để cùng đóng góp với các bạn.

Mong sẽ giữ được liên lạc lâu dài với các bạn. Thán ái.

TÂM QUYÊN

Hướng đạo Việt Nam ở trại tị nạn Palawan cần sách báo

Hướng đạo Việt Nam Liên đoàn Ra Khơi Palawan, Philippines

Kính gửi báo Thế Kỷ 21

Chúng tôi là những Hướng đạo sinh Việt Nam tại trại tị nạn Palawan, Philippines rất vui mừng khi nhận được báo quý vị gửi đến vào ngày 8 tháng Tám, 90.

Thưa quý tòa soạn!

Hiện nay trong tủ sách của chúng tôi rất thiếu thốn, tất cả gồm hơn 200 đoàn sinh mà chỉ có khoảng 20 cuốn sách tiếng Việt đa số đều rất cũ. Các em đọc đi đọc lại đến nỗi rách cả bìa. Do vậy chúng tôi ước mong nếu có điều kiện xin quý vị vui lòng giúp cho chúng tôi một số sách (loại sách học làm người, sách thám hiểm truyện sách Tuổi Hoa, Tuổi Ngọc v.v.)

Xin chân thành cảm tạ quý vị đã nhớ đến chúng tôi. Chúng tôi cũng rất mong đón chờ các số báo kế tiếp của quý vị.

Kính chào

NGÔ KIM VIỆT

Đại diện Hội đồng trưởng Liên đoàn Rakh Palawan

Quản thủ Thư viện Liên đoàn Ra Khơi Palawan

Xin kêu gọi đồng bào hải ngoại bênh vực chúng tôi

Kính gởi: Tòa soạn báo Thế Kỷ 21

Chúng tôi đã nhận được báo *Thế Kỷ 21* quý vị gửi cho. Chúng tôi vô cùng biết ơn quý báo đã ưu đãi cho chúng tôi. Thân phận của những người đang chờ thanh lọc thật là bấp bênh. Chúng tôi cũng mong nhờ quý báo lên tiếng bênh vực cho chúng tôi là những người "tị nạn" đến sau ngày 21 tháng Ba năm 1989. Chúng tôi chỉ còn biết trông nhờ quý báo qua phương tiện báo chí và truyền thanh kêu gọi đồng bào hải ngoại bênh vực cho chúng tôi. Chúng tôi tin chắc rằng sự lên tiếng của quý báo sẽ làm chúng tôi đỡ phần nào.

Riêng Liên đoàn Ra Khơi chúng tôi cũng rất lo lắng vì hiện nay đã có sáu em bị "screen out" chúng tôi cũng không thể làm gì được vì cũng là thân phận như các em.

Một lần nữa, chúng tôi xin cảm ơn quý báo và ước mong sẽ được đọc báo thường xuyên của quý vị.

Kính chào

T.M. Liên đoàn Ra Khơi

NGÔ KIM VIỆT

Chúng tôi đã thực hiện những yêu cầu của các bạn trong phạm vi khả năng của mình. Đã gửi sách báo đến các bạn. K

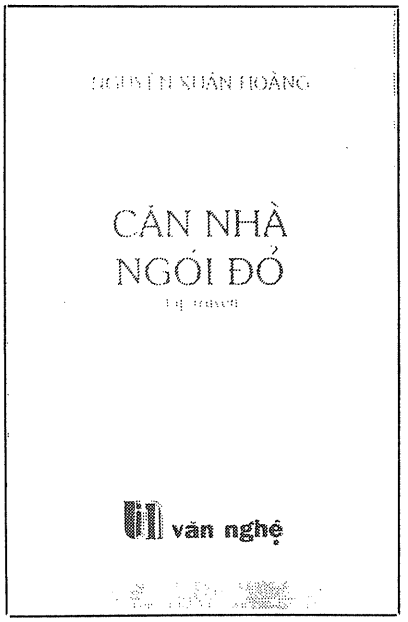

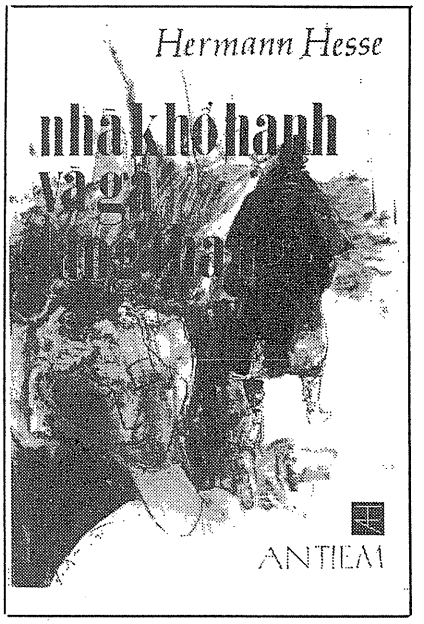

BẠN ĐÃ CÓ HAI CUỐN SÁCH NÀY TRONG TỦ SÁCH GIA ĐÌNH CỦA BẠN CHƯA?

Đính chánh

Trong bài *Bệnh Mất Trí Nhớ Trung Hoa* của PHƯƠNG LỆ CHI đăng trên *Thế Kỷ 21* số 19 tháng Mười Một 1990 vì lý do kỹ thuật đã bỏ sót một số ghi chú. Xin thành thật cáo lỗi bạn đọc và dịch giả Đặng Hoàng. Xin được bổ túc sau đây:

(1) *Children of the Dragon: The Story of Tiananmen Square (Những người con rồng: câu truyện về Quảng trường Thiên An Môn)*, Tổ chức Nhân quyền tại Trung Quốc chủ biên, với John K. Fairbank, Orville Schell, Jonathan Spence, Andrew J. Nathan, và Phương Lệ Chi (Nxb. Collier Books, Macmillan New York, 1990) (Đ.H.)

(2) Thủ bút bằng Hán tự của họ Phương cho nhan đề cuốn sách. (Đ.H.)

(3) Đặng Tiểu Bình đã chủ trương "Bốn hiện đại hóa": trong lãnh vực kinh tế, quân sự, giáo dục, và khoa học / kỹ thuật. Trong một bài tiểu luận nổi tiếng, Ngụy Kinh-sinh (Wei Jingsheng), một nhân vật tham gia tích cực Phong trào Tường Dân chủ, chủ trương chính trị phải là "Hiện Đại Hóa Thứ Năm", nghĩa là dân chủ.

(4) Hứa Lương-anh, nhà khoa học, và Lưu Tấn-nhạn, nhà báo, cả hai đã là nạn nhân của Phong trào Chống hữu phái và, trong những năm 1980, đã là hai lãnh tụ trí thức được nhiều người kính phục tại Trung Quốc. Xin coi tự truyện của Lưu Tấn-nhạn, nhan đề *Một loại trung thành cao hơn (A higher kind of Loyalty)* (Nxb. Pantheon, 1990)

(5) Edgar Snow, *Bên kia giòng sông: Trung Hoa đỏ ngày hôm nay (The other side of the river: Red China today)*, Nxb. Random House, 1961, tr.619.

Mời đọc trong số tới

- Áp lực kinh tế của người Hoa đối với Việt Nam / THẾ UYÊN
- Chính sách kinh tế, văn hóa, xã hội nào cho nước Việt Nam hậu cộng sản / NGUYỄN VĂN ÁI
- Văn học nghệ thuật trước tình thế mới / THỤY KHUÊ
- Thái Thanh, tiếng hát lên trời / THỤY KHUÊ
- Đặt vấn đề cơ chế dân chủ đa nguyên / TRẦN THANH HIỆP
- Nhờ đâu Boris Yeltsin leo cao? MIKHAIL ZARAEV
- Một vài nét về Iossip Brodshi / DIỄM CHÂU
- Đôi mắt / TRẦN MỘNG TÚ
- 40 năm rồi mà anh vẫn là Allen Ginsberg / REGGIE NADELSON
- Dấu lìa ngó ý / NGUYỄN THỊ LONG AN
- Canh bạc / NGÔ NGUYÊN DŨNG

BẠN ĐÃ CÓ CHƯA?

món quà tinh thần
của
Nguyễn Tấn Hưng

MỘT CHUYẾN RA KHƠI

Phụ bản của Nguyễn Nhật Tân
do *Làng Văn*
Toronto — Canada xuất bản
1990 — Giá 10 MK*

* Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 MK.

Bạn có thể hỏi mua tại các tiệm sách, nhà xuất bản, hoặc gửi thư về địa chỉ sau để có chữ ký và triện son của tác giả:

Nguyễn Tấn Hưng
P.O. BOX 25321
Winston-Salem, NC 27114-5321

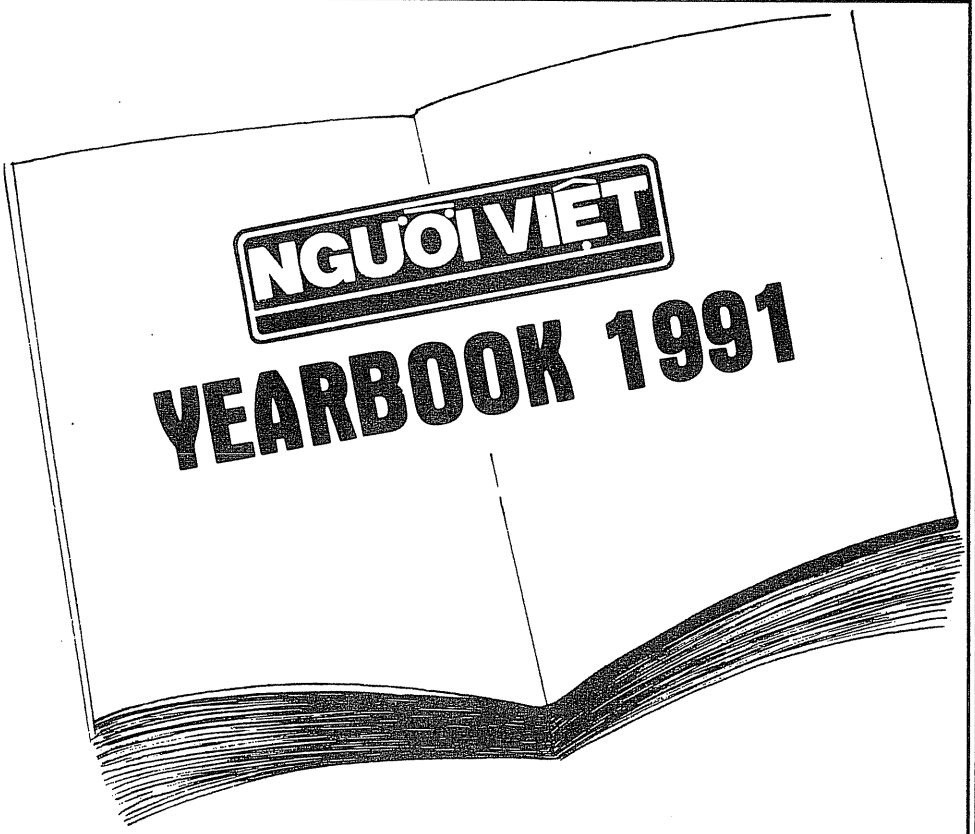

Với gần 500 trang gồm hàng trăm
tài liệu, bản đồ, hình ảnh, đề mục tra cứu
thực dụng.

NGƯỜI VIỆT YEARBOOK 1991

là
cẩm nang chung
của
mọi gia đình
Việt Nam

TƯƠNG LAI

TƯƠNG LAI
Vietnamese Chinese Seafood Restaurant

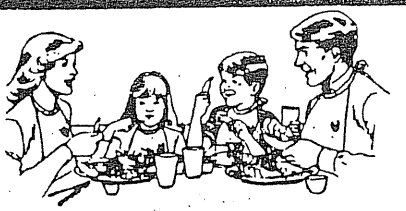

9191 BOLSA AVE. # 103-109
WESTMINSTER, CA 92683
(714) 893-6199

TƯƠNG LAI
Grocery • Beer • Wine Sandwich • Food To Go

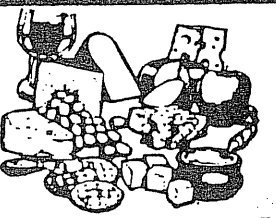

9211 BOLSA AVE. # 120-121-122
WESTMINSTER, CA 92683
(714) 893-1218

Dân **Chu Văn An**

khắp nơi trên thế giới phải tìm đọc cho bằng được:

Đặc san CHU VĂN AN
Xuân 1990 *(đã ra tháng Hai 90, còn ít)*
do nhóm CVA Nam Cali thực hiện

Đặc san CHU VĂN AN
Hè 1990 *(đã ra tháng Bảy 90, còn ít)*
do nhóm CVA San Jose thực hiện

Đặc san CHU VĂN AN
Thu 1990 *(ra tháng Mười Một 90)*
do nhóm Bưởi - CVA Paris thực hiện

Liên lạc: **Nhà Phát Hành Người Việt**
14891 Moran St., Westminster CA 92683,USA
ĐT (714) 892-9414

Đặc san Chu Văn An Xuân 1991 do nhóm CVA Nam Cali thực hiện chờ đón bài vở, tin tức, hình ảnh của các bạn. Liên lạc LONG ÂN, 14541 Brookhurst, Suite A-4B, Westminster, CA 92683. ĐT (714) 839-5844.

Nhà Xuất Bản NGƯỜI VIỆT
hân hạnh giới thiệu

VƯỜN DÂU XANH

* Tuyển tập 22 ca khúc của Trần Đình Quân
* Bìa của Nguyễn Trọng Khôi
* Phụ bản của Nguyễn Thị Hợp và Nguyễn Trọng Khôi
* Nguyễn Đức Quang, Khánh Ly, Trầm Tử Thiêng, Nhật Ngân và Trần Dạ Từ giới thiệu
* Người Việt xuất bản 1990

PHÒNG MẠCH BÁC SĨ

VƯƠNG ĐỨC HẬU M.D., F.A.C.O.G., INC.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF OB & GYN

* *Bác Sĩ Chuyên Môn Sản Phụ Khoa Việt Nam Board Certified và hành nghề đầu tiên tại California*
* *Giáo sư Đại Học U.C. Irvine, OB-GYN Department*
* *Assistant Clinical Professor tại U.C.I. Medical Center, Khu Sản Phụ Khoa*

14536 BROOKHURST ST., PHÒNG 101 (GÓC HAZARD) WESTMINSTER, CA 92683

CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ

PHỤ KHOA

* Bệnh Đàn Bà - Huyết trắng - Khám bệnh tổng quát phụ nữ
* Kế hoạch hóa gia đình, cột hoặc đốt ống dẫn trứng.
* Sexual Dysfunction. Nhiễm trùng đường tiểu, đau khi có kinh nguyệt
* Kinh nguyệt bất thường, Chảy máu bất thường.
* Bệnh hiếm muộn và giải phẫu bằng tia Laser tối tân
* Giải phẫu bướu tử cung; Sa tử cung; Tử cung và buồng trứng
* Truy tầm ung thư vú
* Giải phẫu sửa nhỏ âm đạo theo ý muốn.

SẢN KHOA

* Đỡ đẻ và giải phẫu sanh đẻ
* Giải phẫu cột ống dẫn trứng sau khi sanh
* Văn phòng có trang bị máy Fetal Monitor Ultrasound tối tân để theo dõi thai nhi.

Điện Thoại
(714) 531-5505
XIN VUI LÒNG LẤY HẸN

Bác Sĩ

Đoàn Đức Ban, M.D.

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA BỆNH PHỤ NỮ
WOMEN'S HEALTH CENTER
15663 BROOKHURST STREET
WESTMINSTER, CA 92683
Đ.T.: (714) 839-4988

Tốt nghiệp Y Khoa tại Louisiana State University School of Medicine
Tốt nghiệp Chuyên khoa Sản **Phụ Khoa và Hiếm Muộn** tại Charity Hospital, New Orleans,LSU Medical Center
Hội Viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.)
Hội Viên Hội Chuyên Khoa Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ (A.C.O.G)
Hội Viên Hội Sản Phụ Khoa Orange County (OC Society of OB-Gyn)

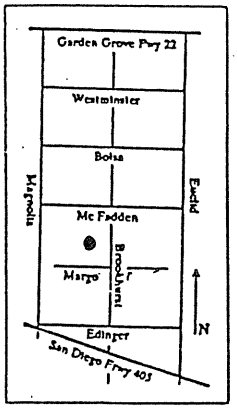

Xin khám bệnh theo hẹn
Điện thoại:
(714) 839-4988

Thứ Hai tới thứ Sáu:
9:30AM - 6:00PM
Thứ Bảy.
9:30AM - 2:30PM

Nhận Medical và Bảo Hiểm

Hướng Dẫn:

* Phòng ngừa và truy tầm các bệnh ung thư của phụ nữ
* Các phương pháp ngừa thai
* Dinh dưỡng

Chuyên Trị:

* Các bệnh phụ nữ, sinh lý, Premenstrual Syndrome (PMS), Hiếm muộn
* Săn sóc Thai kỳ, Đỡ đẻ, Giải phẫu sanh sản (Obstetrical Surgery)
* Chuyên giải phẫu các bệnh Phụ Nữ và Hiếm Muộn (Gynecological Surgery)

MISSION GRAPHICS

Quality Commercial Printers

11562 Trask Avenue • Garden Grove, • California 92643

IN NHANH
GIÁ HẠ
PHẨM CHẤT TỐT

Nhận in
Kinh Sách - Quảng Cáo
Menu - Giấy Tờ Văn Phòng
Bìa Băng Nhạc
Poster - Video

President:
HOÀI BẢO
(714) 534-0253

Bác Sĩ
NGUYỄN DUY CUNG
Giải Phẫu Thẩm Mỹ

PHÒNG MẠCH:
14441 Brookhurst St. #2
Garden Grove, CA 92643
(góc đường Hazard)
Liên lạc: cô Xuân Uyên (714) 775-3718

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa
Nguyễn Thị Ngọc Sương
14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 531-2773

Thế Kỷ 21
14841 Moran Street
Westminster, CA 92683, U.S.A.
(714) 892-9414

Ngày _____

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ Tên: _____

Địa Chỉ: _____

City: _____ State _____ Zip _____

Country: _____ Số bưu chính: _____

Xin đặt mua dài hạn báo **Thế Kỷ 21:** Điện thoại: _____

☐ 6 số báo ☐ 12 số báo ☐ 24 số báo Kể từ tháng _____ năm _____

Kèm theo đây là check/money order

mang số tiền: $US _____ Ký tên: _____

Giá mua dài hạn:	Bulk Rate (Mỹ)	First Class (Mỹ)	Canada	Âu Châu	Á/Phi/Úc Châu
6 số báo	$ 15	$ 22	US$ 23	US$ 32	US$ 37
12 số báo	$ 28	$ 42	US$ 44	US$ 62	US$ 72
24 số báo	$ 54	$ 82	US$ 86	US$ 122	US$ 142

Viễn đông
RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng người Việt
khắp năm châu với các món ăn thuần tuý miền Bắc:

1. *Bún chả "Chợ Đồng Xuân"*
2. *Chả cá Thăng Long*
3. *Bún vịt xáo măng*
4. *Bánh Tôm "Cổ Ngư"*
5. *Bún Bung*
6. *Bún Riêu*
7. *Bún giả cầy*
8. *Bún Thang*
9. *Bún Mộc*
10. *Bánh cuốn "Thanh Trì"*
11. *Bún ốc*
13. *Bánh đúc đậu rán*
14. *Đu đủ bò khô "Viễn Đông"*
15. *Miến gà*
16. *Miến lươn*
17. *Chả giò*

ĐẶC BIỆT: CHẢ CÁ THĂNG LONG
BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster
Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
8:30 AM 8:30 PM

VIỄN ĐÔNG II
8966 E. Garvey #C-D
Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
9 AM - 9 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ
Nghỉ ngày Thứ Ba

TUYỂN TẬP Thi Viết Văn Hè 88

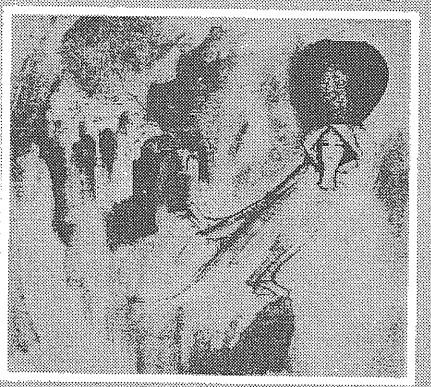

NGƯỜI VIỆT

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ VỚI TẦM VÓC QUỐC TẾ

PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM

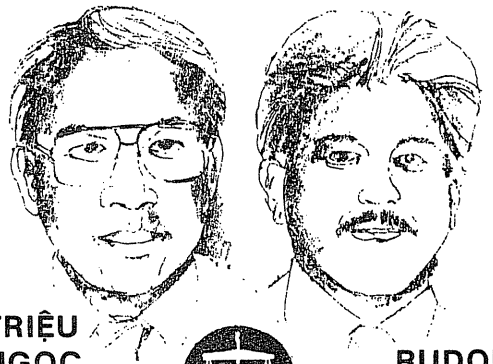

TRIỆU NGỌC TOÀN, J.D.

* Tốt nghiệp Tiến Sĩ Luật Khoa Hoa Kỳ (W.S.U.)
* Giáo Sư 11 Năm Hành Chánh Hoa Kỳ
* Điều Hành Văn Phòng

L.S. RUDOLPH M. MOSQUEDA

* Giáo Sư Đại Học Luật Khoa W.S.U
* 6 Văn Phòng Đại Diện tại Đông Nam Á
* 5 Văn Phòng tại Orange County, Los Angeles
* Một tổ hợp Luật Sư Chuyên Nghiệp Tai Nạn (P
* Uy Tín Nhiều Năm Với Các Cộng Đồng Á Châu

- **ĐỀN BỒI THƯỜNG TAI NẠN, THƯƠNG TÍCH**
  - **Vì Xe Cộ:**
    - Văn phòng đảm nhận kéo xe, thuê xe, báo cáo DMV
    - Đòi bồi thường tối đa, nhanh chóng
    - Tham khảo miễn phí
  - **Trượt Ngã Siêu Thị**
  - **Sơ Xuất Y Tế**
- **HÌNH LUẬT**
  - Lái xe say rượu, Trộm cắp siêu thị
  - Các tội Tiểu hình, Đại hình
  - Thiếu nhi phạm pháp
- **LUẬT ĐỊA ỐC:**
- **DI TRÚ, ĐOÀN TỤ:**
- **LUẬT THƯƠNG MẠI:**
- **KHAI KHÁNH TẬN, PHÁ SẢN:**
- **LUẬT GIA ĐÌNH:**
  - Ly dị, cấp dưỡng, chia tài sản
- **DI CHÚC THỪA KẾ**

(714) 892-2154
Giờ làm việc
Thứ 2-7: 10AM-7PM
Chủ Nhật: Theo hẹn.

XIN GỌI ĐỂ QUYỀN LỢI PHÁP LY CỦA QUÝ ĐỘC GIẢ ĐƯỢC BẢO VỆ TỐI ĐA

Los Angeles Office
3807 Wilshire Blvd., Suite 500
Los Angeles, CA 90010
Toll Free: **1-800-331-4725**

Westminster Office:
9211 Bolsa Ave., suite 222
Westminster, CA 92683
(Cạnh Siêu Thị 99)

Chỉ cần mua (dài hạn)
một tờ báo
bạn được đọc
14 tờ báo mỗi tuần

Chuyện khó tin, nhưng có thật.

Nhật báo

NGƯỜI VIỆT
CƠ QUAN TRANH ĐẤU THỜI SỰ VĂN NGHỆ GIÁO DỤC

Tờ báo tràn ngập
tin tức Việt Nam,
Đông Nam Á, và Quốc tế

NGƯỜI VIỆT
CƠ QUAN TRANH ĐẤU THỜI SỰ VĂN NGHỆ GIÁO DỤC

Tờ báo của
mọi gia đình Việt Nam hải ngoại

Nhật báo NGƯỜI VIỆT
14891 Moran St., Westminster, CA 92683
ĐT: (714) 892-9414 / (714) 892-9316
FAX: 894-1381

TRUNG TÂM CHUYÊN TRỊ ĐAU NHỨC, Y KHOA CHỈNH XƯƠNG

BOLSA CHIROPRACTIC CLINIC

Bác Sĩ NGUYỄN BẢO LỘC, D.C.

Bác Sĩ ÔN JACQUELINE TRINH, D.C.

CHUYÊN TRỊ

- Nhức đầu cấp tính và kinh niên
- Sai trật xương quai hàm
- Cổ, vai đau nhức, giới hạn sự cử động, tê, bại chuyền xuống cánh tay, tê các ngón tay
- Sai trật các khớp xương bả vai, khuỷu tay, cổ tay, đầu gối, mắt cá.
- Tức ngực, khó thở, khó ngủ, mỏi mệt, tiêu hóa kém.
- Đau nhức giữa lưng, ngang lưng, bên hông, bàn tọa, đau nhức lưng chuyền xuống chân, bàn chân, ngón chân.
- Đi chân thấp chân cao, hay bị vọp bẻ.
- Bị phong thấp, tê thấp kinh niên.

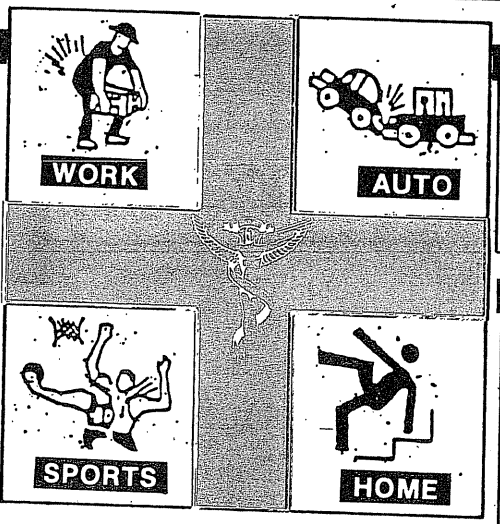

TRỊ LIỆU

* Điều chỉnh các hệ thống xương, thần kinh và bắp thịt.
* Dinh dưỡng và thể dục trị liệu.

PHÒNG MẠCH

Trang bị nhiều dụng cụ Y Khoa vật lý trị liệu tối tân như:
Ultrasound, Diathermy, Transcutaneous Electrical Nerve Stimulation (TENS), Interferential, Intersegmental, Traction Therapy Table, Low Voltage Muscle Stimulation, Parabath, Hydrocollator, Cryotherapy, Massage Machines...

(714) 839-6068

9361 Bolsa Ave., Suite 201
Westminster, CA 92683
(Khu Lê Lợi, trên lầu nhà hàng Song Long)

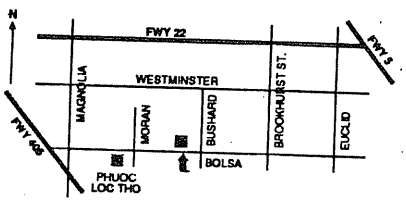

Giờ khám bệnh:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 10AM - 7PM
Thứ Bảy: 10AM - 3PM
Chủ Nhật: Theo hẹn

XIN QUÍ VỊ ĐẾN THAM KHẢO, CHỮA TRỊ QUA KHÓA CHỈNH XƯƠNG TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH GIẢI PHẪU!

(714) 839-6068

NHẬN BẢO HIỂM 100%
Có chương trình đặc biệt cho các bệnh nhân có Medical, Medicare và đồng hương mới qua Hoa Kỳ.

ĐẶC BIỆT ĐIỀU TRỊ TAI NẠN XE CỘ LAO ĐỘNG VÀ THỂ THAO

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA PERMIT 23

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN
WESTMINSTER
Bác Sĩ LÊ VĂN GIAO M.D.
ABR — FACR — FACNM

CHUYÊN KHOA QUANG TUYẾN,
ĐỒNG VỊ PHÓNG XẠ
VÀ TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC

10051 Bolsa Avenue, # A-2,
Westminster, CA 92683
(Góc Bolsa và Brookhurst)

(714) 839-4311 / 839-4321

- Tốt nghiệp Y Khoa Bác Sĩ tại Đại Học Y Khoa Utah
- Cựu Nội Trú Nội thương và Ngoại thương Đại Học Y Khoa USC
- Tốt nghiệp chuyên khoa Quang Tuyến Đại Học Y Khoa USC
- Nguyên Giảng Viên và Bác Sĩ Trưởng các Bác Sĩ thường trú Đại Học Y Khoa USC
- Hậu Đại Học Đồng Vị Phóng Xạ (Nuclear Medicine) tại Đại Học Y Khoa USC.
- Chuyên khoa đặc biệt về Truy Tầm và Trị Liệu Ung Thư Ngực tại UCLA
- Nguyên Bác sĩ Trưởng khu Quang Tuyến cho CIGNA HEALTH PLAN
- Hiện là Bác Sĩ Quang Tuyến tại nhà thương FHP và Fountain Valley.

Những máy móc tối tân định các bệnh: Sản Phụ Khoa, Trẻ Em, Chứng bệnh Cấp Tính và Kinh Niên, Người Lớn.

- Truy tầm và hợp tác với các Bác Sĩ chuyên môn để trị liệu các Bệnh Ung Thư Ngực, Cổ, Tử Cung, Bao Tử, Ruột, Phổi v.v...

Dùng máy Quang Tuyến tối tân bậc nhất, chuyên chỉ để chụp hình Ngực vô cùng chính xác, và giảm thiểu độ phóng xạ trên cơ thể bệnh nhân đến mức tối thiểu hầu như không đáng kể.

Giá 3.00 MK Ngoài Hoa Kỳ thêm 1.00 MK